

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

BÁO CÁO TỔNG HỢP

ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ NHÂN VĂN
CẤP CƠ SỞ HỖ TRỢ KINH PHÍ NĂM 2024
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG DU LỊCH TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Mã số: 13.01.24.F.18

Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Chủ nhiệm đề tài: ThS. Lê Văn Viễn

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

BÁO CÁO TỔNG HỢP
ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ NHÂN VĂN
CẤP CƠ SỞ HỖ TRỢ KINH PHÍ NĂM 2024
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG DU LỊCH TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
Mã số: 13.01.24.F.18

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

Lê Văn Viễn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Trinh

THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Thông tin chung:

- Tên đề tài: Phát triển bền vững du lịch tại thành phố Đà Nẵng
- Mã số: 13.01.24.F.18
- Chủ nhiệm đề tài: ThS. Lê Văn Viễn
- Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
- Thời gian thực hiện: năm 2024

2. Mục tiêu:

- Hệ thống hóa các vấn đề lý luận và thực tiễn có liên quan đến phát triển bền vững du lịch.
- Đánh giá đúng thực trạng phát triển du lịch bền vững thời gian vừa qua, chỉ ra được những thành công, cũng như những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình hình đó.
- Đưa ra các giải pháp đồng bộ, có cơ sở khoa học và có tính khả thi nhằm giúp du lịch Đà Nẵng phát triển nhanh bền vững từ nay đến năm 2030.

3. Tính mới và sáng tạo:

Thứ nhất, Đề tài đã hệ thống hóa và làm rõ các vấn đề lý luận và thực tiễn có liên quan đến phát triển du lịch bền vững, đặc biệt là Đề tài đã nêu bật được những nội dung chính của phát triển du lịch bền vững. Từ đó, đưa ra khái niệm phát triển du lịch bền vững đầy đủ hơn.

Thứ hai, Đề tài đã đưa ra các tiêu chí đánh giá về du lịch bền vững thông qua 4 nhóm chỉ tiêu cơ bản: (1) Chỉ tiêu về mặt kinh tế; (2) Chỉ tiêu về mặt xã hội; (3) Chỉ tiêu về môi trường, (4) Chỉ tiêu về quản lý Nhà nước.

Thứ ba, Đề tài đã thiết lập các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững làm cơ sở phân tích, đánh giá, bao gồm: (1) Nhân tố thuộc điều kiện kinh tế; (2) Nhân tố thuộc điều kiện xã hội; (3) Nhân tố thuộc điều kiện môi trường; (4) Nhân tố thuộc về công tác quản lý Nhà nước.

Thứ tư, Đề tài đã vận dụng mô hình SWOT để đánh giá những điểm mạnh, điểm yếu cũng như thời cơ và thách thức đối với phát triển du lịch bền vững tại Đà

Năng, tạo cơ sở để xây dựng hệ thống các giải pháp một cách khách quan và khoa học.

Thứ năm, vận dụng các mô hình tính toán lý thuyết, tác giả đã đề xuất áp dụng mô hình hồi quy dãy số thời gian (time series regression) cho dự báo khách du lịch đến Đà Nẵng vào năm 2020.

Thứ sáu, để đánh giá tính bền vững của hoạt động phát triển du lịch tại thành phố Đà Nẵng, tác giả đã sử dụng phương pháp đánh giá PRA để đánh giá tính bền vững của hoạt động du lịch Đà Nẵng dựa vào 4 bộ chỉ tiêu về đáp ứng nhu cầu của du khách, bộ chỉ tiêu để đánh giá tác động của du lịch lên phân hệ sinh thái tự nhiên, bộ chỉ tiêu đánh giá tác động lên phân hệ kinh tế và bộ chỉ tiêu đánh giá tác động của du lịch lên phân hệ xã hội- nhân văn.

4. Kết quả nghiên cứu:

Thứ nhất, Đề tài đã hệ thống hóa và làm rõ các vấn đề lý luận và thực tiễn có liên quan đến phát triển du lịch bền vững, đặc biệt là khái niệm, nội dung và các tiêu chí đánh giá. Trên cơ sở đó xây dựng cơ sở lý luận cho việc nghiên cứu thực trạng phát triển du lịch bền vững ở thành phố Đà Nẵng.

Thứ hai, Đề tài đã phân tích những lợi thế và tiềm năng về tự nhiên và nhân văn của Đà Nẵng để xây dựng chiến lược phát triển du lịch bền vững.

Thứ ba, trên cơ sở đánh giá thực trạng phát triển du lịch bền vững ở Đà Nẵng giai đoạn từ 2001-2023, đặc biệt là từ năm 2019 đến năm 2023; làm rõ những thành quả đạt được cũng như những hạn chế cần khắc phục để phát triển du lịch thành phố Đà Nẵng bền vững, Đề tài đã cho thấy được sự tăng trưởng mạnh mẽ của ngành du lịch thành phố từ góc độ kinh tế. Tuy nhiên, xét về khía cạnh phát triển bền vững, căn cứ vào các tiêu chí mà Đề tài xây dựng, tác giả nhận thấy việc phát triển du lịch tại Đà Nẵng vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế cần khắc phục.

Thứ tư, dựa vào những dự báo bối cảnh trong nước và quốc tế có tác động đến phát triển du lịch bền vững của thành phố Đà Nẵng đến năm 2030 và tổng kết bài học kinh nghiệm về phát triển du lịch bền vững ở một số địa phương trên thế giới, Đề tài đã đưa ra các quan điểm, định hướng và giải pháp có cơ sở khoa học, có tính khả thi nhằm đẩy nhanh quá trình phát triển bền vững của du lịch thành phố Đà Nẵng đến năm 2030.

5. Sản phẩm:

- Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt: Là một công trình khoa học phù hợp với bản thuyết minh đề tài nghiên cứu. Có tính khoa học, logic và phù hợp với thực tiễn.

- 01 Bài báo khoa học: Phù hợp với nội dung nghiên cứu

6. Phương thức chuyển giao, địa chỉ ứng dụng, tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu:

- Chuyển giao kết quả nghiên cứu cho Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường để phục vụ cho việc giảng dạy.

- Chuyển giao toàn bộ kết quả nghiên cứu cho trung tâm thư viện và Công nghệ thông tin để lưu trữ và làm tài liệu tham khảo.

RESEARCH RESULTS INFORMATION

1. General information:

- Project name: Sustainable tourism development in Da Nang city
- Code: 13.01.24.F.18
- Project manager: Le Van Vien
- Host organization: Hanoi University of Natural Resources and Environment
- Implementation period: 2024

2. Objectives:

- Systematize theoretical and practical issues related to sustainable tourism development.
- Correctly assess the current status of sustainable tourism development in recent times, pointing out successes, as well as limitations, weaknesses and main causes leading to that situation.
- Proposing synchronous, scientifically based and feasible solutions to help Da Nang tourism develop rapidly and sustainably from now until 2030.

c3. Novelty and creativity:

Firstly, the Project has systematized and clarified theoretical and practical issues related to sustainable tourism development, especially the Project has highlighted the main contents of sustainable tourism development. From there, it has proposed a more complete concept of sustainable tourism development.

Secondly, the Project has proposed criteria for evaluating sustainable tourism through 4 basic groups of indicators: (1) Economic indicators; (2) Social indicators; (3) Environmental indicators, (4) State management indicators.

Thirdly, the Project has established factors affecting sustainable tourism development as a basis for analysis and evaluation, including: (1) Factors related to economic conditions; (2) Factors related to social conditions; (3) Factors related to environmental conditions; (4) Factors related to State management.

Fourthly, the Project has applied the SWOT model to evaluate the strengths,

weaknesses as well as opportunities and challenges for sustainable tourism development in Da Nang, creating a basis for building a system of solutions in an objective and scientific manner.

Fifth, applying theoretical calculation models, the author proposed to apply the time series regression model to forecast tourists to Da Nang in 2020.

Sixth, to assess the sustainability of tourism development activities in Da Nang city, the author used the PRA assessment method to assess the sustainability of Da Nang tourism activities based on 4 sets of indicators on meeting the needs of tourists, a set of indicators to assess the impact of tourism on the natural ecosystem, a set of indicators to assess the impact of tourism on the economic subsystem and a set of indicators to assess the impact of tourism on the social-humanitarian subsystem.

4. Research results:

Firstly, the Project has systematized and clarified theoretical and practical issues related to sustainable tourism development, especially the concept, content and assessment criteria. On that basis, a theoretical basis is built for the study of the current status of sustainable tourism development in Da Nang city.

Second, the Project analyzed the advantages and potentials of nature and humanity of Da Nang to build a sustainable tourism development strategy.

Third, based on the assessment of the current status of sustainable tourism development in Da Nang from 2001-2023, especially from 2019 to 2023; clarifying the achievements as well as the limitations that need to be overcome to develop sustainable tourism in Da Nang city, the Project has shown the strong growth of the city's tourism industry from an economic perspective. However, in terms of sustainable development, based on the criteria that the Project built, the author found that tourism development in Da Nang still has many limitations that need to be overcome.

Fourth, based on forecasts of domestic and international contexts affecting sustainable tourism development in Da Nang city by 2030 and summarizing lessons learned from sustainable tourism development in some localities around the world, the Project has proposed viewpoints, orientations and solutions with scientific basis and

feasibility to accelerate the sustainable development of Da Nang city tourism by 2030.

5. Products:

- Synthesis report and summary report: A scientific work consistent with the research topic description. Scientific, logical and consistent with practice.

- 01 Scientific article: Consistent with the research content

6. Transfer method, application address, impact and benefits of research results:

- Transfer research results to the Faculty of Natural Resources and Environment Economics to serve teaching purposes.

- Transfer all research results to the library and information technology center for storage and reference.

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của Đề tài	1
2. Mục tiêu nghiên cứu của Đề tài	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của Đề tài	2
4. Câu hỏi nghiên cứu.....	2
5. Phương pháp nghiên cứu.....	2
6. Điểm mới và những đóng góp chủ yếu của Đề tài.....	4
7. Bố cục của Đề tài.....	5
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI ĐỀ TÀI.....	6
1.1. Tình hình nghiên cứu trên thế giới.....	6
1.2. Tình hình nghiên cứu ở Việt Nam	10
CHƯƠNG 2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG	19
2.1. Một số vấn đề lý luận về du lịch	19
2.2. Lý luận về phát triển du lịch bền vững	24
2.2.1. Khái niệm về phát triển bền vững.....	24
2.2.2. Khái niệm về phát triển du lịch bền vững.....	26
2.2.3. Dấu hiệu nhận biết du lịch bền vững và du lịch không bền vững.....	28
2.2.4. Các yếu tố tác động đến việc phát triển du lịch bền vững	30
2.2.5. Các tiêu chí đánh giá phát triển du lịch bền vững.....	33
2.3. Phương thức đánh giá tính bền vững của hoạt động du lịch.....	35
2.3.1. Đánh giá tính bền vững của hoạt động du lịch dựa vào sức chứa.....	36
2.3.2. Đánh giá tính bền vững của các hoạt động du lịch dựa vào bộ chỉ tiêu môi trường của Tổ chức Du lịch thế giới	37
2.4. Kinh nghiệm phát triển du lịch bền vững tại một số địa phương trên thế giới	41
2.4.1. Phát triển du lịch bền vững ở rừng mưa nhiệt đới Sukau của Malaysia...41	
2.4.2. Mô hình du lịch bền vững ở Hoàng Sơn - Trung Quốc	42
2.4.3. Kinh nghiệm của Philippines về phát triển du lịch sinh thái biển đảo gắn với bảo tồn	44
2.4.4. Kinh nghiệm phát triển các đô thị biển ở Việt Nam	45
2.4.5. Kinh nghiệm phát triển du lịch bền vững ở Phong Nha- Kẻ Bàng	48
2.5. Một số bài học kinh nghiệm cho phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam nói	

chung và ở Đà Nẵng nói riêng	48
CHƯƠNG 3. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG Ở	
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG.....	51
3.1. Tổng quan về thành phố Đà Nẵng	51
3.2. Tài nguyên du lịch thành phố Đà Nẵng	53
3.2.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên	53
3.2.2. Tài nguyên du lịch nhân văn.....	55
3.3. Điều kiện kinh tế- xã hội ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững Đà Nẵng.....	59
3.3.1. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa- hiện đại hóa.....	59
3.3.2. Thu hút đầu tư tăng mạnh qua các năm	60
3.3.3. Kết cấu hạ tầng phát triển tương đối hoàn thiện	62
3.3.4. Phát triển nguồn nhân lực du lịch	68
3.4. Thực trạng phát triển du lịch bền vững ở Đà Nẵng thời gian qua.....	70
3.4.1. Về kinh tế.....	70
3.4.2. Về xã hội.....	79
3.4.3. Về công tác quản lý Nhà nước.....	83
3.4.4. Về tài nguyên- môi trường.....	90
3.5. Đánh giá tính bền vững của hoạt động du lịch tại Đà Nẵng	93
3.5.1. Đánh giá dựa vào hệ chỉ tiêu môi trường dùng để đánh giá nhanh tính bền vững của điểm du lịch.....	93
3.5.2. Đánh giá theo tiêu chí bền vững	113
3.5.3. Kết luận.....	111
3.6. Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững ở Đà Nẵng thời gian qua	112
3.6.1. Ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên.....	112
3.6.2. Ảnh hưởng của điều kiện kinh tế- quản lý	112
3.6.3. Ảnh hưởng của điều kiện xã hội	113
3.7. Những vấn đề đặt ra đối với phát triển du lịch bền vững ở thành phố Đà Nẵng .	113
3.7.1. Từ góc độ bền vững về kinh tế	113
3.7.2. Từ góc độ bền vững về xã hội.....	114
3.7.3. Từ góc độ bền vững về tài nguyên- môi trường	115
3.7.4. Từ góc độ quản lý nhà nước	116
CHƯƠNG 4. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN DU LỊCH THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG BỀN VỮNG	118
4.1. Bối cảnh chung ảnh hưởng đến phát triển du lịch thành phố Đà Nẵng bền vững...	118

4.2. Cơ sở pháp lý phát triển du lịch thành phố Đà Nẵng bền vững.....	119
4.3. Mục tiêu, định hướng phát triển du lịch bền vững ở thành phố Đà Nẵng.....	120
4.3.1. Mục tiêu phát triển du lịch bền vững.....	120
4.3.2. Định hướng phát triển du lịch bền vững thành phố Đà Nẵng	121
4.4. Dự báo một số chỉ tiêu phát triển du lịch thành phố Đà Nẵng.....	128
4.4.1. Lựa chọn mô hình dự báo.....	128
4.4.2. Kết quả dự báo nguồn khách du lịch và doanh thu du lịch.....	128
4.5. Đánh giá khả năng cạnh tranh của thành phố Đà Nẵng trong phát triển du lịch bền vững.....	130
4.6. Đề xuất giải pháp phát triển bền vững du lịch Đà Nẵng.....	130
4.6.1. Nhóm giải pháp bền vững về kinh tế.....	133
4.6.2. Giải pháp phát triển bền vững về văn hoá - xã hội.....	142
4.6.3. Giải pháp phát triển bền vững về tài nguyên - môi trường.....	148
4.6.4. Giải pháp về quản lý nhà nước.....	150
4.7. Kết luận và kiến nghị.....	158
4.7.1. Kết luận.....	158
4.7.2. Kiến nghị.....	159
KẾT LUẬN.....	164
TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

1. BOT	Hợp đồng xây dựng- kinh doanh- chuyển giao
2. BQ	Bình quân
3. BT	Hợp đồng xây dựng chuyển giao
4. DFA	Công cụ phân tích tài chính (Dynamic Financial Analysis)
5. FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
6. GDP	Tổng sản phẩm nội địa
7. GRDP	Tổng sản phẩm trên địa bàn
8. HSSD	Hệ số sử dụng
9. IUCN	Hiệp hội Bảo tồn thiên nhiên và Tài nguyên thiên nhiên Quốc tế
10. IUOTO	Liên đoàn quốc tế các tổ chức lữ hành chính thức
11. KDL	Khu du lịch
12. MICE	Du lịch kết hợp hội nghị, hội thảo, triển lãm, tổ chức sự kiện, du lịch khen thưởng
13. tác giả	Nghiên cứu sinh
14. ODA	Viện trợ phát triển chính thức
15. PRA	Phương pháp đánh giá nhanh có sự tham gia của cộng đồng
16. PTBV	Phát triển bền vững
17. UBND	Ủy ban nhân dân
18. UNCED	Hội nghị về Môi trường và Phát triển của Liên hiệp quốc
19. UNESCO	Tổ chức Giáo dục- Khoa học- Văn hóa của Liên hiệp quốc
20. VAT	Thuế giá trị gia tăng
21. VH, TT	Văn hoá, Thể thao
22. VH, TT & DL	Văn hóa, Thể thao và Du lịch
23. WCED	Ủy ban Môi trường và Phát triển Thế giới
24. WHO	Tổ chức Y tế thế giới
25. WTO	Tổ chức thương mại thế giới

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1. Du lịch bền vững và du lịch không bền vững.....	28
Bảng 2.2. Các chỉ tiêu chung cho du lịch bền vững.....	37
Bảng 2.3. Các chỉ tiêu đặc thù của điểm du lịch	38
Bảng 2.4. Hệ thống chỉ tiêu môi trường dùng để đánh giá nhanh tính bền vững.....	40
của điểm du lịch (Phương pháp PRA).....	40
Bảng 3.1. Cơ cấu kinh tế của thành phố Đà Nẵng	59
Bảng 3.2. GRDP theo giá thực tế phân theo thành phần kinh tế của TP. Đà Nẵng	60
Bảng 3.3. Thực trạng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Đà Nẵng	61
Bảng 3.4. Chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh của thành phố Đà Nẵng qua các năm	66
Bảng 3.5. Số lượt khách đến Đà Nẵng.....	71
Bảng 3.6. Doanh thu hoạt động du lịch dịch vụ trên địa bàn Đà Nẵng.....	73
Bảng 3.7. Mức chi tiêu bình quân của một du khách tại Đà Nẵng.....	74
Bảng 3.8. Hệ thống lưu trú tại Đà Nẵng.....	77
Bảng 3.9. Khảo sát về mức độ hài lòng của du khách đối với các loại hình dịch vụ.....	97
Bảng 4.1. Dự báo tổng lượt khách du lịch đến Đà Nẵng	128
Bảng 4.2. Dự báo khách du lịch nội địa đến Đà Nẵng.....	129
Bảng 4.3. Dự báo khách du lịch quốc tế đến Đà Nẵng	129
Bảng 4.4. Dự báo doanh thu du lịch trên địa bàn Đà Nẵng	130

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 2.1. Mô hình phát triển bền vững	25
Hình 2.2. Mô hình phát triển du lịch bền vững	28
Hình 3.1. Bản đồ thành phố Đà Nẵng	51

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 3.1. Tốc độ tăng trưởng GRDP du lịch trên địa bàn thành phố Đà Nẵng 75	76
Biểu đồ 3.2. Tỷ trọng GRDP du lịch trong GRDP của Đà Nẵng	76
Biểu đồ 3.3. Xuất xứ của du khách quốc tế	94
Biểu đồ 3.4. Mục đích của du khách quốc tế	95
Biểu đồ 3.5. Xuất xứ của khách nội địa	95
Biểu đồ 3.6. Mục đích đến của khách nội địa	96
Biểu đồ 3.7. Tỷ lệ khách quốc tế ưa thích sản phẩm du lịch	96

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Đà Nẵng là thành phố trực thuộc Trung ương, có vị trí chiến lược về kinh tế- xã hội, an ninh- quốc phòng đối với khu vực miền Trung- Tây Nguyên và cả nước. Lợi thế về vị trí địa lý, cơ sở hạ tầng, đặc biệt là cảng biển và sân bay quốc tế cùng nguồn tài nguyên du lịch phong phú, bờ biển đẹp, nằm ở tâm điểm đến các di sản thế giới của miền Trung và độ dày lịch sử, văn hoá tạo cho Đà Nẵng nhiều tiềm năng và điều kiện để phát triển du lịch, đồng thời trở thành điểm đến hấp dẫn du khách trong nước và quốc tế. Những năm qua, thành phố đã chú ý đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch, đặc biệt là các tuyến đường giao thông cùng những công trình kiến trúc đã tạo ra những điều kiện tốt để thu hút đầu tư và phát triển du lịch. Một số khu du lịch và một số công trình liên quan đến du lịch được đầu tư xây dựng và nâng cấp. Bên cạnh đó, nhiều loại hình du lịch mới được triển khai như: Du lịch lặn biển, motor nước, tour làng quê, tour leo núi, tour du lịch sinh thái... đã góp phần làm đa dạng hoá sản phẩm du lịch của thành phố. Nhờ đó, ngành du lịch thành phố đã phát triển nhanh chóng, hướng đến trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố.

Tuy nhiên, những kết quả trên chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế của thành phố, phát triển du lịch còn có những mâu thuẫn với phát triển chung của thành phố, chưa phát triển bền vững, chưa có sự gắn kết chặt chẽ giữa phát triển du lịch với giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường. Đây là những hạn chế chủ yếu của phát triển du lịch ở thành phố Đà Nẵng thời gian qua.

Xuất phát từ thực trạng nêu trên và trong giới hạn nghiên cứu, tác giả tập trung giới thiệu, phân tích và nghiên cứu nội dung “*Phát triển bền vững du lịch tại thành phố Đà Nẵng*”.

2. Mục tiêu nghiên cứu của Đề tài

- Hệ thống hóa các vấn đề lý luận và thực tiễn có liên quan đến phát triển bền vững du lịch.
- Đánh giá đúng thực trạng phát triển du lịch bền vững thời gian vừa qua, chỉ ra được những thành công, cũng như những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình hình đó.

- Đưa ra các giải pháp đồng bộ, có cơ sở khoa học và có tính khả thi nhằm giúp du lịch Đà Nẵng phát triển nhanh bền vững từ nay đến năm 2030.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Đối tượng nghiên cứu của Đề tài: Đề tài tập trung nghiên cứu ngành du lịch, trong đó đi sâu nghiên cứu phát triển du lịch bền vững và các yếu tố liên quan đến phát triển du lịch bền vững của thành phố Đà Nẵng.

- Phạm vi nghiên cứu của đề tài:

+ Về không gian: Toàn bộ hoạt động du lịch và các ngành liên quan đến phát triển du lịch bền vững ở thành phố Đà Nẵng. Ngoài ra, đề tài còn đặt ngành du lịch Đà Nẵng trong mối quan hệ với các địa phương lân cận như Huế, Quảng Nam.

+ Về thời gian: đề tài phân tích thực trạng phát triển du lịch thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2000-2015, trong đó trọng tâm là đánh giá hiện trạng chủ yếu trong giai đoạn 2019-2023 và định hướng, giải pháp phát triển du lịch bền vững Đà Nẵng đến năm 2030.

4. Câu hỏi nghiên cứu

Đề tài sẽ nghiên cứu và trả lời các câu hỏi nghiên cứu sau:

(1) Thực trạng phát triển du lịch trên địa bàn thành phố Đà Nẵng hiện nay đã đạt bền vững chưa?

(2) Các nhân tố tác động đến phát triển du lịch bền vững trên địa bàn thành phố Đà Nẵng là gì?

(3) Giải pháp nào để phát triển du lịch bền vững trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trong thời gian đến?

5. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng cách tiếp cận hệ thống, theo đó xem xét phát triển du lịch bền vững trên 3 khía cạnh: kinh tế, chính trị, xã hội, môi trường trong sự tương tác lẫn nhau.

Các phương pháp được sử dụng trong quá trình nghiên cứu bao gồm:

- *Phương pháp điều tra khảo sát thực địa:*

Kết hợp sử dụng bảng hỏi và phỏng vấn sâu 300 người để đánh giá chất lượng dịch vụ du lịch và mức độ hài lòng của khách hàng đối với ngành du lịch ở Đà Nẵng. Từ đó, nhận định mức độ bền vững của du lịch Đà Nẵng.

- *Phương pháp so sánh:*

Quá trình phát triển du lịch bền vững ở Đà Nẵng thời gian vừa qua không chỉ được tác giả nghiên cứu, so sánh, đối chiếu qua từng năm, từng giai đoạn phát triển, mà còn được so sánh với các địa phương khác trong vùng cũng như trong cả nước.

- *Phương pháp phân tích tài liệu:*

Các tài liệu có liên quan đến đề tài Đề tài đã được tác giả thu thập, nghiên cứu, tham khảo và từ đó, kế thừa các thành quả; đồng thời bổ sung các khoảng trống trong nghiên cứu về phát triển du lịch bền vững ở Đà Nẵng.

- *Phương pháp chuyên gia:*

Trong quá trình nghiên cứu, tác giả đã tham khảo ý kiến của các nhà tư vấn, các chuyên gia về du lịch, các nhà quản lý du lịch ở Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và Đà Nẵng.

- *Phương pháp nghiên cứu SWOT:*

Được sử dụng để làm rõ điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức đối với phát triển du lịch bền vững ở Đà Nẵng trước tác động của tình hình trong nước và trên thế giới.

- *Phương pháp phân tích hồi quy dãy số thời gian:*

Để dự báo số lượng du khách đến Đà Nẵng đến năm 2023, tác giả đã sử dụng phương pháp hồi quy dãy số thời gian. Qua dãy số thời gian, có thể nghiên cứu được sự biến động của số lượng du khách, vạch ra xu hướng và tính quy luật của sự phát triển, đồng thời dự đoán được quy mô, số lượng du khách trong tương lai. Từ đó, có giải pháp phù hợp để đảm bảo phát triển du lịch bền vững tại Đà Nẵng.

- *Phương pháp đánh giá nhanh có sự tham gia của cộng đồng (PRA):*

Phương pháp PRA được sử dụng để thăm dò, lấy ý kiến đánh giá của du khách về các khía cạnh kinh tế, xã hội, môi trường, quản lý Nhà nước đối với phát triển du lịch bền vững ở thành phố Đà Nẵng. Ưu điểm của phương pháp này là có sự tham gia

ở mức độ cao của cộng đồng, thời gian ngắn và chi phí thấp. Thông qua kết quả khảo sát, có thể đánh giá được mức độ bền vững của du lịch Đà Nẵng trong thời gian qua.

6. Điểm mới và những đóng góp chủ yếu của Đề tài

6.1. Những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận

Thứ nhất, Đề tài đã hệ thống hóa và làm rõ các vấn đề lý luận và thực tiễn có liên quan đến phát triển du lịch bền vững, đặc biệt là Đề tài đã nêu bật được những nội dung chính của phát triển du lịch bền vững. Từ đó, đưa ra khái niệm phát triển du lịch bền vững đầy đủ hơn.

Thứ hai, Đề tài đã đưa ra các tiêu chí đánh giá về du lịch bền vững thông qua 4 nhóm chỉ tiêu cơ bản: (1) Chỉ tiêu về mặt kinh tế; (2) Chỉ tiêu về mặt xã hội; (3) Chỉ tiêu về môi trường, (4) Chỉ tiêu về quản lý Nhà nước.

Thứ ba, Đề tài đã thiết lập các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững làm cơ sở phân tích, đánh giá, bao gồm: (1) Nhân tố thuộc điều kiện kinh tế; (2) Nhân tố thuộc điều kiện xã hội; (3) Nhân tố thuộc điều kiện môi trường; (4) Nhân tố thuộc về công tác quản lý Nhà nước.

Thứ tư, Đề tài đã vận dụng mô hình SWOT để đánh giá những điểm mạnh, điểm yếu cũng như thời cơ và thách thức đối với phát triển du lịch bền vững tại Đà Nẵng, tạo cơ sở để xây dựng hệ thống các giải pháp một cách khách quan và khoa học.

Thứ năm, vận dụng các mô hình tính toán lý thuyết, tác giả đã đề xuất áp dụng mô hình hồi quy dãy số thời gian (time series regression) cho dự báo khách du lịch đến Đà Nẵng vào năm 2020.

Thứ sáu, để đánh giá tính bền vững của hoạt động phát triển du lịch tại thành phố Đà Nẵng, tác giả đã sử dụng phương pháp đánh giá PRA để đánh giá tính bền vững của hoạt động du lịch Đà Nẵng dựa vào 4 bộ chỉ tiêu về đáp ứng nhu cầu của du khách, bộ chỉ tiêu để đánh giá tác động của du lịch lên phân hệ sinh thái tự nhiên, bộ chỉ tiêu đánh giá tác động lên phân hệ kinh tế và bộ chỉ tiêu đánh giá tác động của du lịch lên phân hệ xã hội- nhân văn.

6.2. Những đóng góp về mặt thực tiễn

Thứ nhất, Đề tài đã hệ thống hóa và làm rõ các vấn đề lý luận và thực tiễn có liên quan đến phát triển du lịch bền vững, đặc biệt là khái niệm, nội dung và các tiêu

chí đánh giá. Trên cơ sở đó xây dựng cơ sở lý luận cho việc nghiên cứu thực trạng phát triển du lịch bền vững ở thành phố Đà Nẵng.

Thứ hai, Đề tài đã phân tích những lợi thế và tiềm năng về tự nhiên và nhân văn của Đà Nẵng để xây dựng chiến lược phát triển du lịch bền vững.

Thứ ba, trên cơ sở đánh giá thực trạng phát triển du lịch bền vững ở Đà Nẵng giai đoạn từ 2001-2023, đặc biệt là từ năm 2019 đến năm 2023; làm rõ những thành quả đạt được cũng như những hạn chế cần khắc phục để phát triển du lịch thành phố Đà Nẵng bền vững, Đề tài đã cho thấy được sự tăng trưởng mạnh mẽ của ngành du lịch thành phố từ góc độ kinh tế. Tuy nhiên, xét về khía cạnh phát triển bền vững, căn cứ vào các tiêu chí mà Đề tài xây dựng, tác giả nhận thấy việc phát triển du lịch tại Đà Nẵng vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế cần khắc phục.

Thứ tư, dựa vào những dự báo bối cảnh trong nước và quốc tế có tác động đến phát triển du lịch bền vững của thành phố Đà Nẵng đến năm 2030 và tổng kết bài học kinh nghiệm về phát triển du lịch bền vững ở một số địa phương trên thế giới, Đề tài đã đưa ra các quan điểm, định hướng và giải pháp có cơ sở khoa học, có tính khả thi nhằm đẩy nhanh quá trình phát triển bền vững của du lịch thành phố Đà Nẵng đến năm 2030.

7. **Bố cục của Đề tài**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và các phụ lục, Đề tài gồm 04 chương:

- **Chương 1:** Tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài Đề tài.
- **Chương 2:** Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển du lịch bền vững.
- **Chương 3:** Thực trạng phát triển du lịch bền vững ở thành phố Đà Nẵng.
- **Chương 4:** Giải pháp chủ yếu phát triển du lịch thành phố Đà Nẵng bền vững

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1.1. Tình hình nghiên cứu trên thế giới

Vào những năm cuối của thế kỷ XX, sự bùng nổ dân số và sự phát triển vượt bậc về kinh tế nên con người đã khai thác và sử dụng quá mức các nguồn tài nguyên thiên nhiên, làm cho các nguồn lực này cạn kiệt một cách nhanh chóng và môi trường thiên nhiên bị hủy hoại hết sức nghiêm trọng. Trước thực trạng đó, phạm trù “phát triển bền vững” được ra đời. Ngay từ thập niên 80 của thế kỷ XX, khi khái niệm “phát triển bền vững” được đề cập đã có nhiều nghiên cứu khoa học được thực hiện nhằm phân tích những ảnh hưởng của du lịch đến sự phát triển bền vững. Các nghiên cứu này nhằm giải thích cho sự cần thiết phải đảm bảo tính toàn vẹn của môi trường sinh thái trong khi tiến hành các hoạt động khai thác tài nguyên phục vụ phát triển du lịch tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững. Krippendorf (1975) và Junguk (1980) là những nhà khoa học đầu tiên trên thế giới có những nghiên cứu về suy thoái do hoạt động du lịch gây ra [28].

Trên cơ sở đó, ba tổ chức trụ cột của ngành du lịch thế giới là: Tổ chức Du lịch thế giới của Liên Hợp Quốc, Hội đồng Lữ hành du lịch thế giới và Hội đồng Trái đất cùng nhau xây dựng “Chương trình Nghị sự 21 về du lịch: Hướng tới sự phát triển bền vững về môi trường”. Chương trình Nghị sự 21 về du lịch đã làm rõ tầm quan trọng của công tác phối hợp giữa các Chính phủ trong việc xây dựng chiến lược phát triển du lịch bền vững trên phạm vi toàn thế giới; đồng thời quan đó cho thấy rõ vị trí quan trọng của ngành du lịch đối với nền kinh tế các quốc gia và tính tất yếu của phát triển du lịch bền vững trên thế giới. Đây là một chương trình có tầm ảnh hưởng rất lớn tới ngành du lịch toàn cầu nói chung, tới các Chính phủ, các tổ chức hoạt động du lịch và người đi du lịch nói riêng.

Đến năm 2002, tại Hội nghị Thượng đỉnh thế giới về Phát triển bền vững họp tại Johannesburg, Nam Phi là dịp cho các bên tham gia nhìn lại những việc đã làm 10 năm qua theo phương hướng mà Tuyên ngôn Rio và Chương trình Nghị sự 21 đã vạch ra, tiếp tục tiến hành với một số mục tiêu được ưu tiên. Những mục tiêu này bao gồm xóa nghèo đói, phát triển những sản phẩm tái sinh hoặc thân thiện với môi trường nhằm thay thế các sản phẩm gây ô nhiễm, bảo vệ và quản lý các nguồn tài

nguyên thiên nhiên. Hội nghị cũng đề cập tới chủ đề toàn cầu hóa gắn với các vấn đề liên quan tới sức khỏe và phát triển. Đại diện của các quốc gia tham gia Hội nghị cũng cam kết phát triển chiến lược về phát triển bền vững tại mỗi quốc gia trước năm 2005. Việt Nam cũng đã cam kết và bắt tay vào hành động với Dự án VIE/01/021 “*Hỗ trợ xây dựng và thực hiện Chương trình Nghị sự 21 của Việt Nam*” bắt đầu vào tháng 11/2001 và kết thúc vào tháng 12/2005 nhằm tạo tiền đề cho việc thực hiện Vietnam Agenda 21.

Trên thế giới đã có rất nhiều nghiên cứu về phát triển du lịch bền vững nhằm hạn chế tác động tiêu cực của hoạt động du lịch, đảm bảo sự phát triển lâu dài. Các nghiên cứu về du lịch bền vững cho thấy du lịch bền vững không chỉ bảo vệ môi trường, giữ gìn sinh thái mà còn quan tâm đến khả năng duy trì lợi ích kinh tế dài hạn và công bằng xã hội. Tính đến năm 1999, theo thống kê của Tổ chức du lịch thế giới (The World Tourism Organization) đã có trên 100 cuốn sách và 250 bài báo (công bố quốc tế) nói về du lịch bền vững (Lucian Cernar và Julien Gourdon, 2007) [26, 3].

Trong lĩnh vực học thuật, du lịch bền vững được một số công trình nghiên cứu đề cập như:

(1). Công trình nghiên cứu *Phát triển bền vững: Các khái niệm và sự ưu tiên, Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc* (Sustainable development: Concepts and Priorities, United Nations Development Programme) của Sudhir Anand và Amartya Sen [42]. Tác giả đã đưa ra một nhận định tương đối đầy đủ về phát triển bền vững. Theo đó “Phát triển bền vững cần được hiểu một cách toàn diện, đầy đủ trên cả 3 khía cạnh là: tăng trưởng kinh tế ổn định, thực hiện tốt tiến bộ và công bằng xã hội, khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên và nâng cao chất lượng cuộc sống con người”. Đồng thời, tác giả chú trọng đến yếu tố sử dụng hợp lý đất đai, bảo vệ rừng và nguồn tài nguyên nước, tiết kiệm năng lượng và giảm nghèo, thực hiện công bằng xã hội, và cho rằng đây là những điểm cốt lõi cần quan tâm để đảm bảo phát triển bền vững. Nghiên cứu này cung cấp cách nhìn toàn diện về phát triển bền vững, trong đó chú trọng một số yếu tố cốt lõi, ưu tiên hàng đầu như bảo vệ môi trường, xoá đói giảm nghèo.

(2). Công trình nghiên cứu *Nông nghiệp và Môi trường, nhận thức về phát triển nông thôn bền vững* (Agriculture and Environment, Perspectives on Sustainable

Rural Development), của Ernst Lutz, World Bank [31]. Công trình này đã khuyến cáo các quốc gia, nhất là các quốc gia đang phát triển rằng: Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, phải đặc biệt coi trọng việc gắn kết hài hòa giữa phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân với việc giữ gìn và bảo vệ môi trường, nhất là môi trường đất, môi trường nước, môi trường không khí và môi trường rừng. Các quốc gia chỉ có thể đạt được sự thành công trong phát triển kinh tế- xã hội khu vực nông thôn khi và chỉ khi đi theo hướng phát triển bền vững.

(3) Công trình nghiên cứu *Du lịch và phát triển cộng đồng bền vững* (Tourism and sustainable community development) của các tác giả Derek Hall và Greg Richards [33]. Căn cứ vào kết quả khảo sát trên một phạm vi rộng lớn, bao quát, gồm một số khu vực ở châu Âu như khu phố cổ Edinburg, khu vực phía Bắc Bồ Đào Nha và cả các địa danh ở châu Á như các bãi biển ở Inđônêxia, công trình này cho thấy vai trò đóng góp to lớn của các cộng đồng địa phương đối với du lịch bền vững, nếu không có cộng đồng địa phương thì hoạt động du lịch bền vững không thể được đảm bảo và ngược lại, du lịch bền vững cũng sẽ đem tới những lợi ích nhất định cho các cộng đồng địa phương. Qua đó cho thấy mối quan hệ biện chứng giữa phát triển du lịch bền vững và cộng đồng địa phương. Công trình giúp chúng ta liên hệ đến mối quan hệ giữa cộng đồng và sự phát triển ngành du lịch Đà Nẵng bền vững. Đây là cơ sở quan trọng để xây dựng các giải pháp về mặt xã hội như thu hút sự tham gia của cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch, giúp tạo ra việc làm, tăng thu nhập cho người dân.

(4) Công trình nghiên cứu: *Xây dựng năng lực cộng đồng cho phát triển du lịch* (Building Community Capacity for Tourism Development) của Gianna Moscardo [32] đã cho rằng: một quốc gia, một địa phương, hay thậm chí là một doanh nghiệp muốn phát triển du lịch thật sự có hiệu quả và bền vững phải biết dựa vào cộng đồng. Tức là phải tạo điều kiện để các cộng đồng dân cư, nhất là những nơi có điều kiện phát triển các hoạt động du lịch, tích cực tham gia phát triển du lịch, và phải làm cho cộng đồng dân cư đó có sự cải thiện đáng kể về thu nhập, về đời sống vật chất và tinh thần khi tham gia vào lĩnh vực hoạt động này. Chỉ khi cộng đồng dân cư coi hoạt động du lịch trên địa bàn là quyền lợi và trách nhiệm của họ, thì họ mới tự giác giữ gìn, bảo vệ và phát triển nó một cách lâu dài.

(5) Nghiên cứu *Phát triển du lịch và môi trường: phía bên kia tính bền vững* (Tourism development and the environment: beyond sustainability?) của Richard

Sharpley [41]. Tác giả đã trình bày nội dung của của các khái niệm du lịch bền vững đã được các công trình nghiên cứu trước đó đưa ra và các quy trình xây dựng chính sách trong các thập niên gần đây, đồng thời chỉ ra điểm hạn chế của các mô hình phát triển du lịch hiện tại. Nghiên cứu này cung cấp các quan điểm khác nhau về khái niệm du lịch bền vững, tạo cho người đọc cái nhìn khách quan, đa chiều về phát triển du lịch bền vững. Đồng thời, trình bày rõ mối tương quan giữa bền vững du lịch và bền vững môi trường [26, 6].

(6) Công trình nghiên cứu *Du lịch và phát triển bền vững: hình thức du lịch mới ở các nước thế giới thứ ba* (Tourism and Sustainability: New Tourism in the Third World) của Martin Mowforth và Ian Munt [39]. Nghiên cứu này đã khuyến cáo các quốc gia, nhất là các quốc gia đang phát triển rằng: Du lịch là ngành kinh tế rất quan trọng, cần đầu tư phát triển, nhất là đối với các quốc gia được thiên nhiên ưu đãi về mặt cảnh quan, hoặc là các quốc gia có nền văn hóa đặc sắc. Tuy nhiên, để du lịch thực sự mang lại một nguồn thu nhập lớn cho đất nước, cũng như cho từng địa phương và từng người dân, vấn đề quyết định là ngay từ đầu phải chú ý phát triển ngành này theo các tiêu chuẩn bền vững. Bền vững ở đây được hiểu là thu nhập từ ngành du lịch ngày càng gia tăng; hoạt động du lịch ngày càng thu hút và giải quyết được nhiều việc làm với thu nhập cao cho người dân; cảnh quan môi trường phục vụ du lịch luôn được giữ gìn, tôn tạo ngày càng đẹp hơn.

(7) Công trình *Phát triển bền vững là gì? Xây dựng bộ công cụ chuẩn về phát triển bền vững* (Is the concept of sustainable development - developing sustainable development benchmarking tool) của Lucian Cernar và Julien Gourdon [36]. Tác giả đã sử dụng các chỉ số định lượng để đánh giá tính bền vững của hoạt động du lịch. Phương pháp này được gọi là công cụ chuẩn về du lịch bền vững (The sustainable tourism benchmarking tool – viết tắt là STBT). STBT đánh giá tính bền vững của du lịch dưới 4 lĩnh vực: bền vững về kinh tế, bền vững về xã hội và sinh thái, bền vững về hạ tầng và sức hút. Trong từng lĩnh vực cụ thể, tác giả lần lượt đề ra các chỉ tiêu cụ thể để lượng hóa thông tin. Trên cơ sở nghiên cứu này, tác giả đã tham khảo để phân tích, đánh giá tính bền vững của du lịch Đà Nẵng thông qua các chỉ tiêu cụ thể.

1.2. Tình hình nghiên cứu ở Việt Nam

Tại Việt Nam, khái niệm “du lịch bền vững” còn khá mới mẻ. Các công trình

nghiên cứu về du lịch bền vững mới được quan tâm từ thập niên 90 của thế kỷ XX trở lại đây cùng với sự phát triển của ngành du lịch nước ta.

Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam: “*Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam*” [3] có thể coi là tuyên ngôn của Việt Nam về phát triển bền vững kinh tế - xã hội của đất nước giai đoạn từ năm 2005 đến năm 2020. Trên cơ sở thấy rõ sự cần thiết phải phát triển kinh tế- xã hội của đất nước bền vững, Chiến lược này đã đưa ra những định hướng cơ bản về sử dụng các nguồn lực (các nguồn tài nguyên thiên nhiên, nguồn lực con người, nguồn lực vốn, nguồn lực khoa học và công nghệ...) để phát triển nhanh và có hiệu quả kinh tế- xã hội của đất nước, nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện ngày càng tốt hơn sự công bằng và dân chủ xã hội, gìn giữ và bảo vệ tốt môi trường sinh thái.

Trong những năm gần đây, các tác động của du lịch đối với môi trường tự nhiên và xã hội đã ngày càng trở nên nghiêm trọng và thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu. Điều đó cũng cho thấy yêu cầu cấp thiết của việc xây dựng và phát triển du lịch bền vững.

Bên cạnh đó, du lịch bền vững đã được nhiều nhà nghiên cứu trong nước và quốc tế đề cập qua một số cuộc hội thảo như: Hội thảo quốc tế về phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam do tổng cục Du lịch Việt Nam kết hợp với Quỹ Hanns Seidel (CHLB Đức) tổ chức tại Huế (tháng 5 năm 1997), Hội thảo về Du lịch sinh thái với phát triển bền vững ở Việt Nam được tổ chức tại Hà Nội, tháng 4 năm 1998.

Đối với hoạt động nghiên cứu phát triển du lịch bền vững, có các công trình nghiên cứu trong việc đánh giá thực trạng và đề xuất chính sách như:

(1). Công trình “*Phát triển bền vững ở Việt Nam*” của GS.TS Nguyễn Quang Thái và PGS.TS Ngô Thắng Lợi [19]. Công trình nghiên cứu này đã đưa ra các quan niệm về phát triển bền vững, đặc biệt đã đi sâu phân tích những kết quả bước đầu, cũng như những mặt còn hạn chế của Việt Nam trong phát triển trên cả ba phương diện: kinh tế, xã hội và môi trường. Trên cơ sở đó, công trình nghiên cứu đã khuyến nghị các chính sách và giải pháp ở tầm vĩ mô nhằm thực hiện tốt hơn vấn đề phát triển bền vững ở Việt Nam trong những năm tiếp theo.

(2). Công trình nghiên cứu “*Quan niệm và thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội tốc độ nhanh, bền vững, chất lượng cao ở Việt Nam*” của TS. Đinh Văn Ân [1].

Công trình nghiên cứu này đã hệ thống hóa và đưa ra quan niệm về phát triển bền vững kinh tế- xã hội của một quốc gia. Trên cơ sở đó, công trình đã đi sâu nghiên cứu, phân tích thực trạng phát triển kinh tế- xã hội của Việt Nam những năm đã qua, chỉ ra những gì là phù hợp với phát triển bền vững, những gì là chưa phù hợp, thậm chí đi ngược lại với phát triển bền vững và kiến nghị các giải pháp nhằm phát huy những mặt tốt và khắc phục những mặt còn hạn chế nhằm tạo điều kiện cho kinh tế- xã hội của Việt Nam phát triển ngày càng bền vững hơn.

(3). Công trình nghiên cứu “*Phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế Việt Nam (Thời kỳ 2011-2020)*” của PGS.TS Bùi Tất Thắng [22]. Công trình nghiên cứu này đã tập trung phân tích các lý thuyết về phát triển nhanh và bền vững của các học giả trên thế giới. Trên cơ sở đó đưa ra khái niệm về phát triển nhanh và bền vững, cũng như các tiêu chí đánh giá đối với nó có cơ sở khoa học và phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam.

Từ đó, công trình đã đi sâu phân tích, đánh giá quá trình phát triển nền kinh tế Việt Nam trong những năm vừa qua, chỉ ra những mặt phát triển đúng, phù hợp với xu thế của thời đại, cũng như những mặt còn yếu kém, chưa phù hợp với các tiêu chí phát triển bền vững cần được quan tâm khắc phục. Công trình nghiên cứu cũng đã đề xuất nhiều cơ chế, chính sách và giải pháp ở tầm vĩ mô nhằm giúp nền kinh tế Việt Nam có thể phát triển nhanh và bền vững trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2020.

(4). Đề tài khoa học cấp bộ “*Phát triển bền vững vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2020*” PGS.TS Ngô Thắng Lợi [9]. Công trình nghiên cứu này đã cho thấy, nhờ sự quan tâm của Đảng và Chính phủ, sự nỗ lực to lớn của các địa phương trên địa bàn, thời gian vừa qua kinh tế- xã hội của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ (trong đó có ngành du lịch) đã có sự phát triển khá tốt, nhất là trên các mặt: tốc độ tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế (cả cơ cấu ngành, nội bộ ngành, cơ cấu lao động, cơ cấu vùng và cơ cấu thành phần kinh tế), mạng lưới kết cấu hạ tầng và thu hút vốn đầu tư ở trong và ngoài nước. Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đã trở thành trung tâm kinh tế- chính trị- đào tạo nguồn nhân lực- khoa học- công nghệ, cung cấp dịch vụ cho khu vực phía Bắc và cả nước.

Tuy nhiên, sự phát triển của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ còn bộc lộ nhiều yếu kém và hạn chế đứng trên góc độ phát triển bền vững.

Đề tài đã tập trung phân tích sự chưa bền vững trong phát triển của vùng trên các khía cạnh: Tăng trưởng của các ngành, các lĩnh vực kinh tế, cơ cấu kinh tế vùng theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo địa phương, việc phát triển các ngành, các lĩnh vực kinh tế có hàm lượng công nghệ cao, việc an toàn sử dụng lao động, đời sống của người dân và vấn đề ô nhiễm môi trường.

Từ thực trạng đó, đề tài đã kiến nghị nhiều chính sách và giải pháp nhằm phát huy lợi thế của vùng và khắc phục những hạn chế, yếu kém còn đang tồn tại, nhằm bảo đảm cho vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ phát triển nhanh hơn, bền vững hơn từ nay đến năm 2020.

(5). Nghiên cứu “*Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam giai đoạn 2001-2010*” của Tổng Cục Du lịch [24]. Trên cơ sở đánh giá một cách toàn diện tiềm năng du lịch của Việt Nam, từ cảnh quan thiên nhiên, đến các di tích lịch sử, những nét đặc trưng về văn hóa của các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam, cơ sở vật chất- kỹ thuật phục vụ phát triển du lịch, đội ngũ nguồn nhân lực hoạt động trong lĩnh vực này cũng như xu hướng hội nhập quốc tế về du lịch, Tổng Cục Du lịch đã đưa ra chiến lược phát triển du lịch cho giai đoạn này là phải khai thác tối đa mọi lợi thế để nhanh chóng biến du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của nền kinh tế quốc dân, có đóng góp đáng kể cho Ngân sách Nhà nước và cho thu nhập của người dân. Chiến lược cũng đã nhấn mạnh, phát triển du lịch của cả nước, cũng như của từng địa phương phải đi theo hướng phát triển bền vững.

(6). Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ “*Thực trạng và giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh trong lĩnh vực Lữ hành quốc tế của Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế*” của Tổng Cục Du lịch [25]. Công trình nghiên cứu này đã cho thấy, cùng với quá trình mở cửa và hội nhập sâu, rộng với các nền kinh tế trong khu vực và thế giới theo chủ trương của Đảng và Nhà nước ta, lượng khách du lịch vào Việt Nam ngày một gia tăng. Mặt khác, do kinh tế trong nước phát triển nhanh, đều và liên tục từ giai đoạn đổi mới 1986 đến nay, nên thu nhập của người dân Việt Nam cũng được tăng lên nhanh chóng, nhu cầu đi tham quan, du lịch nước ngoài của dân ta vì thế cũng tăng nhanh. Đây là điều kiện thuận lợi cho ngành du lịch nước ta phát triển nhanh lĩnh vực lữ hành quốc tế.

Tuy nhiên, do chúng ta đi sau, cơ sở vật chất- kỹ thuật phục vụ cho hoạt động

này cũng còn khá khiêm tốn, nguồn nhân lực có trình độ cao phục vụ cho hoạt động này của chúng ta cũng còn hạn chế, kinh nghiệm và năng lực quản lý đối với lĩnh vực này cũng còn khá nhiều bất cập. Trong khi đó, hội nhập quốc tế đã đặt chúng ta đứng trước rất nhiều thách thức khó khăn, nhiều đối thủ cạnh tranh của các quốc gia khác rất mạnh trong lĩnh vực này.

Đề tài nghiên cứu này đã tập trung phân tích, chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong lĩnh vực lữ hành quốc tế của ngành du lịch nước ta, từ đó kiến nghị nhiều giải pháp có cơ sở khoa học, có tính khả thi nhằm nâng cao nhanh năng lực cạnh tranh của Việt Nam trong lĩnh vực này, những năm sắp tới. Trong các giải pháp đưa ra, giải pháp phát triển bền vững đã được đặc biệt chú trọng.

(7). Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ “*Nghiên cứu vận dụng kinh nghiệm nước ngoài trong việc quản lý phát triển loại hình lưu trú cho khách du lịch ở nhà dân*” của Tổng cục Du lịch [26]. Trên cơ sở đúc kết kinh nghiệm của nhiều quốc gia có ngành du lịch phát triển khá bền vững của Châu Mỹ, Châu Âu, vùng Trung Đông, các nước thuộc vùng Châu Á Thái Bình Dương..., đặc biệt là trong việc phát triển loại hình lưu trú cho khách du lịch ở nhà dân, công trình nghiên cứu này đã đi đến một số kết luận quan trọng:

Thứ nhất, đề tài cho rằng, loại hình lưu trú cho khách ở nhà dân là phương thức rất có hiệu quả để huy động nguồn vốn của người dân vào phát triển hoạt động du lịch, trước hết là phát triển cơ sở vật chất phục vụ khách du lịch. Để đón được khách đến ở nhà mình, người dân buộc phải đầu tư chỉnh trang nhà cửa (phòng ốc, giường chiếu, nhà vệ sinh, nước sạch...) theo những tiêu chuẩn nhất định do các cơ quan có trách nhiệm của ngành du lịch đưa ra.

Thứ hai, đây là hình thức có tác động rất mạnh mẽ đối với người dân trên nhiều phương diện, từ tư duy về phát triển kinh tế, cho đến tác phong, lối sống hàng ngày của từng thành viên trong gia đình, cũng như ý thức đối với cộng đồng và đối với môi trường sinh thái.

Thứ ba, đây cũng là hình thức tốt nhất tạo điều kiện cho người dân có thể giao lưu, trao đổi, học hỏi những điều hay, điều tốt với các du khách trong và ngoài nước, để rồi từ đó điều chỉnh nhận thức và hành động của mình cho ngày càng phù hợp hơn với xu thế phát triển của đất nước và của thời đại.

Từ đó, đề tài đã kiến nghị một hệ thống các giải pháp toàn diện, đồng bộ, có cơ sở khoa học và có tính khả thi nhằm đẩy mạnh phát triển loại hình lưu trú cho khách ở nhà dân ở nước ta thời gian tới, với mong muốn sớm đưa ngành du lịch của nước nhà phát triển bền vững.

Về phát triển du lịch bền vững, có các Đề tài đã bảo vệ thành công như:

(1) Đề tài "*Phát triển du lịch bền vững ở Phong Nha-Kẻ Bàng*" (2007) của Trần Tiến Dũng [4]. Tác giả đã xây dựng được cơ sở lý luận về phát triển du lịch bền vững, trình bày thực trạng phát triển du lịch ở Phong Nha - Kẻ Bàng và đề xuất các giải pháp để phát triển du lịch bền vững. Điểm mới của Đề tài là tác giả đã vận dụng được phương pháp đánh giá tính bền vững của điểm du lịch dựa vào sức chứa. Tuy nhiên, việc đánh giá còn mang tính chung chung, dựa vào cái nhìn chủ quan của tác giả. Do đó, hệ thống giải pháp đưa ra chưa thật sự mang tính quyết liệt và hiệu quả để có thể đưa du lịch tại Phong Nha - Kẻ Bàng phát triển bền vững.

(2) Đề tài: "*Phát triển nguồn nhân lực ngành du lịch khu vực duyên hải Nam Trung Bộ - Tây Nguyên*" của Trần Sơn Hải [6]. Đề tài đã đi sâu nghiên cứu một nhân tố quan trọng góp phần nâng cao chất lượng ngành du lịch - đó là nhân tố con người. Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng nguồn nhân lực ngành du lịch của khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, tác giả cho thấy những ưu điểm cũng như những khó khăn của nguồn nhân lực tại đây. Dựa vào kết quả điều tra xã hội học về thực trạng nguồn nhân lực, Đề tài đã xây dựng được hệ thống giải pháp toàn diện để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại địa phương. Đây là một trong những cơ sở để tác giả tham khảo nghiên cứu và đề ra giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch tại Đà Nẵng trong thời gian đến.

Trên thực tế, vấn đề phát triển nguồn nhân lực tại một địa phương, một vùng phải gắn chặt với quy mô ngành du lịch, tốc độ phát triển ngành du lịch nói riêng và tình hình kinh tế - xã hội của vùng nói chung. Nhưng Đề tài chưa làm rõ được nội dung này, do đó các giải pháp đưa ra đồng bộ nhưng tính khả thi không cao.

(3) Đề tài "*Thực trạng phát triển du lịch bền vững trên địa bàn Tây Nguyên*"

của Nguyễn Đức Tuy [27].

Đề tài đã hệ thống hoá các vấn đề lý luận liên quan đến phát triển du lịch bền vững, đồng thời trình bày rõ thực trạng phát triển của ngành du lịch Tây Nguyên hiện nay. Đề tài đã sử dụng các phương pháp điều tra xã hội học để đánh giá tính bền vững của hoạt động du lịch tại đây. Mặt khác, Đề tài đã đề cập đến vấn đề liên kết trong phát triển du lịch bền vững. Tuy nhiên, phạm vi nghiên cứu của Đề tài quá rộng, bao gồm tất cả các tỉnh thuộc khu vực Tây Nguyên, mỗi tỉnh lại có những đặc điểm tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội không giống nhau. Do đó, việc đề ra giải pháp phát triển chung cho cả khu vực Tây Nguyên còn mang tính chủ quan, khó áp dụng đồng bộ trên thực tế.

(4) Đề tài *“Hoàn thiện quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng”* (2008) của Nguyễn Tấn Vinh [28].

Đề tài đã làm rõ hệ thống cơ sở lý luận về công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch và đi sâu nghiên cứu về quản lý nước đối với lĩnh vực du lịch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, đặc biệt là về hoàn thiện bộ máy, cơ chế chính sách đối với phát triển du lịch. Đề tài chỉ mới dừng lại ở “phát triển du lịch” chứ chưa nghiên cứu “phát triển bền vững về du lịch” nhưng những giải pháp mà tác giả đưa ra mang tính đồng bộ, khả thi cao và có thể ứng dụng ở nhiều địa phương trên cả nước.

(5) Đề tài *“Phát triển du lịch gắn với xoá đói giảm nghèo ở Lào Cai”* (2010) của Phan Ngọc Thắng [20].

Đề tài đã đi sâu nghiên cứu phát triển du lịch gắn với xoá đói giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Lào Cai - một địa phương có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, kinh tế còn khó khăn. Tác giả đã làm rõ vai trò tăng thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân từ thu nhập ngành du lịch, đặc biệt là đối với những hộ nghèo, hộ cận nghèo bằng những con số cụ thể qua các năm. Từ đó, đề xuất các giải pháp để phát triển du lịch gắn liền với nâng cao chất lượng cuộc sống người dân trong thời gian tới. Những giải pháp mà tác giả đưa ra rất cụ thể, rõ ràng, là một trong những cơ sở khoa học hữu ích để tác giả nghiên cứu, vận dụng vào việc xây dựng các giải pháp góp phần xoá đói giảm nghèo cho người dân gắn liền với việc tham gia các hoạt động du lịch trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Tuy nhiên, trong phạm vi đề tài, tác giả chỉ mới dừng lại ở phát triển du lịch chứ chưa nghiên cứu phát triển du lịch bền vững.

Nhìn chung, đối với các công trình nghiên cứu về phát triển du lịch bền vững

tại Việt Nam, hầu hết các công trình đều tập trung nghiên cứu phát triển du lịch bền vững tại một địa phương cụ thể và đề xuất các giải pháp, chính sách gắn liền với đặc thù của địa phương hoặc nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả hoạt động một nhân tố nào đó của ngành du lịch như: hoàn thiện quản lý nhà nước về du lịch, phát triển nguồn nhân lực ngành du lịch,...

Đối với hoạt động nghiên cứu phát triển du lịch trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, đến nay có một số công trình nghiên cứu như: Báo cáo khoa học “*Phát triển bền vững du lịch trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2020*” [12] của Viện Nghiên cứu Phát triển Kinh tế - Xã hội thành phố Đà Nẵng, đề tài “Phát triển du lịch biển Đà Nẵng” [8]. Các đề tài này đã bước đầu đi vào nghiên cứu hoạt động phát triển du lịch trên địa bàn thành phố nhưng nghiên cứu chưa sâu vấn đề đặt ra đối với phát triển du lịch bền vững trên địa bàn Đà Nẵng.

Qua sơ lược lịch sử các nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến phát triển du lịch bền vững, có thể khái quát thành những điểm sau:

- Thứ nhất, trên thế giới tuy “du lịch bền vững” mới chỉ được đầu tư nghiên cứu từ những năm 1990 đến nay nhưng đã được nhiều nhà khoa học và các tổ chức quốc tế quan tâm nghiên cứu. Các ấn phẩm về lý luận và thực tiễn đối với vấn đề phát triển du lịch bền vững là những tài liệu bổ ích cho việc nghiên cứu và vận dụng tìm hiểu về loại hình du lịch này. Có thể khẳng định rằng các công trình nghiên cứu trên thế giới đã trình bày rất rõ về phát triển bền vững, từ khái niệm cho đến nội dung và các tiêu chí đánh giá. Ngày nay, cơ bản các nước trên thế giới đều thống nhất sử dụng như vậy. Tuy nhiên, tùy điều kiện cụ thể của từng quốc gia và tùy giai đoạn phát triển cụ thể mà người ta nhấn mạnh điểm này hoặc điểm khác.

- Thứ hai, ở Việt Nam, du lịch bền vững là một lĩnh vực còn mới mẻ, các vấn đề lý luận của du lịch bền vững đang tiếp tục được thảo luận để thống nhất về nhận thức và quan điểm của các nhà nghiên cứu và điều hành du lịch. Số lượng các công trình nghiên cứu về du lịch bền vững ở nước ta còn rất ít.

- Thứ ba, riêng đối với thành phố Đà Nẵng, cũng đã có một số nghiên cứu về du lịch, song chủ yếu là nghiên cứu một sản phẩm hoặc một lĩnh vực đặc thù của du lịch trên địa bàn, chẳng hạn: Phát triển hệ thống khách sạn, đào tạo nguồn nhân lực cho du lịch, chưa có công trình nào nghiên cứu phát triển du lịch toàn thành phố bền

vững.

Nhìn chung, trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, chưa có công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện các điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội đặc thù của địa phương để từ đó đề xuất các chính sách, giải pháp hữu hiệu về phát triển du lịch bền vững. Chính vì vậy, tác giả lựa chọn thành phố Đà Nẵng để nghiên cứu phát triển du lịch trên quan điểm phát triển bền vững, và thực tế cho đến nay chưa có một nghiên cứu nào về phát triển du lịch bền vững ở thành phố Đà Nẵng được thực hiện trên cơ sở của khoa học kinh tế. Đây là khoảng trống tác giả lựa chọn nghiên cứu và giải quyết.

CHƯƠNG 2: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG

2.1. Một số vấn đề lý luận về du lịch

2.1.1. Khái niệm du lịch

Từ lâu, khái niệm “*du lịch*” đã được các học giả sử dụng rộng rãi trên sách báo và các phương tiện thông tin đại chúng. Tuy nhiên, mỗi thời kỳ phát triển, khái niệm về du lịch cũng mang những nét đặc trưng khác nhau và được bổ sung ngày càng hoàn thiện hơn.

Liên đoàn Quốc tế các Tổ chức lữ hành chính thức (International Union of Official Travel Organization – **IUOTO**) đã đưa ra khái niệm: “*Du lịch là hành động du hành đến một nơi khác với địa điểm cư trú thường xuyên của mình nhằm mục đích không phải để làm ăn, tức không phải để làm một nghề hay một việc kiếm tiền sinh sống*”.

Năm 1963, Tổ chức Du lịch thế giới (World Tourist Organization), thuộc Liên Hiệp Quốc đã đưa ra khái niệm: “*Du lịch bao gồm tất cả mọi hoạt động của những người du hành, tạm trú, trong mục đích tham quan, khám phá và tìm hiểu, trải nghiệm hoặc trong mục đích nghỉ ngơi, giải trí, thư giãn; cũng như mục đích hành nghề và những mục đích khác, trong thời gian liên tục nhưng không quá một năm, ở bên ngoài môi trường sống định cư; nhưng loại trừ các du hành mà có mục đích chính là kiếm tiền*”.

Trường Đại học Tổng hợp Kinh tế thành phố Varna (Bungari) đưa ra định nghĩa “*Du lịch là một hiện tượng kinh tế, xã hội được lặp đi lặp lại đều đặn, chính là sản xuất và trao đổi dịch vụ, hàng hoá của các đơn vị kinh tế riêng biệt, độc lập; đó là tổ chức các xí nghiệp với cơ sở vật chất kỹ thuật chuyên môn nhằm bảo đảm sự đi lại, lưu trú, ăn uống, nghỉ ngơi với mục đích thoả mãn các nhu cầu cá thể về vật chất, tinh thần của những người lưu trú ngoài nơi ở thường xuyên mà không có mục đích kiếm lời*” [30]. Michael Coltman quan niệm “*Du lịch là sự kết hợp của 4 nhóm nhân tố trong quá trình phục vụ khách bao gồm: Du khách, nhà cung ứng dịch vụ du lịch, cư dân sở tại và chính quyền nơi đón khách du lịch*” [39].

Theo Giáo trình Kinh tế Du lịch của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội

(2006), Nhà xuất bản Lao động - Xã hội đã định nghĩa về khái niệm "du lịch" như sau: "*Du lịch là một ngành kinh doanh bao gồm các hoạt động tổ chức hướng dẫn du lịch, sản xuất, trao đổi hàng hoá, dịch vụ của các doanh nghiệp nhằm đáp ứng các nhu cầu về đi lại, lưu trú, ăn uống, thăm quan, giải trí, tìm hiểu và các nhu cầu khác của khách du lịch. Các hoạt động đó phải đem lại lợi ích kinh tế, chính trị, xã hội thiết thực cho nước (địa phương) làm du lịch và bản thân doanh nghiệp*" [23].

Ở Việt Nam, khái niệm về du lịch được Luật Du lịch (năm 2005) định nghĩa:

"Du lịch là các hoạt động có liên quan đến chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, tìm hiểu, giải trí, nghỉ dưỡng trong một khoảng thời gian nhất định" [10].

Nhìn chung, tất cả các khái niệm về du lịch đã nêu trên đây tuy cách diễn đạt có khác nhau nhưng đều có những nét đặc trưng chung như:

- Du lịch thuộc lĩnh vực dịch vụ;
- Du lịch là bao gồm nhiều hoạt động khác nhau;
- Du lịch là lĩnh vực hoạt động rộng trên toàn lãnh thổ, bao gồm nhiều ngành, nhiều lĩnh vực tham gia;
- Các hoạt động du lịch diễn ra ở ngoài khu vực khách du lịch cư trú.

2.1.2. Đặc điểm của ngành du lịch

Với định nghĩa về du lịch như đã trình bày ở trên, có thể nhận thấy du lịch có những đặc điểm như sau:

- Du lịch là ngành không khói, ít gây ô nhiễm môi trường, giúp khách du lịch vừa được nghỉ ngơi, giảm stress vừa biết thêm nhiều điều hay mới lạ mà khách chưa biết. Du lịch còn góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động (hướng dẫn viên, các dịch vụ liên quan...).
- Sản phẩm du lịch là các dịch vụ, hàng hóa cung cấp cho du khách, được tạo nên bởi sự kết hợp của việc khai thác các yếu tố tự nhiên, xã hội với việc sử dụng các nguồn lực: Cơ sở vật chất kỹ thuật và lao động tại một cơ sở, vùng hay một quốc gia nào đó. Như vậy sản phẩm du lịch là vô hình.
- Quá trình sản xuất và quá trình tiêu thụ sản phẩm diễn ra đồng thời, sản

xuất kết thúc cũng là lúc tiêu thụ sản phẩm hoàn thành.

- Quá trình sản xuất được thực hiện do nhiều công đoạn khác nhau, nói cách khác do nhiều người cùng tham gia vào quá trình sản xuất của ngành du lịch.

- Sản phẩm của ngành du lịch không thể dự trữ và cũng không có tồn kho.

2.1.3. Vai trò của ngành du lịch đối với phát triển kinh tế - xã hội

Ngành du lịch tuy không trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội, nhưng ngành du lịch lại có vai trò khá quan trọng trong phát triển kinh tế- xã hội của các quốc gia, cụ thể:

a) Vai trò xuất khẩu tại chỗ

Ngành du lịch có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển của các nước đang phát triển. Tổ chức Du lịch Thế giới Liên Hiệp Quốc nhận định rằng: *“Tại nhiều quốc gia đang phát triển, du lịch là nguồn thu nhập chính, ngành xuất khẩu hàng đầu, tạo ra nhiều công ăn việc làm và cơ hội cho sự phát triển”* (WTO- HL2008).

Khía cạnh xuất khẩu tại chỗ của ngành du lịch được thể hiện ở cung cấp các dịch vụ cho khách du lịch quốc tế và bán các sản phẩm hàng hóa cho khách du lịch như: các mặt hàng kỷ niệm, các đặc sản địa phương bán cho khách du lịch.

Về phương diện quốc tế, du lịch phát triển sẽ thu hút được nhiều khách quốc tế đến thăm quan, nghỉ ngơi và tiêu thụ khoản ngoại tệ lớn tại quốc gia sở tại, đây là hình thức xuất khẩu tại chỗ.

b) Vai trò xóa đói giảm nghèo

Trên Diễn đàn Du lịch Thế giới vì Hòa bình và Phát triển Bền vững họp tại Brazil năm 2006, ông Lelei Lelaulu, Chủ tịch Đối tác quốc tế, một tổ chức hoạt động vì mục đích phát triển nhân đạo đã phát biểu: *“Du lịch là phương tiện chuyển giao của cải tự nguyện lớn nhất từ các nước giàu sang các nước nghèo... Khoản tiền do du khách mang lại cho các khu vực nghèo khổ trên thế giới còn lớn hơn việc viện trợ chính thức của các Chính phủ”*.

c) Vai trò đóng góp vào tăng trưởng kinh tế

Du lịch là một trong những ngành có tốc độ phát triển nhanh, tỷ trọng đóng góp của du lịch vào GDP các quốc gia trên thế giới ngày càng tăng.

Theo công bố tại Hội nghị Bộ trưởng Du lịch G20 ngày 16 tháng 5 năm 2012 tại Mexico, ngành du lịch chiếm 9% thu nhập GDP thế giới. Du lịch là một trong những ngành kinh tế có tốc độ phát triển nhanh nhất. Dự báo du lịch thế giới sẽ tiếp tục tăng trưởng một cách bền vững trong những năm tới, đạt 1,8 tỷ lượt năm 2030. Bên cạnh những chỉ số đóng góp ấn tượng trên, du lịch cũng được đánh giá là ngành quan trọng tạo nhiều việc làm cho xã hội, chiếm 8% lao động toàn cầu. Cứ mỗi một việc làm trong ngành du lịch ước tính tạo ra 2 việc làm cho các ngành khác. Ngành du lịch cũng sử dụng lao động nhiều vượt trội so với ngành công nghiệp khác, gấp 6 lần ngành sản xuất ô tô, gấp 4 lần ngành khai khoáng, và gấp 3 lần ngành tài chính. Du lịch cũng đóng vai trò quan trọng trong thúc đẩy mậu dịch quốc tế. Năm 2011, xuất khẩu thông qua du lịch quốc tế bao gồm cả vận chuyển hành khách đạt 1,2 nghìn tỷ USD, chiếm 30% xuất khẩu toàn thế giới.

d) Vai trò huy động các nguồn lực

Vai trò huy động các nguồn lực của ngành du lịch thể hiện qua việc thu hút các nguồn lực bao gồm cả nguồn lực đầu tư trong nước và nước ngoài để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho ngành du lịch. Do tỷ suất lợi nhuận trên vốn đầu tư trong ngành du lịch thường cao nên có khả năng hấp dẫn vốn đầu tư. Bên cạnh đó, du lịch còn là ngành kinh tế sử dụng nhiều lao động. Vì vậy, du lịch được các quốc gia, các nhà kinh tế coi là một trong những phương thức hữu hiệu để giải quyết nạn thất nghiệp hiện nay.

e) Vai trò truyền thông giao lưu văn hóa

Từ góc độ khác, hoạt động du lịch còn thể hiện nét văn hóa và nếp sống văn minh của một xứ sở. Do đó, thông qua các hoạt động du lịch quảng bá hữu hiệu hình ảnh của một xứ sở. Song nó cũng có thể phản tác dụng, gây tổn hại đến uy tín đất nước nếu như tình trạng kinh doanh không được gắn kết với ổn định xã hội, không tôn trọng truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

f) Vai trò bảo vệ môi trường

Ngành du lịch còn có vai trò quan trọng trong bảo vệ môi trường và được mệnh danh là ngành công nghiệp không khói. Mục tiêu của ngành du lịch là cung cấp các dịch vụ cho khách du hành với chất lượng đảm bảo sự hài lòng cho khách trong suốt chuyến đi. Mục tiêu này đòi hỏi trước hết các dịch vụ phải đảm bảo vệ sinh môi trường,

các thành phố du lịch, các khu du lịch và các điểm du lịch phải là những nơi sạch sẽ, đẹp đẽ, có môi trường trong lành. Với các vùng đồi núi, du lịch sinh thái còn có tác dụng giữ được cảnh quan sinh thái, tôn tạo vẻ đẹp tự nhiên và môi trường trong lành.

g) Vai trò hội nhập quốc tế

Xu thế hội nhập quốc tế đang đặt ra cho các quốc gia trên thế giới nhiều cơ hội và thách thức. Đây là quá trình gắn kết nền kinh tế thị trường của một quốc gia với nền kinh tế và thị trường khu vực và thế giới thông qua tự do hóa thương mại và mở cửa thị trường trên các cấp độ đơn phương, song phương và đa phương. Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, du lịch là lĩnh vực có nhiều ưu thế khi tham gia vào sân chơi toàn cầu.

Du lịch là cầu nối cho thương mại quốc tế và đầu tư nước ngoài. Với thế mạnh tổ chức các chuyến du lịch nghỉ dưỡng, hội nghị, hội thảo,... du lịch làm phương tiện kết nối đầu tư giữa nhà đầu tư ngoài nước với trong nước. Nhờ vào du lịch, dòng vốn FDI, ODA có cơ hội dịch chuyển từ quốc gia này sang quốc gia khác.

Trong hội nhập quốc tế, du lịch làm cho văn hóa của các quốc gia có dịp được giới thiệu. Du lịch là cầu nối tình hữu nghị, hợp tác và thân thiện giữa các quốc gia. “Du lịch là hộ chiếu đi tới hòa bình và hữu nghị” (Tuyên bố Manila về du lịch). Du lịch trong nền kinh tế hội nhập hướng đến chất lượng quốc tế về dịch vụ, về cơ sở hạ tầng phục vụ, trình độ quản lý và năng lực tổ chức. Chính vì vậy, hội nhập đòi hỏi du lịch phải từng bước hiện đại hóa, hệ thống hóa và chất lượng hóa. Đến lượt nó, du lịch phát triển làm cho hội nhập của các quốc gia càng đi vào chiều sâu, hiệu quả và giảm dần khoảng cách phát triển.

Tuy nhiên, phát triển du lịch trong điều kiện hội nhập còn nhiều thách thức. Đó là do trình độ phát triển của các quốc gia không đồng đều, do vậy năng lực cạnh tranh yếu làm cho các nước đang phát triển mất dần lợi thế trong phát triển, các nước đang phát triển sẽ lệ thuộc vào sân chơi của các nước lớn [27].

2.2. Lý luận về phát triển du lịch bền vững

2.2.1. Khái niệm về phát triển bền vững

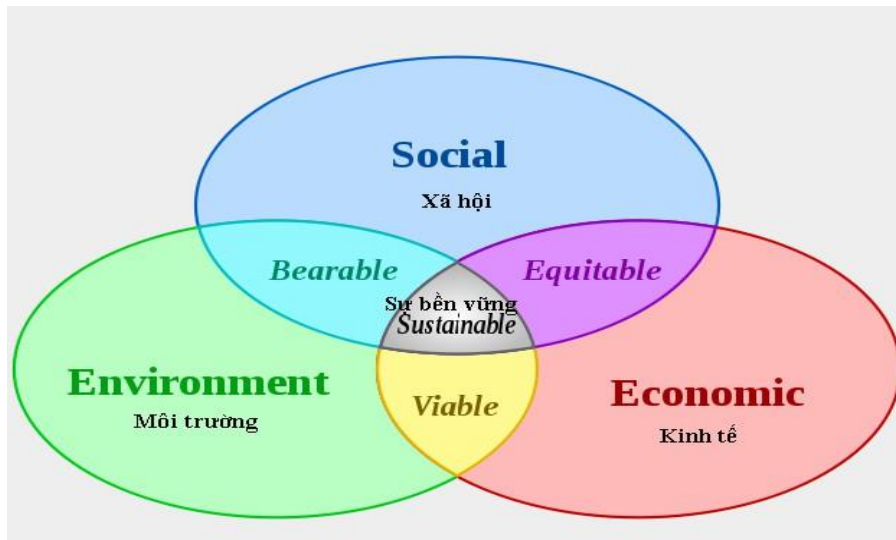
Vào năm 1987, tại Hội nghị của Ủy ban Thế giới về Môi trường và Phát triển (WCED) do bà Grohalem Brundtland thành lập đã công bố thuật ngữ “phát triển bền

vững” trong bản báo cáo “Tương lai chung của chúng ta” như sau: “*Phát triển bền vững được hiểu là sự phát triển có thể đáp ứng những điều kiện hiện tại mà không ảnh hưởng, tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ mai sau*” [43]. Cũng từ đó, phát triển bền vững nổi lên thành mô hình mới cho chính sách toàn cầu, khu vực, quốc gia và từng địa phương; đã được nêu tại Chương trình 21 Hội nghị Thế giới của Liên hợp quốc (Hội nghị Thượng đỉnh Rio, 1992).

Theo chức Bảo tồn Thiên nhiên quốc tế (IUCN) năm 1980 thì “*phát triển bền vững phải cân nhắc đến việc khai thác các tài nguyên có khả năng tái tạo và không tái tạo, đến các điều kiện thuận lợi cũng như khó khăn trong việc tổ chức xen kẽ các hoạt động ngắn hạn và dài hạn đan xen nhau*”. Tuy nhiên, quan điểm này chỉ mới chú trọng đến khía cạnh sử dụng tài nguyên mà chưa đề cập đến các khía cạnh khác.

Khái niệm do Ủy ban Liên hợp quốc về Môi trường và Phát triển (UNCED) đưa ra năm 1987 là khái niệm có ý nghĩa khái quát và được sử dụng rộng rãi hơn cả. Theo UNCED, “*Phát triển bền vững thoả mãn những nhu cầu của hiện tại nhưng không làm giảm khả năng thoả mãn nhu cầu của các thế hệ mai sau*”. Như vậy, nếu một hoạt động có tính bền vững, xét về mặt lý thuyết nó có thể được thực hiện mãi mãi.

Hội nghị Thượng đỉnh Trái đất về Môi trường và Phát triển tổ chức ở Rio de Janeiro (Braxin) năm 1992 và Hội nghị Thượng đỉnh Thế giới về Phát triển bền vững tổ chức ở Johannesburg (Cộng hoà Nam Phi) năm 2002 đã xác định “*Phát triển bền vững được hình thành trong sự hoà nhập, đan xen và thoả hiệp của 3 hệ thống tương tác là hệ kinh tế và hệ văn hoá- xã hội và hệ môi trường*”. Tiêu chí để đánh giá sự phát triển bền vững là sự tăng trưởng kinh tế ổn định; thực hiện tốt tiến bộ và công bằng xã hội; khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, nâng cao được chất lượng môi trường sống. Như vậy, phát triển bền vững nằm ở phần giao nhau của 3 vòng tròn: Bền vững về kinh tế, bền vững về xã hội, bền vững về môi trường.



Hình 2.1. Mô hình phát triển bền vững [21]

Phát triển bền vững là sự giao nhau của ba hệ thống trên. Phát triển bền vững phải dựa trên sự bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường. Nếu thiếu một trong ba yếu tố thì không thể gọi là phát triển bền vững. Nói đến phát triển bền vững là tạo được sự cân bằng giữa ba yếu tố trên, trong đó:

Bền vững về kinh tế là tăng trưởng kinh tế, tạo sự thịnh vượng cho các cộng đồng dân cư và đạt hiệu quả cho các hoạt động kinh tế.

Bền vững về xã hội là đảm bảo sự bình đẳng, công bằng cho xã hội. Tôn trọng sự khác biệt của các cộng đồng dân cư nhất là thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; xoá đói giảm nghèo và giải quyết việc làm.

Bền vững về môi trường là sử dụng hiệu quả, bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn sự đa dạng sinh học và hạn chế ô nhiễm môi trường. Nhất là xử lý, khắc phục ô nhiễm, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường; phòng chống cháy và chặt phá rừng; khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên.

Tại Việt Nam, để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững đất nước như Nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đã đề ra và thực hiện cam kết quốc tế, Chính phủ Việt Nam ban hành "*Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam*" (Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam), trong đó nêu rõ: "*Mục tiêu tổng quát của phát triển bền vững là đạt được sự đầy đủ về vật chất, sự giàu có về tinh thần và văn hóa, sự bình đẳng của các công dân và sự đồng thuận của xã hội, sự hài hòa giữa con người và tự nhiên; phát triển phải kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hoà được ba mặt*

là *phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường*” [3]. Cụ thể:

Mục tiêu phát triển bền vững về kinh tế là đạt được sự tăng trưởng ổn định với cơ cấu kinh tế hợp lý, đáp ứng được yêu cầu nâng cao đời sống của nhân dân, tránh được sự suy thoái hoặc đình trệ trong tương lai, tránh để lại gánh nặng nợ nần lớn cho các thế hệ mai sau.

Mục tiêu phát triển bền vững về xã hội là đạt được kết quả cao trong việc thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm chế độ dinh dưỡng và chất lượng chăm sóc sức khoẻ nhân dân ngày càng được nâng cao, mọi người đều có cơ hội được học hành và có việc làm, giảm tình trạng đói nghèo và hạn chế khoảng cách giàu nghèo giữa các tầng lớp và nhóm xã hội, giảm các tệ nạn xã hội, nâng cao mức độ công bằng về quyền lợi và nghĩa vụ giữa các thành viên và giữa các thế hệ trong một xã hội, duy trì và phát huy được tính đa dạng và bản sắc văn hoá dân tộc, không ngừng nâng cao trình độ văn minh về đời sống vật chất và tinh thần.

Mục tiêu của phát triển bền vững về môi trường là khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý và kiểm soát có hiệu quả ô nhiễm môi trường, bảo vệ tốt môi trường sống; bảo vệ được các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển và bảo tồn sự đa dạng sinh học; khắc phục suy thoái và cải thiện chất lượng môi trường.

2.2.2. Khái niệm về phát triển du lịch bền vững

Theo Hens L, 1998 thì "*Du lịch bền vững đòi hỏi phải quản lý tất cả các dạng tài nguyên theo cách nào đó để chúng ta có thể đáp ứng các nhu cầu kinh tế, xã hội và thẩm mỹ trong khi vẫn duy trì được bản sắc văn hoá, các quá trình sinh thái cơ bản, đa dạng sinh học và các hệ đảm bảo sự sống*" [34]. Định nghĩa này mới chỉ chú trọng đến công tác quản lý tài nguyên du lịch để cho du lịch được phát triển bền vững.

Theo Machado (2003) thì phát triển du lịch bền vững là "*Các hình thức du lịch đáp ứng nhu cầu hiện tại của khách du lịch, ngành du lịch, và cộng đồng địa phương nhưng không ảnh hưởng tới khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ mai sau. Du lịch khả thi về kinh tế nhưng không phá huỷ tài nguyên mà tương lai của du lịch phụ thuộc vào đó, đặc biệt là môi trường tự nhiên và kết cấu xã hội của cộng đồng địa phương*" [37]. Định nghĩa này chỉ mới dừng lại ở việc tập trung vào tính bền vững của các hình thức du lịch chứ chưa đề cập đến sự bền vững cho toàn ngành du lịch.

Năm 1992, Tổ chức du lịch thế giới (UNWTO) định nghĩa: “*Phát triển du lịch bền vững là việc phát triển các hoạt động du lịch nhằm đáp ứng các nhu cầu hiện tại của du khách và người dân bản địa trong khi vẫn quan tâm đến việc bảo tồn và tôn tạo các nguồn tài nguyên cho việc phát triển du lịch trong tương lai. Du lịch bền vững sẽ có kế hoạch quản lý các nguồn tài nguyên nhằm thoả mãn các nhu cầu về kinh tế, xã hội, thẩm mỹ của con người trong khi vẫn duy trì được sự toàn vẹn về văn hoá, đa dạng sinh học, sự phát triển của các hệ sinh thái và hệ thống hỗ trợ cho cuộc sống của con người*” [11]. Đây là định nghĩa mang tính khái quát một cách trọn vẹn các nội dung liên quan đến phát triển du lịch bền vững.

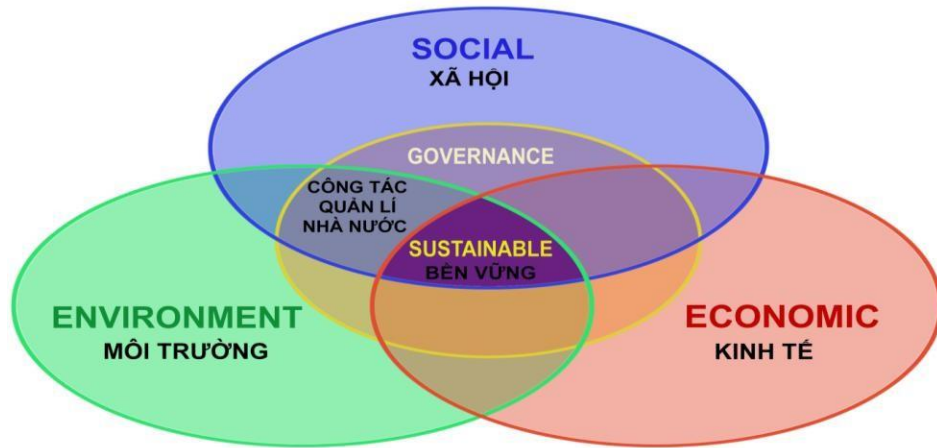
Với những quan điểm trên thì có thể coi phát triển du lịch bền vững là một nhánh của phát triển bền vững nói chung. Phát triển du lịch bền vững là hoạt động phát triển du lịch ở một khu vực cụ thể sao cho nội dung, hình thức và quy mô là thích hợp và bền vững theo thời gian, không làm suy thoái môi trường, không làm ảnh hưởng đến khả năng hỗ trợ các hoạt động phát triển khác. Ngược lại tính bền vững của hoạt động phát triển du lịch được xây dựng trên nền tảng sự thành công trong phát triển các ngành khác, sự phát triển chung của toàn xã hội.

Theo tác giả, phát triển du lịch bền vững có thể được định nghĩa như sau: *Phát triển du lịch bền vững là việc phát triển các hoạt động du lịch vừa đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế, vừa đảm bảo sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm và có kế hoạch tôn tạo, bảo tồn các tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn; đồng thời quan tâm đến cộng đồng địa phương và có các giải pháp hữu hiệu tạo môi trường pháp lý, xã hội ổn định cho việc phát triển du lịch hiện tại và tương lai.*

Như vậy, phát triển du lịch bền vững cần được xem xét trên các khía cạnh đảm bảo bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường. Đồng thời, cần phải xem xét cả trên góc độ quản lý Nhà nước, việc đề ra các chủ trương, chính sách phải thiết thực, hiệu quả, tạo hành lang pháp lý, xã hội ổn định để du lịch phát triển.

Tóm lại, về bản chất phát triển du lịch bền vững là sự giao thoa, tác động lẫn nhau của bốn phân hệ bền vững về kinh tế, xã hội, tài nguyên- môi trường và môi trường về cơ chế, chính sách.

Theo tác giả, có thể hình dung phát triển du lịch bền vững là sự giao nhau của 4 hệ thống dưới đây:



Hình 2.2. Mô hình phát triển du lịch bền vững

2.2.3. Dấu hiệu nhận biết du lịch bền vững và du lịch không bền vững

Một số tác giả như Krippendorf, 1982; Lane và Green, 1994; Godfrey, 1996; Swarbrooke, 1999 sau khi nghiên cứu các tác động của du lịch đối với kinh tế, xã hội và môi trường đã đưa ra các yếu tố được coi là bền vững và không bền vững trong phát triển du lịch.

Bảng 2.1. Du lịch bền vững và du lịch không bền vững

Du lịch kém bền vững hơn	Du lịch bền vững hơn
Phát triển nhanh	Phát triển hài hoà
Phát triển không kiểm soát	Phát triển có kiểm soát
Quy mô không phù hợp	Quy mô phù hợp
Mục tiêu ngắn hạn	Mục tiêu dài hạn
Phương pháp tiếp cận theo số lượng	Phương pháp tiếp cận theo chất lượng
Tìm kiếm sự tối đa	Tìm kiếm sự cân bằng
Kiểm soát từ xa	Địa phương kiểm soát
Chiến lược phát triển: Không lập kế hoạch, triển khai tùy tiện	Quy hoạch trước, triển khai sau
Kế hoạch theo dự án	Kế hoạch theo quan điểm
Phương pháp tiếp cận theo lĩnh vực	Phương pháp tiếp cận chính luận
Tập trung vào các trọng điểm	Quan tâm tới cả vùng
Áp lực và lợi ích tập trung	Phân tán áp lực và lợi ích
Thời vụ và mùa cao điểm	Quanh năm và cân bằng

Du lịch kém bền vững hơn	Du lịch bền vững hơn
Các nhà thầu bên ngoài	Các nhà thầu địa phương
Nhân công bên ngoài	Nhân công địa phương
Kiến trúc theo thị hiếu của khách du lịch	Kiến trúc bản địa
Xúc tiến Marketing tràn lan	Xúc tiến Marketing có tập trung theo đối tượng
Nguồn lực: Sử dụng tài nguyên nước, năng lượng lãng phí	Nguồn lực: Sử dụng vừa phải tài nguyên nước, năng lượng
Không tái sinh	Tăng cường tái sinh
Không chú ý tới lãng phí sản xuất	Giảm thiểu lãng phí
Thực phẩm nhập khẩu	Thực phẩm sản xuất tại địa phương
Tiền bất hợp pháp, không khai báo rõ ràng	Tiền hợp pháp
Nguồn nhân lực kém chất lượng	Nguồn nhân lực có chất lượng
Khách du lịch: Số lượng nhiều	Số lượng ít
Không có nhận thức cụ thể	Có thông tin cần thiết bất cứ lúc nào
Không học tiếng địa phương	Học tiếng địa phương
Bị động và bị thuyết phục, bảo thủ	Chủ động và có nhu cầu
Không ý tứ và kỹ lưỡng	Thông cảm và lịch thiệp
Tìm kiếm du lịch tình dục	Không tham gia vào du lịch tình dục
Lặng lẽ, kỳ quặc	Lặng lẽ, riêng biệt
Không trở lại tham quan	Trở lại tham quan

Nguồn: A.Machado, 2003 [36]

Những yếu tố bền vững và không bền vững ở trên không mang tính bắt buộc. Chúng phụ thuộc vào liều lượng, khả năng quản lý của Nhà nước và khả năng tự kiểm soát của ngành du lịch.

2.2.4. Các yếu tố tác động đến việc phát triển du lịch bền vững

2.2.4.1. Về kinh tế

Yếu tố kinh tế có tác động to lớn đến phát triển du lịch bền vững. Khi nền kinh tế tăng trưởng nhanh, mạnh sẽ tạo nguồn vốn, cơ sở vật chất cho ngành du lịch phát triển bền vững. Ngược lại, phát triển du lịch bền vững sẽ mang lại doanh thu, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế địa phương.

Về khía cạnh kinh tế, có các nhân tố ảnh hưởng sau:

- *Tính chuyên nghiệp trong hoạt động du lịch.* Tính chuyên nghiệp phải được thể hiện từ người quản lý Nhà nước về du lịch, đến người quản lý các cơ sở kinh doanh du lịch, và người nhân viên thuộc mọi bộ phận trong các cơ sở kinh doanh du lịch. Kinh nghiệm thực tiễn phát triển du lịch của nhiều quốc gia trên thế giới đã cho thấy, tính chuyên nghiệp trong phục vụ du lịch để lại thiện cảm đặc biệt tốt cho du khách.

- *Cơ sở vật chất kỹ thuật và thiết bị hạ tầng*

Cơ sở vật chất kỹ thuật, thiết bị hạ tầng là vấn đề không thể thiếu được, là điều kiện quan trọng để phát triển du lịch và nó có ảnh hưởng lớn đến việc thu hút khách du lịch đến với địa điểm du lịch, bao gồm:

Mạng lưới giao thông vận tải: Là nhân tố quyết định đến việc phát triển du lịch cũng như khai thác những tiềm năng du lịch của địa phương. Mạng lưới giao thông thuận lợi mới thu hút được du khách đến với địa điểm du lịch.

Mạng lưới thông tin liên lạc và internet: Giúp trao đổi thông tin, tìm kiếm dễ dàng các điểm du lịch mà mình thích từ đó lên kế hoạch cho chuyến đi giúp chuyến đi được thuận lợi. Mặt khác nhờ có mạng lưới thông tin và internet sẽ giúp các doanh nghiệp du lịch liên kết với nhau, trao đổi kinh nghiệm và cùng nhau phát triển.

Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch: Bao gồm trang thiết bị, phương tiện, cơ sở cần thiết để đón tiếp khách du lịch, nơi lưu trú cho du khách, khu vui chơi giải trí là yếu tố quan trọng để thoả mãn nhu cầu nghỉ ngơi cũng như giải trí của du khách từ đó thu hút được nhiều du khách hơn.

2.2.4.2. *Về xã hội*

Về khía cạnh xã hội có các nhân tố sau:

- *Sự tham gia của cộng đồng dân cư vào phát triển du lịch:* Sự tham gia của cộng đồng dân cư không những tạo thu nhập cho cộng đồng dân cư mà còn tăng tính trách nhiệm trong việc phát triển du lịch. Bên cạnh đó, để du lịch phát triển nhanh bền vững, vấn đề rất quan trọng là phải thực hiện xã hội hóa hoạt động này, vận động mọi người dân, mọi thành phần kinh tế cùng tích cực tham gia. Tuy nhiên, để xã hội hóa du lịch thành công và ngày càng bền vững yếu tố quyết định là ý thức của người dân.

Người dân phải biết giữ gìn, bảo vệ các nguồn tài nguyên du lịch, người dân phải tự giác giữ gìn môi trường sống của mình, bảo đảm xanh, sạch, đẹp, hấp dẫn du khách. Người dân phải có thái độ hòa nhã, lịch sự, văn minh khi tiếp xúc với du khách, cũng như phải chuyên nghiệp hóa dần các hoạt động phục vụ cho du khách. Nói cách khác, phải nâng cao trình độ dân trí của người dân.

- *Sự đóng góp vào bảo tồn và khôi phục các giá trị văn hóa:* Xu hướng khách du lịch ngày càng hướng đến gần gũi với văn hoá các dân tộc khác nhau để tìm hiểu, nhưng không gây tổn hại đến các cấu trúc xã hội hoặc văn hoá của cộng đồng. Các công trình kiến trúc cổ (nhà ở cộng đồng, nhà ở truyền thống, đình chùa...) được trùng tu; các làng nghề truyền thống được bảo tồn và phát huy giá trị gắn với du lịch; các đặc trưng văn hóa truyền thống được truyền đạt cho thanh niên; cộng đồng thấy tự hào khi khách du lịch tìm hiểu về văn hóa và giao lưu với họ. Phát triển du lịch bền vững sẽ là điều kiện thuận lợi nhất để những giá trị văn hóa đó được bảo tồn và phát huy một cách tốt nhất. Khuyến khích các bên liên quan (các cá nhân, cộng đồng, nhà điều hành tour và chính quyền) lập kế hoạch hành động; kiểm tra, giám sát và giáo dục mọi người thực hiện.

- *Giới và bình đẳng xã hội:* Phụ nữ được tham gia vào tất cả các hoạt động dịch vụ du lịch trên những cương vị khác nhau sẽ tạo sự bình đẳng về cơ hội việc làm và thu nhập, vị thế xã hội của người phụ nữ được nâng lên [27].

2.2.4.3. Về môi trường

- *Bảo tồn hệ sinh thái và đa dạng sinh học:* Sử dụng, khai thác tốt nhất các tài nguyên để phục vụ du lịch; có kế hoạch bảo tồn, nuôi dưỡng để không làm cạn kiệt nguồn tài nguyên, hệ sinh thái; bảo vệ tuyệt đối các di sản thiên nhiên và đa dạng sinh học. Cụ thể: cấm săn bắt động vật hoang dã; lập quỹ cộng đồng về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên từ nguồn thu du lịch; có các hoạt động nâng cao nhận thức về bảo tồn hệ sinh thái và đa dạng sinh học...

- *Nâng cao ý thức vệ sinh môi trường cho người dân và khách du lịch:* Phát triển du lịch đi đôi với việc quản lý chặt chẽ, hạn chế đến mức thấp nhất gây ô nhiễm môi trường từ các hoạt động du lịch như: rác thải; dầu mỡ, khói bụi do phương tiện giao thông thải ra trong quá trình phục vụ du lịch. Trồng cây xanh trong khu dân cư và khu vực công cộng, có nội quy bảo vệ môi trường [27].

2.2.4.4. Về quản lý Nhà nước

- *Cơ chế, chính sách và luật pháp của Nhà nước về phát triển hoạt động du lịch:* Nhận thức vai trò của du lịch đối với sự phát triển kinh tế- xã hội, nhiều địa phương đã xác định “phát triển du lịch là quốc sách”, hoặc “đưa ngành du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn”, việc xây dựng các cơ chế, chính sách tạo hành lang pháp lý minh bạch, công khai và ổn định là điều kiện cơ bản có tính quyết định cho phát triển du lịch. Đó là việc xây dựng cơ chế chính sách tạo điều kiện thuận lợi và dễ dàng cho: khách du lịch quốc tế vào- ra, cho việc đầu tư, liên doanh, liên kết các cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch, cho việc phát triển các loại hình dịch vụ đáp ứng nhu cầu của khách du lịch, việc phát triển cơ sở hạ tầng cho hoạt động du lịch phát triển... Một số nước xây dựng cơ chế miễn thị thực cho khách du lịch nước ngoài nhằm thu hút nhiều khách hoặc có chính sách khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực khách sạn và du lịch... Xây dựng Luật Du lịch, Luật Khách sạn, Luật Hướng dẫn viên du lịch, Luật Đại lý du lịch... để tạo một môi trường pháp lý cho hoạt động du lịch phát triển. Những chính sách tốt sẽ khuyến khích phát triển du lịch bền vững hoặc ngược lại sẽ kiềm hãm sự phát triển hoặc phát triển không bền vững. Do vậy, các cấp chính quyền phải luôn nhạy bén để hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm đáp ứng với yêu cầu thực tiễn xã hội đặt ra.

- *Sự ổn định an ninh- chính trị, trật tự an toàn xã hội:* Môi trường chính trị ổn định và đất nước hoà bình là điều kiện rất quan trọng cho các hoạt động du lịch phát triển. Chiến tranh, xung đột vũ trang, sự bất ổn định về chính trị đã hạn chế rất lớn đến việc phát triển du lịch. Điều này đã được minh chứng rằng, du lịch trên thế giới chỉ phát triển mạnh mẽ sau chiến tranh thế giới lần thứ II (1945), đất nước Iraq mặc dù nổi tiếng với vườn treo Babylon, là trung tâm của nền văn minh Trung Đông, nhưng do chiến tranh và nội chiến nên hoạt động du lịch không thể phát triển. Ở Việt Nam, trong những năm kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, hoạt động du lịch rất hạn chế. Bên cạnh đó, sự ổn định về chính trị, đảm bảo an ninh trật tự luôn là sự lựa chọn hấp dẫn của các công ty lữ hành, các tổ chức du lịch. Xu hướng hiện nay khách du lịch luôn tìm đến những nơi có điều kiện an ninh, chính trị ổn định, nhằm đảm bảo sự an toàn cho chuyến đi. Mặt khác, phát triển du lịch bền vững, nhằm tạo thu nhập cho cộng đồng, góp phần xóa đói giảm nghèo, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, giữ vững môi trường... các yếu tố này sẽ góp phần rất lớn vào việc ổn định chính trị xã hội

tại địa phương.

2.2.5. Các tiêu chí đánh giá phát triển du lịch bền vững

Tổ chức Du lịch thế giới đã đề xuất Bộ tiêu chuẩn đánh giá mức độ bền vững của phát triển du lịch như sau [26, 39]:

- *Quản lý bền vững*, gồm: (1) Thực thi hệ thống quản lý bền vững phù hợp với thực tế, quan tâm đến chất lượng, môi trường, văn hóa - xã hội, sức khỏe và các vấn đề an toàn; (2) Tuân thủ pháp luật và các quy định quốc gia và quốc tế (sức khỏe, môi trường); (3) Người du lịch được giáo dục định kỳ về vai trò của họ trong quản lý môi trường, văn hóa xã hội, sức khỏe và sự an toàn; (4) Đo lường sự thỏa mãn của khách hàng và có hành động điều chỉnh phù hợp; (5) Hoạt động xúc tiến chính xác, hoàn chỉnh và không hứa quá những gì có thể cung cấp; (6) Thiết kế và xây dựng công trình, cơ sở hạ tầng theo quy hoạch của địa phương; (7) Quan tâm các di sản tự nhiên, văn hóa và khu vực phụ cận trong thiết kế, thi công; tôn trọng quyền tiếp cận và sử dụng đất; (8) Áp dụng các nguyên tắc của địa phương về xây dựng bền vững; (9) Cung cấp thông tin diễn giải về các di sản văn hóa, tự nhiên và hướng dẫn hành vi tích cực của du khách tại các điểm này.

- *Lợi ích xã hội và kinh tế cho cộng đồng địa phương*: (1) Cổ vũ những sáng kiến phát triển cơ sở hạ tầng, xã hội và cộng đồng; (2) Sử dụng lao động địa phương và huấn luyện; (3) Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp bán các sản phẩm dựa vào văn hóa, lịch sử và tự nhiên của địa phương và cung cấp dịch vụ cho du khách; (4) Có quy tắc xử sự phù hợp với các hoạt động của cộng đồng bản xứ; (5) Không khai thác lao động trẻ vị thành niên kể cả khai thác tình dục; (6) Bình đẳng trong sử dụng lao động nữ và cộng đồng thiểu số địa phương; (7) Tôn trọng các bảo hộ của Luật quốc gia, luật pháp quốc tế về lao động và mức lương tối thiểu; (8) Các hoạt động không gây tổn hại các nguồn dự trữ cơ bản và vệ sinh cho cộng đồng.

- *Bảo tồn văn hóa*: (1) Tuân thủ các hướng dẫn và quy tắc ứng xử khi tham quan các điểm văn hóa, lịch sử nhằm giảm nhẹ các tác động từ du khách; (2) Đồ tạo tác khảo cổ, lịch sử không được phép mua bán hay trưng bày, trừ khi được phép; (3) Đóng góp cho bảo tồn di tích lịch sử, văn hóa, khảo cổ và các tài sản có ý nghĩa quan trọng về tinh thần, tuyệt đối không cản trở việc tiếp cận của cư dân địa phương; (4) Tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ của cộng đồng địa phương khi sử dụng các tác phẩm nghệ thuật,

kiến trúc hoặc các di sản văn hóa trong kinh doanh, thiết kế, trang trí, ẩm thực.

- *Lợi ích cho môi trường:*(1) Đánh giá hiệu ứng nhà kính từ các nguồn và tiến hành các thủ tục nhằm hạn chế; (2) Xử lý nước thải hiệu quả và sử dụng lại nếu có thể;

(3) Quản lý chất thải rắn theo hướng cực tiểu loại thải nếu không sử dụng lại hoặc tái sinh; (4) Quản lý việc sử dụng hóa chất độc hại như thuốc trừ sâu, sơn, vật liệu chùi rửa, dùng các vật liệu thay thế hoặc vô hại nếu có thể; (5) Giảm ô nhiễm tiếng ồn, ánh sáng, không khí và đất đai; (6) Nghiêm cấm tiêu thụ, mua bán các loại động vật hoang dã; (7) Không có động vật hoang dã bị giam giữ trừ khi có quy định khác; (8) Bảo tồn đa dạng sinh học; (9) Tương tác với các loài hoang dã không gây ra ảnh hưởng tiêu cực đến số lượng, cực tiểu vi phạm về sinh thái tự nhiên, đóng góp cho việc khôi phục và bảo tồn.

Cho đến nay, vẫn chưa có một bộ tiêu chuẩn thống nhất mang tính quốc tế về du lịch bền vững, nhất là ở cấp độ địa phương. Các tiêu chuẩn được thiết lập chủ yếu dựa trên sự thỏa thuận tự nguyện của các bên tham gia và họ sử dụng chúng trong kiểm định và cấp chứng nhận cho các doanh nghiệp hoặc các địa phương làm du lịch.

Để đánh giá tính bền vững của hoạt động du lịch, cần xây dựng bộ tiêu chuẩn đánh giá theo hướng đơn giản hơn, ít chỉ tiêu hơn và dễ đo lường và đánh giá hơn. Tác giả Nguyễn Đức Tuy trong nghiên cứu “*Thực trạng phát triển du lịch bền vững trên địa bàn Tây Nguyên*” [27] đã đề xuất Bộ tiêu chuẩn đánh giá gồm 4 nhóm như sau:

- Nhóm kinh tế gồm:

- (1) Tăng trưởng thu nhập du lịch đều đặn trong nhiều năm liên tục.
- (2) Số lượt khách du lịch tục tăng đều đặn trong nhiều năm liên tục.

- Nhóm xã hội gồm:

(3) Mức độ thân thiện của chính quyền địa phương và nhân dân địa phương đối với du khách.

(4) Tỷ lệ lao động đang làm việc trong ngành du lịch và thu nhập từ các hoạt động du lịch của người dân địa phương.

(5) Tỷ lệ các giá trị văn hóa, lịch sử được bảo tồn và phát huy.

- Nhóm môi trường gồm:
 - (6) Tỷ lệ các tài nguyên du lịch thiên nhiên được khai thác và bảo tồn.
 - (7) Tỷ lệ các điểm du lịch có xử lý thu gom rác thải.
- Nhóm Quản lý nhà nước gồm:
 - (8) Chính sách quản lý Nhà nước để phát triển du lịch bền vững tại địa phương.
 - (9) Công tác đảm bảo an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

Trong phạm vi Đề tài, tác giả sử dụng Bộ tiêu chuẩn này để đánh giá tính bền vững của hoạt động du lịch tại Đà Nẵng hiện nay.

2.3. Phương thức đánh giá tính bền vững của hoạt động du lịch

Để đánh giá tính bền vững của các hoạt động du lịch tại một điểm du lịch, khu du lịch, cần phải có những phương pháp thích hợp, chi phí thấp và tốn ít thời gian. Những phương pháp này một mặt là để đo sự thành công của công tác điều hành, quản lý du lịch, mặt khác, là để xây dựng hệ thống cảnh báo giúp cho các nhà quản lý phát hiện sớm tình trạng lâm nguy của một điểm du lịch, khu du lịch để đưa ra những giải pháp cụ thể, kịp thời và có hiệu quả. Hiện nay, có ba phương pháp đánh giá tính bền vững của du lịch được sử dụng: Dựa vào việc xác định sức chứa (khả năng tải), phương pháp PRA đánh giá nhanh tính bền vững dựa vào bộ chỉ tiêu môi trường và dựa vào các tiêu chí phát triển du lịch bền vững.

2.3.1. Đánh giá tính bền vững của hoạt động du lịch dựa vào sức chứa

Khái niệm sức chứa của điểm du lịch bắt nguồn từ nông nghiệp, trong việc chăn nuôi gia súc trên đồng cỏ. Các hộ chăn nuôi cần phải biết rõ từng mùa đồng cỏ có thể nuôi được tối đa bao nhiêu gia súc. Sau đó, khả năng tải được áp dụng vào lĩnh vực dân số để xác định số dân mà một vùng đất có thể tiếp nhận được. Việc áp dụng sức chứa vào một lĩnh vực xã hội trở nên khó khăn vì tính đa giá trị của hệ thống xã hội và nhân văn. Đối với du lịch có nhiều cách hiểu khác nhau về sức chứa. Theo D'Amore, 1983 [35] "*sức chứa là điểm trong quá trình tăng trưởng du lịch mà người dân địa phương bắt đầu thấy mất cân bằng do mức độ tác động xã hội không thể chấp nhận được của hoạt động du lịch*". Shelby và Heberlein, 1987 [35] thì cho rằng "*sức chứa là*

mức độ sử dụng mà vượt qua nó thì vi phạm tiêu chuẩn môi trường”.

Tổ chức Du lịch thế giới UNWTO định nghĩa “*sức chứa là số lượng người tới đã đến tham quan một địa điểm du lịch trong cùng một thời điểm mà không gây thiệt hại tới môi trường sống, môi trường kinh tế và môi trường văn hoá xã hội, đồng thời không làm giảm sự thoả mãn của du khách tham quan*”. Như vậy, sức chứa là số lượng người cực đại mà điểm du lịch có thể chấp nhận được, không gây suy thoái hệ sinh thái tự nhiên, không gây xung đột giữa cộng đồng dân cư địa phương với du khách và không gây suy thoái nền kinh tế của cộng đồng địa phương. Đối với khái niệm sức chứa du lịch, cần được hiểu từ các khía cạnh: Vật lý (hạ tầng), sinh thái, tâm lý, xã hội và quản lý.

- Về góc độ hạ tầng cơ sở: Số lượng du khách tối đa mà một điểm du lịch có thể chứa được. Điều này liên quan đến những tiêu chuẩn về không gian, về nhu cầu sinh hoạt (nước sinh hoạt, điện, phòng ngủ,..) của mỗi du khách.

- Về góc độ sinh thái: Số lượng khách du lịch mà tài nguyên ở điểm du lịch có thể đáp ứng mà không gây thiệt hại tới môi trường tự nhiên, không ảnh hưởng đến tập tục sinh hoạt của các loài thú hoang dã và không làm cho hệ sinh thái bị phá vỡ.

- Về góc độ tâm lý: Số lượng du khách mà điểm du lịch có thể chứa được trước sức ép tâm lý gia tăng. Hay nói cách khác, mức độ thoả mãn của du khách không bị giảm xuống dưới mức bình thường do tình trạng đông đúc gây ra.

- Về góc độ quản lý: Số lượng khách tối đa mà điểm du lịch có thể phục vụ được.

Nếu vượt quá giới hạn này thì năng lực quản lý (số lượng và trình độ nhân viên, phương tiện quản lý) của điểm du lịch không đáp ứng được nhu cầu du khách.

Tuy nhiên, theo Manning E.W. 1996 [38], phương pháp xác định sức chứa đối với ngành du lịch thường gặp những trở ngại sau:

- Ngành du lịch phụ thuộc nhiều vào thuộc tính của môi trường, cuộc sống hoang dã, lối ra bờ biển,... Mỗi thuộc tính có phản ứng riêng với những cấp độ khác nhau.

- Hoạt động của con người tác động lên hệ thống du lịch có thể từ từ và có thể tác động lên những bộ phận của hệ thống du lịch với những cấp độ khác nhau.

- Mọi môi trường du lịch là môi trường đa mục tiêu, cho nên phải tính đến cả việc sử dụng vào những mục đích khác nhau, đồng thời xác định chính xác mức độ sử dụng cho du lịch là rất khó khăn.

2.3.2. Đánh giá tính bền vững của các hoạt động du lịch dựa vào bộ chỉ tiêu môi trường của Tổ chức Du lịch thế giới

Để đánh giá mức độ phát triển của một điểm du lịch cụ thể, chúng ta thường dùng các chỉ tiêu đơn và bộ chỉ tiêu đơn. Tổ chức Du lịch thế giới WTO xây dựng hai bộ chỉ tiêu đơn là: Chỉ tiêu chung cho ngành du lịch bền vững và chỉ tiêu đặc thù cho các điểm du lịch. Mặt khác, theo phương pháp PRA (Participatory Rapid Appraisal-Đánh giá nhanh có sự tham gia của cộng đồng), hệ thống chỉ tiêu đánh giá nhanh tính bền vững của một điểm du lịch cũng được xây dựng và áp dụng rộng rãi [4, 41].

Bảng 2.2. Các chỉ tiêu chung cho du lịch bền vững

STT	Chỉ tiêu	Cách xác định
1	Bảo vệ điểm du lịch	Loại bảo vệ điểm du lịch theo tiêu chuẩn IUCN
2	Áp lực (stress)	Số du khách viếng thăm điểm du lịch (tính theo năm, theo tháng cao điểm)
3	Cường độ sử dụng	Cường độ sử dụng- thời kỳ cao điểm (người/ha)
4	Tác động xã hội	Tỷ số du khách/dân địa phương (thời kỳ cao điểm)
5	Mức độ kiểm soát	Các thủ tục đánh giá môi trường hoặc sự kiểm soát hiện có đối với sự phát triển của điểm du lịch và mật độ sử dụng
6	Quản lý chất thải	Phần trăm đường cống thoát tại điểm du lịch có xử lý (chỉ số phụ có thể là giới hạn kết cấu của năng lực cơ sở hạ tầng khác của điểm du lịch, ví dụ như cấp nước, bãi rác)
7	Quá trình lập quy hoạch	Có các kế hoạch nhằm phục vụ cho điểm du lịch (kể cả các yếu tố du lịch)
8	Các hệ sinh thái tới hạn	Số lượng các loài hiếm đang bị đe dọa

STT	Chỉ tiêu	Cách xác định
9	Sự thoả mãn của du khách	Mức độ thoả mãn của khách du lịch (dựa trên các phiếu thăm dò ý kiến)
10	Sự thoả mãn của địa phương	Mức độ thoả mãn của địa phương (dựa trên các phiếu thăm dò ý kiến)

Nguồn: Manning E.W, 1996 [38]

Ngoài các chỉ tiêu chung cho ngành du lịch, một số chỉ tiêu đặc thù của điểm du lịch cũng đã được UNWTO đưa ra, nhằm đánh giá tính bền vững của một điểm du lịch cụ thể.

Bảng 2.3. Các chỉ tiêu đặc thù của điểm du lịch

TT	Hệ sinh thái	Các chỉ tiêu đặc thù
1	Các vùng bờ biển	Độ suy thoái (% bãi biển suy thoái, bị xói mòn). Cường độ sử dụng (số người/1m bãi biển). Hệ động vật bờ biển/động vật dưới biển (số loài chủ yếu nhìn thấy). Chất lượng nước (rác, phân và lượng kim loại nặng).
2	Các vùng núi	Độ xói mòn (% diện tích bề mặt bị xói mòn). Đa dạng sinh học (số lượng các loài chủ yếu). Lối vào các điểm chủ yếu (số giờ chờ đợi).
3	Các điểm văn hoá (các cộng đồng truyền thống)	Áp lực xã hội tiềm tàng (tỷ số thu nhập bình quân từ du lịch/số dân địa phương). Tính mùa vụ (% số cửa hàng mở cửa quanh năm/tổng số cửa hàng). Xung đột (số vụ việc có báo cáo giữa dân địa phương và du khách).
4	Các đảo nhỏ	Lượng tiền tệ rò rỉ (% thua lỗ từ thu nhập trong ngành du lịch). Quyền sở hữu (% quyền sở hữu nước ngoài hoặc không thuộc địa phương đối với các cơ sở du lịch). Khả năng cấp nước (chi phí, khả năng cung ứng). Các thước đo cường độ sử dụng (ở quy mô toàn đảo cũng như đối với các điểm chịu tác động).

Nguồn: Manning E.W, 1996 [38]

Bộ chỉ tiêu của UNWTO đã được sử dụng nhiều nơi để đánh giá tính bền vững của một điểm du lịch và hoạt động du lịch. Tuy nhiên, nhiều chỉ tiêu không xác thực, khó đánh giá và rất khó xác minh chính xác như mức độ thoả mãn của du khách dựa trên phiếu thăm dò, loại bảo vệ điểm du lịch, tỷ lệ động vật trên bờ biển/động vật dưới biển, độ xói mòn đất, lượng tiền rò rỉ... Chính vì vậy, việc áp dụng các chỉ tiêu này chưa thật rộng rãi.

Để đánh giá tính bền vững của hoạt động du lịch, cần có những tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể và rõ ràng. Tác giả Nguyễn Tiến Dũng trong nghiên cứu “*Phát triển du lịch bền vững ở Phong Nha - Kẻ Bàng*” [4] đã đề xuất phương thức đánh giá hoạt động du lịch dựa vào ngoài 3 phân hệ: phân hệ sinh thái tự nhiên, phân hệ xã hội, nhân văn và phân hệ kinh tế, còn xuất hiện phân hệ thứ 4, đó là nhu cầu của khách du lịch. Tính bền vững của hệ thống mới chỉ đạt được khi tạo lập được mối cân bằng mới mà không biến đổi thành một hệ thống suy thoái. Tác giả cho rằng du lịch bền vững sẽ được thiết lập nếu thoả mãn các yêu cầu sau:

- Nhu cầu của du khách: Được đáp ứng cao độ.
- Phân hệ sinh thái tự nhiên: Không bị suy thoái.
- Phân hệ kinh tế: Tăng trưởng cho các doanh nghiệp và cộng đồng địa phương.
- Phân hệ xã hội nhân văn: Giữ gìn được bản sắc văn hoá truyền thống của cộng đồng địa phương trên cơ sở tăng cường văn minh do mở rộng giao lưu với du khách, với các nền văn hoá khác nhau.

Trên cơ sở kế thừa kết quả nghiên cứu của tác giả Nguyễn Tiến Dũng trong công trình “*Phát triển du lịch bền vững ở Phong Nha - Kẻ Bàng*” [4]. Trong phạm vi Đề tài, tác giả đánh giá tính bền vững của hoạt động du lịch dựa vào 4 phân hệ trên.

Bảng 2.4. Hệ thống chỉ tiêu môi trường dùng để đánh giá nhanh tính bền vững của điểm du lịch (Phương pháp PRA)

Chỉ tiêu	Cách xác định
1. Bộ chỉ tiêu về đáp ứng nhu cầu của khách du lịch	Tỷ lệ % số khách trở lại/tổng số khách + Số ngày lưu trú bình quân/đầu du khách + Tỷ lệ % các rủi ro về sức khoẻ (bệnh tật, tai nạn) do du lịch/số lượng du khách

Chỉ tiêu	Cách xác định
2. Bộ chỉ tiêu để đánh giá tác động của du lịch lên phân hệ sinh thái tự nhiên	<ul style="list-style-type: none"> + % chất thải chưa được thu gom và xử lý + Lượng điện tiêu thụ/du khách/ngày (tính theo mùa) + Lượng nước tiêu thụ/du khách/ngày (tính theo mùa) + % diện tích cảnh quan bị xuống cấp do xây dựng/tổng diện tích sử dụng do du lịch. + % số công trình kiến trúc không phù hợp với kiến trúc bản địa (hoặc cảnh quan)/tổng số công trình. + Mức độ tiêu thụ các sản phẩm động, thực vật quý hiếm (phổ biến- hiếm hoi- không có) + % khả năng vận tải sạch/khả năng vận tải cơ giới (tính theo trọng tải)
3. Bộ chỉ tiêu đánh giá tác động lên phân hệ kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> + % vốn đầu tư từ du lịch cho các phúc lợi xã hội của địa phương so với tổng giá trị đầu tư từ các nguồn khác + % số chỗ làm việc trong ngành du lịch dành cho người địa phương so với tổng số lao động địa phương + % GDP của kinh tế địa phương bị thiệt hại do du lịch gây ra hoặc có lợi do du lịch mang lại + % chi phí vật liệu xây dựng địa phương/tổng chi phí vật liệu xây dựng + % giá trị hàng hoá địa phương/tổng giá trị hàng hoá tiêu dùng cho du lịch
Bộ chỉ tiêu đánh giá tác động của du lịch lên phân hệ xã hội- nhân văn	<ul style="list-style-type: none"> + Chỉ số bức mình Doxey Irridex- DI (Doxey, 1976) + Sự xuất hiện các bệnh/dịch liên quan tới du lịch + Tệ nạn xã hội liên quan đến du lịch + Hiện trạng các di tích lịch sử- văn hoá của địa phương (so với dạng nguyên thủy) + Số người ăn xin/tổng số dân địa phương. Tỷ lệ % mất giá đồng tiền vào mùa cao điểm du lịch + Độ thương mại hoá của các sinh hoạt văn hoá truyền thống (lễ hội, ma chay, cưới xin, phong tục, tập quán...) xác định thông qua trao đổi với các chuyên gia.

Nguồn: Trần Tiến Dũng, 2007 [4]

2.4. Kinh nghiệm phát triển du lịch bền vững tại một số địa phương trên thế giới

2.4.1. Phát triển du lịch bền vững ở rừng mưa nhiệt đới Sukau của Malaysia

Làng Sukau nằm ven sông Kinabatangan tại bờ phía đông của Sabah, là khu vực lý tưởng cho dự án xây dựng nhà trọ nhằm thu hút du khách tham gia vào các chương trình du lịch sinh thái của Malaysia. Các nhà trọ nằm ẩn mình trong khu rừng nhiệt đới sẽ là một sản phẩm du lịch đặc hữu tạo ra sự hấp dẫn lôi cuốn đối với du lịch

sinh thái của Malaysia.

Ban đầu dự án này dự định thiết kế một kiểu kiến trúc nhà trọ 20 buồng với các khu nhà hàng được bố trí ngoài trời với các khu vườn sát đó. Nhưng sau đó, các nhà lập dự án đã hiểu rằng chỉ với việc xây dựng các khu nhà nghỉ đơn sơ, với số lượng dưới 20 phòng mới được Chính phủ Malaysia, Bộ Văn hóa-Nghệ thuật và Dịch vụ chấp thuận. Khi triển khai dự án, người dân địa phương sống trong khu vực này đã tỏ ý bất bình và hoài nghi rằng liệu việc phát triển các nhà trọ có đem lại lợi ích gì cụ thể cho cộng đồng hay không. Do khu vực này rất cách biệt và xa trung tâm, việc xem xét ý tưởng sử dụng năng lượng mặt trời để phát điện và đun nước nóng đã được đề cập tới. Việc sử dụng hệ thống pin mặt trời này đã đảm bảo cung cấp điện liên tục 24 giờ trong ngày không chỉ cho toàn bộ khu nhà trọ, mà còn đảm bảo cung cấp cho người dân địa phương, thay vì cung cấp điện 12 giờ trong ngày như trước của chính quyền địa phương. Công việc này bước đầu đã làm thỏa mãn lòng mong đợi của người dân địa phương.

Một trong những sản phẩm du lịch độc đáo của địa phương này là việc nhìn, ngắm các loài động, thực vật hoang dã của vùng rừng nhiệt đới. Trước đây, việc sử dụng các động cơ chạy xăng thường tạo ra tiếng ồn và ô nhiễm môi trường khiến các loài động vật hoang sợ và bỏ chạy. Bằng việc sử dụng các động cơ chạy bằng điện, du khách có thể tiếp cận gần hơn đối với các loài động vật hoang dã để chụp ảnh, quay phim hoặc cho ăn... Công ty lữ hành đầu tiên sử dụng động cơ điện đã được đồng đạo quần chúng ủng hộ, giúp đỡ, tạo điều kiện để phát triển. Bên cạnh đó, việc bảo dưỡng, duy tu các tấm pin mặt trời, thay thế các bộ nạp cũ kỹ tại các khu nhà trọ được chủ dự án giao cho cộng đồng địa phương đảm nhận. Điều này đã tạo cơ hội cho người dân sống trên địa bàn nâng cao thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống. Vai trò của phụ nữ cũng được đề cao trong dự án này. Việc điều hành, quản lý các khu nhà trọ được giao cho những người phụ nữ. Họ cũng vừa là người đầu bếp, đồng thời cũng vừa là người nhân viên trực tiếp phục vụ cho du khách. Các sản phẩm thủ công truyền thống cũng được những người phụ nữ tạo ra rất hoàn hảo để cung cấp cho khách du lịch có nhu cầu.

Có thể nói, dự án phát triển nhà trọ ở rừng mưa nhiệt đới Sukau, Malaysia là một điển hình về phát triển du lịch bền vững rất đáng được tham khảo.

2.4.2. Mô hình du lịch bền vững ở Hoàng Sơn - Trung Quốc

Hoàng Sơn là một vùng núi ở tỉnh An Huy, miền Đông Trung Quốc. Đây là khu danh thắng có cảnh quan thiên nhiên đẹp và là khu di tích lịch sử văn hóa, nằm trên diện tích 154 km², với 72 ngọn núi nhỏ, 2 hồ, 3 thác nước, 36 dòng suối khoáng, 24 dòng suối tự nhiên và 20 đầm lầy to nhỏ khác nhau. Tài nguyên thiên nhiên ở đây là rừng lá rụng, vùng đầm lầy, rừng thông và các loài động thực vật quý hiếm đang được bảo vệ. Sự tăng trưởng nhanh của du lịch tại Hoàng Sơn đã dẫn đến 5 vấn đề xuống cấp về môi trường như:

- Số loài động thực vật giảm xuống do việc xây dựng các công trình, đường sá, và đường cáp treo qua núi cùng với các dự án thủy lợi đã làm mất đi hoặc tổn hại đến thảm thực vật rừng, trong đó có nhiều loại thực vật quý hiếm.
- Xây dựng và phát triển đã làm giảm đi vẻ đẹp thiên nhiên. Xây dựng tràn lan ở điểm du lịch cảnh quan nổi tiếng Ôn Tuyền đã làm giảm đi vẻ đẹp của nó.
- Cấp nước sinh hoạt cho du khách đã làm lệch đi các hệ thống thủy văn. Các hồ chứa nước và các công trình chứa nước khác được xây dựng để đảm bảo cung cấp nước cho khách du lịch. Chính các đập chắn nước ngang qua suối đã gây ra sự thay đổi lớn đối với lưu vực sông.
- Một số điểm tham quan bị quá tải do số lượng du khách quá lớn, từ 282.000 khách năm 1979 lên đến 1.300.000 khách năm 1990.
- Chất thải rắn và nước thải gây ô nhiễm nghiêm trọng. Một số rác thải sinh hoạt được chôn, nhưng nước thải sinh hoạt lại đang chảy tự do xuống các thung lũng và vào các dòng sông gây tác hại cho chất lượng nguồn nước.

Để đối phó và quản lý các tác động môi trường tiêu cực gây ra bởi du lịch tại Hoàng Sơn, chính quyền tỉnh An Huy đã xây dựng một chiến lược bảo vệ khu du lịch bao gồm 10 điểm:

- (1) Tán thành nguyên tắc chỉ đạo “phòng ngừa”;
- (2) củng cố chương trình tổng hợp để lồng ghép các hành động quản lý là kế hoạch cần thiết;
- (3) Giám sát chất lượng nước, cung cấp và quản lý hệ thống nước;

- (4) Phân tán du lịch ra một khu rộng hơn;
- (5) Sử dụng hình thức tour tham quan đặt trước để điều tiết số khách đến tham quan một khu du lịch cụ thể nào đó;
- (6) Dừng hoạt động du lịch ở các khu có hệ sinh thái đang bị tổn hại để các hệ sinh thái nơi đây tự phục hồi qua các quá trình phát triển tự nhiên;
- (7) Thực hiện quản lý nghiêm ngặt hoạt động xây dựng trong khu du lịch; như vậy cảnh quan không bị hư hại và ô nhiễm sẽ giảm được tối đa. Các công trình xây dựng phải được thiết kế hài hòa với cảnh quan và các đặc tính của địa phương;
- (8) Thực hiện các biện pháp quản lý có lợi cho môi trường và đề cao sự giảm áp lực đến hệ sinh thái;
- (9) Tạo lập vườn thực vật và các khu dự trữ nguồn gen để có thể phục vụ cho công việc bảo tồn gen và cho các dự án khôi phục thảm thực vật;
- (10) Lập đài quan sát môi trường để phát hiện ra những biến đổi môi trường.

Chiến lược bảo vệ vùng núi Hoàng Sơn vẫn đang được thực thi. Đây là một nỗ lực lớn của chính quyền nhằm sửa chữa những sai lầm trong quá khứ và phòng ngừa những sai lầm trong tương lai. Mặc dù khu du lịch Hoàng Sơn vẫn còn tồn tại một vài biểu hiện suy thoái, nhưng rõ ràng các biện pháp, kế hoạch cần thiết để đạt được sự phát triển du lịch bền vững đã được thiết lập và thi hành một cách có hiệu quả. (IUCN, 1998) [12].

2.4.3. Kinh nghiệm của Philippines về phát triển du lịch sinh thái biển đảo gắn với bảo tồn

Philippines là quốc gia có đặc điểm lãnh thổ phân bố thành quần đảo rộng lớn, địa hình phong phú, đa dạng và bị chia cắt bởi nhiều núi non, là một quốc gia có lợi thế về cảnh quan biển đảo thơ mộng nên Philippines đã tận dụng được lợi thế này để phát triển các loại hình du lịch sinh thái biển. Trong ngành du lịch Philippines, việc duy trì và bảo vệ môi trường sinh thái để tiến tới phát triển du lịch bền vững được coi là nội dung ưu tiên trong chiến lược phát triển quốc gia. Năm 2010, Philippines đón 3,52 triệu lượt khách quốc tế, mang lại nguồn thu khoảng 5,43 tỷ USD. Tuy vẫn còn nhiều bất cập trong chiến lược phát triển du lịch cho từng vùng cụ thể của quốc gia này, nhưng những kinh nghiệm thành công của Philippines cũng cần cho các nước có

điều kiện phát triển tương đồng tham khảo. Để quản lý, khai thác có hiệu quả môi trường thiên nhiên, Chính phủ Philippines đã thành lập Bộ Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên. Bộ này có nhiệm vụ quản lý, bảo tồn, phát triển và sử dụng hợp lý tài nguyên môi trường của đất nước. Bộ Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên luôn quan tâm và hỗ trợ các sáng kiến của người dân trong bảo vệ, bảo tồn và phát triển. Đây chính là động lực góp phần nâng cao ý thức của người dân trong công tác bảo vệ môi trường và sinh thái. Ngoài ra, Chính phủ Philippines còn quan tâm đầu tư xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên quanh những vùng núi cao; các hải đảo đều được quy hoạch rõ ràng và được bao phủ bởi những vườn cây ăn trái.

Với hơn 7.000 hòn đảo, Philippines không có nhiều nguồn tài nguyên thiên nhiên. Để đáp ứng cho sự phát triển kinh tế nói chung và phát triển du lịch bền vững nói riêng, Chính phủ Philippines rất chú trọng đến việc khai thác năng lượng xanh, sạch, như nguồn năng lượng từ sức gió, ánh nắng mặt trời và năng lượng địa nhiệt. Bên cạnh đó, để phục hồi các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc phục vụ cho du lịch sinh thái- nhân văn, Chính phủ còn tiến hành các chương trình phục hồi các di sản văn hoá và lịch sử nhằm thông qua việc phát triển hoạt động du lịch bền vững với các sản phẩm du lịch văn hoá bền vững. Điển hình là việc quy hoạch khu du lịch thị trấn Vigan, định hướng quy hoạch xây dựng với mục tiêu tăng trưởng gắn bó mật thiết với việc phục hồi lại các di sản văn hoá và lịch sử. Bộ Du lịch (Philippines) đã ban hành một loạt các bộ luật mang nội dung bảo tồn các địa danh văn hoá, lịch sử có giá trị cho phát triển du lịch, xác định rõ Vigan là điểm du lịch văn hoá quan trọng. Hoạt động du lịch ở đây không chỉ góp phần bảo tồn và phát triển các di sản văn hoá truyền thống của Vigan phục vụ cho mục đích phát triển bền vững mà còn là nhân tố quan trọng góp phần vào việc phục hồi, phát triển các ngành công nghiệp, các ngành thủ công truyền thống trong khu vực như gốm sứ (Burnay), gạch Vigan cổ, dệt thủ công, nghề nhuộm vải. Đây có thể nói là những nhân tố góp phần thúc đẩy du lịch Philippines tăng trưởng bền vững trong thời gian qua.

2.4.4. Kinh nghiệm phát triển các đô thị biển ở Việt Nam

Nhìn lại bức tranh phát triển của một số đô thị du lịch biển ở Việt Nam, chúng ta sẽ thấy rõ hơn những thách thức của các đô thị du lịch biển trên con đường phát triển bền vững.

Những bài học kinh nghiệm quý giá có thể kể đến như sự phát triển khu vực Bãi Cháy do sự phát triển chậm trễ và yếu kém trong quản lý sau quy hoạch. Kiến trúc khách sạn, nhà nghỉ được thiết kế theo rất nhiều phong cách khác nhau, ngôn ngữ kiến trúc không đồng nhất, các giá trị cảnh quan đặc sắc của di sản vịnh Hạ Long hầu như chưa được khai thác để tham gia vào cấu trúc không gian cũng như hình thái đô thị du lịch. Tầm nhìn ra vịnh bị các công trình che khuất quá nhiều. Hệ thống không gian mở, quảng trường và các điểm nhấn đô thị chưa được quy hoạch thiết kế để tạo ra bản sắc kiến trúc đặc trưng cho thành phố di sản.

Và cuối cùng là bài học của sự đào núi và lấp biển. Nhiều quả đồi đã biến thành đồi trọc, nhiều thảm thực vật và nhiều loại động vật có nguy cơ biến mất, đất liền đang tiến dần ra biển để đô thị hóa các hòn đảo nguyên sơ của vịnh Hạ Long.

Bài học tiếp theo có thể kể đến đó là thành phố Vũng Tàu. Giống như Hạ Long, thiên nhiên ưu đãi cho Vũng Tàu rất nhiều tiềm năng và lợi thế: Vị trí giao thông thuận tiện, thế mạnh cảng biển, trung tâm dầu khí lớn nhất Việt Nam, khí hậu bốn mùa dễ chịu với bờ biển dài có nhiều bãi tắm tuyệt đẹp.

Với thế mạnh tổng hợp, Vũng Tàu cũng đã được hoạch định thành một trung tâm kinh tế, văn hóa, dịch vụ công cộng; trung tâm du lịch, dịch vụ hàng hải, phát triển cảng và khai thác dịch vụ dầu khí của cả nước. Toàn bộ hướng Tây Bắc Vũng Tàu sẽ dành cho công nghiệp và cảng biển. Toàn bộ hướng Đông- Đông Bắc sẽ dành cho phát triển du lịch biển.

Vũng Tàu đã thể hiện những lúng túng trong việc xác định một cách mạch lạc ranh giới các không gian khai thác tài nguyên và kiểm soát chất lượng môi trường của chúng nhằm tránh xa các xung đột mâu thuẫn trong quá trình phát triển.

Cũng đã có nhiều dấu hiệu ô nhiễm về chất lượng nước biển và môi trường không khí trong các không gian hoạt động du lịch tại Vũng Tàu và sức sống của một đô thị du lịch trong tương lai sẽ rất mong manh nếu như các nhà quản lý và hoạch định không đưa ra được những khẳng định đối với việc đảm bảo cho chất lượng của môi trường biển trong thời gian sắp tới trước sức ép của các ngành kinh tế khác.

Tuy nhiên, gần đây Vũng Tàu đã có những điều chỉnh theo chiều hướng tích cực tại khu vực không gian giáp biển. Du khách đã cảm thấy nhẹ nhõm và sáng khoái hơn rất nhiều vì được đón nhận không khí biển mà không bị che chắn bởi khối "lô cốt"

dịch vụ. Việc giải tỏa và thông thoáng không gian che chắn của trục đường ven biển vẫn đang là thách thức lớn đối với các đô thị du lịch biển khác như Nha Trang, Hạ Long... Đặc biệt việc quy hoạch các con đường sát biển dành cho các phương tiện giao thông cơ giới lớn, có tác động tiêu cực đến môi trường cảnh quan hoang sơ và tĩnh lặng của các bãi tắm ven biển, vẫn chưa được các nhà quản lý và đầu tư nhận thức như một bài học quan trọng cần rút kinh nghiệm tại các đô thị du lịch biển tại Việt Nam.

Cũng đang trong tình trạng tương tự là chuỗi các đô thị ven biển miền Trung. Trong những năm gần đây vùng biển ven biển này đã được đầu tư và phát triển phục vụ chiến lược phát triển du lịch của từng tỉnh và thành phố miền Trung. Tuy nhiên việc phát triển này còn thiếu cân đối, thiếu nhiều công trình công cộng khác, phục vụ nhiều nhu cầu khác của chiến lược phát triển du lịch, như:

- Các con đường ven biển, nhiều nơi làm rất rộng và rất sát mặt nước nhưng nó không phải là con đường du lịch, đôi khi nó còn dẫn đến phá vỡ không gian du lịch đặc biệt là sự xuất hiện của xe tải, xe chở hàng hóa tải trọng lớn hay tự phát hình thành những không gian công cộng khác có khi không liên quan gì đến phục vụ du lịch nghỉ dưỡng, đó là những khu tái định cư, những khu công nghiệp...

- Chưa nơi nào hình thành một trung tâm hoặc không gian công cộng ven biển phục vụ du lịch nghỉ dưỡng. Ven biển Mũi Né Phan Thiết nơi nào cũng chia lô, phân nền cho các công trình đơn lẻ liền kề mỗi lô là một khách sạn, một resort, một sân golf kèm theo nhà nghỉ cao cấp, biệt thự... Bên cạnh đó do bị phân lô, chia nền nên mật độ xây dựng thường rất cao, diện tích cây xanh, bãi cỏ, hồ nước ngọt bị hạn chế, đường đi nội bộ và bãi đỗ xe không nhiều vì không có sinh hoạt cộng đồng.

- Việc xử lý môi trường ở các khách sạn, resort riêng biệt là một vấn đề lớn mà lâu dài sẽ phát sinh ô nhiễm trầm trọng.

- Ngoài ra vùng đất ven biển, các đô thị ven biển miền Trung không chỉ để làm du lịch, nghỉ dưỡng. Ở đây có các cảng biển ngày một phát triển rộng lớn, kéo theo các khu công nghiệp: đóng tàu, sửa chữa tàu thuyền, các khu nuôi trồng, khai thác và chế biến thủy hải sản, các khu dịch vụ nghề cá, các rừng ngập mặn và rừng phòng hộ ven biển, cửa sông, các khu dân cư chuyên sống bằng nghề đánh bắt hải sản và thậm chí các khu công nghiệp sản xuất chế biến, dịch vụ khác... không liên quan gì đến

biển.

Các khu này có rất ít không gian công cộng có thể kết hợp hài hòa với chiến lược phát triển du lịch biển. Rất nhiều các khu vực như vậy gây nhiều trở ngại, hạn chế đến du lịch biển vì giao thông, vì khí hậu, tiếng ồn, vì ô nhiễm nguồn nước, vì che chiếm những không gian sinh cảnh...

2.4.5. Kinh nghiệm phát triển du lịch bền vững ở Phong Nha- Kẻ Bàng

Bên cạnh sự gia tăng về số lượng khách du lịch thì cơ sở vật chất ở Phong Nha- Kẻ Bàng phục vụ du khách không ngừng được nâng cấp, cải thiện, môi trường đã được quan tâm, giữ gìn, chất lượng phục vụ du lịch được nâng lên một bước và sự tham gia ngày càng tích cực của cộng đồng địa phương vào các hoạt động du lịch. Điều đó đã giúp cho Phong Nha- Kẻ Bàng có được sự hài lòng của du khách. Du lịch ở đây cũng góp phần xoá đói giảm nghèo, đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế- xã hội. Các tệ nạn xã hội liên quan đến du lịch như mại dâm, ma tuý, tội phạm nằm trong tầm kiểm soát của chính quyền địa phương. Tuy vậy, với lượng du khách tăng nhanh qua từng năm thì nơi đây phải đối mặt với lượng rác thải rất lớn, môi trường du lịch sinh thái bị ảnh hưởng không nhỏ, thời gian lưu trú của du khách ngắn (bình quân 1 ngày/khách), hiệu quả kinh doanh du lịch còn thấp. Trước những tồn tại trên, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình đã chỉ đạo cơ quan quản lý Nhà nước về du lịch phối hợp với các ngành và các tổ chức liên quan từng bước tháo gỡ vướng mắc như việc đưa ra chính sách khuyến khích đầu tư, phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ người dân sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường, đặc biệt là chính sách hỗ trợ người dân tộc thiểu số trong địa bàn khu du lịch ổn định cuộc sống và quan trọng hơn là nâng cao trách nhiệm về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, cảnh quan thiên nhiên của người dân.

2.5. Một số bài học kinh nghiệm cho phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam nói chung và ở Đà Nẵng nói riêng

Từ kinh nghiệm phát triển du lịch bền vững của một số địa phương trong và ngoài nước đã trình bày ở trên, có thể rút ra được một số bài học bổ ích đối với việc phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam nói chung, ở Đà Nẵng nói riêng như sau:

Thứ nhất, du lịch muốn phát triển nhanh bền vững, yếu tố quyết định là phải có sự quan tâm thỏa đáng của chính quyền Nhà nước các cấp. Chính quyền

phải ban hành chính sách phát triển du lịch, tạo hành lang pháp lý ổn định, phải quy hoạch phát triển du lịch chung cho quốc gia và cho từng địa phương, phải có sự đầu tư xây dựng đồng bộ và hiện đại hệ thống kết cấu hạ tầng, và quan trọng hơn cả là phải có các chính sách tốt để huy động mọi nguồn lực trong xã hội tham gia đầu tư phát triển du lịch.

Thứ hai, phải luôn kết hợp hài hòa cả ba mục tiêu: Tăng trưởng kinh tế- giải quyết các vấn đề xã hội và giữ gìn, bảo vệ môi trường sinh thái, tự nhiên trong quá trình phát triển du lịch. Coi nhẹ một yếu tố nào đó trong quá trình phát triển đều phải bị trả giá hết sức nặng nề.

Thứ ba, phải có sự liên kết chặt chẽ, bình đẳng và cùng có lợi giữa các quốc gia, các ngành, các địa phương trong từng quốc gia để khai thác tối đa mọi lợi thế về điều kiện tự nhiên- kinh tế- xã hội phục vụ cho phát triển du lịch. Muốn phát triển du lịch phải đặt trong mối quan hệ tương tác vùng. Vì vậy phải xây dựng chiến lược liên kết vùng trong phát triển du lịch.

Thứ tư, phát triển du lịch bền vững phải là một thành tố trong tổng thể phát triển chung kinh tế- xã hội. Việc quy hoạch phát triển du lịch nằm ngoài quy hoạch chung phát triển kinh tế- xã hội chắc chắn sẽ không thể đạt được mục tiêu phát triển một cách đầy đủ và đúng đắn.

Tóm lại, phát triển du lịch bền vững là xu thế, là đòi hỏi bức thiết hiện nay không chỉ của Việt Nam, mà còn của nhiều quốc gia trong khu vực và thế giới. Tuy nhiên, để phát triển du lịch bền vững đi nhanh, đi đúng hướng thì vấn đề quan trọng là phải nắm được các vấn đề lý luận và thực tiễn có liên quan đến nó, đặc biệt là nội dung và cách thức tiến hành phát triển du lịch bền vững.

TÓM TẮT CHƯƠNG 2

Phát triển du lịch bền vững là xu thế phát triển tất yếu, khách quan của du lịch đang được các nước trên thế giới quan tâm nhằm không chỉ đáp ứng nhu cầu hiện tại mà còn cho cả tương lai. Phát triển du lịch bền vững, có nghĩa là về mặt sinh thái phải được đảm bảo lâu dài, đồng thời có hiệu quả về mặt kinh tế và đảm bảo công bằng xã hội. Muốn phát triển du lịch một cách bền vững, thì hệ thống các chính sách, môi trường pháp lý phải luôn được đảm bảo thông thoáng, minh bạch và ổn định, một trật tự xã hội được tôn trọng.

Trên cơ sở một số kinh nghiệm phát triển du lịch bền vững trong và ngoài nước, Đề tài đã rút ra những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam nói chung và Đà Nẵng nói riêng trong phát triển du lịch bền vững thời gian đến.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

3.1. Tổng quan về thành phố Đà Nẵng

Thành phố Đà Nẵng là thành phố trực thuộc Trung ương, có diện tích 128.543 ha, nằm ở vị trí từ 15⁰55'20" đến 16⁰14'10" vĩ tuyến Bắc, 107⁰18'30" đến 108⁰20'00" kinh tuyến Đông, là một trong những thành phố cảng biển lớn nhất miền Trung. Phía Bắc thành phố giáp tỉnh Thừa Thiên- Huế, phía Nam và Tây giáp tỉnh Quảng Nam, phía Đông giáp biển Đông. Bao gồm 6 quận nội thành (Hải Châu, Thanh Khê, Liên Chiểu, Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn, Cẩm Lệ), 1 huyện ngoại thành (Hoà Vang) và 1 huyện đảo (Hoàng Sa).

Đà Nẵng nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa điển hình, nền nhiệt độ cao và ít biến động. Khí hậu mang đặc thù của nơi chuyển tiếp giữa hai miền Bắc và Nam nhưng nổi trội khí hậu nhiệt đới miền Nam. Đà Nẵng có hai mùa rõ rệt: mùa mưa (tháng 8 - 12) và mùa khô (tháng 1 - 7). Mùa mưa trùng với mùa bão nên thường có lũ lụt, mùa hè ít mưa, nền nhiệt cao gây hạn hán, một số cửa sông bị nước mặn xâm nhập, gây ảnh hưởng không tốt đến phát triển kinh tế và đời sống dân cư.



Hình 3.1. Bản đồ thành phố Đà Nẵng

Nằm ở trung độ của đất nước, Đà Nẵng cách Hà Nội 765 km về phía Bắc và cách thành phố Hồ Chí Minh 964 km về phía Nam, nối vùng Tây Nguyên qua Quốc lộ 14B, là cửa ngõ ra biển của Tây Nguyên và các nước: Lào, Campuchia, Thái Lan, Myanma đến các nước Đông Bắc Á qua tuyến Hành lang kinh tế Đông- Tây. Nằm ngay trên một trong những tuyến đường biển, đường hàng không quốc tế. Đà Nẵng còn là điểm nối các tuyến giao thông quan trọng như Quốc lộ 1A, đường sắt liên vận quốc tế Trung Quốc- ASEAN và có hệ thống cảng biển, sân bay quốc tế... tạo ưu thế về vị trí địa lý kinh tế trong tổng thể kinh tế của cả nước, xứng đáng là thành phố hạt nhân của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

Đà Nẵng cách các trung tâm kinh tế phát triển của các nước Đông Nam Á và Thái Bình Dương trong phạm vi bán kính khoảng 2.000 km, thuận tiện trong giao thương và thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội.

Bên cạnh đó, thiên nhiên ưu đãi cho Đà Nẵng nằm ở trung tâm di sản thiên nhiên, văn hoá thế giới: Phong Nha- Kẻ Bàng, Cố đô Huế, phố cổ Hội An và thánh địa Mỹ Sơn, chính vị trí này đã làm nổi rõ vai trò của thành phố Đà Nẵng trong khu vực, là trung tâm đón tiếp, phục vụ, trung chuyển khách. Không chỉ là tâm điểm của 04 di sản thế giới, thành phố Đà Nẵng còn có nhiều danh thắng tuyệt đẹp như bán đảo Sơn Trà, quần thể du lịch Bà Nà- Suối Mơ, danh thắng Ngũ Hành Sơn, “Thiên hạ đệ nhất hùng quan” Hải Vân,...

Với lợi thế về vị trí địa lý, cơ sở hạ tầng, đặc biệt là cảng biển và sân bay quốc tế, nguồn tài nguyên du lịch phong phú, bờ biển đẹp, nằm ở tâm điểm của các di sản thế giới của miền Trung và độ dày lịch sử, văn hoá, cách mạng đã tạo cho Đà Nẵng có nhiều tiềm năng và điều kiện để phát triển du lịch, đồng thời trở thành điểm đến hấp dẫn của du khách trong nước và quốc tế.

Về tăng trưởng kinh tế, xét cả giai đoạn 2005-2015, kinh tế Đà Nẵng đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 11,67%/năm, trong đó: công nghiệp- xây dựng tăng 11,3%; dịch vụ tăng 13,1%/năm và nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 0,4%/năm. GRDP bình quân đầu người được nâng lên rõ rệt, năm 2005 là 16,4 triệu đồng/người, 2015 là 61,6 triệu đồng/người, tăng gần 4 lần so với năm 2005.

3.2. Tài nguyên du lịch thành phố Đà Nẵng

3.2.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên

3.2.1.1. Địa hình, địa mạo và địa chất

Địa hình Đà Nẵng vừa có đồng bằng vừa có núi, vùng núi cao và dốc tập trung ở phía Tây và Tây Bắc, có nhiều dãy núi chạy dài ra biển, một số đồi thấp xen kẽ những đồng bằng hẹp. Đồng bằng ven biển là vùng đất thấp chịu ảnh hưởng của biển bị nhiễm mặn, lại là vùng tập trung nhiều cơ sở nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, quân sự và các khu chức năng của thành phố có khu dân cư đông đúc. Địa hình đồi núi chiếm diện tích lớn, phần lớn ở độ cao 700- 1.500 m, độ dốc lớn ($>40^\circ$), là nơi tập trung nhiều rừng đầu nguồn và có ý nghĩa bảo vệ môi trường sinh thái của thành phố. Đặc biệt, với kết cấu địa chất vững chắc thuận lợi cho việc bố trí các cơ sở công trình hạ tầng kỹ thuật.

3.2.1.2. Khí hậu

Đà Nẵng nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa điển hình, nền nhiệt độ cao và ít biến động. Khí hậu mang đặc thù của nơi chuyển tiếp giữa hai miền Bắc và Nam nhưng nổi trội khí hậu nhiệt đới miền Nam. Đà Nẵng có hai mùa rõ rệt: mùa mưa (tháng 8 - 12) và mùa khô (tháng 1 - 7). Mùa mưa trùng với mùa bão nên thường có lũ lụt, mùa hè ít mưa, nền nhiệt cao gây hạn hán, một số cửa sông bị nước mặn xâm nhập, gây ảnh hưởng không tốt đến phát triển kinh tế và đời sống dân cư.

Độ ẩm không khí trung bình là 83,4%; cao nhất vào các tháng 10, 11, trung bình từ 85,67 - 87,67%; thấp nhất vào các tháng 6, 7, trung bình từ 76,67 - 77,33%.

Lượng mưa trung bình hàng năm là 2.504,57 mm/năm; lượng mưa cao nhất vào các tháng 10, 11, trung bình từ 550 - 1.000 mm/tháng; thấp nhất vào các tháng 1, 2, 3, 4, trung bình từ 23-40 mm/tháng.

3.2.1.3. Tài nguyên biển

Đà Nẵng có bờ biển khá dài 70 km, có vịnh nước sâu với các cửa biển Liên Chiểu, Tiên Sa, có vùng lãnh hải thềm lục địa với độ sâu 200 m, tạo thành vành đai nước rộng lớn thích hợp cho phát triển kinh tế tổng hợp biển và giao lưu với nước ngoài.

Đà Nẵng nổi tiếng với nhiều bãi biển đẹp nằm rải rác từ Bắc đến Nam như Nam

Ô, Xuân Thiều, Thanh Bình, Tiên Sa, Sơn Trà, Mỹ Khê, Bắc Mỹ An, Non Nước... trong đó có những bãi tắm đã được du khách thập phương biết đến như những địa điểm nghỉ ngơi, thư giãn, tắm biển lý tưởng nhất trong khu vực.

Biển Đà Nẵng có độ sóng nhỏ, nước êm, nước trong xanh bốn mùa, ít bị ô nhiễm. Độ mặn vào khoảng 60%, độ an toàn cao. Một số nơi có nhiều san hô, nguồn động thực vật ven bờ và dưới bờ biển phong phú. Điều đặc biệt là hầu hết các bãi tắm đều gần trung tâm thành phố, đường sá thuận lợi; có thể đi đến bằng nhiều loại phương tiện khác nhau. Nước biển ấm, ít sóng nên khách có thể tắm gần như quanh năm; nhưng thích hợp nhất là mùa hè, khoảng từ tháng 5 đến tháng 8 dương lịch.

3.2.1.4. Tài nguyên rừng

Diện tích đất lâm nghiệp trên địa bàn thành phố khoảng 67.148 ha, tập trung chủ yếu ở phía Tây và Tây Bắc thành phố, bao gồm 03 loại rừng: Rừng đặc dụng: 22.745 ha, trong đó đất có rừng là 15.933 ha; Rừng phòng hộ: 20.895 ha, trong đó đất có rừng là 17.468 ha; Rừng sản xuất: 23.508 ha, trong đó, đất có rừng là 18.176 ha.

Rừng ở Đà Nẵng tập trung chủ yếu ở phía Tây huyện Hòa Vang, một số ít ở các quận Liên Chiểu, Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn. Tỷ lệ che phủ là 49,6%, trữ lượng gỗ khoảng 3 triệu m³. Phân bố chủ yếu ở nơi có độ dốc lớn, địa hình phức tạp.

Ngoài ý nghĩa kinh tế, rừng còn có ý nghĩa phục vụ nghiên cứu khoa học, bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển du lịch. Thiên nhiên đã ưu đãi ban cho thành phố các khu bảo tồn thiên nhiên đặc sắc như: Khu Bà Nà- Núi Chúa, Khu bán đảo Sơn Trà và Khu Nam Hải Vân.

3.2.1.5. Cảnh quan du lịch tự nhiên

Bên cạnh các tiềm năng về biển, rừng, thiên nhiên đã ưu ái ban tặng cho Đà Nẵng nhiều danh lam thắng cảnh kỳ thú như: Ngũ Hành Sơn, Bà Nà - Núi Chúa, bán đảo Sơn Trà, đèo Hải Vân, Suối Lương, Suối Hoa, suối Ngâm Đôi, núi Thần Tài... có giá trị lớn để khai thác, phát triển các loại hình du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng phục vụ du khách. Đặc biệt, quần thể du lịch Bà Nà- Suối Mơ được nhiều người ví là Đà Lạt, Sapa của miền Trung, cùng với "Nam Thiên danh thắng"- Ngũ Hành Sơn và "Thiên hạ đệ nhất hùng quan"- đèo Hải Vân là những điểm du lịch lý tưởng khi du khách đến với Đà Nẵng [12].

3.2.2. Tài nguyên du lịch nhân văn

3.2.2.1. Tài nguyên du lịch nhân văn vật thể

Đà Nẵng nằm trong vùng đất được tôn vinh là "Ngũ phụng tề phi" gắn liền với truyền thống hiếu học và say mê sáng tạo. Đà Nẵng là nơi giao lưu và hội tụ những nét văn hóa của nhiều vùng, miền trong cả nước với các di tích lịch sử, văn hóa nổi tiếng như Bảo tàng Chăm, Bảo tàng Quân khu V, Bảo tàng Đà Nẵng, Đình làng Túy Loan, Thành Điện Hải, Nhà hát Tuồng Nguyễn Hiền Dĩnh... Đà Nẵng nằm kế cận 06 di sản thiên nhiên và văn hóa thế giới của khu vực miền Trung- Tây Nguyên, bao gồm Cố đô Huế, Nhã nhạc Cung đình Huế, Phố cổ Hội An và Thánh địa Mỹ Sơn, Phong Nha- Kẻ Bàng, Không gian văn hóa Cồng Chiêng Tây Nguyên, rất thuận lợi cho phát triển đa dạng các loại hình du lịch như tham quan, nghiên cứu, văn hóa.

Bên cạnh đó, các di tích Mộ Ông Ích Khiêm, Bia chùa Long Thủ, Đình Quá Giáng, Đình làng Hải Châu, Đình làng Túy Loan, khu di tích K20... rất có tiềm năng trong việc phát triển loại hình du lịch văn hóa của thành phố cũng như của khu vực miền Trung.

3.2.2.2. Tài nguyên du lịch nhân văn phi vật thể

a. Các lễ hội

Các lễ hội truyền thống, lễ hội tôn giáo... là một bộ phận cấu thành nên nền văn hóa đậm đà bản sắc của người Việt nói chung và những nét độc đáo trong văn hóa của từng vùng miền và thành phố Đà Nẵng nói riêng. Các lễ hội lớn được tổ chức hàng năm tại Đà Nẵng như lễ hội Quán Thế Âm, lễ hội Cầu Ngư, lễ hội Đình làng Túy Loan, lễ hội trình diễn pháo hoa quốc tế... thu hút hàng ngàn người đến tham quan.

Lễ hội Quán Thế Âm: Lễ hội được tổ chức hàng năm tại khu du lịch Ngũ Hành Sơn. Lần đầu tiên được tổ chức vào năm 1960, nhân ngày khánh thành tượng Quán Thế Âm Bồ Tát ở động Hoa Nghiêm thuộc ngọn Thủy Sơn, phía tây Ngũ Hành Sơn. Hai năm sau, lễ hội được tổ chức nhân dịp khánh thành chùa Quan Âm ở động Quan Âm, là nơi phát hiện một khối thạch nhũ có hình tượng Phật bà Quán Thế Âm. Lễ hội Quán Thế Âm diễn ra trong 3 ngày (17, 18 và 19 tháng 2 âm lịch), bao gồm hai phần: phần lễ và phần hội. Theo truyền thống, phần lễ sẽ được tổ chức mang màu sắc lễ nghi Phật giáo với các nội dung: lễ rước ánh sáng; lễ khai kinh; lễ trai đàn chẩn tế; lễ thuyết

giảng về Bồ tát Quán Thế Âm và dân tộc; lễ rước tượng Quán Thế Âm. Phần hội gồm nhiều hoạt động văn hóa, thể thao mang đậm bản sắc truyền thống, kết hợp với hiện đại như kéo co, đẩy gậy, thiền trà, văn hóa ẩm thực, hát bài chòi, biểu diễn trống hội và múa trình tường, rước cộ, hóa trang, thả hoa đăng, thiền đăng trên sông...

Lễ hội làng Túy Loan: Hàng năm, vào ngày mùng 9 Tết, dân hai thôn Đông và Tây của làng Túy Loan cùng khách thập phương lại tập trung tại đình Túy Loan để mở hội. Lễ hội làng Túy Loan thường diễn ra trong hai ngày. Phần lễ gồm: lễ rước sắc phong và nhạc lễ dâng hương tế đình, giúp con cháu tưởng nhớ năm vị tiền hiền: Đặng, Lâm, Nguyễn, Trần, Lê, tuân chiếu vua Lê Thánh Tông đi mở mang bờ cõi về phương Nam, dừng chân chọn nơi đây để lập nghiệp khai khẩn làm ăn và đặt tên cho làng là Túy Loan. Phần hội gồm nhiều trò chơi dân gian vui nhộn như đẩy gậy, vật tay, kéo co diễn ra ngay trước sân đình... Nghề làm bánh tráng vốn từ lâu đã góp phần làm nổi tiếng làng Túy Loan nên trong phần hội không thể thiếu cuộc thi nướng bánh tráng. Hai thôn Đông, Tây thường cử ra những cô gái khéo tay nhất của thôn mình để tham gia cuộc thi này. Người chiến thắng trong cuộc thi không những mang lại vẻ vang cho thôn mình mà còn góp phần tôn vinh một nghề truyền thống lâu đời của làng. Lễ hội còn được bổ sung thêm nhiều trò chơi như thi gói bánh tét, thi đi xe đạp chậm... càng làm cho không khí lễ hội thêm phần náo nhiệt.

Tham dự lễ hội đình làng Túy Loan chính là một dịp để du khách gần xa hiểu thêm về một vùng đất, một phong tục và những con người chân chất đang gìn giữ truyền thống đáng quý của cha ông ngay trên mảnh đất quê hương mình.

Lễ hội Cầu ngư: Đà Nẵng có bờ biển dài và ngư trường rộng lớn, do đó, nghề chài lưới đã trở thành một ngành nghề mưu sinh của hàng ngàn gia đình qua bao thế hệ. Từ đó đã hình thành nhiều lễ hội liên quan đến nghề đi biển, trong đó có lễ hội Cầu ngư. Lễ hội Cầu ngư được tổ chức sôi nổi tại các làng chài, nhưng độc đáo và đặc sắc nhất phải kể đến lễ hội Cầu ngư tại Mân Thái thuộc quận Sơn Trà.

Lễ Cầu ngư có hai phần: lễ và hội. Phần lễ bao gồm lễ Nghinh Ông và lễ Cầu ngư. Lễ Nghinh Ông được bà con ngư dân tổ chức trang nghiêm với lễ rước trên biển. Sau đó là lễ Cầu ngư, cầu an cho dân vạn chài có một mùa biển an lành và bội thu. Phần hội được tổ chức sôi nổi, vui tươi, lành mạnh với các hoạt động văn hoá văn

nghệ, thể dục thể thao mang đậm sắc thái của bà con vùng biển như: thi đan lưới, thi làm gỏi cá, đua thuyền thúng, hô bài chòi; các môn thể thao: bóng đá bãi biển, kéo co, đẩy gậy với sự tham gia của đông đảo nhân dân và du khách đến xem cổ vũ.

Lễ Cầu ngư là dịp để ngư dân bày tỏ lòng thành với các vị thần linh bảo trợ cho nghề đi biển và thể hiện khát vọng bình yên của ngư dân, những người luôn phải đối mặt với nhiều bất trắc khi lên đênh trên biển. Đây cũng là dịp để họ bày tỏ sự thành kính, tưởng vọng tới các bậc tiền nhân; để cầu cho quốc thái dân an, mưa thuận gió hòa; mong có một mùa bội thu, đời sống được ấm no hạnh phúc. Lễ hội này còn nhằm mục đích bày tỏ sự đoàn kết, tương trợ giữa các vạn chài, đưa họ xích lại gần nhau thông qua các trò chơi tập thể diễn ra trong lễ hội.

Lễ hội pháo hoa quốc tế: Từ năm 2008, Đà Nẵng có thêm một loại hình du lịch văn hoá rất độc đáo, thu hút được sự tham gia đông đảo người dân trong nước và quốc tế đó là “Cuộc thi trình diễn pháo hoa quốc tế”. Quy mô ngày càng mở rộng với sự tham gia của nhiều nước. Là điều kiện thuận lợi để Đà Nẵng quảng bá hình ảnh tới bạn bè trong nước và quốc tế. Trong thời gian diễn ra lễ hội pháo hoa quốc tế, du khách cũng sẽ được thưởng thức các hoạt động sôi nổi và hấp dẫn như: diễu hành thuyền hoa, thả hoa đăng trên sông Hàn, đua thuyền truyền thống, lễ hội âm thực, các chương trình ca nhạc, nghệ thuật, triển lãm nghệ thuật sắp đặt đá Non Nước,...

b. Nghề và làng nghề thủ công truyền thống

Đến nay, Đà Nẵng còn giữ lại cho mình những làng nghề truyền thống như làng đá mỹ nghệ Non Nước, làng nước mắm Nam Ô, làng dệt chiếu Cẩm Nê... Các làng nghề hiện tại không chỉ đơn thuần là sản xuất, mà nó còn được đưa vào hoạt động du lịch văn hóa, góp phần nâng cao giá trị kinh tế, duy trì sự tồn tại và phát triển của các làng nghề.

Làng nghề đá mỹ nghệ Non Nước: Làng nghề đá mỹ nghệ Non Nước ở Ngũ Hành Sơn được hình thành vào khoảng thế kỷ XVII, cách đây khoảng bốn trăm năm, đã có một truyền thống phát triển lâu đời. Bấy giờ, sản phẩm chủ yếu của những di dân này chủ yếu phục vụ cho nhu cầu cuộc sống. Đó có thể là những hòn chì đá dùng để buộc neo tàu thuyền, các loại cối giã gạo, xay bột; sau đó là những sản phẩm điêu khắc bia mộ, đặc biệt là những đồ án hình rồng, phượng, rùa... để trang trí cho các mộ phần.

Ngoài ra, sản phẩm của họ còn phục vụ cho việc trang trí tại các chùa chiền, miếu mạo, lăng tẩm, cung đình... Nghề điêu khắc đá ở Non Nước đã được các nghệ nhân bảo tồn, gìn giữ và lưu truyền qua nhiều thế hệ, dần dần trở thành di sản và được phản ánh trong đời sống văn hóa, tinh thần của cộng đồng cư dân sống với nghề điêu khắc đá mỹ nghệ. Từ năm 1986, đất nước đổi mới, kinh tế phát triển, du khách trong và ngoài nước đến tham quan thắng cảnh Ngũ Hành Sơn và làng nghề truyền thống đá Non Nước tăng nhanh. Điều này đã tác động tích cực đến làng nghề đá Non Nước: sản phẩm làng nghề ngày càng phong phú, đa dạng, có giá trị thẩm mỹ và kinh tế cao nên được khách hàng trong và ngoài nước ưa chuộng. Nghề đá mỹ nghệ Non Nước là một trong những ngành sản xuất chính và mang lại lợi ích kinh tế khá cao cho quận Ngũ Hành Sơn. Sự phát triển của làng nghề một phần nhờ vào sự liên kết chặt chẽ với ngành du lịch.

Làng nghề nước mắm Nam Ô: Làng nghề nước mắm Nam Ô là nghề truyền thống, được hình thành từ đầu thế kỷ XX. Từ lâu, nước mắm Nam Ô đã nổi tiếng và sản phẩm đã được truyền nói qua nhiều thế hệ. Tuy nhiên nghề làm nước mắm ngày càng mai một, đặc biệt khi nghề làm pháo với thu nhập cao hơn du nhập vào. Trong thời gian gần đây, khi nghề sản xuất pháo bị cấm sản xuất, làng nghề nước mắm Nam Ô mới dần được khôi phục lại. Hiện tại quy mô làng nghề còn nhỏ, thị trường chưa ổn định, sản phẩm làm ra chủ yếu tiêu thụ tại chỗ.

Làng nghề chiếu cói Cẩm Nê: Nổi tiếng với các loại chiếu hoa truyền thống. Chiếu hoa Cẩm Nê đã từng được hiện diện ở nội triều các vua nhà Nguyễn; những nghệ nhân Cẩm Nê xưa cũng đã từng được các triều đại vua sắc phong, ban thưởng. Đây là làng nghề đã tồn tại từ lâu, nhưng hiện nay do bị cạnh tranh gay gắt bởi các sản phẩm chiếu dệt bằng máy, có chất lượng cao và mẫu mã phong phú, nên làng nghề đang gặp nhiều khó khăn, lao động tại làng nghề phần lớn đã cao tuổi, sản phẩm làm ra hạn chế về số lượng và mẫu mã chủng loại do đó làng nghề ngày càng mai một dần, hiện trong làng chỉ còn 4 - 5 hộ tham gia sản xuất chiếu.

Ngoài các làng nghề đã kể đến, trên địa bàn thành phố còn có các sản phẩm truyền thống như: Bánh tráng Tụy Loan, nón lá La Bông, khô mè Cẩm Lệ, nhưng chỉ phát triển nhỏ lẻ và hạn chế [12].

3.3. Điều kiện kinh tế- xã hội ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững Đà Nẵng

3.3.1. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa- hiện đại hóa

Trong thời gian qua, kinh tế Đà Nẵng có mức tăng trưởng khá ổn định và cao so với cả nước, tốc độ tăng GRDP bình quân giai đoạn 2010-2023 đạt 12%. Góp vai trò hết sức quan trọng trong sự tăng trưởng này, trước hết phải kể đến sự chuyển dịch cơ cấu của ngành công nghiệp và dịch vụ. Cơ cấu kinh tế giai đoạn 2001-2023 có sự chuyển dịch đáng kể theo hướng giảm tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản và tăng tỷ trọng ngành công nghiệp- xây dựng và dịch vụ. Năm 2001, ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 7,72% trong GRDP, ngành công nghiệp- xây dựng chiếm 41,66 % và ngành dịch vụ có tỷ trọng lớn nhất với 50,62 %. Đến năm 2015, tỷ trọng các ngành trong GRDP lần lượt là: nông, lâm nghiệp và thủy sản 2,4%, công nghiệp - xây dựng 35,9 % và dịch vụ 61,7 %; chỉ số phát triển bình quân giai đoạn 2010-2023 là 10,5%, trong đó chỉ số phát triển công nghiệp và dịch vụ năm 2023 so với năm 2014 lần lượt là 8,62% và 9,54%.

Bảng 3.1. Cơ cấu kinh tế của thành phố Đà Nẵng

Đơn vị tính: %

Năm	2001	2005	2010	2014	2023
Tổng số	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	7,72	6,01	3,2	2,62	2,4
Công nghiệp - Xây dựng	41,66	51,61	50,1	36,26	35,9
Dịch vụ	50,62	42,38	46,7	61,12	61,7

(Nguồn: Niên giám Thống kê thành phố Đà Nẵng)

Cơ cấu kinh tế thành phố đang có xu hướng chuyển dịch tích cực phù hợp với định hướng, yêu cầu của thời kỳ CNH- HĐH thành phố, phù hợp với Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XXI và Quyết định số 1866/QĐ-TTg ngày 08/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội thành phố Đà Nẵng đến năm 2030 [15]. Trong từng ngành kinh tế cũng có sự chuyển biến tích cực, sản xuất phát triển, cơ cấu ngành chuyển dịch theo hướng đáp ứng nhu cầu nội tại của nền kinh tế và đẩy mạnh xuất khẩu. Mức tăng trưởng này phù hợp với xu thế chuyển dịch cơ cấu kinh tế thành phố theo hướng giảm tỷ trọng

ngành nông nghiệp, tăng dần tỷ trọng ngành công nghiệp- xây dựng và dịch vụ. Tuy nhiên, nhìn chung tốc độ tăng trưởng kinh tế của thành phố đang còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố và chưa tương xứng với tiềm năng của thành phố hiện nay.

Bảng 3.2. GRDP theo giá thực tế phân theo thành phần kinh tế của TP. Đà Nẵng
Đơn vị tính: Triệu đồng

Năm	2001	2005	2010	2014	2023
Tổng số	3.208.823	5.701.553	32.777.000	57.821.000	63.327.000
Kinh tế nhà nước	1.514.590	3.157.588	8.103.000	13.515.000	14.829.000
Kinh tế ngoài nhà nước	1.272.832	1.783.443	17.864.000	31.625.000	34.031.000
Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	183.134	467.534	2.697.000	5.995.000	6.776.000
Tỷ trọng (%)	100	100	100	100	100
Kinh tế nhà nước	47,20	55,38	24,73	23,37	23,42
Kinh tế ngoài nhà nước	39,67	31,28	54,50	54,69	53,74
Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	5,71	8,20	8,17	10,37	10,70

Nguồn: Niên giám Thống kê thành phố Đà Nẵng

Khu vực kinh tế ngoài nhà nước có xu hướng tăng dần, tỷ trọng của khu vực này tăng từ 39,67% vào năm 2001 lên trên 53,74% trong năm 2023 và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển và chiếm khoảng 10,70% GRDP, song là khu vực luôn giữ mức tăng trưởng cao, đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế thành phố, mở rộng thị trường xuất khẩu và trong nước, thúc đẩy các hoạt động dịch vụ phát triển, tăng thu ngân sách, tiếp cận và đổi mới công nghệ nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.

3.3.2. Thu hút đầu tư tăng mạnh qua các năm

Trong giai đoạn 2010-2023, với nguồn vốn trong nước chiếm hơn 44% tổng số

vốn đầu tư, các nguồn vốn ODA, FDI và nguồn vốn tín dụng thương mại chiếm tỷ lệ 9,6%. Nhìn chung, sau thời kỳ suy giảm FDI vào Việt Nam nói chung và thành phố Đà Nẵng nói riêng (do khủng hoảng tài chính, tiền tệ khu vực năm 1997), nguồn vốn FDI vào Đà Nẵng những năm gần đây đã phục hồi và tăng cao.

Đà Nẵng đã tăng cường thực hiện chính sách vĩ mô, ổn định môi trường kinh tế như ổn định tỷ giá hối đoái, chính sách tiền tệ, chính sách tài khoá, chi tiêu công hợp lý, linh hoạt trong từng thời kỳ đã giúp kiểm chế được lạm phát. Chính việc thực hiện tốt những chính sách vĩ mô này đã tạo đà cho dòng vốn FDI đầu tư vào Đà Nẵng ngày càng tăng. Nguồn vốn FDI không ngừng tăng qua các năm, tăng cả về số vốn đăng ký và số vốn thực hiện. Đây là điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế thành phố trong thời gian đến.

Đến nay đã có 30 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Đà Nẵng, trong đó đứng đầu về số dự án là Nhật Bản với 78 dự án, tổng số vốn đầu tư lên tới 372,1 triệu USD, tiếp đến là Hàn Quốc với 37 dự án, tổng số vốn đầu tư là 710,1 triệu USD, Hoa Kỳ với 32 dự án, tổng số vốn đầu tư 329 triệu USD, ...

Bên cạnh đó, chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh của Đà Nẵng đạt thứ hạng cao qua nhiều năm, điều này chứng minh môi trường kinh doanh, chất lượng điều hành kinh tế và nỗ lực cải cách hành chính của chính quyền thành phố trong việc cải thiện môi trường kinh doanh.

Tuy hoạt động thu hút vốn đầu tư nước ngoài ở Đà Nẵng đạt nhiều kết quả tích cực nhưng vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế. FDI chưa tạo động lực phát triển nhanh, bền vững cho kinh tế địa phương. Nhiều dự án quy mô nhỏ, công nghệ đơn giản, gây ô nhiễm môi trường. Hiệu quả của các doanh nghiệp FDI còn thấp, còn hiện tượng chuyển giá trong đầu tư. Nhìn chung, thành phố chưa tận dụng hết cơ hội do hội nhập quốc tế mang lại, nhất là trong việc tăng cường xuất khẩu, thu hút đầu tư nước ngoài. Quy mô thu hút đầu tư thấp, các nhà đầu tư lớn, chiến lược vào lĩnh vực sản xuất còn rất ít.

3.3.3. Kết cấu hạ tầng phát triển tương đối hoàn thiện

3.3.3.1. Kết cấu hạ tầng kinh tế kỹ thuật

Cơ sở hạ tầng là yếu tố nền tảng bảo đảm cho kinh tế- xã hội nói chung, ngành du lịch nói riêng phát triển nhanh theo hướng văn minh, hiện đại và bền vững. Chính

vì thế, ngay từ sau khi trở thành thành phố trực thuộc Trung ương năm 1997, Đà Nẵng đã tập trung các nguồn lực cho việc đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội và môi trường của thành phố.

- Về giao thông:

+ Hệ thống đường bộ

Sau ngày giải phóng Đà Nẵng năm 1975, mới chỉ có 45 con đường với hơn 100 km là đường nhựa và thâm nhập nhựa. Đến nay, có hàng nghìn con đường với tổng chiều dài đường bộ thành phố với hơn 2000 km, tăng hơn 20 lần so với thời điểm năm 1975, các tuyến đường chính trong đô thị và đường quốc lộ chiếm gần 50% tổng chiều dài đường bộ. Nhiều công trình giao thông quan trọng được đầu tư như cầu sông Hàn, cầu Rồng, cầu Trần Thị Lý, cầu Cẩm Lệ, cầu Tuyên Sơn, cầu Thuận Phước, cầu Đò, các tuyến đường ven biển Hoàng Sa- Trường Sa, đường Phạm Văn Đồng, đường Bạch Đằng, đường Nguyễn Tất Thành, đường Hoàng Văn Thái và các tuyến đường vành đai,... đã tạo thành mạng lưới giao thông đồng bộ, hiện đại góp phần quan trọng phát triển dịch vụ du lịch. Hệ thống giao thông nội thị và nông thôn được kết nối đồng bộ. Đặc biệt, thành phố đã nhựa hoá và bê tông hoá trên 90% hệ thống giao thông nông thôn, tạo điều kiện phát triển cho các khu vực nông thôn, miền núi phát triển.

+ Hệ thống đường thủy

Nằm ở trung độ của đất nước, vấn đề giao thông đường biển của thành phố Đà Nẵng khá thuận lợi. Hệ thống cảng biển có độ móm sâu phù hợp với các tàu có trọng tải lớn, thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa trong ngoài nước. Cảng Tiên Sa là cảng biển lớn của Đà Nẵng và của khu vực miền Trung có khả năng tiếp nhận những loại tàu du lịch và tàu hàng có trọng tải lớn. Cảng Liên Chiểu là cảng nước sâu tự nhiên, là tiềm năng lớn để đầu tư phát triển trong tương lai.

Đường sông, Đà Nẵng có các sông Cu Đê, Thủy Tú, Cẩm Lệ bắt nguồn từ các dãy núi phía tây chảy xuống phía đông thành phố tạo ra sự giao thương khá thuận lợi giữa đồng bằng và miền núi. Riêng sông Hàn (hợp lưu giữa sông Cẩm Lệ và một nhánh sông Thu Bồn) có độ sâu từ 4-5m, rộng trên dưới 1000m, có lưu lượng dòng chảy 3m³/s, là đầu mối giao thông đường thủy, nối liền Đà Nẵng với các huyện đồng bằng, miền núi của tỉnh Quảng Nam.

+ Đường hàng không

Sân bay Đà Nẵng cách trung tâm thành phố 5km, là một trong ba cảng hàng không lớn của Việt Nam có cửa khẩu quốc tế. Sân bay có hai đường băng, có khả năng cho cất, hạ cánh các loại máy bay hiện đại như B747, B767, A320...

Khả năng tiếp nhận 400.000 tấn hàng hóa và 6 triệu hành khách/năm. Sân bay Đà Nẵng có gần 100 chuyến bay nội địa/tuần. Hiện nay, có 21 tuyến đường bay quốc tế trực tiếp đến Đà Nẵng.

+ Đường sắt

Đường sắt Hà Nội- Hồ Chí Minh đi gần song song với quốc lộ 1A với chiều dài 42km qua địa phận thành phố từ ga Lăng Cô đến giáp tỉnh Quảng Nam. Ga Đà Nẵng là một trong các ga chính của cả nước với chức năng: ga hàng hoá, hành khách, tác nghiệp kỹ thuật, đưa đón khách, ga kỹ thuật lập tàu và hàng hoá trên địa bàn thành phố. Hiện nay, theo quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý chủ trương giao Bộ Giao thông Vận tải và UBND TP Đà Nẵng nghiên cứu triển khai, nhà ga chính sẽ dời ra phía Tây Bắc thành phố, đồng thời di dời tuyến đường sắt ra phía Tây thành phố nối vào hầm đường sắt qua Hải Vân với quy mô hiện đại hơn và công suất lớn hơn sẽ đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa và hành khách tương tương lai.

- Cấp điện:

Hệ thống truyền dẫn và cung cấp điện được đầu tư nâng cấp thường xuyên. Cho đến nay, điện cung cấp cho các hoạt động sản xuất- kinh doanh- dịch vụ, cho chiếu sáng công cộng, cho sinh hoạt của mọi tầng lớp dân cư trên địa bàn thành phố được bảo đảm khá đầy đủ và khá ổn định (100% dân cư nông thôn đã được dùng điện lưới quốc gia).

- Cấp nước:

Đà Nẵng có 4 nhà máy cung cấp nước là nhà máy nước Cầu Đỏ, Sân Bay, Sơn Trà và Hải Vân với tổng công suất thiết kế 90.000m³/ngày đêm, đang khai thác 105.000m³/ngày đêm. Nguồn nước lấy từ sông Cầu Đỏ, các suối tại Sơn Trà và Hải Vân. Mạng lưới đường ống chuyển tải và phân phối khoảng 200km đường ống cấp I (Φ300-Φ900), 500km đường ống cấp II (Φ150-Φ200) và khoảng 1.500km đường ống cấp III

($\Phi 100$). Mạng lưới cấp nước đã phủ kín các quận Hải Châu, Thanh Khê, Sơn Trà; các quận, huyện còn lại đang đẩy mạnh đầu tư đảm bảo 95% dân số sử dụng nước sạch.

- Bưu chính - viễn thông:

Là một trong 03 trung tâm lớn về bưu chính- viễn thông của cả nước, nằm trên đường cáp quang quốc tế. Đài Cáp biển quốc tế nằm trên địa bàn phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn đủ khả năng đáp ứng một cách đầy đủ nhất các yêu cầu của mọi tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố và khu vực miền Trung và Tây Nguyên.

Hệ thống mạng truyền dẫn bao gồm 09 tuyến truyền dẫn nội tỉnh sử dụng phương thức truyền dẫn cáp quang và 03 tuyến truyền dẫn nội tỉnh sử dụng viba.

Toàn mạng hiện sử dụng trên 80 km cáp quang, 110.000 đôi cáp đồng, 305 km ống cống, 369 km đường cột, 1.899 bể cáp, 773 hộp cáp, 3.537 tủ cáp.

Ngành Bưu chính, Viễn thông hiện tại đủ khả năng đáp ứng nhu cầu về các công nghệ truyền dẫn hiện đại của khách hàng.

- Hệ thống ngân hàng, tín dụng:

Tại thành phố Đà Nẵng có chi nhánh ngân hàng Nhà nước và hàng trăm chi nhánh ngân hàng thương mại cổ phần lớn trong nước và quốc tế như: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ngân hàng Á Châu, Đông Á, Sacombank, Techcombank, Nam Á, Maritime Bank, HSBC,... Nhìn chung, hệ thống ngân hàng đã theo kịp với yêu cầu phát triển, cơ bản đáp ứng nguồn vốn cho sự phát triển của nền kinh tế nói chung và ngành du lịch nói riêng.

- Cơ sở hạ tầng y tế:

Từ khi bắt đầu thực hiện Đề án “Phát triển dịch vụ thành phố Đà Nẵng đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020”, nhiều cơ sở hạ tầng y tế thành phố đã và đang được tiếp tục đầu tư nâng cấp để hoàn thiện, tạo điều kiện cho ngành y tế có đủ cơ sở để triển khai các hoạt động chuyên môn; Trang thiết bị y tế luôn được chú ý đầu tư theo xu hướng phát triển hiện đại tạo điều kiện tăng cường các hoạt động y tế chuyên sâu; một số cơ sở y tế công lập được thành lập mới như Bệnh viện Phụ Sản - Nhi Đà Nẵng, Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang (cơ sở khám, chữa bệnh); thành lập Bệnh viện Ung bướu trên cơ sở sáp nhập Khoa Ung bướu Bệnh viện Đà Nẵng, Bệnh viện Ung thư; đầu tư xây dựng Trung tâm Tim mạch thuộc Bệnh viện Đà Nẵng; bệnh viện Đa

khoa quốc tế Vinmec, các cơ sở y tế tư nhân cũng liên tục phát triển như Bệnh viện Tâm Trí, Bệnh viện đa khoa Gia đình và nhiều cơ sở y tế tư nhân khác... Các cơ sở y tế về cơ bản đảm bảo phục vụ khách du lịch, tạo sự an tâm cho du khách.

- Hệ thống xử lý rác thải và nước thải:

Trong những năm qua, với nỗ lực toàn diện trong việc chú trọng phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường và đảm bảo yếu tố phát triển bền vững, công tác bảo vệ môi trường của Đà Nẵng có những chuyển biến tích cực. Thành phố đã triển khai dự án Điều tra và đánh giá hiện trạng, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý nước ngầm; ban hành các quy định về bảo đảm trật tự an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng, thi công trong các khu công nghiệp; thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp. Nhiều đề án, dự án về môi trường được tập trung cao độ như: xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc 05 ngành ưu tiên (sắt thép, giấy, vật liệu xây dựng, dệt nhuộm, chế biến thủy sản). Đặc biệt, thành phố đã triển khai dự án Phát triển bền vững, theo đó vấn đề thoát nước, thu gom chất thải rắn và nước thải được đưa về trạm xử lý tập trung, góp phần giải quyết cơ bản tình trạng ngập úng và ô nhiễm môi trường. Đến nay, tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải đã đạt trên 95%. Việc xử lý nước thải, đặc biệt là nước thải của các khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, khu nghỉ dưỡng, các nhà hàng, khách sạn đã được quan tâm đúng mức. Nhờ đó, Đà Nẵng là một trong những thành phố sạch và ít bị ô nhiễm nhất ở nước ta hiện nay.

3.3.3.2. Kết cấu hạ tầng xã hội

a. Các cơ sở văn hóa

Hiện nay thành phố có năm Bảo tàng: Bảo tàng Đà Nẵng, Bảo tàng Điêu khắc Chăm, Bảo tàng Hồ Chí Minh, Bảo tàng Khu V và Bảo tàng tư nhân Đồng Đình. Tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức tiên hành, sưu tầm hiện vật, nâng cao đời sống văn hoá và phát triển du lịch, kinh tế của thành phố.

Bảo tàng Đà Nẵng được thành lập từ năm 1998, diện tích dành cho trưng bày hơn 2.000m² và nằm trong khu vực Thành Điện Hải. Đây là một trong những điểm đến yêu thích của du khách.

Bảo tàng Điêu khắc Chăm, đây là Bảo tàng chuyên ngành. Với 1.750 hiện vật,

giới thiệu tập trung những di sản Nghệ thuật Điêu khắc là chứng tích của kinh đô Trà Kiệu, Thánh địa Mỹ Sơn, Phật viện Đông Dương... những trung tâm chính trị, kinh tế và văn hóa của Vương quốc Chămpa từ nhiều thế kỷ trước. Đây là một trong những bảo tàng tham quan chính của khách du lịch Đà Nẵng.

Bảo tàng Hồ Chí Minh là một bảo tàng được nhiều người ghé thăm. Bảo tàng được làm theo khuôn mẫu từ ngôi nhà thật của Hồ Chủ tịch ở Hà Nội với ao cá, nhà sàn, vườn cây... và những di vật của Hồ Chủ tịch, tạo ra một không gian vừa thiêng liêng vừa gần gũi, ấm áp hơi thở của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Bảo tàng Quân khu V là bảo tàng lưu giữ dấu ấn về sự nghiệp xây dựng và bảo vệ thành phố thân yêu của những người con đất Quảng qua các thời đại, đặc biệt là những năm tháng kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ.

Bảo tàng tư nhân Đồng Đình, đây là bảo tàng tư nhân đầu tiên ở thành phố Đà Nẵng được xây dựng trên diện tích gần 10.000 m² tại khu vực thượng lưu suối Bụt, bán đảo Sơn Trà. Bảo tàng Đồng Đình như một khu nhà vườn trung du được bố trí theo một quần thể kiến trúc hài hòa với thiên nhiên. Việc đưa Bảo tàng Đồng Đình vào hoạt động nhằm tạo thêm một địa chỉ văn hóa cho người dân và du khách đến thăm Đà Nẵng. Bảo tàng vừa là nơi trưng bày các sưu tập về văn hóa nghệ thuật, vừa là nơi tổ chức các sự kiện như trại sáng tác mỹ thuật và luân phiên trưng bày các tác phẩm mỹ thuật của các tác giả trong và ngoài nước.

Nhà trưng bày Hoàng Sa: Đây là một thiết chế văn hoá, lịch sử mang ý nghĩa chính trị đặc biệt. Đây là nơi trưng bày giới thiệu cho người dân Việt Nam và bạn bè quốc tế về những thông tin tư liệu giá trị về quy trình khai thác, xác lập và bảo vệ chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trên biển Đông qua các bằng chứng lịch sử. Nhà trưng bày gồm hệ thống tư liệu bằng hình ảnh sinh động và hệ thống bản đồ, sa bàn tổng quan về vị trí địa lý tự nhiên, hành chính của huyện đảo Hoàng Sa; những tư liệu chứng minh chủ quyền của Việt Nam đối với Hoàng Sa.

Bên cạnh đó, trên địa bàn thành phố có hệ thống Nhà Truyền thống như: Nhà Truyền thống xã Hòa Hải, Nhà Truyền thống Công An Đà Nẵng, nhà Truyền thống K.20, Nhà Truyền thống quận Thanh Khê, Khu căn cứ Huyện uỷ Hoà Vang... Tuy nhiên, phần lớn đều đang trong tình trạng bị xuống cấp, cần đầu tư sửa chữa, nâng cấp.

b. Các khu vui chơi giải trí

Với hệ thống các thiết chế văn hóa- thể thao như nhà hát Tuồng Nguyễn Hiền Dĩnh, nhà hát Trưng Vương, cung thể thao Tiên Sơn, đây là nơi thường xuyên diễn ra các hoạt động ca múa nhạc, xiếc tạp kỹ và các môn thi đấu thể thao trong nhà như cầu lông, bóng đá mini... phục vụ một phần nhu cầu vui chơi, giải trí của người dân thành phố.

Bên cạnh đó, hoạt động vui chơi giải trí của người dân, đặc biệt của giới trẻ còn được đáp ứng thông qua hệ thống các cơ sở chiếu phim như rạp Lotte Cinema, MegaStar, BHD, CGV... Tuy nhiên việc quản lý nội dung phim được chiếu, đảm bảo sự phát triển bền vững của văn hóa là vấn đề cần đặt ra đối với các nhà quản lý.

Ngoài công viên 29/3, công viên Châu Á, Helio Center thì hệ thống các công viên, các khu vui chơi giải trí tập trung dành cho người dân và du khách trên địa bàn thành phố khá khiêm tốn.

c. Các cơ sở đào tạo du lịch

Về hệ thống cơ sở đào tạo về du lịch, hiện nay trên địa bàn thành phố có trên 20 cơ sở đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch, trong đó có 10 cơ sở đào tạo có khoa chuyên ngành du lịch với các cấp độ như: Đại học, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp nghề. Trong đó, trường Đại học Đông Á, trường Cao đẳng nghề Du lịch Đà Nẵng là những đơn vị chuyên đào tạo về du lịch.

Các hiệp hội nghề nghiệp như: Hiệp hội Du lịch thành phố, Hiệp hội Khách sạn, Chi hội Hướng dẫn viên được thành lập nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hỗ trợ nhau cùng phát triển.

Nhìn chung, hạ tầng phục vụ cho du lịch Đà Nẵng phát triển tương đối đồng bộ. Đây là nền tảng vật chất quan trọng để ngành du lịch thành phố phát triển bền vững trong tương lai.

3.3.4. Phát triển nguồn nhân lực du lịch

Cũng như các ngành kinh tế- xã hội khác, hoạt động du lịch luôn gắn liền với yếu tố dân cư, lao động. Nguồn nhân lực không chỉ đơn thuần là lực lượng lao động mà còn là những yếu tố tạo dựng hình ảnh sản phẩm du lịch, hình ảnh doanh nghiệp và của cả ngành du lịch của một địa phương, một quốc gia du lịch. Phát triển nguồn nhân lực du lịch vừa có tính cấp bách, vừa mang ý nghĩa chiến lược và cũng là vấn đề có ý

nghĩa hết sức quan trọng, phải đặt lên vị trí hàng đầu trong quá trình phát triển của du lịch Đà Nẵng.

Lực lượng lao động làm việc trong ngành du lịch hiện nay khoảng 13.903 người, chiếm 3,2% trong tổng số nhân lực toàn thành phố (436.400 người) và chiếm 6,21% số lao động ngành dịch vụ toàn thành phố (223.838 người), trong đó tập trung chủ yếu ở lĩnh vực khách sạn chiếm 47,2%, nhà hàng chiếm 34,2%, quản lý nhà nước chiếm 0,5%. Chất lượng nguồn nhân lực du lịch tuy có bước phát triển nhưng chất lượng chưa cao, số lao động được đào tạo đúng chuyên môn về du lịch thấp, chỉ chiếm 40,6% số lao động toàn ngành, nhà hàng chỉ chiếm 16,4%, khách sạn 49,4%, lao động chưa có ngoại ngữ chiếm 61,97% (nguồn: *Đề án phát triển nguồn nhân lực*).

Lực lượng lao động của ngành du lịch tuy đông nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập, chất lượng lao động nhìn chung vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển du lịch trong xu thế hội nhập và phát triển. Nhìn chung, ngành du lịch Thành phố đang ở trong tình trạng “*vừa thừa, vừa thiếu*” lao động. Thừa lao động lớn tuổi, chưa được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ, thiếu lao động được đào tạo cơ bản về chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ. Số lượng hướng dẫn viên biết các ngoại ngữ như Tây Ban Nha, Thái... rất ít trong khi số lao động có trình độ trung cấp, sơ cấp chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số lao động của ngành.

Thị trường du lịch đòi hỏi nguồn nhân lực phong phú, đa dạng, có chất lượng, thường xuyên giao tiếp rộng và trực tiếp với khách hàng. Do đó, đòi hỏi đội ngũ cán bộ nhân viên làm công tác du lịch và quản lý hoạt động du lịch phải chuyên nghiệp và có kỹ năng nghiệp vụ cao, đặc biệt là đội ngũ hướng dẫn viên. Nhưng số lượng này lại quá ít (năm 2015 chỉ có 415 hướng dẫn viên) nên cường độ làm việc của họ trong mùa du lịch khá cao, gây ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng phục vụ.

Đội ngũ nhân viên đầu bếp, phục vụ phòng, phục vụ bàn... cũng hạn chế. Các doanh nghiệp kinh doanh khách sạn, nhà hàng, nhất là các khu nghỉ mát 4 - 5 sao đang thiếu đội ngũ nhân viên chế biến món ăn, đặc biệt là bếp trưởng. Vì thế nhiều bếp trưởng các nhà hàng, khách sạn phải đứng bếp liên tục 12 giờ/ngày.

Công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực du lịch của thành phố trong những năm qua đã và đang được quan tâm. Thành phố cũng có những cố gắng nhất định

trong việc nâng cao chất lượng lao động ngành du lịch, xây dựng quy trình đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao năng lực lao động ngành du lịch; đổi mới các hình thức đào tạo, đẩy mạnh phương thức xã hội hóa; nâng cao nhận thức, từng bước chuẩn hóa chuyên môn, nghiệp vụ, chuyên nghiệp hóa đội ngũ nhân viên du lịch.

Với công tác quản lý, thành phố đã cử cán bộ tham gia vào các lớp đào tạo, bồi dưỡng tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ ở trong nước và nước ngoài.

Thành phố đã mở và duy trì các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ cho cán bộ, lao động trong ngành, tổ chức các lớp đào tạo nghề du lịch miễn phí, nghiệp vụ cứu hộ, tổ chức khóa tập huấn về kiến thức sơ cấp cứu ban đầu cho hướng dẫn viên du lịch, tổ chức thi nâng bậc tay nghề hàng năm cho nhân viên các khách sạn. Bên cạnh đó, thành phố cũng có các lớp tập huấn chương trình “Nụ cười thân thiện” cho nhân viên tại các đơn vị kinh doanh cơ sở lưu trú và dịch vụ du lịch. Tổ chức tọa đàm với chủ đề “*Phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp trong việc nâng cao chất lượng phục vụ của đội ngũ hướng dẫn viên*” nhằm từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch Đà Nẵng.

Nhờ đó, tỷ trọng lực lượng lao động có trình độ tham gia vào lĩnh vực du lịch có xu hướng tăng. Đội ngũ làm công tác quản lý Nhà nước và sự nghiệp du lịch cũng được đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học và các nghiệp vụ khác.

Tuy nhiên, vẫn còn một số khó khăn, bất cập trong công tác đào tạo, bồi dưỡng nhân lực du lịch như: chất lượng đào tạo của các cơ sở chưa đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp; đa số người học vẫn thích học đại học các ngành quản trị kinh doanh du lịch hoặc các nghề lễ tân, hướng dẫn trong khi đó nhân lực các nghề chế biến món ăn, phục vụ buồng, bàn thì chưa được người học ưa chuộng dù nhu cầu của thị trường cũng khá lớn.

3.4. Thực trạng phát triển du lịch bền vững ở Đà Nẵng thời gian qua

3.4.1. Về kinh tế

3.4.1.1. Khách du lịch

Tốc độ tăng trưởng về khách du lịch bình quân hàng năm giai đoạn 2011-2023 là 20,14%.

Năm 2011, tổng lượt khách du lịch đạt 2.375.000 lượt, tăng 34,2% so với năm

2010. Năm 2023, tổng lượt khách du lịch ước đạt 4.682.000, tăng 22,6% so với năm 2014, gấp 1,97 lần so với năm 2011 và tăng gấp 2,65 lần so với giai đoạn 2000-2010; trong đó khách quốc tế tăng bình quân 25,46%, khách nội địa tăng bình quân 18,56%.

Thời kỳ 2000-2023, nhịp độ tăng trưởng khách nội địa tương đối nhanh, đạt 20,6%, với nhịp độ tăng trưởng như vậy là tương đối cao, gây sức ép cho quá trình phát triển kết cấu hạ tầng du lịch thành phố.

Thị trường khách quốc tế: Giai đoạn 2001-2008, số lượng du khách đến du lịch Đà Nẵng từ nhiều quốc gia, chủ yếu từ các quốc gia Châu Âu và Bắc Mỹ, trong đó dòng khách đến chủ yếu từ Mỹ, Pháp, Đức, Anh. Gần đây là các nước thuộc Châu Á. Năm 2012, thị phần khách quốc tế có sự thay đổi, khách Nhật bản chiếm 16,75%; khách Đức chiếm 5,81%; khách Pháp chiếm 15%; khách Thái Lan chiếm 17,72%; khách Mỹ chiếm 5,74%; còn lại 38,21% là khách ở các thị trường khác như Úc, Hàn Quốc, Trung Quốc, Tây Ban Nha...

Bảng 3.5. Số lượt khách đến Đà Nẵng

ĐVT: nghìn người

Năm Lượt khách	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023
Tổng số	393	659	1,770	2375	2659	3117	3818	4682
Khách nội địa	208	432	1,400	1840	2028	2374	2863	3416
Khách quốc tế	185	227	370	535	631	743	955	1266

Nguồn: Báo cáo của Sở Du lịch Đà Nẵng năm 2023

3.4.1.2. Thời gian lưu trú bình quân của du khách

- Khách trong nước: Năm 2023 là 2 ngày/khách (tăng thêm 0,27 ngày/khách so với năm 2011).

- Khách quốc tế: Năm 2023 là 2,4 ngày/khách (tăng thêm 0,45 ngày/khách so với năm 2011).

- Chi tiêu bình quân 1 lượt khách du lịch tại Đà Nẵng năm 2011 là 1,86 triệu

đồng; năm 2023 là 2,665 triệu đồng, tăng 43,3% so với năm 2011.

Xem xét tổng doanh thu ngành dịch vụ thì doanh thu ngành du lịch và số lượng du khách như hiện nay chưa đáp ứng yêu cầu bền vững, mới chỉ đáp ứng tăng về số lượng. Trong khi đó, mức chi tiêu của du khách thấp, thời gian lưu trú ngắn, du khách chủ yếu dừng chân mua sắm nhỏ, khách du lịch chủ yếu kết hợp với mục đích đầu tư, tìm kiếm thị trường, thăm người thân. Mặt khác, sản phẩm du lịch kém hấp dẫn, chưa tạo ra những sản phẩm có giá trị, sức hấp dẫn, chưa có sự nghiên cứu thị trường về khách hàng nên hạn chế trong việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ để kích cầu chi tiêu của du khách.

Vấn đề đặt ra đối với phát triển du lịch bền vững từ góc độ kinh tế là chất lượng nguồn khách du lịch. Cần phải khai thác nguồn tài nguyên, đầu tư hình thành những sản phẩm du lịch có giá trị cao, hấp dẫn để thu hút khách du lịch thuần túy, lưu giữ du khách nhiều ngày hơn và tăng chi tiêu mua sắm của họ.

3.4.1.3. Doanh thu của ngành du lịch

Trong những năm gần đây, doanh thu du lịch của thành phố Đà Nẵng tăng trưởng khá cao, nhịp độ tăng trưởng bình quân trong 15 năm đạt 22,1%. Trong đó, lĩnh vực dịch vụ du lịch tăng 21,6%, lữ hành tăng 15,5%. Sở dĩ nhịp độ tăng trưởng ngành du lịch Đà Nẵng cao như vậy ta có thể lý giải như sau:

- Do ngành du lịch của Đà Nẵng còn non trẻ cho nên quy mô còn nhỏ bé (*giá trị tuyệt đối*) cho nên thời kỳ đầu của quá trình phát triển dễ đạt nhịp độ cao.
- Doanh thu ngành du lịch được tính theo thời giá hiện hành cho nên nhịp độ tăng trưởng bình quân bao gồm cả yếu tố trượt giá, nếu mức độ trượt giá bình quân mỗi năm khoảng từ 6% đến 7% thì nhịp độ tăng thực sự của doanh thu còn từ 14% đến 15 % mỗi năm.

Bảng 3.6. Doanh thu hoạt động du lịch dịch vụ trên địa bàn Đà Nẵng*ĐVT: tỷ đồng*

Chỉ tiêu Năm	Doanh thu DL	Lũ hành	Dịch vụ ăn uống, vui chơi giải trí	Khác	Doanh thu ngành DL theo giá TT
2011	255,7	82,6	131,0	42,1	2840
2012	290,3	84,3	161,9	44,1	2883,4
2013	406,5	82,8	286,3	37,4	5223,5
2014	435	82,8	283,6	37,4	6384,7
2015	625,8	138,4	367,5	119,9	7766,7
2016	874,9	274,2	432,1	168,6	10427,9
2017	891	206,7	505,9	178,4	10427,9
2018	1777,9	371	1180,3	226,6	12703,7
2019	2151,3	430,4	1786,8	267,4	14736,3
2020	2603,1	499,3	2269,2	315,5	17094,1
2021	3149,8	579,2	2881,9	372,3	19829,2
2022	4164,2	618,1	3059,1	487	21658,8
2023	4824,8	683,1	3381,7	760	25913,4
Tăng trưởng	22,1%	15,5%	21,6%	19,4%	14,3%

Nguồn: Báo cáo thống kê của Sở Du lịch, Sở VH – TT& DL, Niên giám thống kê

Bảng 3.7. Mức chi tiêu bình quân của một du khách tại Đà Nẵng

Năm \ Chỉ tiêu	Chỉ tiêu bình quân (1000đ)	Quốc tế (USD)	Nội địa (1000đ)
2012	597	67	300
2013	616	64	400
2014	562	50	440
2015	611	69	470
2016	689	50	550
2017	870	61	550
2018	1110	72	678
2019	1860	149,6	1235,3
2020	1900	151,5	1500,7
2021	2254	157,7	1638
2022	2375	163,1	2020,1
2023	2665	177,2	2151,8
Tăng trưởng	2,8%	8,9%	10,1%

Nguồn: Báo cáo thống kê Sở Du lịch Đà Nẵng

Vấn đề đặt ra là nhịp độ tăng trưởng của du lịch như vậy có ảnh hưởng đến phát triển bền vững hay không?

Để trả lời câu hỏi trên, trước hết cần xem xét mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tăng trưởng doanh thu du lịch. Theo Niên giám thống kê cho thấy, nhịp độ tăng trưởng kinh tế bình quân thời kỳ 2000- 2023 đạt 12% thấp hơn nhịp độ tăng trưởng doanh thu du lịch khoảng 10%, điều này hoàn toàn cho phép và có thể lý giải như sau:

➤ Tỷ trọng doanh thu du lịch so với GRDP của thành phố còn rất nhỏ bé, do vậy nhịp độ tăng trưởng của du lịch đạt 22,1% cũng không ảnh hưởng đến quá trình phát triển bền vững.

➤ Đà Nẵng là thành phố biển, có nhiều tiềm năng du lịch đa dạng, việc xây dựng ngành du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn đòi hỏi cần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng mới góp phần đẩy nhanh tăng trưởng của nền kinh tế. Tuy nhiên, cần thấy rằng

đôi với thời kỳ 2011- 2020 quy mô phát triển của du lịch Đà Nẵng không cho phép nhịp độ tăng trưởng đạt như mức tăng trưởng của 15 năm trước đây, nếu như không có sự điều chỉnh thì du lịch sẽ gây sức ép mạnh đến nền kinh tế.

Theo cơ cấu tài khoản quốc gia thì du lịch không được tách riêng trong hệ thống tài khoản quốc gia mà nằm trong lĩnh vực khách sạn nhà hàng và vận chuyển, trên cơ sở số liệu của Sở Du lịch qua các năm cho thấy, nhịp độ tăng trưởng của GRDP du lịch và GRDP khu vực khách sạn nhà hàng tương tự như nhau (khách sạn, nhà hàng 10,5%, du lịch 10,1%) và cũng gần bằng nhịp độ tăng trưởng kinh tế (12%). Điều này chứng minh thấy giữa phát triển du lịch với phát triển kinh tế không mất cân đối nhiều.

Tỷ trọng tổng sản phẩm du lịch trong GRDP của thành phố còn thấp. Từ năm 2001 đến năm 2010 đều chiếm tỷ trọng 5% hoặc gần 5% mỗi năm, các năm sau có tăng, thậm chí tăng gấp đôi, gấp ba, tuy nhiên vẫn là những con số còn khiêm tốn (11,56,% năm 2011, 16,65% năm 2013; 20,1% năm 2015) so với GRDP của thành phố, điều này cho thấy thành phố chưa khai thác mạnh mẽ các tiềm năng du lịch, vì vậy, vai trò của du lịch còn rất hạn chế trong tổng thể kinh tế của thành phố.

3.4.1.4. Hệ thống cơ sở lưu trú của ngành du lịch

Là nhân tố cấu tạo cơ bản của việc cung cấp dịch vụ du lịch, là điều kiện vật chất không thể thiếu trong hoạt động kinh doanh của ngành du lịch. Thực tế phát triển du lịch của Đà Nẵng cho thấy trong 15 năm qua lĩnh vực khách sạn phát triển tương đối nhanh, cả về số khách sạn, số phòng khách và số giường, nhịp độ tăng trưởng bình quân trong 15 năm là 17,8 % về số khách sạn; 18,9% là số phòng.

Xem xét khía cạnh tăng trưởng khách du lịch với tăng trưởng số khách sạn, số phòng cho thấy tăng trưởng khách du lịch bình quân trong 15 năm vẫn thấp hơn tăng trưởng khách sạn và số phòng, đây là một trong những nguyên nhân làm cho hệ số sử dụng phòng không cao.

Bảng 3.8. Hệ thống lưu trú tại Đà Nẵng

Chỉ tiêu	ĐVT	2000	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2023
Số khách sạn	KS	60	85	105	137	135	137	140	278	326	391	420	649
Số phòng	Phòng	2121	2670	3244	4134	4324	4055	4100	8663	10570	13634	15035	20763
Lưu trú BQ	Ngày	1,55	1,57	1,44	1,65	1,1	1,3	1,7	1,84	1,82	1,88	1,92	2,0
HSSD buồng phòng	%	65,4	97,8	52,5	55	66,54	49,56	70	65	51	50	49	52

Nguồn: Báo cáo thống kê Sở Du lịch Đà Nẵng

Trong nền kinh tế phát triển ổn định thì giữa tăng trưởng khách du lịch với tăng trưởng đầu tư phát triển hạ tầng liên quan tỷ lệ thuận với nhau. Đối với một địa phương mới phát triển thì nhịp độ tăng trưởng đầu tư phát triển hạ tầng thường cao hơn tăng trưởng khách du lịch ở giai đoạn đầu, tăng trưởng đầu tư hạ tầng là điều kiện để thu hút khách du lịch, đồng thời cũng là điều kiện để du lịch phát triển hiệu quả.

Đối với thành phố Đà Nẵng, tổng đầu tư phát triển trên địa bàn năm 2007 đạt 6459 tỷ đồng, năm 2023 đạt 8568 tỷ đồng, trong đó: đầu tư khách sạn nhà hàng và GTVT tăng trưởng 40,7%/ năm. Tỷ trọng đầu tư cho lĩnh vực khách sạn nhà hàng và giao thông vận tải năm 2007 là 14,5%, năm 2015 tăng lên 31,2%. Các số liệu trên đây thể hiện sự chuyên hướng đầu tư cho hạ tầng du lịch trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trong những năm gần đây là đúng hướng. Tuy nhiên, khi đầu tư quá nhanh, ồ ạt sẽ tiềm ẩn nguy cơ suy thoái, vì đầu tư càng nhiều, tốc độ khai thác sẽ càng lớn, dẫn đến cạn kiệt nguồn tài nguyên. Do vậy, cần có lộ trình đầu tư hợp lý cùng với việc tăng cường quản lý, kiểm soát đi đôi với bảo vệ các khu bảo tồn sẽ góp phần cho phát triển bền vững trong đó có ngành du lịch.

Chi đầu tư cơ sở hạ tầng chủ yếu cho các dự án công cộng như xử lý nước sạch, bảo vệ môi trường, một số đường giao thông tại các khu du lịch. Thông qua chính sách

mở, thủ tục hành chính được cải cách, công tác quy hoạch đô thị được đánh giá cao, Đà Nẵng đã thu hút nhiều nhà đầu tư lớn với những công trình có quy mô, có chất lượng, đạt tiêu chuẩn quốc tế đáp ứng nhu cầu khách du lịch. Vẫn còn tình trạng số dự án đăng ký nhiều, nhưng triển khai chậm hoặc không triển khai, trong đó có một số dự án bị rút giấy phép đầu tư (do nhiều nguyên nhân).

Nhìn chung, hoạt động đầu tư ở Đà Nẵng đang diễn ra rất sôi động, thành phố đã xây dựng nhiều chính sách kêu gọi, thu hút đầu tư phát triển cơ sở vật chất phục vụ du lịch, nhiều dự án đầu tư vào du lịch có quy mô lớn đang được xây dựng, một số công trình đã đưa vào sử dụng như Intercontinental resort, Furama resort, Pullman resort, Sandy beach, Silve Shore Hoàng Đạ, Novotel... Các lĩnh vực được đầu tư mạnh nhất là khách sạn, khu vui chơi giải trí như sân gôfl, khu vui chơi giải trí biển Coral Reef... Địa điểm được chọn xây dựng chủ yếu tại các khu ven biển nhằm khai thác tiềm năng du lịch biển.

Trên thực tế, các dự án đăng ký nhiều nhưng một số dự án chưa tiến hành khởi công xây dựng, hoặc xây dựng cầm chừng và ở trạng thái chờ đợi, phán đoán bước chuyển biến của kinh tế và du lịch thành phố. Đầu tư hạ tầng du lịch chủ yếu từ các nguồn vốn xã hội, chỉ mới tập trung ở khu vực ven biển, chủ yếu là các khách sạn sang trọng phục vụ du khách có mức thu nhập cao, có ít nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư khách sạn phục vụ cho du khách có mức thu nhập trung bình. Chưa khai thác lợi thế du lịch của các vùng khác như Liên Chiểu, Hoà Vang, chưa phát triển mạnh hoạt động du lịch cộng đồng.

Vấn đề đầu tư du lịch nghỉ dưỡng biển hiện nay đang có xu hướng chuyển sang kinh doanh bất động sản chủ yếu là xây biệt thự để ở, khu nghỉ biển thật sự không nhiều, dễ ảnh hưởng đến chiến lược du lịch nghỉ dưỡng biển của Đà Nẵng trong tương lai. Đây là một hiện tượng đáng lo ngại. Nơi nào có sự đầu tư khai thác càng nhiều, càng có nguy cơ gây ô nhiễm, mất cân bằng sinh thái và gây ra nhiều tệ nạn xã hội ảnh hưởng đến đời sống nhân dân địa phương. Biển Đà Nẵng đang có nguy cơ bị ô nhiễm trước sự khai thác ồ ạt như hiện nay, nếu không có những biện pháp cụ thể để xử lý các loại chất thải, kể cả chất thải do chính ngành du lịch thải ra thì sẽ gây hậu quả rất nặng nề cho sự phát triển du lịch bền vững.

d. Về sản phẩm du lịch: Sản phẩm du lịch là một trong những yếu tố then chốt để phát triển du lịch. Đầu tư phát triển sản phẩm du lịch không chỉ về số lượng mà còn về chất lượng, giá cả hợp lý, sản phẩm đó không phải là sản phẩm thông thường mà phải đặc trưng, có lợi thế riêng biệt. Có như vậy mới kích thích sự ham muốn khám phá, thưởng thức và ngăn chặn sự nhàm chán dễ xảy ra đối với ngành du lịch.

Đà Nẵng chủ yếu phát triển du lịch biển và các dịch vụ kèm theo của du lịch biển như thưởng thức món ăn đặc sản biển, lướt sóng, ngắm san hô và gần đây đã hình thành thêm tour du lịch quanh bán đảo Sơn Trà bằng đường bộ, đường không và đường biển, câu cá... Hạn chế của Đà Nẵng là sản phẩm truyền thống chưa phát triển, chủ yếu khai thác làng đá mỹ nghệ, phố mua sắm đêm có triển khai nhưng chưa hiệu quả; hạn chế về tổ chức biểu diễn nghệ thuật truyền thống. Những hạn chế nêu trên là một trong những nguyên nhân ngành du lịch chưa có doanh thu cao do khách du lịch chưa có cơ hội mua sắm những mặt hàng truyền thống của Đà Nẵng.

3.4.2. Về xã hội

3.4.2.1. Công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá, lịch sử

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII) về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Thời gian qua, thành phố Đà Nẵng đã không ngừng đầu tư, phát huy các giá trị văn hoá truyền thống của địa phương. Các thiết chế văn hoá, di tích lịch sử được xây dựng và bảo tồn góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân địa phương. Đội ngũ trí thức văn hóa, văn nghệ sĩ tăng cả về số lượng và chất lượng. Hoạt động văn hóa từng bước thích ứng dần với cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đã điều chỉnh một số bất cập; hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước đã được nâng lên.

Bên cạnh đó, thành phố đã khai thác có hiệu quả và phát huy các nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên, thể hiện qua sự đa dạng các loại hình du lịch, bao gồm du lịch văn hoá, du lịch sinh thái, du lịch biển, du lịch MICE, du lịch làng quê, làng nghề,... Nhờ đó, Đà Nẵng đã trở thành điểm đến hấp dẫn đối với du khách trong nước và quốc tế.

Du lịch văn hóa được xem là loại hình du lịch phát triển mạnh ở Đà Nẵng. Với các di tích lịch sử, văn hóa và các lễ hội đặc trưng như khu danh thắng Ngũ Hành Sơn,

Bảo tàng Điêu khắc Chăm, Bảo tàng Hồ Chí Minh, Bảo tàng Đà Nẵng, lễ hội pháo hoa quốc tế, lễ hội Quán Thế Âm... được xem là những lợi thế trong việc thu hút du khách khi đến du lịch tại Đà Nẵng. Trong thời gian qua, thành phố đã tập trung đầu tư nhiều công trình dự án cụ thể như:

+ Ngũ Hành Sơn: Những năm qua tuy đã đầu tư một số hạng mục nhưng nhìn chung công tác qui hoạch, đầu tư chưa đúng tầm, phát triển tự phát, chủ yếu là khai thác cái có sẵn, việc triển khai quy hoạch công viên văn hóa lịch sử Ngũ Hành Sơn mới ở giai đoạn đầu, làng đá mỹ nghệ, vườn tượng chậm triển khai, môi trường tự nhiên bị ô nhiễm (do làng đá chưa được di dời), môi trường xã hội chưa tốt (bán hàng rong, chèo kéo khách vẫn tồn tại).

+ Bảo tàng Điêu khắc Chăm: Những năm qua, tuy đã được đầu tư nâng cấp, bổ sung hiện vật nhưng do mặt bằng hẹp đã hạn chế khả năng đón tiếp các đoàn đông người, các hoạt động ở đây mang tính đơn điệu, thiếu các hoạt động của loại hình văn hóa phi vật thể để du khách có thể cảm nhận đầy đủ sự phát triển văn hoá phong phú của người Chăm.

+ Nhà hát Tuồng Nguyễn Hiền Dĩnh: Đã được đầu tư nhà hát khang trang, diễn viên tuồng đã rất cố gắng theo nghề trong tình hình thu nhập bấp bênh, nhà hát cũng cố gắng sưu tầm hiện vật để hình thành phòng trưng bày mặt nạ tuồng. Tuy nhiên, công tác tiếp thị chưa được quan tâm đầu tư, đồng thời đây là môn nghệ thuật có tính ước lệ cao nhưng không có thuyết minh bằng tiếng nước ngoài khiến cho bộ môn nghệ thuật này khó tiếp cận được với du khách.

+ Các bảo tàng Hồ Chí Minh, Bảo tàng Đà Nẵng chưa thật sự chú trọng đầu tư phục vụ du lịch, các hiện vật không bổ sung, thuyết minh viên chưa hấp dẫn, các đơn vị lễ hành chưa đưa điểm này vào chương trình bán tour cho khách.

+ Các di tích lịch sử khác như: Đình làng Túy Loan, Thành Điện Hải... từ lâu đã là địa chỉ du lịch nhưng các doanh nghiệp lễ hành ít chú ý tới. Nghĩa địa Iphanho là một điểm tham quan hấp dẫn khách nước ngoài đặc biệt là khách Pháp, Tây Ban Nha nhưng hầu như không khai thác, hiện cơ quan biên phòng đang quản lý nhưng không đưa vào khai thác phục vụ du lịch, mỗi khi khách đến phải liên hệ rất khó khăn.

+ Các di tích chiến tranh: như K20, Xuân Thiều, nơi quân đội Mỹ đổ bộ đầu

tiên vào Việt Nam... chưa được đầu tư để đưa tour tham quan. Thậm chí Bảo tàng chiến tranh sau khi giải tỏa không đầu tư trở lại.

3.4.2.2. Vai trò cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân

Chất lượng cuộc sống của con người bao gồm hai yếu tố cấu thành, đó là:

- *Yếu tố về vật chất*: Là toàn bộ cơ sở vật chất phục vụ cuộc sống con người như: cơm ăn, áo mặc, nhà ở và các phương tiện phục vụ đi lại, phục vụ sinh sống.

- *Yếu tố tinh thần*: Đó là toàn bộ các hoạt động nhằm nâng cao đời sống tinh thần của người dân như: văn hóa, nghệ thuật, lễ hội, vui chơi, giải trí...

Phát triển du lịch phải đảm bảo đồng thời cả hai nhóm yếu tố trên, một mặt phát triển du lịch nhằm nâng cao đời sống vật chất con người trong cộng đồng, đảm bảo người dân có thu nhập từ nguồn du lịch đồng thời tạo điều kiện để người dân có dịp tham gia các hoạt động xã hội, nâng cao đời sống tinh thần. Nội dung này cần hết sức quan tâm, bởi lẽ thông thường giữa phát triển du lịch và phát triển các vấn đề xã hội thường nảy sinh các xung đột về lợi ích, đòi hỏi phải quan tâm dung hòa lợi ích giữa các nhóm trong cộng đồng.

Đà Nẵng là thành phố biển, có vị trí địa lý nằm ở trung độ cả nước rất thuận tiện cho các tuyến du lịch phát triển, đồng thời có cơ hội phát triển các điểm du lịch trên địa bàn, nhờ các điều kiện thuận lợi nêu trên, trong 15 năm qua du lịch của Đà Nẵng đã đóng góp đáng kể đến đời sống xã hội của người dân.

➤ *Về thu nhập cá nhân*: Mức sống của người dân Đà Nẵng trong những năm gần đây đã được nâng cao đáng kể, GRDP bình quân đầu người năm 2000 đạt 6,9 triệu đồng, năm 2015 đạt 61,6 triệu đồng, tăng gần 9 lần so với năm 2000, xét riêng lao động khu vực du lịch cho thấy năm 2000, thu nhập bình quân đầu người ngành du lịch đạt 14,6 triệu, năm 2023 đạt 83,22 triệu đồng, tăng 5,7 lần so với năm 2000.

➤ *Về giải quyết việc làm cho dân cư thành phố*: Quá trình phát triển du lịch Đà Nẵng đã thu hút khoảng 10% lao động trong tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế. Hàng năm, ngành du lịch thành phố đã thu hút khoảng 1300 lao động vào làm việc trong lĩnh vực du lịch.

3.4.2.3. Tạo lập các cơ sở vui chơi giải trí - thể thao phục vụ xã hội

Thời kỳ 2000- 2015, thành phố đã xây mới, cải tạo một số công trình và kêu gọi

đầu tư nhiều khu vui chơi, giải trí như nhà hát tuồng Nguyễn Hiễn Dĩnh, nhà hát Trưng Vương, công viên 29/3, công viên Asia park, Helio center, Công viên vườn tượng, cầu Tình yêu, các bãi biển, một số vũ trường, các rạp chiếu phim, các địa điểm văn hoá nghệ thuật,... Tuy nhiên, chất lượng các loại sản phẩm này chưa cao, chưa có nét đặc sắc riêng, chương trình tổ chức các hoạt động văn hoá nghệ thuật truyền thống chưa thường xuyên, ít đổi mới, chưa thu hút được sự chú ý của du khách trong và ngoài nước.

Một số hoạt động thể thao như lướt ván, đua mô tô, dù bay chỉ được tổ chức trong các lễ hội du lịch, còn lại rất ít đưa vào phục vụ hàng ngày. Các khu vực vui chơi dành cho khách du lịch quốc tế còn hạn chế, Đà Nẵng chưa có nhiều khu vui chơi hiện đại như “*Tuần Châu*” của Hạ Long hay “*Vinpearl*” của Nha Trang, chủ yếu giải trí ở các quán bar, vũ trường, các rạp chiếu phim và gần đây là Crow Game tại khách sạn Silveshore Hoàng Đạt đưa vào sử dụng, phục vụ chủ yếu du khách quốc tế. Đây cũng là một trong những nguyên nhân làm giảm thời gian lưu trú và mức chi tiêu của du khách. Thực trạng hiện nay, các cơ sở vui chơi giải trí, thể thao và nghệ thuật truyền thống chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu thị trường.

Sự phát triển du lịch thời gian qua trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đã mang lại cả những thay đổi tích cực và tiêu cực tới các khu vực có các hoạt động du lịch phát triển, những thay đổi liên quan đến kinh tế, văn hóa- xã hội, cũng như môi trường. Mặc dù không thể tránh khỏi những tác động tiêu cực nhưng thực tế cho thấy, việc thúc đẩy phát triển du lịch sẽ có rất nhiều tác động tích cực nếu được hướng dẫn và quản lý đúng đắn. Ảnh hưởng của phát triển du lịch đến đời sống của người dân thành phố có thể nhận thấy qua sự cải thiện về cơ sở hạ tầng, việc làm, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm của các doanh nghiệp và các hộ gia đình địa phương, góp phần khôi phục một số ngành nghề thủ công truyền thống. Ngoài ra, chất lượng đời sống của người dân cũng ngày được nâng cao nhờ sự đa dạng của các hoạt động kinh tế gắn với du lịch. Họ có thêm những điểm mua sắm, giải trí với dịch vụ tốt hơn, bên cạnh sự cải thiện chất lượng các dịch vụ công cộng. Du lịch giúp gia tăng hiểu biết xã hội của người dân địa phương, tăng thêm tình đoàn kết, tạo các mối quan hệ hợp tác, phát triển kinh tế- xã hội giữa Đà Nẵng với các vùng, miền khác trong cả nước cũng như các quốc gia trên

thế giới. Phát triển du lịch còn giúp quảng bá cho hàng hóa địa phương và thu hút đầu tư.

Bên cạnh các tác động tích cực đối với sự phát triển kinh tế, thì sự phát triển mạnh của các hoạt động du lịch cũng có tác động tiêu cực ở một số mặt, đó là làm giá cả một số mặt hàng tăng, cũng như dân cư phải dành đất sản xuất cho việc phát triển du lịch. Nhưng những tác động này là không đáng kể so với những mặt tích cực từ việc phát triển du lịch đem lại. Tuy nhiên, để phát triển du lịch bền vững thì tất cả những tác động này cần được thường xuyên đánh giá cũng như đề ra các giải pháp nhằm kiểm chế và kiểm soát một cách hợp lý các tác động tiêu cực này.

3.4.3. Về công tác quản lý Nhà nước

3.4.3.1. Ban hành và thực thi các cơ chế, chính sách quản lý Nhà nước

a) Việc ban hành các cơ chế, chính sách quản lý Nhà nước về phát triển du lịch bền vững

Sau năm 1975, miền Nam được hoàn toàn giải phóng, đất nước được hòa bình, thống nhất, Đà Nẵng là thành phố trực thuộc tỉnh Quảng Nam- Đà Nẵng. Tuy nhiên, do vị trí và tầm quan trọng của Đà Nẵng đối với phát triển kinh tế- xã hội của toàn vùng duyên hải Miền Trung và Tây Nguyên, nên ngày 16/11/1996 tại kỳ họp thứ 10, Khóa IX, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã quyết định thành lập thành phố Đà Nẵng là đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương. Để tạo điều kiện cho Đà Nẵng phát triển nhanh và thể hiện được vai trò của mình, ngày 16/10/2003, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 33/NQ-TW về “*Xây dựng và phát triển Đà Nẵng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa*”. Theo đó, Nghị quyết khẳng định:

“Xây dựng Đà Nẵng thành một Thành phố cảng biển lớn, là đô thị trung tâm cấp quốc gia, là một trong những trọng điểm phát triển của đất nước, góp phần thúc đẩy các tỉnh khác trong khu vực phát triển và trở thành trung tâm kinh tế- xã hội của các tỉnh Miền Trung - Tây Nguyên” [13].

Đối với phát triển ngành du lịch của Đà Nẵng, Nghị quyết nêu rõ: “*Đầu tư phát triển mạnh du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của Thành phố, xây dựng Đà Nẵng thành trung tâm du lịch lớn của cả Việt Nam*” [13].

UBND thành phố Đà Nẵng đã tập trung xây dựng mười hai chương trình lớn

nhằm triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết 33/NQ-TW. Trong đó có chương trình: *“Tập trung phát triển mạnh du lịch và các dịch vụ mà Thành phố có thể mạnh, xây dựng Đà Nẵng trở thành một trong những trung tâm thương mại, du lịch, dịch vụ lớn của cả nước”*. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XX (năm 2010) đã xác định: *“Đầu tư phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố, xây dựng Đà Nẵng thành một trong những trung tâm thương mại-dịch vụ lớn của cả nước, là điểm đến hấp dẫn”*. Do đó, việc phát triển du lịch Đà Nẵng phải gắn chặt chẽ với quy hoạch phát triển tổng thể kinh tế-xã hội thành phố và quy hoạch tổng thể du lịch cả nước, liên kết chặt chẽ với du lịch Miền Trung- Tây Nguyên và cả nước.

Ngày 22 tháng 01 năm 2013, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 201/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 [14]. Quy hoạch nêu rõ hướng khai thác sản phẩm đặc trưng của vùng duyên hải Nam Trung Bộ là du lịch biển, đảo; du lịch tham quan di tích kết hợp nghiên cứu bản sắc văn hóa, du lịch MICE.

Quyết định số 2350/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng duyên hải Nam Trung Bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Quyết định đã nêu rõ mục tiêu phát triển du lịch của vùng là *“Khai thác tiềm năng, lợi thế của Vùng để phát triển du lịch biển - đảo trở thành thế mạnh hàng đầu của du lịch Việt Nam. Phát triển các đô thị du lịch hiện đại, các khu du lịch, điểm du lịch quốc gia với các cơ sở dịch vụ cao cấp.*

Đến năm 2020 đưa du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng và phấn đấu đến năm 2030 trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong cơ cấu kinh tế của Vùng, góp phần khẳng định chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia trên biển và hải đảo Việt Nam” [16].

Quyết định số 2357/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 [16]. Quyết định đã nêu rõ định hướng phát triển không gian đô thị, định hướng phát triển không gian các khu dân cư nông thôn, phát triển công nghiệp, các khu công nghiệp tập trung và định hướng đầu mối hạ tầng kỹ thuật như: nâng cấp Sân bay quốc tế Đà Nẵng; phát triển cảng Liên Chiểu, nâng cấp cảng Tiên Sa; xây dựng ga đường sắt mới... Đồng thời, phát triển các ngành công nghiệp

sạch, có kỹ thuật cao để không ảnh hưởng đến cảnh quan du lịch và môi trường khu vực.

Quyết định số 8373/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2015 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Đề án phát triển du lịch Đà Nẵng giai đoạn 2016-2020 [18] đã cụ thể hoá mục tiêu và các giải pháp để phát triển du lịch thành phố đến năm 2020 nhằm “Tạo điều kiện thuận lợi cho việc đẩy mạnh và đảm bảo phát triển bền vững ngành du lịch thành phố Đà Nẵng; tạo cơ sở để lập quy hoạch chi tiết các khu du lịch trọng điểm; các sản phẩm du lịch có chất lượng, phát huy và khai thác có hiệu quả tiềm năng du lịch; tạo tiền đề để phát triển đột phá ngành du lịch, thực sự tăng trưởng trở thành kinh tế mũi nhọn và có đóng góp lớn vào sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của thành phố”.

Ngày 02 tháng 7 năm 2015, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 14/CT-TTg về tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, tập trung khắc phục yếu kém, thúc đẩy phát triển du lịch [2]. Ngay sau đó, UBND thành phố đã ban hành Kế hoạch số 8813/KH-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2015 về triển khai thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 02 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ [7]. Kế hoạch đã đề ra nhiệm vụ tăng cường quản lý giá cả, đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn, ứng xử văn minh với khách du lịch, nâng cao nhận thức về du lịch; đảm bảo vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm; tăng cường công tác tuyên truyền quảng bá du lịch. Đồng thời, giao nhiệm vụ cho từng Sở, ban, ngành quản lý từng nội dung cụ thể.

Năm 2013, UBND thành phố Đà Nẵng đã ban hành Đề án Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc ở thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2013-2015 [5]. Theo đó, thành phố đã hoàn thành việc trùng tu, chống xuống cấp tất cả các di tích cấp quốc gia và tăng cường công tác tôn tạo nhằm nâng cao giá trị thẩm mỹ, tạo cảnh quan môi trường hài hòa cho những di tích đó.

Các chủ trương, chính sách về phát triển du lịch thành phố Đà Nẵng trong thời gian qua đã và đang phát huy tác dụng thúc đẩy ngành du lịch nói riêng và nền kinh tế thành phố nói chung ngày càng phát triển. Tuy nhiên, chính sách phát triển du lịch thành phố Đà Nẵng bền vững còn một số hạn chế:

Các chính sách tuy ban hành khá đồng bộ, nhưng việc tổ chức thực hiện

còn nhiều hạn chế, việc lồng ghép các chính sách để phát triển du lịch bền vững chưa được thực hiện, sự phối hợp giữa các sở, ngành chưa đồng bộ. Việc phát triển bền vững du lịch ở Đà Nẵng tuy có quan tâm, nhưng chưa được nghiên cứu một cách bài bản, tổng thể và chưa có đầy đủ các nguồn lực cần thiết để tạo bước đột phá, chính sách thu hút đầu tư chưa đủ sức hấp dẫn để thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Các chính sách về bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá, lịch sử thành phố chưa cụ thể, công tác kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể hằng năm chưa được thực hiện một cách bài bản, bên cạnh đó, các di tích lịch sử không đủ nguồn lực để bảo tồn.

b) Tổ chức thực hiện các chính sách quản lý Nhà nước về phát triển du lịch bền vững

Vai trò của nhà nước đối với các hoạt động du lịch là rất quan trọng. Sở Du lịch là cơ quan chuyên môn giúp UBND thành phố thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với các hoạt động du lịch trên phạm vi thành phố, chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về chuyên môn, nghiệp vụ du lịch. Việc tổ chức thực hiện các chính sách quản lý về du lịch là vô cùng quan trọng, đưa chính sách vào thực tiễn cuộc sống, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển du lịch một cách bền vững.

(1) Quản lý về cơ sở lưu trú du lịch

Kiểm tra, hướng dẫn cho các cơ sở kinh doanh đầu tư, nâng cấp sản phẩm, dịch vụ và đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch trong các cơ sở lưu trú, quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, an toàn và phòng chống cháy nổ...Tổ chức cấp giấy phép, giấy chứng nhận về hoạt động kinh doanh lưu trú du lịch cho các cơ sở đủ điều kiện, đồng thời tiến hành xử phạt và thu hồi giấy phép đăng ký kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch đối với các cơ sở không đảm bảo điều kiện theo quy định...

Phân loại xếp hạng 1 sao, hạng 2 sao cho khách sạn, làng du lịch; hạng đạt tiêu chuẩn kinh doanh biệt thự, căn hộ du lịch; hạng đạt tiêu chuẩn kinh doanh lưu trú du lịch đối với bãi cắm trại, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê, cơ sở lưu trú du lịch khác;

- Thẩm định và cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch cho cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch trong khu du lịch, điểm du lịch, đô thị du lịch;

- Tổ chức cấp, cấp lại, đổi, thu hồi thẻ hướng dẫn viên du lịch; cấp, thu hồi giấy chứng nhận thuyết minh viên theo quy định;

- Xây dựng kế hoạch, chương trình xúc tiến du lịch và tổ chức thực hiện chương trình xúc tiến du lịch, sự kiện, hội chợ, hội thảo, triển lãm du lịch của địa phương sau khi được phê duyệt.

(2) Quản lý các khu, điểm du lịch

Tổ chức điều tra đánh giá tài nguyên du lịch trên địa bàn thành phố và ký kết văn bản ghi nhớ về hợp tác khai thác tài nguyên, đánh giá các điểm du lịch đủ điều kiện khai thác hoặc không còn phù hợp, không đủ điều kiện khai thác thành sản phẩm du lịch theo Luật Du lịch.

Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong hoạt động du lịch; trong đó có việc nâng cao chất lượng dịch vụ, ổn định giá cả dịch vụ du lịch, tăng cường công tác đảm bảo trật tự an ninh, an toàn, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm tại các điểm tham quan du lịch...

Muốn phát triển du lịch một cách bền vững, thì việc lập bản đồ quy hoạch phát triển du lịch là vô cùng quan trọng. Tuy nhiên, hiện nay thành phố vẫn chưa có chủ trương xây dựng. Đây là một trong những bất cập lớn, cần thiết phải nghiên cứu xây dựng trong thời gian tới.

(3) Quản lý lữ hành, vận chuyển du lịch

Ban hành các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn, cấp và đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch cho các hướng dẫn viên hoạt động trên địa bàn làm việc làm thường xuyên của các cấp chính quyền thành phố. Xây dựng các kế hoạch liên kết, hợp tác phát triển du lịch giữa các địa phương trong vùng và kế hoạch hợp tác du lịch toàn vùng; tổ chức các chương trình khảo sát khu, tuyến, điểm du lịch trong vùng nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh lữ hành và vận chuyển du lịch.

Trong thời gian qua, mặc dù với nguồn ngân sách được cấp hạn chế nhưng ngành du lịch cũng đã có một chuỗi các hoạt động để hỗ trợ cho du lịch thành phố như xúc tiến điểm đến thông qua việc phát hành các tập gấp du lịch; cung cấp thông tin về du lịch Đà Nẵng thông qua website, tạp chí cũng như các phương tiện truyền thông

khác; đặc biệt là sự quảng bá du lịch trong và ngoài nước, đồng thời tổ chức các lớp đào tạo nhằm cải thiện các kỹ năng cho nhân viên của các doanh nghiệp.

(4) Hoạt động xúc tiến và quảng bá du lịch

Với thị trường nội địa

Đà Nẵng đã ký kết chương trình hợp tác phát triển du lịch với Lâm Đồng và khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long. Theo đó, các bên thống nhất sẽ thực hiện các hoạt động liên kết cụ thể: quảng bá du lịch trên các kênh truyền hình địa phương với tần suất phát sóng mỗi tháng/lần; xây dựng các sản phẩm du lịch mới như lễ hội biển và hoa, lễ hội ẩm thực; các doanh nghiệp du lịch cam kết giảm giá một số dịch vụ để hạ giá tour. Ngoài ra, cũng xúc tiến việc mở đường bay nội địa Đà Nẵng- Cần Thơ, Đà Nẵng- Đà Lạt với tần suất 4 chuyến/tuần và ngược lại để các doanh nghiệp du lịch có cơ hội khai thác tiềm năng khách du lịch đi tham quan các danh lam thắng cảnh của Đà Lạt, vùng Tây Nam Bộ và miền Trung. Bên cạnh đó, thành phố còn thường xuyên biên tập các ấn phẩm du lịch, phát hành rộng rãi đến du khách tại các quầy thông tin du lịch; đưa thông tin du lịch lên cổng thông tin điện tử của thành phố. Liên kết website với các địa phương khác nhằm cung cấp có hiệu quả thông tin cho du khách. Đặc biệt, thành phố đã tích cực hưởng ứng chủ trương của Tổng cục Du lịch về tổ chức các sự kiện du lịch “Con đường di sản thế giới miền Trung”.

Với thị trường quốc tế

Đã xúc tiến quảng bá hình ảnh du lịch Đà Nẵng trên kênh “First Class TV” và “Food and House” của truyền hình Thái Lan. Tham gia nhiều hội chợ du lịch khu vực và quốc tế, như Hội chợ Travex 2008 tại Bangkok (Thái Lan), Daltour 2008 tại Vladivostok (Nga) và Natas (Singapore). Bên cạnh đó, Thành phố đã tổ chức Roadshow tại Bangkok, Khonkaen- Thailan 2007-2008.

Thành phố đã tập trung xúc tiến và quảng bá đến thị trường Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Thái Lan... thông qua việc tham gia các hội chợ quốc tế như TTM Plus tại Bangkok- Thái Lan, Kotfa tại Hàn Quốc, Jata tại Tokyo- Nhật Bản. Tại các hội chợ xúc tiến du lịch, thành phố không chỉ chiếu phim giới thiệu du lịch mà còn gặp gỡ, trao đổi với các đối tác, biểu diễn các loại nhạc cụ dân tộc, cung cấp các ấn phẩm giới thiệu về du lịch Đà Nẵng, về các điểm tham quan và chương trình nghệ thuật

tuồng.

Hiện nay, thành phố tiếp tục công tác xúc tiến quảng bá đối với các thị trường quốc tế gần như ASEAN, Hàn Quốc, Nhật Bản và Trung Quốc... với hình thức xúc tiến, quảng bá đa dạng, hiệu quả như tổ chức roadshow; đón các đoàn Famtrip, Presstrip trong và ngoài nước đến khảo sát, tham gia Hội chợ tại Nhật Bản, Thượng Hải... Bên cạnh đó, duy trì hoạt động quảng bá điểm đến tại góc thông tin du lịch Đà Nẵng ở thành phố Dague- Hàn Quốc, Văn phòng đại diện Đà Nẵng tại Nhật Bản và nâng cấp website du lịch Đà Nẵng...

Có thể nói, công tác xúc tiến, quảng bá du lịch đã đi sâu vào trọng tâm, trọng điểm, gắn kết được với các thị trường du lịch, doanh nghiệp và các điểm tham quan du lịch Đà Nẵng. Tuy nhiên, công tác xúc tiến, quảng bá vẫn chưa đáp ứng yêu cầu, chưa có hoạt động xúc tiến du lịch tạo ra sự hấp dẫn thường xuyên. Nội dung triển khai chưa nhiều, còn bị động, tính chuyên nghiệp chưa cao, thiếu sự hợp tác, chia sẻ và hỗ trợ từ các doanh nghiệp du lịch.

Nhìn chung, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác tổ chức thực hiện pháp luật về quản lý nhà nước về du lịch Đà Nẵng vẫn còn nhiều hạn chế, chất lượng xây dựng và ban hành các chính sách chưa cao, hiệu quả các hoạt động quản lý nhà nước chưa cao, nguồn nhân lực trong lĩnh vực này còn nhiều bất cập, vẫn còn xảy ra tình trạng hướng dẫn viên du lịch nước ngoài hoạt động chui, tình trạng vi phạm quy định về quản lý du lịch vẫn còn xảy ra ở nhiều nơi, gây phiền hà cho du khách...

3.4.3.2. Công tác đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội

Thành phố Đà Nẵng nằm ở vị trí trung độ của cả nước, có vị trí chiến lược về quốc phòng an ninh, đặc biệt là khu vực bán đảo Sơn Trà và đèo Hải Vân. Do đó, việc phát triển du lịch song song với đảm bảo an ninh, chính trị là vấn đề vô cùng quan trọng. Cần có sự phối hợp giữa các cơ quan của thành phố trong quản lý người nước ngoài, quản lý các dự án có yếu tố nước ngoài không để ảnh hưởng đến an ninh trật tự và sự phát triển của thành phố.

Trong thời gian qua, tình trạng thiếu hụt nghiêm trọng hướng dẫn viên du lịch biết tiếng Trung và tiếng Hàn đã dẫn đến hậu quả nhiều người Trung Quốc, Hàn Quốc

đến các tỉnh miền Trung công khai làm du lịch “chui” trong một thời gian dài. Việc kiểm tra những đối tượng này hiện gặp nhiều trở ngại. Hiện nay thành phố đang triển các giải pháp nhằm ngăn chặn các hướng dẫn viên, công ty lữ hành Việt tiếp tay cho người nước ngoài làm du lịch “chui”, hướng dẫn trái pháp luật... Tuy nhiên, đây là công việc rất phức tạp, cần có sự vào cuộc của các cấp chính quyền địa phương và sự phối hợp của cơ quan công an.

Hiện nay, theo đề nghị của thành phố, Thủ tướng Chính phủ đồng ý chủ trương thành lập cảnh sát du lịch, thí điểm tại Đà Nẵng, giao cho Bộ Công an xem xét sớm có quyết định. Việc thành lập cảnh sát du lịch tại Đà Nẵng sẽ hình thành một lực lượng thực thi pháp luật chuyên nghiệp về an ninh trật tự, tài nguyên và môi trường du lịch, sẽ góp phần làm cho công tác quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn ngày càng hữu hiệu.

3.4.4. Về tài nguyên- môi trường

Căn cứ vào những yêu cầu phát triển bền vững, nội dung đánh giá thực trạng phát triển du lịch bền vững theo quan điểm môi trường bao gồm các nội dung sau:

3.4.4.1. Bảo vệ sức sống và tính đa dạng sinh học

Tài nguyên sinh học là có giới hạn. Khi chúng ta đang khai thác vượt quá những giới hạn này, sẽ gây tổn hại và làm giảm tính đa dạng sinh học. Vì vậy, cần phải có sự nhận thức một cách đúng đắn và có phương án khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên này một cách hợp lý và khoa học. Trong quá trình xây dựng và phát triển, con người tác động vào giới tự nhiên, buộc giới tự nhiên phục vụ cho nhu cầu của mình, vì vậy càng ngày, mối quan hệ giữa con người và tự nhiên càng phụ thuộc lẫn nhau. Do đó, việc bảo tồn đa dạng sinh học không thể tách rời với các vấn đề về phát triển kinh tế xã hội nói chung và phát triển du lịch nói riêng.

Hiện nay, Đà Nẵng chủ yếu tập trung đầu tư, khai thác khu vực dải phía đông, chọn du lịch biển là một trong những thế mạnh để phát triển du lịch Đà Nẵng. Rất nhiều khu resort, khách sạn, nhà hàng quanh khu vực bán đảo Sơn Trà và dọc ven biển đã được đầu tư và đưa vào sử dụng phục vụ khách du lịch. Cùng với hệ thống núi non của Hải Vân ở phía Bắc, bán đảo Sơn Trà ở phía Đông vây thành một cánh cung tạo nên Vũng Sơn Trà.

Khu vực Sơn Trà có hơn 4.000 ha rừng trong tổng số diện tích trên 4.439 ha; là nơi giao lưu giữa hai hệ động vật và thực vật tiêu biểu của hai miền Nam- Bắc. Núi Sơn Trà cao đến gần 700m, xưa nay được xem như đài khí tượng thiên nhiên, cung cấp một phần nước ngọt cho người dân phía Đông thành phố. Đây là khu bảo tồn thiên nhiên quốc gia vừa có hệ sinh thái ven biển, vừa có thảm rừng nhiệt đới mưa ẩm nguyên sinh đa dạng với tổng số 298 loài thực vật bậc cao thuộc 271 chi, 90 họ, 64 loại gỗ lớn, 107 cây thuốc quý và nhiều giống lan rừng. Sơn Trà còn nổi tiếng là nơi có thảm thực vật và nguồn gen thực vật nhiệt đới đa dạng, phong phú với số lượng cá thể lớn có khả năng cung cấp giống cây bản địa phục vụ trồng rừng. Sơn Trà có hơn một trăm loài động vật với hàng chục loài quý hiếm nằm trong sách đỏ cần bảo tồn của thế giới như vọc Chà Vá, trăn gấm, thủy sinh. Mặt khác, Sơn Trà là địa chỉ du lịch hấp dẫn không chỉ đối với du khách lẫn các nhà đầu tư; nhiều bãi tắm và thắng cảnh đẹp như bãi tắm Tiên Sa, Suối đá, Bãi Bụt, Bãi Rạng, Bãi Nam, Bãi Bắc, các rạn san hô đủ màu sắc, khu vực chùa Linh Ứng và quần thể khu nghỉ dưỡng cao cấp đã được đầu tư càng làm tăng thêm áp lực, thách thức lớn hơn đối với việc bảo vệ khu bảo tồn thiên nhiên quý hiếm này. Chính vì những đặc điểm đó, Đà Nẵng rất chú trọng trong việc bảo tồn đa dạng sinh học khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà.

Mặt khác, thành phố cũng đã lưu ý ở một số khu vực phát triển du lịch sinh thái như Bà Nà, khu vực Nam Hải Vân là những khu vực có khả năng nguy hại đến tính đa dạng sinh thái rất lớn; khu vực bờ biển, cần xem xét và kiểm tra nghiêm ngặt những ảnh hưởng của du lịch như chất thải rắn và nước thải làm ô nhiễm môi trường nước. Vì vậy, Đà Nẵng luôn nghiêm túc yêu cầu vừa phát triển kinh tế, vừa phải bảo đảm tính đa dạng sinh học, môi trường sống tại các khu vực này.

3.4.4.2. Sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên không tái tạo được

Nguồn tài nguyên không tái tạo được bao gồm nguồn tài nguyên khoáng sản trên lãnh thổ, nguồn tài nguyên này được con người khai thác hàng ngày để phục vụ cho nhu cầu phát triển. Vì thế, nguồn tài nguyên không tái tạo được sẽ đến lúc cạn kiệt nếu chúng ta không sử dụng có hiệu quả và hợp lý. Với lý do trên, mặc dù quá trình phát triển ngành du lịch ít tác động đến hủy hoại nguồn tài nguyên ngay song về mặt nào đó nó cũng gián tiếp làm cho một số tài nguyên khoáng sản bị cạn kiệt, thể hiện ở một số

hoạt động sau:

➤ Quá trình phát triển cơ sở hạ tầng du lịch của Đà Nẵng là quá trình sử dụng nguồn tài nguyên đất tương đối nhiều, các nguồn tài nguyên đôi khi bị hủy hoại để nhường chỗ cho hạ tầng du lịch phát triển. Đặc biệt, Đà Nẵng có huyện Hòa Vang nơi đang được tập trung phát triển các cơ sở du lịch sinh thái, đòi hỏi cần xem xét kỹ khía cạnh làm tổn hại đến tài nguyên rừng, sử dụng đất.

➤ Tuy du lịch là ngành “công nghiệp không khói” song du lịch lại là ngành đòi hỏi tiêu thụ năng lượng điện và các sản phẩm công nghiệp cao cấp, do vậy, phải có ý thức tiết kiệm trong tiêu dùng năng lượng để góp phần tiết kiệm các nguồn tài nguyên quốc gia.

3.4.4.3. Tăng cường vai trò các cộng đồng tự quản lý môi trường

Môi trường liên quan trực tiếp đến con người và do con người tạo lập lên, môi trường trong sạch hay ô nhiễm đều do con người quyết định và ảnh hưởng trực tiếp đến con người. Muốn cho môi trường được trong sạch trước hết cần có sự quản lý và bảo vệ của các cộng đồng ở mỗi địa phương, bản làng phường xóm, khi mỗi con người nhận thức được vai trò của bản thân, cộng đồng đối với bảo vệ môi trường thì môi trường ở đó sẽ được bảo vệ, gìn giữ; ngược lại, nếu con người không nhận thức được tác động của môi trường đến sức khỏe và cuộc sống của họ thì họ sẽ không có ý thức giữ gìn môi trường. Với lý do trên, đòi hỏi chính quyền các cấp cần phát huy vai trò của các cộng đồng trong việc quản lý và bảo vệ môi trường được trong sạch. Vì vậy, thành phố luôn quan tâm nỗ lực xây dựng “Thành phố môi trường”, với nét chủ đạo là chương trình 3 có: Có nhà ở, có việc làm và có nếp sống văn hóa- văn minh đô thị. Ở đó, cộng đồng giữ vai trò quyết định trong việc bảo vệ môi trường, cảnh quan và môi trường sống của chính cộng đồng. Hiện nay, Đà Nẵng được đánh giá là một trong những địa phương an toàn và có môi trường sạch nhất của cả nước.

3.4.4.4. Thay đổi tập tục và thói quen cá nhân của người dân địa phương

Cuộc sống loài người trải qua nhiều giai đoạn phát triển khác nhau, từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, do vậy, tập tục và thói quen của mỗi cá nhân cũng ảnh hưởng bởi môi trường sống. Khi còn ở giai đoạn phát triển thấp, nguồn tài nguyên còn phong phú, môi trường chưa bị ảnh hưởng thì con người ít quan tâm đến bảo vệ tài

nguyên và môi trường. Từ đó, cũng tạo thành thói quen không quan tâm đến những việc làm hủy hoại môi trường. Thời đại ngày nay, đã đến lúc những thói quen và tập tục làm tổn hại đến môi trường cần được xóa bỏ trong quá trình phát triển, đó là trách nhiệm của mỗi ngành, mỗi lĩnh vực, tạo nên sự đồng thuận thay đổi tập tục và thói quen lạc hậu gây hủy hoại môi trường sống.

Trong 15 năm trở lại đây, thành phố Đà Nẵng đã có nhiều hoạt động trong tạo lập môi trường trong sạch, đặc biệt thành phố vinh dự được vinh tôn là “Thành phố xanh” vào năm 2011, sự kiện này có sự đóng góp đáng kể của ngành du lịch, nhiều hoạt động của ngành đã góp phần tạo lập được nếp sống văn hóa của người dân trong lĩnh vực bảo vệ môi trường xanh sạch đẹp.

3.5. Đánh giá tính bền vững của hoạt động du lịch tại Đà Nẵng

3.5.1. Đánh giá dựa vào hệ chỉ tiêu môi trường dùng để đánh giá nhanh tính bền vững của điểm du lịch

Bằng phương pháp đánh giá PRA, tính bền vững của các hoạt động du lịch ở Đà Nẵng được đánh giá dựa vào 4 bộ chỉ tiêu: Bộ chỉ tiêu về đáp ứng nhu cầu của du khách, bộ chỉ tiêu để đánh giá tác động của du lịch lên phân hệ sinh thái tự nhiên, bộ chỉ tiêu đánh giá tác động lên phân hệ kinh tế và bộ chỉ tiêu đánh giá tác động của du lịch lên phân hệ xã hội- nhân văn. Trong mỗi bộ chỉ tiêu cụ thể sẽ được đánh giá một cách chi tiết.

tác giả sử dụng phương pháp điều tra xã hội học, sử dụng Bảng hỏi và phỏng vấn khách du lịch đến Đà Nẵng để biết khách du lịch cảm nhận như thế nào về phát triển du lịch bền vững ở thành phố Đà Nẵng nhằm đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu du khách của du lịch Đà Nẵng.

(1) Về đáp ứng nhu cầu của du khách

a) Qua phỏng vấn khách du lịch đến Đà Nẵng

Quá trình xây dựng phiếu, gửi phiếu phỏng vấn:

Bảng hỏi gồm 13 câu hỏi thể hiện các tiêu chí đánh giá phát triển du lịch bền vững. Tác giả đã gửi bảng câu hỏi này đến 60 khách sạn ở các quận Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn, Hải Châu, Thanh Khê; mỗi quận lấy ý kiến phỏng vấn ngẫu nhiên 300 khách du lịch quốc tế và 300 khách nội địa. Trong bảng hỏi, bên cạnh, những thông tin

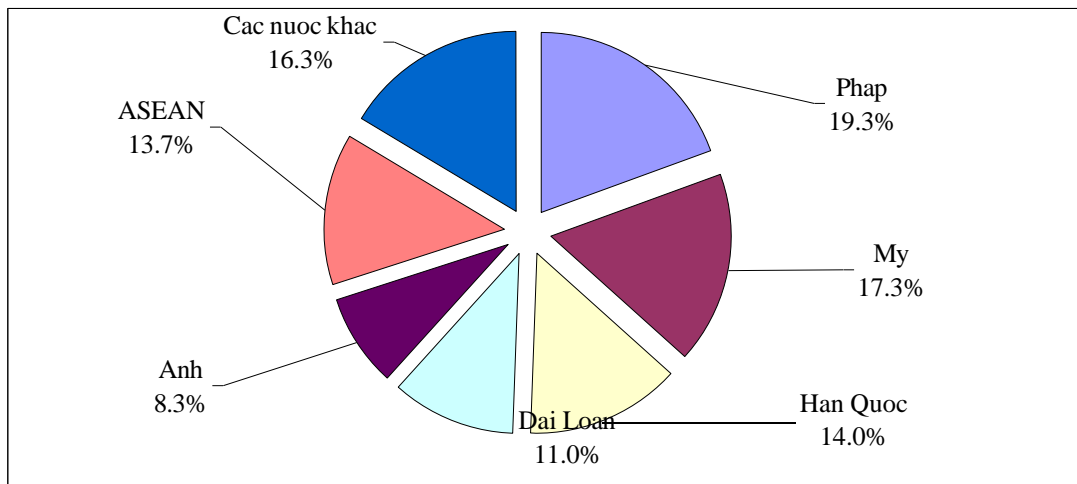
cơ bản về khách du lịch, có các câu hỏi tìm hiểu mức độ hài lòng của khách đối với các dịch vụ du lịch tại địa bàn khách du lịch đến.

- Khách quốc tế :

+ Về xuất xứ du khách :

Trong 300 phiếu điều tra khách quốc tế, có: Pháp 58 người (chiếm 19,3%); Mỹ 52 người (chiếm 17,3%); Đài Loan 33 người (chiếm 11%); Anh 25 người (chiếm 8,3%); Hàn Quốc 42 người (chiếm 14%); ASEAN 41 người (chiếm 13,7%), nước khác 49 người (16,3%).

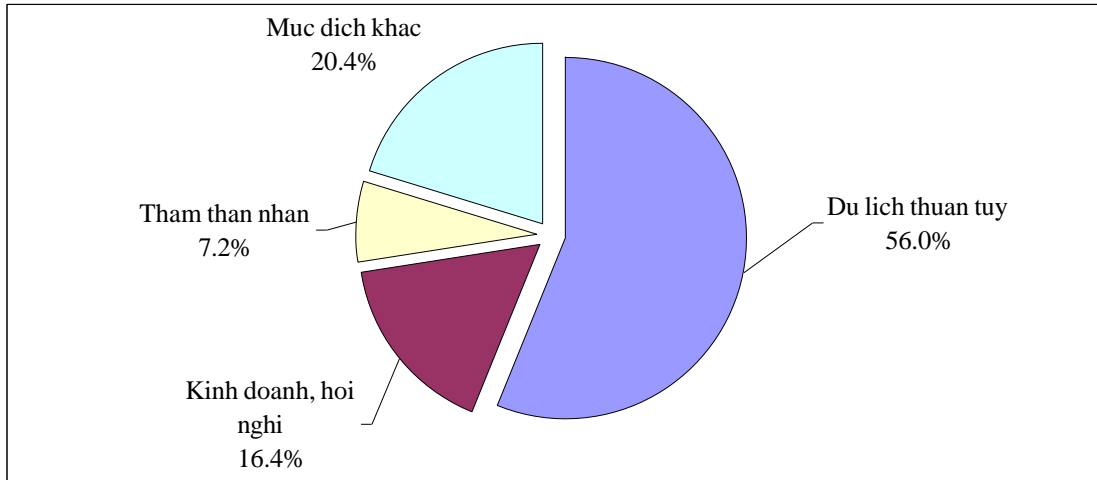
Biểu đồ 3.3. Xuất xứ của du khách quốc tế



Nguồn: Kết quả điều tra của tác giả năm 2023

+ Mục đích của du khách

Trong 300 du khách được khảo sát, có 147 du khách đến Đà Nẵng du lịch thuần túy, 61 du khách đi công tác kinh doanh hội nghị, 53 du khách đi thăm người thân, 39 du khách vì mục đích khác.

Biểu đồ 3.4. Mục đích của du khách quốc tế

Nguồn: Kết quả điều tra của tác giả năm 2023

Khách nội địa:

- Về xuất xứ của du khách:

Trong 300 du khách được phỏng vấn, có 150 người đến từ các tỉnh duyên hải Miền Trung, chiếm 50%; 46 người đến từ các tỉnh vùng Bắc bộ (không kể Hà Nội), chiếm 18,7%; 70 người đến từ Hà Nội và TP Hồ Chí Minh, chiếm 23,3%; 24 người đến từ các tỉnh trong vùng, chiếm 8% .

- Về mục đích đến của khách:

Khách nội địa đến vùng Đà Nẵng chủ yếu để du lịch nghỉ dưỡng là 125 người,

chiếm 41,7%; kết hợp công việc 85 người, chiếm 28,3%; thăm thân nhân 62 người, chiếm 20,7%; mục đích khác 28 người, chiếm 9,3%.

- *Về sản phẩm du lịch:* Trong tổng số 300 khách quốc tế tham gia khảo sát, có 78 người thích sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng, chiếm 26,7%; 66 người thích nghiên cứu, tìm hiểu các giá trị văn hóa bản địa, chiếm 22%; 61 người đến Đà Nẵng để hội họp, hội nghị, chiếm 20,3%; 54 người đến để xem lễ hội, chiếm 18%; 41 người tham quan các điểm lịch sử văn hóa, chiếm 12,7%. Như vậy, sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng và các giá trị văn hoá được khách du lịch ưa thích nhất.

- *Đánh giá về các sản phẩm/ điểm đến/ khu du lịch trong vùng*

Bảng 3.9. Khảo sát về mức độ hài lòng của du khách đối với các loại hình dịch vụ

Loại hình dịch vụ	Điểm trung bình	Lựa chọn nhiều nhất
Thăm quan	4.36	5
Lưu trú	4.57	5
Mua sắm	3.86	4
Giải trí	4.25	4
Vui chơi	3.41	3
Ăn uống	4.18	5
Lữ hành, vận chuyển	3.9	4

Bảng điều tra chỉ ra mức độ hài lòng của du khách về các loại hình du lịch tiêu biểu trên địa bàn Đà Nẵng và dựa vào thang điểm đánh giá từ 1 (không thích) đến 5 (rất thích). Theo kết quả có được, các dịch vụ tham quan, lưu trú và thưởng thức đặc sản ẩm thực được các du khách đánh giá tốt nhất. Các dịch vụ có thang điểm dưới 4 là mua sắm, giải trí và vận chuyển.

b) Qua phỏng vấn khách du lịch đến Đà Nẵng

- *Về tính bền vững của dịch vụ du lịch*

Một trong những mục đích chính của nghiên cứu này là phân tích, đánh giá chất lượng và tính bền vững của dịch vụ du lịch hiện nay ở Đà Nẵng. Để làm việc này, tác giả sử dụng bộ công cụ đánh giá gồm 20 chỉ tiêu dựa trên nội dung trả lời những câu hỏi sau đây. Đối với mỗi câu hỏi, tác giả đề nghị khách cho điểm từ 1 đến 5, theo thang điểm từ 1 (rất kém, rất không hài lòng) tới 5 (rất tốt, rất hài lòng). Tổng số điểm đánh giá tối đa sẽ là 100 điểm.

1.	Hệ thống giao thông có tốt không?
2.	Hệ thống ngân hàng, bưu điện có thuận lợi cho du khách không?
3.	Có tình trạng ăn xin, chèo kéo, bán hàng rong không?
4.	Thành phố có khang trang, sạch sẽ không?
5.	Chính sách xuất nhập cảnh, cấp visa có thuận lợi cho du khách không?
6.	Các tài nguyên du lịch tự nhiên như biển, rừng có được giữ gìn và khai thác hiệu quả không?
7.	Chất lượng nguồn nhân lực phục vụ trong lĩnh vực du lịch có đảm bảo không?
8.	Ẩm thực địa phương có đa dạng và đặc sắc không?
9.	Các cơ sở lưu trú có đáp ứng được nhu cầu du khách không?
10.	Người dân và chính quyền địa phương có thân thiện không?
11.	Du khách có mong muốn trở lại Đà Nẵng lần sau không?
12.	Văn hoá truyền thống của địa phương có được phát huy vào phục vụ du lịch không?
13.	Người dân địa phương có tham gia vào hoạt động du lịch không?
14.	Sản phẩm du lịch ở đây có đa dạng, hấp dẫn không?
15.	Các di tích lịch sử có được bảo vệ, gìn giữ không?
16.	Có nhiều điểm vui chơi, giải trí không?
17.	Du khách có cảm thấy an tâm về vấn đề an ninh - trật tự ở đây không?
18.	Thái độ phục vụ của nhân lực ngành du lịch có tốt không?
19.	Vấn đề thu gom, xử lý rác thải ở các điểm du lịch có đảm bảo không?
20.	Chi phí du lịch tại thành phố Đà Nẵng có phù hợp với chất lượng dịch vụ tại đây không?

Qua phỏng vấn ngẫu nhiên 100 du khách thì các tiêu chí:

- Chất lượng cơ sở lưu trú, vấn đề an ninh trật tự, chính sách xuất nhập cảnh thuận lợi là những câu hỏi có số điểm cao nhất, điều này chứng tỏ chính quyền địa

phương đã quan tâm đến vấn đề an ninh, an toàn và không ngừng tạo điều kiện thuận lợi cho du khách; quan đó cũng cho thấy xu hướng phát triển du lịch theo xu hướng bền vững.

- Các tiêu chí sự đa dạng của sản phẩm du lịch, chất lượng nguồn nhân lực đạt mức điểm thấp. Cho thấy ngành du lịch thành phố cần một chiến lược phát triển dài hạn và rõ ràng để có thể giữ chân du khách và phát triển du lịch bền vững.

Bảng 3.10. Đánh giá thực trạng chất lượng và tính bền vững của du lịch Đà Nẵng qua phỏng vấn

TT	Tiêu chí	Mức điểm
1	Hệ thống giao thông có tốt không?	3,82
2	Hệ thống ngân hàng, bưu điện có thuận lợi cho du khách không?	4,05
3	Có tình trạng ăn xin, chèo kéo, bán hàng rong không?	3,95
4	Thành phố có khang trang, sạch sẽ không?	4,14
5	Chính sách xuất nhập cảnh, cấp visa có thuận lợi cho du khách không?	4,21
6	Các tài nguyên du lịch tự nhiên như biển, rừng có được giữ gìn và khai thác hiệu quả không?	3,52
7	Chất lượng nguồn nhân lực phục vụ trong lĩnh vực du lịch có đảm bảo không?	3,85
8	Ẩm thực địa phương có đa dạng và đặc sắc không?	4,59
9	Các cơ sở lưu trú có đáp ứng được nhu cầu du khách không?	4,51
10	Người dân và chính quyền địa phương có thân thiện không?	4,13

11	Du khách có mong muốn trở lại Đà Nẵng lần sau không?	4,25
12	Văn hoá truyền thống của địa phương có được phát huy vào phục vụ du lịch không?	3,85
13	Người dân địa phương có tham gia vào hoạt động du lịch không?	3,94
14	Sản phẩm du lịch ở đây có đa dạng, hấp dẫn không?	3,65
15	Các di tích lịch sử có được bảo vệ, gìn giữ không?	3,94
16	Có nhiều điểm vui chơi, giải trí không?	3,87
17	Du khách có cảm thấy an tâm về vấn đề an ninh - trật tự ở đây không?	4,25
18	Thái độ phục vụ của nhân lực ngành du lịch có tốt không?	4,00
19	Vấn đề thu gom, xử lý rác thải ở các điểm du lịch có đảm bảo không?	4,41
20	Chi phí du lịch tại thành phố Đà Nẵng có phù hợp với chất lượng dịch vụ tại đây không?	4,45
	Tổng điểm	77,53

Nguồn: Kết quả điều tra của tác giả
(2) Về đánh giá tác động của du lịch lên phân hệ sinh thái tự nhiên

Ngành du lịch không những góp phần tăng trưởng kinh tế, mà còn giải quyết việc làm cho lao động địa phương, cải thiện đời sống và bảo đảm an sinh xã hội. Tuy nhiên, sự tăng trưởng của du lịch cùng với xu hướng du lịch đại trà đã gây nên những tác động tiêu cực, riêng với môi trường là rất nặng nề.

Trong một đánh giá tác động về môi trường, Chi cục Bảo vệ tài nguyên môi

trường Đà Nẵng nhìn nhận việc phát triển du lịch và xây dựng cơ sở hạ tầng đã ảnh hưởng lớn đến nguồn lợi tự nhiên. Đơn cử, việc xây dựng các dự án du lịch, đường giao thông bên trong và lân cận khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà đã làm chia cắt sự liên tục của một số khu rừng. Theo Chi cục, các hoạt động dịch vụ du lịch ở khu bảo tồn tự nhiên Sơn Trà cũng là một trong những nguyên nhân làm ảnh hưởng đến môi trường, mà trực tiếp là tác động đến hệ sinh thái động vật. Hiện nay, các cơ quan quản lý nhà nước của thành phố rất quan tâm đến vấn đề bảo vệ đa dạng sinh học ở bán đảo Sơn Trà.

Cùng với sự phát triển của hoạt động du lịch, một số mặt nước vùng ven bờ đã bị thu hẹp do phát triển du lịch biển gắn với các nhà hàng, khách sạn. Điều này cũng tác động đến chất lượng nước ven bờ, ảnh hưởng các hệ sinh thái dưới nước ở nhiều khu vực tại Đà Nẵng như Bãi Bụt, Hòn Sụn, Bãi Lỡ, Bãi Nam...

Ở các bãi biển Đà Nẵng, hệ thống nhà hàng, khách sạn mọc lên dày đặc. Vào mùa cao điểm du lịch, du khách đổ về rất đông, tác động không nhỏ đến môi trường nước khu vực ven biển. Dọc bờ biển từ Ngũ Hành Sơn đến Sơn Trà có hàng chục bãi tắm lớn nhỏ, mỗi ngày, hàng ngàn du khách đổ về khiến môi trường nước không tránh khỏi bị ảnh hưởng. Hiện nay, Đà Nẵng đầu tư 4 trạm xử lý nước thải sinh hoạt với tổng công suất gần 150.000m³/ngày đêm; 5 trạm xử lý nước thải công nghiệp, tổng công suất gần 12.000m³/ngày đêm, tỷ lệ đầu nối đạt 98%, chất lượng xử lý sau hệ thống cơ bản đáp ứng theo tiêu chuẩn môi trường Việt Nam, đã cắt giảm được hàng chục nghìn m³/ngày thải trực tiếp ra biển so với trước. Về chất thải rắn, thu gom rác sinh hoạt đạt trên 95%, được đánh giá là một trong những địa phương sạch nhất của cả nước.

Đặc biệt, trong 05 năm trở lại đây, thành phố chuyên đổi phương thức “thu gom rác thải theo giờ” để giảm tối đa sự hiện diện của thùng rác trên đường phố, khu dân cư. Để tăng tỷ lệ thu gom tái chế, tái sử dụng, giảm chôn lấp đối với rác thải, thành phố đã kêu gọi doanh nghiệp đầu tư xử lý chất thải theo công nghệ không chôn lấp, đồng thời chủ trương triển khai phân loại rác tại nguồn theo xu hướng của thế giới.

Song song với công tác xử lý nước thải, thu gom rác, hiện nay, bằng nhiều giải pháp, chất lượng môi trường không khí được kiểm soát tốt. Từ năm 2010, thành phố

đã không cho phép đầu tư một số ngành sản xuất công nghiệp thuộc danh mục 19 ngành không được phép hoạt động trong khu dân cư; hoàn tất xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường; từng bước phát triển vận tải công cộng; chuyển đổi thí điểm sử dụng nhiên liệu sạch trong hoạt động giao thông, mảng xanh đô thị được chú trọng, diện tích cây xanh bình quân đạt 6,2m²/người...

(3) Đánh giá tác động của du lịch lên phân hệ kinh tế

Tác động của du lịch lên phân hệ kinh tế là những lợi ích và chi phí trực tiếp và gián tiếp về kinh tế nhận được từ sự phát triển và sử dụng các tiện nghi và dịch vụ du lịch

Dịch vụ du lịch có giá trị xuất khẩu và hiệu quả kinh tế- xã hội cao nhất trong các hoạt động xuất khẩu dịch vụ đặc biệt là theo góc độ thu ngoại tệ và thu hút lao động, tạo công ăn việc làm. Xuất khẩu dịch vụ du lịch có ảnh hưởng lớn đến cán cân thanh toán của toàn bộ nền kinh tế.

Trước hết, du lịch Đà Nẵng đã góp phần quan trọng vào việc cải thiện cán cân thương mại của thành phố. Năm 2015, Đà Nẵng đón 4,68 triệu lượt khách, trong đó khách quốc tế đạt 1,26 triệu lượt, khách nội địa đạt 3,42 triệu lượt tổng doanh thu đạt trên 21.658,8 tỷ đồng, trong đó có 1.872 tỷ đồng ngoại tệ.

Bên cạnh đó, ngành du lịch đã tạo cơ hội việc làm, tăng thu nhập cho người dân, xoá đói giảm nghèo. Đến năm 2015: tổng lượng lao động ngành du lịch trên địa bàn thành phố khoảng 14.000 người, trong đó, lao động trong hoạt động lữ hành khoảng 796 người (chiếm 5,6% lao động ngành du lịch). Hướng dẫn viên du lịch chiếm 4,2% nguồn nhân lực du lịch thành phố. Ước tính trong năm 2016, ngành du lịch cần hơn 20.000 lao động. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra hiện nay là sự thiếu hụt trầm trọng nguồn nhân lực chất lượng và có trình độ ngoại ngữ cho ngành du lịch.

Ngoài ra, ngành du lịch phát triển giúp quảng bá cho hoạt động sản xuất của địa phương. Cùng với sự phát triển của du lịch là sự khởi sắc của nền kinh tế địa phương nhờ vào việc cung cấp các sản phẩm, hàng hoá phục vụ cho du lịch. Hiện nay, phần lớn hàng hoá phục vụ cho du lịch như các món ăn truyền thống, hải sản tươi ngon, hàng tiêu dùng, nhiều loại hàng dịch vụ đã được cung cấp từ các địa phương trong thành phố. Đà Nẵng có lợi thế rất lớn về văn hoá ẩm thực với những món ăn đặc sắc

như mỳ Quảng, bún chả cá, bánh tráng cuốn thịt heo, bánh xèo, chả bò, tré, hến xào, cơm gà, bánh canh,...nhưng thành phố chưa đầu tư đúng mức cho việc quảng bá văn hoá ẩm thực này.

Du lịch là hoạt động xuất khẩu có hiệu quả cao nhất. Tính hiệu quả trong kinh doanh du lịch được thể hiện ở chỗ du lịch là mặt hàng “xuất khẩu tại chỗ” những hàng hoá công nghiệp, thủ công mỹ nghệ, đồ cổ phục vụ, nông sản... theo giá bán lẻ cao hơn do người bán sẽ không tốn kém nhiều chi phí giao hàng, vận chuyển, bảo hiểm, thuế xuất nhập khẩu, có khả năng thu hồi vốn nhanh.

Thông qua hoạt động du lịch, các làng nghề truyền thống tại Đà Nẵng đã được duy trì và ngày càng phát triển như làng đá mỹ nghệ thuộc phường Hoà Hải, quận Ngũ Hành Sơn với truyền thống trên 300 năm, cùng với 300 cơ sở sản xuất và hàng nghìn nhân công. Cùng với đó là làng chiếu Cẩm Nê, làng nón La Bông, làng làm bánh khô mè Cẩm Lệ. Những sản phẩm của các làng nghề truyền thống này đã theo chân du khách có mặt khắp năm châu.

Du lịch góp phần quan trọng vào nguồn thu ngân sách địa phương thông qua các khoản thuế. Bên cạnh đó, thông qua hoạt động đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, triển khai các chương trình xúc tiến, quảng bá du lịch trong và ngoài nước góp phần củng cố và phát triển các mối quan hệ kinh tế của Đà Nẵng với các nước trên thế giới, nhờ đó thúc đẩy kinh tế địa phương phát triển. Hiện nay, thành phố có 21 đường bay quốc tế trực tiếp đến Đà Nẵng mang đến nguồn ngân sách không nhỏ cho thành phố.

Đặc biệt là, du lịch đã góp phần thúc đẩy phát triển các vùng. Bán đảo Sơn Trà sở hữu một cảnh sắc thiên nhiên độc đáo. Từ một vùng đất hoang sơ, giờ đây Sơn Trà đang chứng kiến sự chuyển mình rõ rệt. Vùng núi rừng hoang dã được sự tiếp sức kích cầu đầu tư của thành phố Đà Nẵng và các nhà đầu tư, trong tương lai sẽ đưa Sơn Trà trở thành đô thị du lịch tâm cỡ khu vực.

Đèo Hải Vân được mệnh danh là “đệ nhất thiên hạ hùng quan” đã được quy hoạch, mở rộng theo định hướng xây dựng trở thành một điểm du lịch lý tưởng, đặc sắc.

Các hoạt động du lịch ở Đà Nẵng thời gian qua đã đạt được nhiều kết quả khả quan và ngành du lịch cũng có nhiều đóng góp cho nền kinh tế địa phương. Tuy nhiên,

nguồn vốn đầu tư từ du lịch cho phúc lợi xã hội chưa nhiều, các công trình phúc lợi của địa phương vẫn chủ yếu trông chờ vào nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Khuyến khích nhu cầu nội địa, Đà Nẵng được bình chọn là một trong mười điểm đến mới, hấp dẫn, nổi bật nhất châu Á năm 2013 và 2015, lượng khách du lịch đến Đà Nẵng trong năm vừa qua tăng 20%, nhất là nguồn khách từ Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, theo một khía cạnh khác, du lịch phát triển đã kích thích người Việt Nam dùng hàng Việt Nam.

Tuy nhiên, du lịch cũng có những tác động tiêu cực lên phân hệ kinh tế, đó là:

Thứ nhất, sự rò rỉ hiệu quả bội, thâm hụt cán cân thương mại bởi vì hầu hết các khu nghỉ dưỡng hoặc các khách sạn năm sao đều thuộc sở hữu của các công ty hay tập đoàn quốc tế. Ngoài ra, nguồn nhân lực chất lượng cao trong ngành du lịch ở Đà Nẵng còn rất hạn chế nên hầu hết phải tuyển dụng lao động từ nơi khác đến.

Bên cạnh đó, sự phát triển không đều của hoạt động du lịch giữa các vùng trong thành phố là nguyên nhân dẫn đến thu nhập không đều. Các hoạt động du lịch chủ yếu diễn ra ở các quận trung tâm thành phố như Hải Châu, Thanh Khê, Sơn Trà. Thu nhập bình quân đầu người của 20% dân cư quận Hải Châu đạt trên 6 triệu đồng/tháng. Ngược lại, vùng nông thôn như Hoà Vang, Liên Chiểu, Cẩm Lệ thì người dân có thu nhập thấp (thu nhập bình quân dưới 3,5 triệu đồng/ tháng).

(4) Đánh giá tác động của du lịch lên phân hệ xã hội- nhân văn

Qua xem xét, đánh giá quá trình phát triển du lịch ở Đà Nẵng thời gian qua có thể nhận thấy tác động của du lịch lên phân hệ xã hội- nhân văn mang nhiều tính tích cực.

- Thứ nhất, du lịch đã góp phần giải quyết việc làm cho người dân địa phương.

Du lịch với tính chất là ngành kinh tế tổng hợp mang tính liên ngành, liên vùng và xã hội hoá cao, du lịch phát triển tạo ra nhiều công ăn việc làm cho người dân địa phương, làm thay đổi cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng dịch vụ phù hợp với định hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Thứ hai, du lịch là một ngành kinh tế không chỉ mang lại việc làm mà còn mang lại nhiều cơ hội to lớn vì sự công bằng và tiến bộ cho xã hội, nhất là cho sự tiến bộ của phụ nữ. Ngành du lịch thành phố có đặc thù là tỷ lệ lao động nữ chiếm đa số. Theo

thống kê của Sở Du lịch thành phố, tính đến 2015, tổng số lao động ngành du lịch thành phố khoảng 14.000 người, trong đó, tỷ lệ nữ chiếm 62%. Lao động nữ tập trung vào các nghề như: phục vụ khách sạn, nhà hàng, đại lý du lịch, thông tin giải trí. Trong đó, tỷ lệ lao động nữ trong khối nhà hàng, khách sạn chiếm trên 71%, phục vụ buồng, chăm sóc sắc đẹp chiếm 95%. Tỷ lệ nữ trong ngành du lịch thành phố giữ cương vị lãnh đạo, quản lý ngày một tăng, có khoảng trên 1.500 người. Lãnh đạo điều hành từ cấp phòng trở lên cho tới quản đốc, giám sát, giám đốc doanh nghiệp chiếm 11% trong tổng số lao động và chiếm 19% trong tổng số lao động nữ. Tỷ lệ lao động nữ là lãnh đạo trong các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch cũng dần được tăng lên. Phần đông lao động nữ trong ngành ở độ tuổi 25- 40 tuổi. Đối tượng lao động nữ trong ngành du lịch có trình độ chuyên môn, năng lực làm việc cao, chất lượng và hiệu quả công việc của họ đóng vai trò quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ du lịch. Có thể nói, sự phát triển của ngành du lịch Đà Nẵng đã tạo ra cơ hội cho người lao động nói chung, người lao động nữ nói riêng có cơ hội vươn lên, đóng góp cho sự phát triển của xã hội.

- Thứ ba, du lịch góp phần nâng cao hiểu biết chung về văn hoá- xã hội

Du lịch là một trong những phương tiện hàng đầu để trao đổi văn hoá, tạo cơ hội cho mỗi con người được trải nghiệm. Đồng thời, du lịch cũng là một động lực tích cực cho việc bảo vệ di sản thiên nhiên, văn hoá của thành phố bằng cách gây quỹ, giáo dục cộng đồng và tác động đến chính sách. Tác dụng tích cực của du lịch đối với môi trường thường gắn với công tác bảo tồn thiên nhiên như việc xây dựng khu bảo tồn sinh thái Sơn Trà, khu du lịch sinh thái Bà Nà - Suối Mơ.

Ngoài ra, du lịch cũng tác động đến môi trường xã hội- nhân văn thông qua việc xây dựng và cải tạo môi trường văn hoá, xã hội, làm cho môi trường này khởi sắc, tươi mới, làm cho các hoạt động văn hoá năng động và linh hoạt hơn trong cơ chế thị trường. Hoạt động du lịch góp phần khơi dậy các tiềm năng văn hoá giàu có và phong phú của thành phố. Nhờ có du lịch, hằng năm trung bình hơn một triệu du khách quốc tế đến Đà Nẵng tham quan, họ được hiểu sâu sắc hơn về đất nước và con người nơi đây.

Mặc dù nguồn vốn của chương trình mục tiêu văn hoá dành cho việc bảo tồn,

tôn tạo các di tích văn hóa, lịch sử còn hạn hẹp thì ngành du lịch đã hỗ trợ kinh phí đầu tư, tu bổ, nâng cấp một số di tích trọng điểm góp phần làm cho những di tích ấy trường tồn với thời gian và trở thành điểm sáng văn hoá tại địa phương.

Qua xem xét đánh giá quá trình phát triển du lịch Đà Nẵng trong thời gian qua, có thể nhận thấy tác động của du lịch lên phân hệ xã hội- nhân văn mang nhiều tính tích cực hơn là tiêu cực. Các tệ nạn xã hội như ma túy, mại dâm luôn nằm trong tầm kiểm soát của thành phố. Lối sống truyền thống của cộng đồng dân cư địa phương được giữ gìn, các sinh hoạt văn hoá truyền thống như các phong tục, tập quán, lễ hội vẫn được giữ gìn mà không bị thương mại hoá mai một dần. Chất lượng của các di tích văn hoá lịch sử được cải thiện thông qua trùng tu, tôn tạo nhằm phục vụ du khách tốt hơn. Thực tế hiện nay Đà Nẵng được đánh giá là một trong những thành phố an bình và đáng sống nhất của Việt Nam

Giai đoạn phát hiện (Discovery):

Vòng đời của khu du lịch được mở đầu bằng giai đoạn phát hiện ra lãnh thổ du lịch bởi một số ít du khách có tính thích phiêu lưu, tìm tòi. Khách du lịch phát hiện và bị thu hút bởi vẻ đẹp tự nhiên của thiên nhiên hoặc đặc trưng văn hóa của cộng đồng địa phương. Tuy nhiên, số lượng du khách còn hạn chế do khu du lịch thiếu cơ sở hạ tầng, phương tiện đi lại cũng như chưa có tổ chức tiếp thị. Thái độ của dân địa phương ở giai đoạn này còn tò mò, thân thiện với du khách.

Giai đoạn tham gia (Involvement):

Xuất hiện các sáng kiến địa phương nhằm đáp ứng nhu cầu của du khách và quảng cáo cho khu du lịch, kết quả là tăng lượng du khách- xuất hiện các mùa du lịch và thị trường du lịch. Nảy sinh sức ép của du lịch lên lĩnh vực dịch vụ công cộng và cơ sở hạ tầng. Quan hệ chủ- khách vẫn thân thiện nhưng đã bắt đầu xuất hiện các dấu hiệu không hài lòng nhau.

Giai đoạn phát triển (Development):

Đây là giai đoạn bùng phát lượng du khách. Khu du lịch được đầu tư lớn với sức mạnh đầu tư chuyển từ khu vực địa phương ban đầu dần dần chuyển vào tay các tổ chức đầu tư bên ngoài. Sự đầu tư ồ ạt từ bên ngoài khiến cho du lịch mất dần các dáng vẻ truyền thống, xuất hiện các dáng vẻ xa lạ (kiến trúc, lối sống), đây là nguyên nhân của sự suy thoái sau này. Do sự bùng nổ khách du lịch và kinh doanh khách sạn, nhà

hàng, khu du lịch bắt đầu suy giảm chất lượng do sử dụng quá mức tài nguyên và cơ sở hạ tầng. Công tác quy hoạch và kiểm soát quy mô vùng hoặc quy mô quốc gia bắt đầu tham gia vào giải quyết vấn đề. Khu du lịch tham gia vào thị trường marketing du lịch quốc tế và xuất hiện ngày càng nhiều khách quốc tế. Du khách quốc tế ngày càng phụ thuộc vào sự sắp xếp của các công ty du lịch, ít khả năng chủ động. Du khách bị thương mại hóa, quan hệ giữa du khách và dân địa phương không còn hoàn toàn thân thiện mà đã xuất hiện mâu thuẫn, xung đột giữa: Du khách và dân địa phương; Cơ sở kinh doanh du lịch địa phương và ngoài địa phương; Cơ sở kinh doanh du lịch và cơ sở không tham gia vào du lịch.

Giai đoạn hoàn chỉnh (Consolidation):

Tốc độ tăng lượng khách du lịch chững lại, tuy nhiên lượng du khách vẫn tăng và vượt qua dân số địa phương. Khu du lịch được khai thác đến tối đa khả năng, hình thành các trung tâm du lịch thương mại độc lập và riêng biệt không còn chút dáng dấp của môi trường địa lý tự nhiên nào. Wolfe (1952) gọi đây là giai đoạn “ly hôn” giữa trung tâm nghỉ dưỡng du lịch và cảnh quan địa lý.

Giai đoạn quá bão hòa (Stagnation):

Lượng du khách vượt quá khả năng tải của lãnh thổ du lịch, tạo ra sự lộn xộn, xuống cấp của lãnh thổ du lịch. Du khách mới ngày càng ít, chủ yếu là nhóm du khách quen và thương gia sử dụng các tiện nghi ở khu du lịch. Các nhà kinh doanh du lịch ráng sức duy trì số lượng du khách, xung đột môi trường căng thẳng khiến du khách không cảm thấy hài lòng. Xuất hiện hàng loạt các vấn đề gay gắt về môi trường, xã hội và kinh tế.

Giai đoạn suy tàn (Decline):

Du khách chuyển đến các khu du lịch mới. Khu du lịch suy tàn chỉ thu hút các du khách trong ngày và cuối tuần. Xuất hiện việc chuyển nhượng bất động sản. Các cơ sở hạ tầng cho du lịch bị chuyển mục đích sử dụng khác. Vào giai đoạn này, các nhà kinh doanh du lịch tìm mọi cách thay mới dịch vụ du lịch. Các sòng bài- casino xuất hiện như là cố gắng trẻ hoá khu du lịch và thu hút thêm khách, mở thêm các loại hình mới thu hút khách vào các mùa vắng khách như nghỉ đông. Các giải pháp này đều nhằm cứu vãn hoạt động du lịch của một khu du lịch suy tàn.

Mô hình vòng đời là công cụ thuận lợi để xem xét sự phát triển của một khu du lịch, dự báo tương lai của nó để có giải pháp kéo dài giai đoạn phát triển. Sự kéo dài

giai đoạn phát triển khiến cho mô hình du lịch thương mại tiếp cận dần với du lịch bền vững.

Qua nghiên cứu, khảo sát thực trạng phát triển du lịch những năm gần đây, du lịch Đà Nẵng đang ở giai đoạn đầu của *giai đoạn phát triển* (development). Số lượng khách du lịch tăng nhanh, nhiều dự án đầu tư phát triển du lịch được triển khai. Các mối quan hệ giữa khách du lịch với người dân địa phương, giữa các cơ sở kinh doanh du lịch địa phương và ngoài địa phương, giữa các cơ sở kinh doanh du lịch với các cơ sở không tham gia kinh doanh du lịch vẫn còn đang thân thiện. Trên thực tế, các mối mâu thuẫn, xung đột vẫn chưa xuất hiện. Sự phát triển về du lịch ở Đà Nẵng hiện nay vẫn còn trong giới hạn kiểm soát được. Quan hệ giữa du khách và người dân địa phương vẫn cởi mở, thân thiện.

Như vậy, dựa vào hệ thống chỉ tiêu môi trường dùng để đánh giá nhanh tính bền vững của điểm du lịch, sự phát triển du lịch hiện nay ở Đà Nẵng được đánh giá là vẫn nằm trong tầm kiểm soát, vẫn có tính bền vững tuy không cao. Một số chỉ tiêu như tỷ lệ du khách quay trở lại, số ngày lưu trú, mức độ hài lòng của du khách cần phải được quan tâm và không ngừng tìm kiếm các giải pháp để nâng cao mức độ hài lòng của du khách, giữ chân họ ở lại thành phố lâu hơn. Nhìn chung, phát triển du lịch ở Đà Nẵng vẫn đáp ứng được nhu cầu của du khách, phân hệ sinh thái tự nhiên chưa bị suy thoái, phân hệ kinh tế có sự tăng trưởng cho cả doanh nghiệp và cộng đồng địa phương, phân hệ xã hội- nhân văn vẫn giữ được bản sắc văn hoá truyền thống được tăng cường văn minh do mở rộng giao lưu với du khách.

3.5.2. Đánh giá theo tiêu chí bền vững

Tại chương II của Đề tài, tác giả đưa ra 9 tiêu chí đại diện cho phát triển du lịch bền vững, trên các khía cạnh: Kinh tế, xã hội, môi trường và quản lý Nhà nước. Trên cơ sở đó, tác giả sẽ đánh giá tính bền vững của du lịch Đà Nẵng thông qua việc đánh giá hệ thống các tiêu chí nêu trên.

Dựa vào số điểm được du khách đánh giá đối với từng tiêu chí đối với thang điểm 5, tác giả tính điểm số trung bình của từng nội dung. Trên cơ sở đó, tác giả xếp loại các tiêu chí như sau:

Tốt: Từ 4.0 điểm đến 5.0 điểm.

Khá: Từ 3.0 điểm đến dưới 4.0 điểm.

Trung bình: Từ 2.0 điểm đến dưới 3.0 điểm.

Yếu, kém: dưới 2.0 điểm.

a) Kinh tế

(1) Tăng trưởng thu nhập du lịch đều đặn trong nhiều năm liên tục

Tại *Biểu đồ 3.1. Tốc độ tăng trưởng GRDP du lịch Đà Nẵng qua các năm*, ta thấy thu nhập du lịch Đà Nẵng cao và tăng trưởng liên tục.

Đánh giá tiêu 1: Tốt

(2) Số lượt khách du lịch tục tăng đều đặn trong nhiều năm liên tục.

Tại *Bảng 3.5. Số lượt khách đến Đà Nẵng giai đoạn 2000- 2015*, ta thấy khách du lịch đến Đà Nẵng tăng trưởng cao liên tục.

Đánh giá tiêu chí 2: Tốt

b) Về xã hội

(3) Mức độ thân thiện của chính quyền địa phương và nhân dân địa phương đối với du khách.

Tại bảng Tổng hợp kết quả trả lời phỏng vấn khách du lịch tại Đà Nẵng, kết quả trả lời của câu hỏi "*Người dân và chính quyền địa phương có thân thiện không ?*" đạt 4,13/5 điểm.

Đánh giá tiêu chí 3: Tốt

(4) Tỷ lệ lao động đang làm việc trong ngành du lịch và thu nhập từ các hoạt động du lịch của người dân địa phương

Tại bảng Tổng hợp kết quả trả lời phỏng vấn khách du lịch, Câu hỏi "*Người dân địa phương có tham gia vào hoạt động du lịch không ?*" đạt 3,94/5 điểm. Tiêu chí này cũng nói lên được mức thu nhập của nhân dân địa phương từ hoạt động du lịch.

Đánh giá tiêu chí 4: Khá

(5) Giá trị văn hóa, lịch sử được bảo tồn và phát huy

- Tại bảng *Bảng 3.10. Đánh giá thực trạng chất lượng và tính bền vững của du lịch Đà Nẵng qua phỏng vấn*, Câu hỏi "*Các di tích lịch sử có được bảo vệ, giữ gìn*

không?" đạt 3,94/5 điểm.

Đánh giá tiêu chí 5: Khá

c) Môi trường

(6) Tỷ lệ các tài nguyên du lịch thiên nhiên được khai thác và bảo tồn

Câu hỏi “*Các tài nguyên du lịch tự nhiên như biển, rừng có được giữ gìn và khai thác hiệu quả không ?*” đạt 3,52 điểm.

Đánh giá tiêu chí 6: Khá

(7) Tỷ lệ các điểm du lịch có xử lý thu gom rác thải

Tại bảng *Bảng 3.10. Đánh giá thực trạng chất lượng và tính bền vững của du lịch Đà Nẵng qua phỏng vấn*, câu hỏi "*Vấn đề thu gom, xử lý rác thải ở các điểm du lịch có đảm bảo không?*" đạt 4,41/5 điểm,

Đánh giá tiêu chí 7: Tốt

d) Quản lý Nhà nước

(8) Chính sách quản lý Nhà nước để phát triển du lịch bền vững tại địa phương.

Tại Mục *Đánh giá chính sách du lịch Đà Nẵng* đã chỉ ra 3 nội dung yếu kém về chính sách quản lý Nhà nước về phát triển du lịch bền vững Đà Nẵng, đó là:

- Nhiều chính sách còn chưa đồng bộ , chưa phù hợp và thiếu tính khả thi, hiệu lực và hiệu quả chưa cao, thậm chí một số chính sách chưa thực sự đi vào cuộc sống.
- Nguồn lực đầu tư cho phát triển du lịch chưa đầy đủ và đủ mạnh để phát triển.
- Chính sách bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, di tích lịch sử chưa cụ thể và đủ nguồn lực để triển khai thực hiện.

Đánh giá tiêu chí 8: Trung bình

(9) Công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

Tại bảng tổng hợp kết quả trả lời phỏng vấn khách du lịch tại thành phố Đà Nẵng, câu hỏi “*Du khách có cảm thấy an tâm về vấn đề an ninh - trật tự, an toàn xã hội ở đây không?*” trung bình đạt 4,25/5 điểm.

Đánh giá tiêu chí 9: Tốt

3.5.3. Kết luận

Qua phân tích, đánh giá thực trạng phát triển du lịch bền vững Đà Nẵng, kết hợp với kết quả tổng hợp phiếu phỏng vấn của khách du lịch và đánh giá chín (9) tiêu chí đại diện cho 4 trụ cột phát triển du lịch bền vững. Tác giả có thể kết luận ***"phát triển du lịch thành phố Đà Nẵng đã có tính bền vững nhưng tính bền vững chưa cao"***.

3.6. Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững ở Đà Nẵng thời gian qua

3.6.1. Ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên

Điều kiện tự nhiên tác động đến phát triển du lịch bền vững ở thành phố Đà Nẵng theo cả hai hướng, thuận và nghịch. Thuận lợi là, Đà Nẵng nằm ở vị trí trung lộ của đất nước, là nơi giao hòa của nhiều nền văn hóa khác nhau của đại gia đình các dân tộc Việt Nam, đặc biệt lại có bờ biển đẹp, với nhiều bãi tắm nổi tiếng trên thế giới, có nhiều cảnh quan thiên nhiên vừa đẹp vừa hùng vĩ. Điều kiện tự nhiên như vậy đã tạo ra cho Đà Nẵng một lợi thế vô cùng lớn trong phát triển du lịch bền vững mà ít địa phương trong cả nước có được. Tác dụng nghịch là, Đà Nẵng nằm trong vùng có điều kiện thời tiết, khí hậu khá khắc nghiệt, mưa, bão, lũ lụt xảy ra thường xuyên. Mùa mưa ở Đà Nẵng thường tập trung từ tháng 10 đến tháng 12 hàng năm, với thời gian mưa kéo dài và lượng mưa rất lớn. Mùa mưa, lũ đi kèm với mùa bão, nên thường gây ra những tổn thất khá nặng nề về tài sản (thậm chí cả về người) cho thành phố nói chung, cho ngành du lịch nói riêng. Trong mùa mưa bão, nhiều hoạt động du lịch, nhất là hoạt động ngoài trời bị đình trệ, gây thất thu không nhỏ. Điều đáng ghi nhận là, trong những năm vừa qua, Đà Nẵng đã có nhiều giải pháp hợp lý được đưa ra để khai thác tối đa những lợi thế và giảm đến mức tối thiểu các thiệt hại do điều kiện tự nhiên mang lại, giúp ngành du lịch phát triển nhanh bền vững.

3.6.2. Ảnh hưởng của điều kiện kinh tế- quản lý

Có thể nói, những năm vừa qua, du lịch Đà Nẵng đã thừa hưởng được một điều kiện kinh tế khá tốt để phát triển bền vững, đó là:

Thứ nhất, ở tầm vĩ mô, sự phát triển của ngành du lịch thành phố Đà Nẵng luôn được sự quan tâm hỗ trợ của Đảng và Nhà nước. Bộ Chính trị đã xác định phải xây dựng Đà Nẵng thành một trung tâm du lịch lớn của cả nước. Chính phủ đã hỗ trợ du lịch Đà Nẵng phát triển bằng việc trực tiếp đầu tư mở rộng và nâng cấp sân bay quốc tế Đà Nẵng, mở rộng và hiện đại hóa cảng Tiên Sa; mở rộng và nâng cấp quốc lộ 1A, đặc biệt là xây dựng hầm đường bộ vượt đèo Hải Vân, đồng thời cũng ban hành nhiều chính sách thông thoáng, tạo điều kiện cho du khách đến với Đà Nẵng một cách thuận tiện (cấp thị thực, lưu trú, đi lại, mua bán...).

Thứ hai, ở địa phương, ngành du lịch được Đảng bộ và Chính quyền xác định là một ngành kinh tế mũi nhọn, do đó đã có nhiều chính sách và giải pháp ưu đãi, có tác

dụng khuyến khích mọi thành phần kinh tế tích cực tham gia đầu tư phát triển lĩnh vực này. Nhờ đó Đà Nẵng đã trở thành địa phương có cơ sở hạ tầng tốt nhất và có các cơ chế, chính sách tốt nhất đối với phát triển ngành du lịch bền vững.

Thứ ba, Đà Nẵng là một trong 03 tỉnh, thành được Chính phủ cho phép thành lập Sở Du lịch trực thuộc UBND TP, là đơn vị quản lý nhà nước về du lịch. Điều đó cho phép, ngành du lịch có điều kiện thuận lợi được đầu tư ngân sách, chính sách và nguồn nhân lực chuyên nghiệp thực hiện chức năng tham mưu, đề xuất và thực thi nhiệm vụ phát triển ngành du lịch.

3.6.3. Ảnh hưởng của điều kiện xã hội

Điều kiện xã hội ở Đà Nẵng cũng đã có ảnh hưởng khá tốt đến phát triển du lịch bền vững. Trình độ dân trí của người dân tương đối cao, đặc biệt, người dân Đà Nẵng đã có nhận thức khá tốt về trách nhiệm của mình đối với sự phát triển du lịch của thành phố, họ luôn luôn chăm lo giữ gìn cho thành phố của mình sạch đẹp và luôn có thái độ thân thiện, lịch sự đối du khách, không có chèo kéo, gây phiền hà cho du khách như ở một số nơi khác.

Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của du lịch, với việc mở rộng giao lưu với bên ngoài, bên cạnh những mặt tích cực là kinh tế phát triển, thu nhập và đời sống của người dân được nâng cao, thì cũng có những tác động tiêu cực nhất định đến với người dân trên địa bàn, nhất là văn hóa và lối sống không lành mạnh. Song phải nói là, thời gian qua, Đà Nẵng đã ngăn chặn những tác động tiêu cực này khá thành công.

3.7. Những vấn đề đặt ra đối với phát triển du lịch bền vững ở thành phố Đà Nẵng

3.7.1. Từ góc độ bền vững về kinh tế

Đánh giá quá trình phát triển du lịch bền vững trên góc độ kinh tế cho thấy một số điểm nổi bật mà du lịch cần quan tâm như sau:

- **Ngành du lịch thành phố Đà Nẵng được thành phố xác định là ngành kinh tế mũi nhọn trong tương lai đến năm 2020.** Nhưng hiện nay, tỷ trọng GRDP ngành du lịch trong tổng GRDP của thành phố còn rất nhỏ bé, đòi hỏi từ nay đến năm 2020 ngành du lịch phải có bước nhảy vọt cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Để tránh tăng trưởng nóng, ngành du lịch cần cân đối phát triển toàn diện trên cơ sở tiềm năng phát triển của thành phố và sự liên kết mạnh mẽ với bên ngoài.

Để ngành du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn và hướng tới phát

triển du lịch bền vững, cùng với việc kiện toàn bộ máy tổ chức, tăng cường năng lực quản lý, công tác quản lý nhà nước về du lịch ở Đà Nẵng cần quan tâm đến triển khai thực hiện quy hoạch phát triển du lịch Đà Nẵng đến năm 2020, tầm nhìn 2030; thậm chí tầm nhìn đến năm 2050, cần lập bản đồ du lịch thành phố theo từng phân khu chức năng; đánh giá lại chủ trương đầu tư các khu du lịch, chất lượng khai thác các nguồn tài nguyên du lịch; đầu tư cho công tác bảo tồn, bảo vệ môi trường sinh thái; xác lập và duy trì, nuôi dưỡng tốt mối quan hệ với cộng đồng địa phương, doanh nghiệp kinh doanh về ngành du lịch.

• **Du lịch Đà Nẵng đang trong giai đoạn phát triển.** Lĩnh vực khách sạn, nhà hàng phần lớn do lực lượng tư nhân nắm giữ, nhịp độ tăng trưởng lĩnh vực khách sạn, nhà hàng trong thời gian gần đây tăng cao, trong khi tỷ lệ sử dụng phòng thấp, đòi hỏi ngành du lịch cần đẩy mạnh công tác dự báo và tư vấn để hướng dẫn các doanh nghiệp dịch vụ phát triển cân đối và hiệu quả.

• **Khách du lịch đến thành phố Đà Nẵng với nhịp độ phát triển ngày càng cao.** Tuy nhiên số ngày lưu trú tại Đà Nẵng ngắn, chi tiêu tại Đà Nẵng ít, điều này cũng có thể hiểu được do quá trình phát triển các điểm du lịch trên địa bàn còn kém hấp dẫn khách du lịch, các sản phẩm du lịch còn đơn điệu, thương mại du lịch chưa hấp dẫn.

3.7.2. Từ góc độ bền vững về xã hội

Ngành du lịch là một ngành có nhiều đóng góp tích cực cho phát triển xã hội, trong đó có tạo ra nhiều việc làm, giải quyết tình trạng thất nghiệp, các doanh nghiệp đang dần có sự thay đổi nhận thức trong đóng góp lợi ích kinh tế cho khu vực địa phương, góp phần thực hiện chương trình “Thành phố năm không”, “Thành phố ba có”, “Thành phố bốn an”. Hiện nay, Đà Nẵng kiểm soát được tình trạng dịch bệnh, tệ nạn xã hội liên quan đến du lịch, xây dựng thành phố an bình, không có người lang thang xin ăn, không có cướp của giết người, không có người nghiện ma túy trong cộng đồng, không có học sinh tiểu học và trung học cơ sở bỏ học.

Bên cạnh những kết quả về mặt xã hội mà ngành du lịch đạt được, song theo khía cạnh phát triển bền vững, ngành du lịch thành phố cần quan tâm một số điểm sau:

❖ **Để du lịch trở thành ngành mũi nhọn, cần có giải pháp phát triển mạnh mẽ hơn nhằm thu hút nhiều lao động tham gia vào lĩnh vực du lịch.** Hiện tại mới chỉ có khoảng 10% lao động trong nền kinh tế tham gia vào hoạt động du lịch là quá khiêm tốn trong khi những lĩnh vực liên quan đến du lịch còn nhiều tiềm năng.

❖ *Mục tiêu của du lịch là vì sự phát triển và mang lại lợi ích cho cộng đồng, phát triển du lịch bền vững chỉ có thể thực hiện được khi có sự tham gia của cộng đồng.* Đối với cộng đồng, để đạt được mục tiêu của phát triển du lịch bền vững, cần phải nâng cao nhận thức của người dân, đảm bảo sự tham gia và giám sát của cộng đồng trong quá trình phát triển du lịch, vì cư dân địa phương hiểu hơn ai hết về môi trường nơi họ sinh sống. Bên cạnh đó, có sự tham gia của người dân cũng giảm được những yếu tố xung đột có thể xảy ra trong du lịch. Hiện tại, vai trò của các cộng đồng trong phát triển du lịch bền vững còn rất mờ nhạt, ít có sự đóng góp vào các dự án phát triển mà chủ yếu dựa vào nguồn lực Nhà nước hoặc nhà đầu tư bên ngoài.

❖ *Về phát triển các nơi nghỉ ngơi, vui chơi giải trí của ngành du lịch Đà Nẵng đang đặt ra nhiều thử thách:* (1) Thiếu nơi vui chơi công cộng; (2) Các dự án du lịch phát triển nhiều và tập trung quá nhiều vào khu vực ven biển trong khi các bãi biển bị chia cắt bởi các dự án du lịch gây cản trở đến tầm biển của nhân dân địa phương.

3.7.3. Từ góc độ bền vững về tài nguyên- môi trường

Theo góc độ phát triển du lịch bền vững về tài nguyên môi trường thì du lịch Đà Nẵng chưa ảnh hưởng nhiều đến tài nguyên môi trường song cũng có những dấu hiệu cần quan tâm ngay từ bây giờ, đó là:

➤ Hoạt động khai thác nguồn tài nguyên du lịch ở thành phố Đà Nẵng đang diễn ra ồ ạt trong ba năm gần đây nhưng chưa đánh giá hiệu quả về mức độ thiệt hại từ góc độ môi trường. Do vậy, cần phải tránh đi theo vết xe đổ của nhiều địa phương, nhiều vùng khi diễn ra xây dựng bê tông ồ ạt, khai thác du lịch bờ biển, gây suy thoái môi trường nghiêm trọng. Thực trạng khai thác như hiện nay cùng với sự thiếu trách nhiệm giữa các cơ quan quản lý, nguy cơ tiềm ẩn cho sự suy thoái môi trường là không thể tránh khỏi, phần nào đó đã thể hiện cho sự phát triển không bền vững về du lịch.

➤ Vấn đề bảo vệ nguồn nước tại các khu vực phát triển du lịch cần được quan tâm, trong đó cần có các giải pháp xử lý rác và nước thải để tránh ô nhiễm môi trường nước.

➤ Vấn đề tôn trọng tính đa dạng sinh học: Đặc điểm của thành phố Đà Nẵng là có biển, có núi du lịch phát triển cả ở khu vực ven biển và khu vực núi cao, sự đa dạng trong phát triển du lịch có ảnh hưởng nhiều đến tính đa dạng về sinh thái thể hiện ở các khía cạnh như: Quy mô phát triển du lịch mở rộng sẽ thu hẹp diện tích hoạt động của các loài động vật đang sinh sống; Ô nhiễm môi trường do du lịch gây ra...

3.7.4. Từ góc độ quản lý nhà nước

➤ Đánh giá quá trình phát triển du lịch bền vững trên góc độ quản lý nhà nước cho thấy một số điểm nổi bật mà du lịch cần quan tâm như sau: Ngành du lịch dù đã được thành phố xác định là ngành kinh tế mũi nhọn, song thực trạng cho thấy, thành phố chưa có quy hoạch tổng thể phát triển ngành, chưa xây dựng được bản đồ quy du lịch thành phố. Việc ban hành các chính sách tuy có kịp thời, nhưng các nguồn lực chưa thực sự được quan tâm đầu tư; việc triển khai thực hiện các chính sách, chương trình phát triển du lịch, dịch vụ của các ngành chức năng, địa phương còn hạn chế, bất cập.

➤ Lấy mục tiêu xây dựng thành phố Bốn an, thành phố đáng sống. Và thực tế, Đà Nẵng là một trong những địa phương có an ninh trật tự, an toàn xã hội rất tốt. Song dấu hiệu gần đây cho thấy, mục tiêu thành phố Bốn an, trong đó có an toàn trật tự xã hội có dấu hiệu vi phạm, xuất hiện nhiều hiện tượng rất đáng lo ngại nếu không kịp thời có biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn, đẩy lùi.

TÓM TẮT CHƯƠNG 3

Trong chương 3, tác giả đã tập trung nghiên cứu một số vấn đề sau: Làm rõ thế mạnh của Đà Nẵng để phát triển du lịch bền vững như tài nguyên du lịch tự nhiên, tài nguyên du lịch nhân văn, hệ thống kết cấu hạ tầng bao gồm cả hạ tầng kinh tế và hạ tầng xã hội; Đánh giá thực trạng phát triển du lịch Đà Nẵng giai đoạn 2001-2015 theo quan điểm phát triển bền vững. Trong đó, tập trung đánh giá những mặt đạt được cũng như những tồn tại, những vấn đề đặt ra để phát triển du lịch thành phố Đà Nẵng bền vững. Tất cả các nội dung đều được đánh giá trên cả góc độ kinh tế, xã hội và tài nguyên- môi trường và cả góc độ chính sách và an toàn xã hội. Như vậy, có thể nhận thấy:

1. Thành phố Đà Nẵng có tài nguyên du lịch dồi dào, tiềm năng du lịch rất lớn, có nhiều thuận lợi để phát triển đa dạng các loại hình du lịch, trong đó có nhiều loại hình du lịch thân thiện với môi trường và có tính bền vững cao như: du lịch sinh thái, du lịch kết hợp với nghiên cứu, du lịch biển, du lịch văn hoá- lịch sử.

2. Trong những năm vừa qua, nhờ có thực hiện nhất quán chính sách coi du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn, thành phố đã xây dựng môi trường pháp lý và xã hội ổn định tạo điều kiện cơ bản cho ngành du lịch Đà Nẵng đã có những bước tiến bộ vượt bậc, đã có nhiều đóng góp quan trọng cho nền kinh tế địa phương, tạo công ăn việc làm cho người dân, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế thành phố.

3. Qua sự đánh giá tính bền vững của hoạt động du lịch trên địa bàn thành phố cho thấy hoạt động du lịch trên địa bàn thành phố mang tính bền vững nhưng chưa cao, vẫn còn tiềm ẩn một số nguy cơ dễ gây ô nhiễm môi trường, đặc biệt là vào mùa du lịch cao điểm. Vì vậy, cần có những giải pháp hữu hiệu như xây dựng các sản phẩm du lịch mới, mở thêm các tuyến du lịch, nâng cao hiểu biết và khuyến khích cộng đồng địa phương tham gia hơn nữa vào hoạt động du lịch để đảm bảo tính bền vững của ngành du lịch thành phố.

CHƯƠNG 4

GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN DU LỊCH ĐÀ NẴNG BỀN VỮNG ĐẾN NĂM 2030

4.1. Bối cảnh chung ảnh hưởng đến phát triển du lịch thành phố Đà Nẵng bền vững

Đến nay, Việt Nam đã tham gia liên kết các tổ chức và Hiệp ước khu vực và thế giới. Năm 1993, Việt Nam chính thức nối lại quan hệ với Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) và Ngân hàng Thế giới (WB); ngày 28/7/1995 chính thức trở thành thành viên thứ 7 của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN); ngày 15/12/1995 ký Nghị định thư tham gia Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA); năm 1996 tham gia Diễn đàn hợp tác kinh tế Á-Âu (ASEM), sau đó ký Hiệp định khung với Liên minh châu Âu (EU) về hợp tác thương mại; Năm 1990 nối lại quan hệ với Hoa Kỳ, Hiệp định thương mại giữa hai nước được ký sau đó và chính thức có hiệu lực từ ngày 11/12/2001; Tháng 11/2007 trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại thế giới.

Năm 2015, Việt Nam đã ký 3 Hiệp định hết sức quan trọng với các Liên minh quốc tế lớn là: Hiệp định giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu; Hiệp định giữa Việt Nam và Liên minh kinh tế Á-Âu (Nga, Armenia, Kazakhstan, Kyrgyzstan), Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương TPP với 12 nước (Newzeland, Sinhgapore, Chi-Lê, Brunay, Úc, Peru, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Canada...) và nhiều Hiệp định song phương, đa phương khác như: Việt Nam- Nhật Bản, Việt Nam- Hàn Quốc, Việt Nam- Chi Lê.v.v. Ngày 01/01/2016 các nước Asean chính thức trở thành một cộng đồng kinh tế và năm 2018 Việt Nam là thành viên đầy đủ của Tổ chức Thương mại thế giới WTO.

Cho đến nay (12/2015), Việt Nam đã có quan hệ thương mại với trên 200 quốc gia và vùng lãnh thổ ở khắp các châu lục, trên 100 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư ở Việt Nam và các doanh nghiệp Việt Nam đã có dự án đầu tư ở trên 70 quốc gia và vùng lãnh thổ. Giờ đây Việt Nam không chỉ hội nhập với bên ngoài trên lĩnh vực ngoại giao, kinh tế, mà cả trên lĩnh vực chính trị, văn hóa và quân sự.

Hội nhập sâu-rộng với các nền kinh tế trong khu vực và thế giới tạo cho Việt

Nam nói chung, Đà Nẵng và ngành Du lịch Đà Nẵng nói riêng nhiều cơ hội thuận lợi trong việc thu hút các nguồn lực từ bên ngoài để phục vụ cho sự phát triển bền vững, đặc biệt là nguồn lực vốn và nguồn lực khoa học- công nghệ. Tuy nhiên, hội nhập cũng mang lại không ít những khó khăn, thách thức cho ngành du lịch nói chung và quá trình xây dựng phát triển ngành du lịch bền vững nói riêng, nhất là sự cạnh tranh quyết liệt của các doanh nghiệp nước ngoài đối với các doanh nghiệp trong nước khi mà tất cả đều chung một luật chơi, một hành lang pháp lý công khai và minh bạch. Thách thức to lớn vì các doanh nghiệp nước ngoài thường là có thương hiệu mạnh, có nhiều kinh nghiệm trong quản lý, có nguồn lực tài chính dồi dào, có công nghệ tiên tiến và có nguồn nhân lực chất lượng cao.

Ở trong nước, chúng ta đã trải qua 30 năm thực hiện đường lối đổi mới, xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường. Nhờ đó, Việt Nam đã từ một quốc gia chậm phát triển trở thành quốc gia đang phát triển có thu nhập trung bình. Tiềm lực mọi mặt của Việt Nam, nhất là tiềm lực về kinh tế đã mạnh hơn trước rất nhiều. Tuy trong quá trình phát triển, chúng ta vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế, yếu kém, song với chủ trương tiếp tục đổi mới mạnh mẽ hơn, quyết liệt hơn trong những năm sắp tới mà Đảng và Chính phủ đã đề ra, chắc chắn thế và lực của Việt Nam trong khu vực và thế giới sẽ được nâng lên nhanh chóng. Điều này sẽ có tác động mạnh mẽ đến sự phát triển bền vững của thành phố Đà Nẵng nói chung, đến ngành Du lịch nói riêng.

4.2. Cơ sở pháp lý phát triển du lịch thành phố Đà Nẵng bền vững đến năm 2020

Căn cứ Quyết định số 1866/QĐ-TTg ngày 08/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội thành phố Đà Nẵng đến năm 2020; Quyết định số 2357/QĐ-TTg ngày 04/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2030 và tầm nhìn 2050 [17], Quyết định số 2350/QĐ-TTg ngày 24/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng duyên hải Nam Trung bộ đến năm 2020, tầm nhìn 2030 [16]; Quyết định số 7099/QĐ-UBND ngày 17/09/2010 của UBND TP Đà Nẵng phê duyệt quy hoạch tổng thể ngành văn hóa, thể thao và du lịch thành phố Đà Nẵng đến năm 2020, Quyết định số 8373/QĐ-UBND ngày

09/11/2015 của UBND TP Đà Nẵng về việc ban hành Đề án phát triển du lịch thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2016-2020 và Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XX Đảng bộ thành phố Đà Nẵng, một số mục tiêu và định hướng phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2020 [18].

4.3. Mục tiêu, định hướng phát triển du lịch bền vững ở thành phố Đà Nẵng

4.3.1. Mục tiêu phát triển du lịch bền vững đến năm 2030

4.3.1.1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành một trong những đô thị lớn của cả nước, là trung tâm kinh tế- xã hội của miền Trung với vai trò là trung tâm dịch vụ; là thành phố cảng biển, đầu mối giao thông quan trọng về vận tải và trung chuyển hàng hóa trong nước và quốc tế; trung tâm bưu chính viễn thông và tài chính- ngân hàng; một trong những trung tâm y tế, văn hóa- thể thao, giáo dục đào tạo và khoa học công nghệ của miền Trung; là địa bàn giữ vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh của khu vực miền Trung và cả nước.

Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, nhất là du lịch biển cao cấp, mang tầm cỡ quốc gia và quốc tế. Đầu tư phát triển du lịch có trọng tâm, trọng điểm, tập trung phát triển chiều sâu theo hướng nâng cao chất lượng và tính chuyên nghiệp. Xây dựng thương hiệu du lịch Đà Nẵng là thiên đường nghỉ dưỡng, điểm đến an toàn và thân thiện . Xây dựng các sản phẩm du lịch khác biệt, độc đáo, có sức cạnh tranh cao. Phát triển du lịch gắn với bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và phát huy các giá trị văn hóa, giữ gìn bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng- an ninh. Tăng cường gắn kết sản phẩm và chất lượng du lịch với từng thị trường và phát huy liên kết vùng với Quảng Nam, Thừa Thiên Huế, vùng Nam Trung bộ và cả nước.

4.3.1.2. Mục tiêu cụ thể

a) Về khách du lịch

Phấn đấu đến năm 2030 đón được 8.000.000 khách du lịch, trong đó có 2.000.000 khách quốc tế và 6.000.000 khách nội địa. Tốc độ tăng trưởng về lượng khách bình quân hằng năm giai đoạn 2016-2030 đạt 12,6%.

b) Thời gian lưu trú và chi tiêu bình quân

- Năm 2020 phấn đấu đạt 2,5 ngày lưu trú bình quân đối với khách nội địa (tăng

thêm 0,5 ngày so với năm 2015) và 2,7 ngày đối với khách quốc tế (tăng thêm 0,3 ngày so với năm 2015).

- Chi tiêu bình quân của khách năm 2030 phấn đấu đạt 3,864 triệu đồng/khách tăng 45% so với năm 2015.

c) Về tổng thu du lịch

Đến năm 2030 phấn đấu tổng thu du lịch đạt 27.400 tỷ đồng, tăng bình quân hằng năm giai đoạn 2016-2030 đạt 18,4%.

d) Về cơ sở lưu trú du lịch

- Dự kiến đến năm 2030 sẽ có 23.221 phòng khách sạn tăng 4.988 phòng so với năm 2015, trong đó số phòng khách sạn 3-5 sao sẽ tăng 4.005 phòng, nâng tổng số phòng khách sạn từ 3-5 sao lên 13.316 phòng.

- Ngoài việc tăng lượng phòng khách sạn đạt chuẩn, khuyến khích phát triển loại hình homestay để phục vụ nhu cầu du khách trong các đợt cao điểm.

đ) Về nhân lực du lịch

- Đến năm 2030 tạo việc làm cho trên 35.289 người lao động trực tiếp.

- Xây dựng nguồn nhân lực ngành du lịch đáp ứng được tiêu chuẩn về nghề du lịch trong khối ASEAN. Đội ngũ cán bộ quản lý Nhà nước, các cơ sở kinh doanh du lịch được chuẩn hoá, nâng cao chất lượng nghiệp vụ, tính chuyên nghiệp và trình độ ngoại ngữ.

4.3.2. Định hướng phát triển du lịch bền vững thành phố Đà Nẵng đến năm 2020

4.3.2.1. Định hướng chung

Theo Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Duyên hải Nam Trung bộ đến năm 2020, tầm nhìn 2030, Thủ tướng Chính phủ đã xác định mục tiêu tổng quát: “Đến năm 2020 đưa du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng và phấn đấu đến năm 2030 trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong cơ cấu kinh tế của Vùng. Theo đó xác định: “Phát triển thành phố Đà Nẵng trở thành trung tâm du lịch của Vùng”, theo đó định hướng chung về phát triển du lịch thành phố như sau:

- Phát triển du lịch Đà Nẵng nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, nghỉ dưỡng, giải trí của nhân dân, kiều bào và khách du lịch quốc tế, góp phần nâng cao dân trí, tạo việc làm và phát triển kinh tế xã hội thành phố Đà Nẵng. Xem phát triển du lịch là một

hướng chiến lược quan trọng trong đường lối phát triển kinh tế- xã hội góp phần thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Tập trung đầu tư phát triển du lịch Đà Nẵng đồng bộ, đồng thời, chú ý trọng điểm nhằm tạo những bước đột phá, với vai trò là ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố, tạo nền tảng phát triển mạnh các ngành dịch vụ sau trên địa bàn thành phố.

- Tranh thủ khai thác mọi nguồn lực trong và ngoài nước, phát huy sức mạnh tổng hợp của các thành phần kinh tế, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm đảm ứng yêu cầu phát triển.

- Phát triển du lịch trong mối quan hệ hữu cơ với các ngành kinh tế- kỹ thuật, đồng thời, bảo đảm yêu cầu giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và môi trường. Phát triển du lịch với nhiều thành phần kinh tế tham gia trong sự thống nhất quản lý của nhà nước.

- Phát triển du lịch kết hợp chặt chẽ việc khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên du lịch với việc bảo vệ, tôn tạo các di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh nhằm tạo ra và duy trì sản phẩm du lịch độc đáo, có chất lượng tốt.

- Du lịch là một lĩnh vực ưu tiên, hướng đến mục tiêu trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn, quy hoạch phát triển du lịch Đà Nẵng theo 3 hướng chính:

+ Du lịch biển, nghỉ dưỡng và du lịch sinh thái.

+ Du lịch văn hoá, lịch sử, thắng cảnh, làng quê, làng nghề.

+ Du lịch công vụ, mua sắm, hội nghị- hội thảo.

4.3.2.2. Một số định hướng phát triển chủ yếu

a) Định hướng không gian phát triển du lịch

Phát triển du lịch phải dựa trên những giá trị và phân bố các nguồn tài nguyên du lịch, kết cấu hạ tầng, nhu cầu khách hàng, quy hoạch phát triển kinh tế- xã hội của thành phố cũng như của các địa phương lân cận và cả nước. Từ đó, lựa chọn, nghiên cứu hình thành các sản phẩm du lịch đặc thù nhằm thu hút và giữ chân khách du lịch lưu trú lâu hơn.

Khoanh vùng để phát triển du lịch, tạo các điểm đến, kết nối với du lịch các tỉnh, nâng cao chất lượng phục vụ, nâng cấp các tuyến đường phục vụ du lịch (đường bộ, đường thủy, đường hàng không). Định hướng không gian du lịch mở, quy hoạch

một cách tập trung, có hệ thống cũng như đáp ứng đủ hệ thống lưu trú, vui chơi giải trí, thỏa mãn nhu cầu khách hàng là những vấn đề mà du lịch Đà Nẵng cần hướng tới.

Khai thác lợi thế có bãi biển đẹp ở hướng Đông là hướng chủ đạo để phát triển không gian du lịch; trong đó xác định quy hoạch phát triển Khu bán đảo Sơn Trà là trọng điểm du lịch của thành phố. Kết hợp biển với khu bán đảo Sơn Trà, danh thắng Ngũ Hành Sơn xây dựng thành dải du lịch ven biển với cảnh đẹp thiên nhiên hiếm có và độc đáo.

Phát triển du lịch Đà Nẵng hướng về phía Tây với Khu Du lịch Bà Nà và vùng phụ cận; khu vực Hải Vân với sông Trường Định, Đồng Nghệ - Phước Nhơn với hồ Đồng Nghệ.

b) Định hướng về thị trường và sản phẩm du lịch

Phát triển đồng thời thị trường khách du lịch nội địa và thị trường khách du lịch quốc tế: Làm tốt công tác nghiên cứu, xúc tiến thị trường để xác định đối tượng khách chủ lực của Đà Nẵng để có hướng đầu tư, khai thác thích hợp. Đẩy mạnh phát triển các thị trường Đông Bắc Á; duy trì và phát triển thị trường khách truyền thống khu vực Đông Nam Á, Tây Âu, Bắc Mỹ hướng đến mở rộng thị trường khách các nước Úc, Trung Đông, Ấn Độ, Nga và Đông Âu. Tiếp tục phát triển thị trường khách nội địa, chú trọng thu hút thị trường khách nghỉ dưỡng và du lịch MICE.

Đối với thị trường khách quốc tế:

Châu Âu và Bắc Mỹ tiếp tục là khu vực có lượng khách đến nhiều nhất. Tuy nhiên, nhiều khả năng dòng khách này tăng chậm lại. Đối với châu Âu, thị trường Pháp vẫn ổn định nhưng các thị trường mới như Đức, Ý, Thụy Sĩ... tăng nhanh hơn và là một thị trường lớn.

Thị trường Mỹ vẫn quan trọng đối với Đà Nẵng. Trong chiến tranh dân chúng Mỹ biết đến Đà Nẵng như là một căn cứ quân sự lớn thứ hai miền Nam và qua các phim ảnh về các bãi biển tại Đà Nẵng. Du khách Mỹ sẽ có khả năng tăng nhanh trong những năm đến do quan hệ kinh tế, thương mại và hàng không giữa Việt Nam- Mỹ không ngừng được cải thiện; đặc biệt, các tuyến đường bay thẳng từ Mỹ đến Việt Nam được thiết lập.

Đông Nam Á và Đông Bắc Á là thị trường đầy tiềm năng. Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc là những nước có lượng khách lớn đến Việt Nam hiện nay. Các nước này hiện vẫn là những nước đang có quan hệ thương mại và đầu tư chủ yếu vào

nước ta. Xu hướng này vẫn còn tiếp tục kéo dài và cũng là một hướng chủ đạo. Mỗi quan hệ này là điều kiện rất thuận lợi cho việc thu hút khách, kể cả khách du lịch công vụ và nghỉ mát hằng năm.

Việc hình thành tuyến du lịch đường bộ hành lang kinh tế Đông Tây (WEC) đến Đà Nẵng qua cửa khẩu Lao Bảo sẽ là nhân tố thuận lợi cho việc thu hút khách nói tour với các tuyến du lịch của các nước trong vùng qua Thái Lan và Lào.

Đối với thị trường khách trong nước: Đây là thị trường khách mà Đà Nẵng có thế mạnh, đặc biệt, dòng khách nội địa đến từ các tỉnh phía Bắc. Do vậy, cần được chú trọng bởi mức chi tiêu và ngày lưu trú của loại khách này ngày càng cao. Theo đó phải xây dựng sản phẩm và xúc tiến du lịch phù hợp với nhu cầu và thị hiếu của khách du lịch nội địa, nhằm đạt hiệu quả khai thác cao nhất. Đồng thời, góp phần nâng cao dân trí đáp ứng nhu cầu tham quan, giải trí và nghỉ dưỡng của khách du lịch.

Sản phẩm du lịch:

Tập trung phát triển chiều sâu, hình thành các sản phẩm du lịch mới, có sức cạnh tranh cao. Ưu tiên phát triển theo 3 nhóm sản phẩm chính:

- Nhóm sản phẩm du lịch biển, nghỉ dưỡng cao cấp.
- Nhóm sản phẩm du lịch mua sắm, hội nghị hội thảo (MICE).
- Nhóm sản phẩm du lịch văn hoá, lịch sử, sinh thái, làng quê, làng nghề.

Đa dạng hóa sản phẩm du lịch bổ trợ như du lịch tâm linh, du lịch văn hóa- ẩm thực, chữa bệnh- làm đẹp, du lịch thể thao giải trí biển...

Nâng cao chất lượng dịch vụ theo hướng chuyên nghiệp, đảm bảo môi trường du lịch an ninh, an toàn, sạch đẹp, thân thiện và mang tính bền vững. Đẩy mạnh việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân lực du lịch có kỹ năng, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của du khách, gắn hoạt động đào tạo của nhà trường với thực tiễn của doanh nghiệp, xã hội.

Ưu tiên phát triển du lịch biển và nghỉ dưỡng biển chất lượng cao theo hướng hình thành các khu nghỉ dưỡng ven biển quy mô lớn, chất lượng cao có khả năng cạnh tranh với các nước trong khu vực và thế giới. Xem đây là là hướng đột phá chính để xây dựng du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố.

Phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng

So với các địa phương khác, loại hình du lịch này của Đà Nẵng có điều kiện và khả năng để phát triển:

Thứ nhất, Các khu bảo tồn thiên nhiên đều nằm không xa trung tâm thành phố,

có cơ sở hạ tầng giao thông thuận lợi.

Thứ hai, các khu bảo tồn thiên nhiên của Đà Nẵng nằm trong chuỗi các khu bảo tồn của khu vực Trung Bộ, điều kiện cho phép để hình thành chương trình du lịch sinh thái chuỗi miền Trung và Tây Nguyên.

Thứ ba, Đà Nẵng nằm trong tuyến du lịch “Con đường di sản thế giới ở miền Trung”, một tuyến du lịch ngày càng thu hút nhiều khách du lịch. Hiện tại, tuyến này đang được nối với các tuyến đến di sản của các nước Đông Dương và các tuyến du lịch khác trong chương trình hợp tác Tiểu vùng sông Mê Kông. Thực tế cho thấy, phần lớn khách du lịch đến với miền Trung không phải chỉ vì sức thu hút của các di sản mà còn bởi các khu bảo tồn thiên nhiên và các bãi biển đẹp.

Do đó, tăng cường đầu tư, xây dựng Khu Du lịch Bà Nà và vùng phụ cận trở thành khu nghỉ dưỡng núi đặc trưng, riêng có của thành phố. Phát triển khu vực Bán đảo Sơn Trà thành một khu vực trọng điểm du lịch; nghiên cứu kêu gọi đầu tư khu vực Hải Vân, Đồng Nghệ- Phước Nhơn kết hợp với vùng Bạch Mã, Cù Lao Chàm tạo thành liên vùng du lịch sinh thái đa dạng và đặc sắc.

Phát triển du lịch đường sông; tham quan làng nghề, làng quê: Khai thác thế mạnh của các làng nghề, làng quê phía Nam và phía Tây thành phố Đà Nẵng, sông Hàn, sông Trường Định tạo thêm sự phong phú hấp dẫn cho các chương trình du lịch tại Đà Nẵng. Hình thành tuyến du lịch sông nước Sông Hàn- Cỏ Cò (Hội An)

Phát triển du lịch văn hoá, lịch sử, lễ hội: Trên cơ sở khai thác các giá trị văn hoá lịch sử của thành phố cụ thể như Bảo tàng Điêu khắc Chăm, Ngũ Hành Sơn, Thành Điện Hải và các di sản văn hoá tinh thần khác... Không tách rời không gian văn hoá trong sự phối hợp khai thác các di sản văn hoá nổi tiếng của khu vực như Hội An, Huế, văn hoá Chăm, Mỹ Sơn. Nâng cấp Lễ hội Quan Thế Âm, Cuộc thi trình diễn pháo hoa quốc tế thành sự kiện thường xuyên, mang tính quốc gia.

Đồng thời, liên kết với các tỉnh, vùng và cả nước, nhằm tạo ra những sản phẩm du lịch liên hoàn, tránh trùng lặp về sản phẩm giữa các địa phương ở từng thời điểm để đạt được hiệu quả du lịch. Sản phẩm du lịch phải thỏa mãn được nhu cầu của khách hàng trong nước cũng như quốc tế, khách du lịch, công vụ, và cả các nhà đầu tư. Muốn vậy, phải đa dạng hóa sản phẩm du lịch, chất lượng dịch vụ cao gắn với hình ảnh của địa phương.

c) Định hướng tổ chức hoạt động du lịch

Cần tổ chức các hoạt động du lịch một cách đồng bộ và thống nhất từ Trung

ương đến địa phương, giữa các ngành phải có những chính sách để tạo điều kiện cho doanh nghiệp hoạt động du lịch phát triển. Tổ chức các hệ thống đào tạo chất lượng cao, đồng thời, phát triển hệ thống doanh nghiệp trong thành phố. Xây dựng các quy định nghiêm ngặt về môi trường (Phải bảo vệ môi trường xung quanh cũng như ven biển, ven sông), về dịch vụ, về văn hóa xã hội.

Đàm phán với các đơn vị lữ hành, công ty du lịch nước ngoài và trong nước (đề nghị Tổng cục Du lịch chủ trì) làm sao xây dựng được tour:

- Hà Nội + Miền Bắc ↔ Đà Nẵng + Miền Trung.
- TP HCM + Miền Nam ↔ Đà Nẵng + Miền Trung.

Mục đích là xây dựng Đà Nẵng thành trung tâm, thị trường đầu tiên sau khi đến nơi khác, đồng thời, có cơ hội xúc tiến Đà Nẵng là cửa ngõ miền Trung và có cơ hội tăng thêm đêm lưu trú của du khách tại thành phố.

Xây dựng hệ thống lữ hành phục vụ khách tốt nhất, hiệu quả và uy tín nhằm làm cho khách yên tâm và quyết định nghỉ ở Đà Nẵng. Từ đây đi thăm các di sản Huế, Hội An, Mỹ Sơn, hưởng thụ các sản phẩm du lịch và các dịch vụ du lịch khác một cách thuận lợi nhất, an toàn nhất và giá cả phải chăng.

Bên cạnh đó, cần phải khai thác, bảo vệ, tôn tạo, đồng thời, có kế hoạch cụ thể trong việc sử dụng khai thác các khu di tích, công trình văn hóa phục vụ du lịch. Hướng thành phố trở thành trung tâm du lịch với các tiêu chí như thân thiện, an toàn, yên bình, xinh đẹp...

d) Định hướng đầu tư

Phải triển khai theo đúng quy hoạch và có các dự án đầu tư cụ thể, cần phải đặc biệt ưu tiên các dự án trọng điểm.

Đầu tư xây dựng các quần thể lưu trú- giải trí đa dạng đạt tiêu chuẩn quốc tế, chọn bán đảo Sơn Trà là điểm trung tâm để đầu tư.

Đầu tư xây dựng các trung tâm mua sắm hiện đại nhằm phục vụ nhu cầu mua sắm của du khách.

Các khu vui chơi giải trí chất lượng cao được đầu tư một cách nhất quán và triệt để. Đa dạng hóa các hình thức và hấp dẫn khách đến tham gia.

Khai thác, tôn tạo các khu di tích văn hóa, các điểm tham quan du lịch.

Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cho du lịch.

Đầu tư vào lĩnh vực đào tạo đội ngũ lao động trong ngành du lịch theo hướng

hiện đại, đủ về số lượng, hành nghề chuyên nghiệp.

e) Định hướng xúc tiến, quảng bá du lịch

Đẩy mạnh công tác xúc tiến du lịch dưới nhiều hình thức phong phú, đa dạng để thu hút lượng khách du lịch ngày càng tăng đến với Đà Nẵng.

Phát triển các chuyến bay từ Đà Nẵng trực tiếp đến các thị trường khách quan trọng (về nghỉ dưỡng du lịch và văn hóa) như Nhật, Hàn Quốc, Mỹ, Châu Âu (Pháp),... Đồng thời, mở tuyến đường biển với Singapore, Thái Lan, Hong Kong, Hải Nam tạo ra cửa ngõ đường biển kết hợp với hàng không tạo cho Đà Nẵng trở thành một trung tâm du lịch quốc tế.

Xúc tiến đi kèm đến kết hợp với yếu tố lồng ghép dịch vụ để kích thích chi tiêu của du khách, tăng doanh thu các hoạt động của ngành du lịch Đà Nẵng và các ngành dịch vụ gia tăng khác.

Xúc tiến, quảng bá hình ảnh du lịch Đà Nẵng đến với nhân dân các địa phương trong nước thông qua các phương tiện khác nhau, hình thức khác nhau.

Tìm hiểu và xác định thị trường tiềm năng, thị trường mới ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Mỗi thị trường cần xúc tiến quảng bá theo cách khác nhau, phù hợp với văn hóa, tập quán của người dân địa phương.

Ứng dụng những tiến bộ của khoa học- kỹ thuật, đặc biệt, tiến bộ của CNTT vào công tác xúc tiến, quảng bá du lịch.

Nâng cao trình độ ngoại ngữ, khả năng hiểu biết về văn hóa, tập quán của người dân trong và ngoài nước cho cán bộ, nhân viên làm công tác xúc tiến, quảng bá du lịch.

4.4. Dự báo một số chỉ tiêu phát triển du lịch Đà Nẵng đến năm 2030

4.4.1. Lựa chọn mô hình dự báo

Dự báo nguồn khách du lịch sẽ được thực hiện bằng phương pháp ngoại suy xu thế. Phương pháp này thích hợp với các chỉ tiêu có chuỗi số liệu quá khứ có thể hiện xu thế rõ ràng. Đối với trường hợp của thành phố Đà Nẵng, trên cơ sở của đặc điểm đối tượng dự báo và dữ liệu thu thập được, mô hình được lựa chọn để dự báo phát triển du lịch thành phố Đà Nẵng đến năm 2030 là mô hình hồi quy dãy số thời gian (time series regression), với hàm xu thế có dạng:

$$Y = a_0 + a_1t + a_2t^2 \text{ (t là biến thời gian; } a_0, a_1, a_2 \text{ là các tham số)}$$

Tuy nhiên, do hạn chế về độ dài của chuỗi số liệu quá khứ và tầm xa dự báo 10

năm nên việc đưa ra kết hợp dự báo còn được áp dụng phương pháp chuyên gia.

4.4.2. Kết quả dự báo nguồn khách du lịch và doanh thu du lịch

a. Khách du lịch (Tổng lượt khách)

Kết quả tổng lượt khách đến Đà Nẵng về quy mô và tốc độ tăng:

Bảng 4.1. Dự báo tổng lượt khách du lịch đến Đà Nẵng giai đoạn 2011-2020

Năm	Số lượt khách	Tốc độ tăng (%)
2011	2.033.179	14,87
2012	2.387.529	17,43
2013	2.778.957	16,39
2014	3.235.262	16,42
2015	3.767.462	16,45
2016	4.388.340	16,48
2017	5.112.855	16,51
2018	5.958.521	16,54
2019	6.945.848	16,57
2020	8.098.859	16,60

Kết quả ước lượng mô hình dự báo tổng lượt khách như sau:

$$Y = 582.477 - 72.047*t + 18.539*t^2 \text{ với } R^2 = 0.986$$

b. Khách du lịch nội địa

Kết quả dự báo khách du lịch nội địa đến thành phố Đà Nẵng:

Bảng 4.2. Dự báo khách du lịch nội địa đến Đà Nẵng

Năm	Số lượt khách	Tốc độ tăng (%)
2021	1.621.143	15,08
2022	1.943.139	19,86
2023	2.300.531	18,39
2024	2.693.319	17,07
2025	3.121.503	15,90
2026	3.585.083	16,20
2027	4.176.550	16,50
2028	4.878.127	16,80
2029	5.712.190	17,10
2030	6.705.997	17,40

Kết quả ước lượng mô hình dự báo khách du lịch nội địa như sau:

$$Y = 415.323 - 85.085*t + 17.698*t^2 \text{ với } R^2 = 0.983$$

c. Khách du lịch quốc tế

Bảng 4.3. Dự báo khách du lịch quốc tế đến Đà Nẵng

Năm	Số lượt khách (lượt)	Tốc độ tăng (%)
2021	412.036	11,36
2022	444.39	7,85
2023	478.426	7,66
2024	541.943	13,28
2025	645.959	19,19
2026	803.257	24,35
2027	936.305	16,56
2028	1.080.394	15,39
2029	1.233.658	14,19
2030	1.392.862	12,91

d. Doanh thu du lịch

Kết quả dự báo doanh thu du lịch thành phố Đà Nẵng đến năm 2020:

Bảng 4.4. Dự báo doanh thu du lịch trên địa bàn Đà Nẵng

Năm	Doanh thu (triệu đồng)	Tốc độ tăng (%)
2021	1.449.545	16,99
2022	1.730.902	19,41
2023	2.075.487	19,91
2024	2.468.198	20,81
2025	2.395.166	21,71
2026	3.510.986	22,61
2027	4.224.305	23,51
2028	5.12.062	24,41
2029	6.222.103	25,31
2030	7.616.659	26,21

Kết quả ước lượng mô hình dự báo lượng khách du lịch như sau:

$$Y = 390.663 - 73.380*t + 15.422*t^2 \text{ với } R^2 = 0.972$$

4.5. Đánh giá khả năng cạnh tranh của thành phố Đà Nẵng trong phát triển du lịch bền vững

Đà Nẵng là một trong những điểm đến du lịch nổi tiếng ở Việt Nam. Với những phân tích ở Chương III về tài nguyên du lịch, doanh thu du lịch, lượt khách du lịch...

tác giả sử dụng mô hình SWOT để đánh giá khả năng cạnh tranh của du lịch Đà Nẵng bền vững, đồng thời là chỉ ra những nhân tố chủ yếu của phát triển du lịch bền vững tại Đà Nẵng, làm cơ sở định hướng phát triển.

Phân tích mô hình SWOT là một sự đánh giá tổng hợp những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và đe dọa ở mức độ doanh nghiệp, địa phương, vùng hay quốc gia. Mục đích của SWOT là chỉ ra những khả năng phát triển hứa hẹn nhất của đối tượng được đánh giá. Cho dù ở cấp độ nào, mỗi đối tượng phân tích cần được xem xét ở môi trường bên trong lẫn bên ngoài. Nhận thức được điều này, phân tích SWOT có thể được hiểu như là một sự tổng hợp những điểm mạnh, điểm yếu bên trong và những cơ hội thách thức bên ngoài của du lịch Đà Nẵng.

Thiết lập Ma trận SWOT du lịch bền vững Đà Nẵng

ĐIỂM MẠNH	ĐIỂM YẾU
<ul style="list-style-type: none"> - (S1) Vị trí địa lý thuận lợi - (S2) Tài nguyên du lịch đa dạng, phong phú: bãi biển đẹp, nhiều di tích văn hóa- lịch sử, sản phẩm làng nghề truyền thống đặc sắc; - (S3) Thành phố đã có đề án phát triển ngành du lịch, định hướng lựa chọn du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn. - (S4) Môi trường xã hội an toàn, an ninh trật tự được đảm bảo tốt - (S5) Hệ thống cơ sở hạ tầng được đầu tư hoàn thiện; Sự thân thiện của người dân; Hạ tầng viễn thông- công nghệ thông tin tốt; Có cảng biển nước sâu để đón tàu du lịch lớn, có sân bay quốc tế, có ga tàu lửa thông suốt Bắc Nam 	<ul style="list-style-type: none"> - (W1) Thiếu những công cụ, chế tài để quản lý môi trường - (W2) Các sản phẩm du lịch chưa đa dạng, thiếu những sản phẩm du lịch có giá trị mới - (W3) Hợp tác, liên kết chưa được quan tâm. - (W4) Tài nguyên du lịch đang bị xâm hại, môi trường xuống cấp. - (W5) Vốn đầu tư phát triển du lịch còn hạn chế. - (W6) An ninh còn tiềm ẩn các vấn đề phức tạp. - (W7) Nguồn nhân lực còn thiếu và chất lượng còn thấp. - (W8) Hệ thống giao thông công cộng chưa phát triển, thiếu các bãi đỗ xe

CƠ HỘI	THÁCH THỨC
<p>- (O1) Xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế mạnh và sâu sắc.</p> <p>- (O2) Xu thế khách du lịch thế giới, trong nước quan tâm đến du lịch biển, du lịch sinh thái, làng quê, làng nghề là xu hướng phát triển du lịch trong tương lai.</p> <p>- (O3) Chính phủ đã quan tâm và có cơ chế đặc thù để Đà Nẵng phát triển thành đô thị hạt nhân của khu vực miền Trung, định hướng cho phát triển du lịch Đà Nẵng.</p> <p>- (O4) Đã thiết lập quan hệ hợp tác về phát triển du lịch với Lào, Campuchia, Thái Lan và các tỉnh Miền Trung.</p> <p>(O5) Các đô thị và các khu CN Miền Trung</p>	<p>- (T1) Kinh tế thế giới chậm hồi phục, nhu cầu du lịch thế giới chưa có dấu hiệu tăng trở lại.</p> <p>- (T2) Khủng bố, thiên tai và dịch bệnh ở nhiều nơi trên thế giới đã hạn chế các luồng khách du lịch.</p> <p>- (T3) Cạnh tranh du lịch ở khu vực và thế giới ngày càng gay gắt, trong khi đó khả năng cạnh tranh của du lịch Đà Nẵng còn hạn chế.</p> <p>- (T4) Tình hình chính trị thế giới và khu vực ngày càng diễn biến phức tạp, ảnh hưởng phát triển du lịch Đà Nẵng.</p>
<p>phát triển mạnh, sẽ tác động đến phát triển du lịch Đà Nẵng. Với vai trò hạt nhân của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, cùng với sự kiện có nhiều tổ chức quốc tế đặt vấn đề mở văn phòng đại diện tại Đà Nẵng, Đà Nẵng có nhiều tiềm năng trong phát triển du lịch MICE.</p>	

Trên cơ sở phân tích, kết hợp điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức để xây dựng định hướng phát triển du lịch bền vững, cụ thể như sau:

a. Sử dụng thế mạnh để nắm bắt thời cơ (SO)

- S1O1. Đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá hình ảnh Đà Nẵng để thu hút đầu tư và thu hút du khách trong, ngoài nước.

- S2S4O2. Tiếp tục đầu tư hoàn thiện các khu, điểm du lịch để khai thác có hiệu quả các tiềm năng du lịch của thành phố, đặc biệt là về du lịch biển, du lịch sinh thái, làng quê, làng nghề. Đồng thời có các giải pháp hữu hiệu để bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá, các làng nghề truyền thống của địa phương.

- S2O4O5. Tăng cường liên kết vùng trong phát triển du lịch, để tạo thành các tour du lịch “Một điểm đến- Ba di sản”; đồng thời thu hút khách du lịch ở các nước khu vực Đông Nam Á, trước hết là Thái Lan, Lào và Campuchia.

- S3O3. Sớm trình Chính phủ có cơ chế, chính sách ưu đãi đặc thù riêng cho du

lịch Đà Nẵng nhằm đẩy mạnh phát triển du lịch bền vững thành phố trở thành động lực cho phát triển du lịch miền Trung.

b. Sử dụng thế mạnh để vượt qua thách thức (ST)

- S1S2S5T3. Phát huy các thuận lợi về vị trí địa lý, bờ biển đẹp, nguồn tài nguyên du lịch phong phú để xây dựng các sản phẩm du lịch độc đáo, hấp dẫn, mang đậm dấu ấn của Đà Nẵng nhằm tăng sức cạnh tranh với du lịch các nước trong khu vực. Đồng thời, tạo môi trường thông thoáng hơn nữa để thu hút đầu tư vào ngành du lịch Đà Nẵng.

- S4S5T4. Gắn phát triển du lịch đảm bảo an ninh- trật tự xã hội, an toàn cho du khách, thành lập lực lượng Cảnh sát du lịch để quản lý và thực thi pháp luật trong lĩnh vực an ninh, trật tự du lịch, tạo sự an tâm cho du khách khi đến với Đà Nẵng.

c. Tận dụng cơ hội để vượt qua điểm yếu (WO)

- W1O3. Đề xuất Chính phủ sớm ban hành chính sách các cơ chế, chủ trương đầu tư đặc thù cho du lịch Đà Nẵng, trong đó chú trọng đến khía cạnh môi trường.

- W3O4O5. Tăng cường hợp tác, liên kết với các địa phương lân cận để phát triển du lịch bền vững.

- W4W7O2. Khách du lịch tới Đà Nẵng sẽ tạo ra việc làm cho người dân, qua đó tăng thêm thu nhập, tăng thu ngân sách. Đồng thời du khách đến các vùng quê, làng nghề sẽ kích thích kinh tế tại đây phát triển. Từ đó, nâng cao nhận thức của người dân về việc bảo vệ các giá trị truyền thống tại địa phương. Đồng thời, qua đó chất lượng nguồn nhân lực sẽ được nâng cao để đáp ứng nhu cầu của du khách.

- W5W7O1. Tranh thủ các nguồn vốn ODA để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng làm tiền đề cho phát triển du lịch, đặc biệt là ở những địa phương du lịch ít phát triển như khu vực vùng ven thành phố Hoà Vang, Liên Chiểu.

d. Tối thiểu điểm yếu để tránh mối đe dọa (WT)

Có các giải pháp kịp thời để hạn chế đến mức thấp nhất tác động việc xâm hại tài nguyên du lịch đồng thời nâng cao trình độ dân trí, hoàn thiện thể chế để phát triển du lịch bền vững.

Như vậy, về khả năng cạnh tranh, theo tác giả, phát triển du lịch bền vững trên địa bàn thành phố Đà Nẵng là có lợi thế hơn so với các địa phương khác. Tuy nhiên, trong khu vực miền Trung- Tây Nguyên, cơ hội thách thức đối với phát triển du lịch của các địa phương là tương đối giống nhau. Để khai thác được điểm mạnh, khắc phục

điểm yếu, tận dụng cơ hội và vượt qua thách thức thì đòi hỏi phải có những biện pháp cụ thể, hữu hiệu trong phát triển du lịch bền vững.

4.6. Đề xuất giải pháp phát triển bền vững du lịch Đà Nẵng

4.6.1. Nhóm giải pháp bền vững về kinh tế

Để du lịch phát triển bền vững về kinh tế đòi hỏi trước hết ngành cần có chiến lược và quy hoạch dài hạn trên cơ sở xem xét chiến lược về quy hoạch phát triển kinh tế- xã hội của thành phố và chiến lược, quy hoạch ngành du lịch cả nước. Trên cơ sở tiềm năng và thực trạng phát triển kinh tế- xã hội hiện nay, quan điểm phát triển kinh tế- xã hội, xu thế phát triển và trên cơ sở kết quả dự báo để xác định nhiệm vụ ngành du lịch trong tương lai, bảo đảm phát triển phù hợp các mục tiêu chung của thành phố.

4.6.1.1. Hình thành các sản phẩm du lịch chủ lực theo định hướng phát triển du lịch, đáp ứng được nhu cầu, thị hiếu của khách du lịch và có sức cạnh tranh cao

Tăng cường và phát triển sản phẩm theo hướng củng cố các sản phẩm du lịch hiện có:

- Đối với sản phẩm du lịch văn hoá: Duy trì các hoạt động du lịch văn hoá hiện có, tiến hành mở rộng các loại hình du lịch văn hoá chuyên sâu như đưa thêm loại hình văn hoá phi vật thể của người Chăm, thông qua các điệu múa, nhạc dân gian, các món ăn ẩm thực, trang phục của họ, nhân viên của bảo tàng ăn mặc theo phong cách trang phục của người Chăm. Tôn tạo các di tích lịch sử hiện có tránh tình trạng mai một, tổ chức khôi phục các lễ hội mang tính đặc trưng của địa phương, tạo không gian du lịch tại nơi diễn ra lễ hội cho du khách. Đẩy mạnh triển khai dự án khu công viên Văn hoá, lịch sử Ngũ Hành Sơn trở thành một điểm du lịch riêng đặc sắc. Đồng thời, xây dựng hệ thống phục vụ tại chỗ cho du khách có nhu cầu nghỉ chân tại đây.

- Đối với sản phẩm du lịch biển: Tiếp tục tập trung đầu tư du lịch biển và nghỉ dưỡng biển thành sản phẩm du lịch mũi nhọn của thành phố có sức cạnh tranh với các địa phương và khu vực. Theo đó, xây dựng Đà Nẵng trở thành điểm đến thường xuyên và cố định của các tàu du lịch quốc tế. Nâng cao chất lượng và xây dựng thương hiệu cho các khu nghỉ dưỡng biển. Kêu gọi đầu tư vào khu du lịch Làng Vân. Bên cạnh đó, đưa các hoạt động du lịch biển hấp dẫn vào khai thác, các hoạt động thể thao biển thường thu hút được nhiều sự quan tâm của du khách, đặc biệt, du khách quốc tế như mô tô nước, đua xuống máy, câu cá, lặn ngắm san hô... Tổ chức các cuộc thi thường xuyên như thi thả diều, bóng chuyền bãi biển làm cho du lịch biển trở nên sôi động và tạo ra nhiều doanh thu lớn từ sản phẩm này.

- Sản phẩm du lịch sinh thái: Tiến hành cải tạo các tuyến đường từ trung tâm thành phố tới các điểm du lịch, phục vụ sản phẩm du lịch sinh thái, kết hợp giữa du lịch sinh thái với nghỉ dưỡng, tiến hành đưa vào khai thác có hiệu quả khu vực bán đảo Sơn Trà, khu vực đèo Hải Vân thành các điểm du lịch sinh thái hấp dẫn, khai thác có hiệu quả sản phẩm du lịch này góp phần giữ được cảnh quan môi trường sinh thái tại nơi đây.

- Sản phẩm du lịch công vụ (MICE): Với vị trí thuận lợi, Đà Nẵng có tiềm năng khai thác sản phẩm du lịch công vụ nhưng do chưa đáp ứng được nhu cầu của loại hình này nên hiệu quả khai thác còn thấp. Đà Nẵng cần phát huy ưu thế về hạ tầng, cơ sở vật chất và các tiện ích của đô thị loại một và là trung tâm của miền Trung để phát triển du lịch công vụ. Cần xây dựng cơ sở vật chất hiện đại sang trọng hơn, đáp ứng được đòi hỏi cao của loại hình du lịch này, chắc chắn Đà Nẵng sẽ là điểm đến của các hội nghị lớn mang tầm cỡ quốc tế. Trước hết, cần có một chiến lược để phát triển du lịch MICE. Có một cách tiếp thị tốt về loại hình du lịch hiệu quả này vào mùa thấp điểm.

Đối với các sản phẩm có tiềm năng:

Ngành du lịch cần nghiên cứu và đưa vào khai thác những sản phẩm đặc trưng có giá trị cao, thu hút được sự quan tâm của nhiều đối tượng khách du lịch. Điển hình là một số sản phẩm du lịch:

- Sản phẩm du lịch Home stay: Đây là loại hình du lịch khá độc đáo mang đặc trưng của mỗi vùng nên không có sự trùng lặp, không gây sự nhàm chán cho du khách. Loại hình du lịch này dễ tiến hành, đến với loại hình này du khách có thể cùng ăn, cùng ở với người dân, tiến hành các hoạt động của người dân địa phương. Sản phẩm du lịch này có thể áp dụng tại khu vực đồng bào dân tộc Cotu ở phía Tây thành phố, khu vực Tuý Loan, Hoà Khương, Hoà Châu...

- Loại hình du lịch mua sắm hàng miễn thuế: Đà Nẵng có vị trí và điều kiện thuận lợi để phát triển loại hình này. Đà Nẵng có sân bay quốc tế, cảng biển hiện đại bậc nhất của khu vực miền Trung. Khách du lịch quốc tế đến tham quan, nghỉ dưỡng tại khu vực miền Trung thường chọn Đà Nẵng là điểm đến đầu tiên và điểm đi cuối cùng của họ. Vì vậy, cần tập trung phát triển các khu vực mua sắm hàng miễn thuế với quy mô đa dạng, từ hiện đại đến bình dân, địa điểm đặt có thể là sân bay quốc tế và cảng Tiên Sa. Tập trung bán các sản phẩm truyền thống không chỉ của thành phố mà

còn của các địa phương khác, quốc gia khác. Khách du lịch có thể mua sản phẩm của các nước khác ngay tại Đà Nẵng mà không phải đi tới tận đất nước đó.

- Sản phẩm vui chơi giải trí cao cấp: Hiện tại, đây đang là yêu cầu bức thiết đối với du lịch thành phố. Cần xây dựng một khu vui chơi giải trí hiện đại mang đặc trưng và sự khác biệt so với những nơi khác. Những khu vui chơi này phải sánh ngang với “Tuần Châu” của Hạ Long hay “Vinpearl” của Nha Trang. Đà Nẵng có thể dựa vào Bán đảo Sơn Trà, khu vực biển để xây dựng khu vui chơi giải trí này. Các loại hình vui chơi giải trí cũng phải được nghiên cứu cho phù hợp với điều kiện tự nhiên của địa phương để khai thác có hiệu quả.

- Duy trì các chương trình lễ hội, các sự kiện quốc tế hiện có và mở rộng tổ chức các chương trình lớn sự kiện mang tầm cỡ quốc tế. Quản lý tốt và nâng cao chất lượng, quy mô tổ chức các lễ hội như: Lễ hội Quán Thế Âm, lễ hội Cầu Ngư, Lễ hội đình Thoại Ngọc Hầu, các lễ hội ẩm thực- trò chơi dân gian, festival làng đá, festival âm nhạc, carnival đường phố, lễ hội ánh sáng... Xây dựng trục văn hóa lễ hội hai bên bờ sông Hàn.

- Sớm khắc phục tình trạng thiếu các dịch vụ vui chơi giải trí về đêm: Quy hoạch, thiết kế dành quỹ đất để xây dựng và thu hút các nhà đầu tư hình thành các khu chợ đêm, phố đi bộ; đầu tư các dịch vụ vui chơi thể thao và giải trí về đêm trên bờ biển và khu trung tâm, hình thành các trung tâm mua sắm ẩm thực tập trung với quy mô lớn chất lượng quốc tế.

- Triển khai có hiệu quả kế hoạch đầu tư phát triển tour, tuyến du lịch đường thủy nội địa trên địa bàn thành phố, trong đó tập trung nghiên cứu khai thác tuyến du lịch trên sông Hàn- sông Cổ Cò nối Đà Nẵng với Hội An, xem đây như tuyến du lịch trọng điểm sông nước; đầu tư xây dựng hệ thống cầu tàu tại các điểm đi, đến du lịch dọc các tuyến sông để tàu thuyền neo đậu, đảm bảo an toàn tại các Khu di tích K20, Túy Loan, Thái Lai; nâng cao chất lượng dịch vụ; hỗ trợ cho các dự án đóng tàu phục vụ khách du lịch có chất lượng cao.

4.6.1.2. Tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn

Để đảm bảo nguồn vốn thực hiện quy hoạch thành phố cần thu hút vốn từ nhiều nguồn lực khác nhau. Ngoài nguồn vốn đề nghị TW hỗ trợ, thành phố cần huy động từ

ngân sách địa phương thông qua các nguồn thu. Ngoài ra, cần có nhiều biện pháp hữu hiệu để thu hút vốn từ các nguồn khác ngoài ngân sách như các tổ chức, cá nhân trong xã hội, nguồn viện trợ từ nước ngoài, nguồn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài...

Tập trung huy động mọi nguồn lực có thể nhằm phát huy những tiềm năng du lịch sẵn có của thành phố, tạo đà đưa du lịch phát triển thành ngành kinh tế mũi nhọn, góp phần đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo đúng định hướng.

Thực tế trong những năm gần đây, vốn ngân sách đã tập trung cho phát triển hạ tầng là chủ yếu, với nhịp độ tăng trưởng về đầu tư phát triển trung bình hàng năm thời kỳ 2010 -2015 gần 21%/năm, tuy nhiên do quy mô kinh tế của thành phố còn nhỏ bé nên mức độ đầu tư vẫn chưa đáp ứng nhu cầu phát triển của thành phố nói chung và ngành du lịch nói riêng. Vì vậy, để đáp ứng nhu cầu phát triển, không thể chỉ dựa vào vốn trong nước mà cần phải huy động nguồn vốn từ nước ngoài, sử dụng vốn nước ngoài để kích thích nguồn vốn trong nước.

Để giải quyết nguồn vốn phục vụ cho phát triển du lịch Đà Nẵng, cần chú trọng những giải pháp huy động và sử dụng nguồn vốn như sau:

(1) Khai thông tất cả mọi nguồn vốn đầu tư trên địa bàn thành phố, đa dạng hóa các hình thức tạo lập vốn, thực hiện chính sách xã hội hóa đối với hoạt động đầu tư vào du lịch, nhằm huy động tối đa các kênh vốn đầu tư của mọi thành phần kinh tế; mở rộng phương thức đầu tư BOT, BT đối với các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật phục vụ du lịch cũng như kết cấu hạ tầng xã hội có khả năng thu hồi vốn trực tiếp. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong quản lý đầu tư, cải thiện môi trường đầu tư để thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài.

(2) Xây dựng cơ chế khuyến khích thu hút đầu tư từ các thành phần kinh tế để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho việc lưu thông hàng hóa và phát triển các loại hình dịch vụ ở các khu, điểm du lịch; đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, thương mại và cơ sở hạ tầng du lịch theo hình thức đan xen để đảm bảo sự phát triển hợp lý.

(3) Tiếp tục thực hiện chủ trương đổi mới, phát triển doanh nghiệp theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ IX Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX; tạo môi trường đầu tư kinh doanh, bình đẳng, minh bạch, ổn định, thông thoáng và có tính

cạnh tranh cao trên thị trường dịch vụ du lịch. Đẩy mạnh phát triển hỗ trợ khởi nghiệp trong lĩnh vực du lịch. Đây là tiền đề quan trọng để các doanh nghiệp thực hiện quyền tự chủ về tài chính, mạnh dạn đầu tư vốn mở rộng sản xuất kinh doanh dịch vụ du lịch.

(4) Tăng cường đầu tư và nâng cao hiệu quả đầu tư từ ngân sách Nhà nước cho phát triển du lịch, theo hướng: ưu tiên tập trung vốn để phát triển cơ sở hạ tầng các khu du lịch, lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia gắn với phát triển du lịch; đẩy mạnh huy động nguồn vốn ODA thông qua vay ưu đãi nước ngoài hoặc phát hành trái phiếu Chính phủ cho các công trình đầu tư lớn như: sân bay, đường cao tốc, cảng tàu du lịch; tranh thủ sự hỗ trợ của quốc tế để thu hút sự tài trợ cho các chương trình phát triển dài hạn.

(5) Huy động nguồn vốn đầu tư nước ngoài đầu tư các khu du lịch biển chất lượng cao, đầu tư cảng biển nhất là cảng Liên Chiểu thành cảng du lịch chuyên dụng (ưu tiên hợp tác công tư PPP, hoặc kêu gọi ODA). Tổ chức tốt công tác tiếp thị đầu tư thông qua tuyên truyền, cung cấp thông tin và tác động các nhà đầu tư nước ngoài; có kế hoạch giới thiệu giúp các nhà đầu tư tìm hiểu và tiếp cận các cơ hội đầu tư theo định hướng quy hoạch của thành phố.

4.6.1.3. Liên kết và tăng cường hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch theo hướng chuyên nghiệp

Liên kết để tạo sức mạnh trong hoạt động xúc tiến quảng bá du lịch, thu hút đầu tư, chuyên giao công nghệ giữa 03 địa phương Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam; liên kết vùng (các tỉnh duyên hải Nam Trung bộ) và mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế với các quốc gia, các tổ chức du lịch ngoài nước nhằm nâng cao vị thế du lịch Đà Nẵng trên trường quốc tế. Tổ chức Ngày hội văn hóa - du lịch 09 tỉnh miền Trung-Tây Nguyên với các hoạt động giới thiệu văn hóa, du lịch đặc sắc kết nối thành không gian chung và tổ chức luân phiên định kỳ hàng năm.

Tạo chuỗi liên kết giữa hàng không, doanh nghiệp lữ hành, khách sạn, vận chuyển, nhà hàng... dưới sự tham gia hỗ trợ của cơ quan quản lý nhà nước, Hiệp hội Du lịch để tạo nên sản phẩm có chất lượng, giá cả hợp lý nhằm thu hút khách. Tổ chức chương trình kích cầu du lịch thường niên bằng những gói kích cầu giảm giá hấp dẫn vào mùa thấp điểm và khai thác nhiều hơn nữa các điểm vui chơi, tham quan, giải trí

nhằm giữ chân du khách lưu trú nhiều ngày tại Đà Nẵng. Thời điểm thực hiện từ tháng 10 đến tháng 12 nhằm hạn chế khắc phục tính thời vụ du lịch do mùa mưa, bão.

Xúc tiến có trọng tâm, trọng điểm từng thị trường. Đối với thị trường trong nước tập trung quảng bá mạnh mẽ tại TP.Hồ Chí Minh và Hà Nội. Đối với thị trường nước ngoài: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc (ở khu vực Đông Bắc Á), Singapore, Thái Lan, Malaysia, Lào (Đông Nam Á), Mỹ (Bắc Mỹ), Nga (Đông Âu) và Úc. Lựa chọn các doanh nghiệp mạnh về thương hiệu, có tiềm lực về kinh tế như: Bà Nà Hills, Silvershore, Vitours, Intercontinentalkết hợp với các đơn vị lữ hành, khách sạn trên địa bàn tổ chức phát động điểm đến tại các thị trường trọng điểm tạo sức mạnh tổng hợp (cả về quy mô và kinh phí) trong công tác xúc tiến, quảng bá. Thành lập Quỹ xúc tiến du lịch để huy động sự đóng góp từ nhiều phía, trong đó chú trọng nguồn lực và kinh phí của các doanh nghiệp du lịch để tăng tính xã hội hóa công tác xúc tiến du lịch.

Duy trì các đường bay quốc tế hiện có: Singapore, Hàn Quốc, Hồng Kông, Trung Quốc, Đài Loan và xúc tiến mở thêm các đường bay quốc tế mới đến Đà Nẵng từ các thị trường quan trọng như: Nga, Thái Lan, Lào, Bắc Kinh (Trung Quốc), Nhật Bản, Úc để thu hút nguồn khách du lịch MICE, du lịch nghỉ dưỡng biển, du lịch tham quan, vui chơi, giải trí (golf, trò chơi có thưởng).

Xây dựng và thực hiện cơ chế hỗ trợ nghiên cứu thị trường, xúc tiến quảng bá trong và ngoài nước theo hướng hàng năm thành phố ưu tiên dành 3% - 5% nguồn thu ngân sách từ doanh thu hoạt động chuyên ngành du lịch (khách sạn, lữ hành) cho tổ chức các hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch. Đẩy mạnh khai thác công nghệ thông tin phục vụ công tác tuyên truyền quảng bá; phát triển Cổng thông tin du lịch điện tử của thành phố trở thành website du lịch hấp dẫn; xúc tiến thông qua mạng internet, các mạng xã hội lớn như Twitter, Facebook, Youtube...; liên kết các Website của các công ty du lịch để quảng bá về du lịch thành phố. Tập trung xuất bản các ấn phẩm du lịch như: bản đồ, tập gấp, sách hướng dẫn (Highlight), đĩa phim giới thiệu du lịch thành phố với các ngôn ngữ phù hợp từng thị trường.

Xây dựng chiến lược PR giới thiệu du lịch Đà Nẵng; nghiên cứu thuê các công ty tư vấn chuyên nghiệp nước ngoài đảm trách xây dựng chiến lược PR. Đẩy mạnh tuyên truyền quảng bá về DIFC, chương trình Đà Nẵng- Điểm hẹn mùa hè...

Thực hiện chiến dịch truyền thông trong cộng đồng, nâng cao nhận thức của cộng đồng xã hội về môi trường du lịch và phát triển du lịch. Xây dựng Đà Nẵng trở thành “Thành phố môi trường”. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền thông qua việc xây dựng các chương trình chuyên đề về an ninh trật tự, văn hóa văn minh đô thị trên các phương tiện thông tin đại chúng (đài DRT, VTV8, báo Đà Nẵng, Báo Công an thành phố Đà Nẵng); Nâng cấp chương trình “Biển xanh” để tuyên truyền cho người dân về môi trường du lịch. Lồng ghép việc tuyên truyền, vận động vào các chương trình thông tin cổ động trực quan.

Xây dựng đạo đức người làm du lịch, dịch vụ; Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn ngành trong các hoạt động du lịch để hướng dẫn thực hiện và là cơ sở kiểm soát việc thực thi tổ chức các hoạt động kinh doanh du lịch. Tiếp tục xây dựng các điểm mua sắm, nhà hàng, các hãng taxi, vận chuyển khách du lịch đạt chuẩn phục vụ khách du lịch với các tiêu chí rõ ràng về đạo đức nhân viên, cam kết bán đúng giá và bán theo giá niêm yết. Thành phố hỗ trợ trong công tác tuyên truyền, quảng bá giới thiệu, sử dụng dịch vụ. Tổ chức các lớp tập huấn “Nụ cười thân thiện” để nâng cao nhận thức của cộng đồng dân cư, doanh nghiệp về bảo vệ môi trường du lịch, đồng thời thực hiện nghiêm chế tài đối với các điểm, khu du lịch, cơ sở dịch vụ du lịch có hành vi vi phạm

4.6.1.4. Tăng cường xã hội hoá du lịch

Thành lập Quỹ Phát triển du lịch của thành phố Đà Nẵng trên cơ sở đóng góp, sự tham gia tự nguyện của các doanh nghiệp, đơn vị kinh doanh du lịch và các ngân hàng, tổ chức, cá nhân có tiềm lực tài chính. Quỹ được dùng để hỗ trợ công tác đầu tư du lịch cho các tổ chức, cá nhân bằng cách cho vay với lãi suất thấp, hoặc tham gia trực tiếp đầu tư dự án du lịch, hỗ trợ cho công tác tuyên truyền, quảng bá du lịch của thành phố, xây dựng mới các sản phẩm du lịch nhằm thu hút nguồn khách du lịch đến Đà Nẵng.

Đẩy mạnh xã hội hoá, huy động các nguồn lực khác cho công tác tuyên truyền, quảng bá du lịch thông qua các bảng quảng cáo, pano, poster về du lịch với sự tài trợ của các doanh nghiệp trên các đường phố, phương tiện giao thông theo đúng quy hoạch được duyệt. Thực hiện xã hội hoá sự kiện lễ hội như lễ hội trình diễn pháo hoa

quốc tế, lễ hội thể thao bãi biển châu Á bằng cơ chế cho phép các doanh nghiệp đăng cai được miễn phí sử dụng mặt bằng đất công, giảm phí quảng cáo để tổ chức sự kiện thu hút du khách.

Xã hội hoá công tác tuyên truyền, quảng bá du lịch trong việc thiết kế các điểm thông tin du lịch bằng các màn hình cảm ứng đặt tại các điểm đến, điểm du lịch, các vị trí đông khách du lịch qua lại bằng cách kết hợp việc quảng cáo của doanh nghiệp với việc quảng bá cho du lịch Đà Nẵng. Tổ chức in ấn bản đồ du lịch cũng như các ấn phẩm, tập gấp... phát miễn phí cho khách du lịch từ nguồn kinh phí doanh nghiệp bằng cách kết hợp quảng cáo của các doanh nghiệp.

4.6.1.5. Đa dạng hóa và nâng cao chất lượng cơ sở vật chất ngành du lịch.

Phát triển cả số lượng và chất lượng cơ sở lưu trú nhằm đáp ứng nhu cầu của ngành du lịch. Cần thẩm định lại cơ sở lưu trú theo đúng quy định để góp phần duy trì và nâng cao chất lượng dịch vụ trong các cơ sở lưu trú du lịch, đặc biệt, những khách sạn từ 3 sao trở lên. Nâng cao chất lượng phục vụ, tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý và giám đốc cơ sở lưu trú. Đồng thời, hợp tác với những tập đoàn khách sạn lớn của quốc tế nhằm tham khảo kinh nghiệm phát triển nâng cao chất lượng dịch vụ.

Kiểm tra và chọn ra những khách sạn, nhà hàng, dịch vụ ăn uống, điểm mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ ở các điểm du lịch, giúp du khách có cơ sở để lựa chọn và quyết định.

Có chính sách ưu đãi đầu tư, kêu gọi và có sự chọn lọc những dự án xây dựng khách sạn cao cấp với quy mô lớn và kêu gọi xây dựng hạ tầng xanh thân thiện với môi trường mà lại tiết kiệm được chi phí. Giải pháp hạ tầng xanh sẽ giúp bảo vệ môi trường nhờ tập trung khai thác các giải pháp tiên tiến như giải pháp cấp mật độ cao Hi-D giúp tăng hiệu suất hoạt động của hệ thống cấp mạng, giảm thiểu tiêu thụ điện năng, giảm bớt lượng khí thải CO₂.

Xác định lại các địa điểm tại khu vực trung tâm thành phố để kêu gọi đầu tư khách sạn, khách sạn cao tầng, khách sạn chất lượng chuẩn quốc tế. Nâng cao chất lượng phương tiện phục vụ và tiếp đón hành khách tại sân bay. Mở rộng, nâng cấp, hiện đại hoá các tuyến đường từ sân bay tới các thành phố và các khu du lịch. Đầu tư

xây dựng mạng lưới đường bộ thuận tiện và có chất lượng phù hợp; xây dựng đồng bộ và hiện đại hoá hệ thống biển báo, chỉ dẫn giao thông và du lịch.

Nâng cấp và xây dựng thêm các hệ thống siêu thị, resort, các cửa hàng, nhà hàng khách sạn, địa điểm vui chơi giải trí. Tổ chức quy hoạch một cách có hệ thống, tránh manh mún.

Về hệ thống giao thông đi lại, cải tạo và phát triển cảng biển Đà Nẵng trở thành cảng du lịch và hàng hóa. Xây dựng sân bay Đà Nẵng trở thành một sân bay quốc tế hiện đại. Phát triển các loại hình giao thông thuỷ phục vụ du lịch đường sông, xây dựng các bến thuyền bên bờ sông Hàn và biển Mỹ Khê phục vụ các loại hình giải trí trên sông, trên biển. Khai thông và nâng cấp các tuyến đường ngang như quốc lộ 14B, đặc biệt, Quốc lộ 1 nối kết với hệ thống giao thông đường bộ quốc gia - điểm cuối cùng của đường xuyên Á.

Hoàn chỉnh hệ thống thông tin liên lạc, xây dựng và cải tạo mạng lưới cáp điện cho các khu đô thị và du lịch. Cung cấp đầy đủ nước sạch đáp ứng yêu cầu của du lịch. Mở rộng, cải tạo hệ thống thoát nước. Nghiên cứu biện pháp phòng chống lũ lụt, tránh tình trạng kẹt xe, các cống rãnh không thông, gây ô nhiễm đến môi trường... Cải tiến chất lượng phục vụ tại các tuyến đường sắt.

Hệ thống vận chuyển khách hàng phải ngày càng đa dạng, tạo sự thoải mái cho khách, xây dựng thêm các điểm đỗ xe để đón và đưa khách. Chẳng hạn, tại mỗi điểm đến, tổ chức đón tiếp đa dạng nhằm tạo cho khách một cảm giác vừa lạ vừa thân quen, tránh tình trạng chèo kéo, gây mất cảm tình với khách, muốn vậy phải có sự quản lý một cách đồng bộ, nhất quán.

Sửa chữa, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh, bãi biển, các điểm đến. Phát triển thêm các địa điểm mới. Xây dựng và tổ chức thành các điểm thu hút khách du lịch tới Đà Nẵng.

4.6.2. Giải pháp phát triển bền vững về văn hoá - xã hội

Phát triển du lịch bền vững về xã hội có ý nghĩa quan trọng trong các hoạt động của ngành du lịch, không những có tác động để ngành du lịch hoạt động có hiệu quả mà còn giúp ngành du lịch hoạt động ổn định. Để đạt được mục tiêu trên, cần quan tâm đến các khía cạnh sau:

4.6.2.1. Bảo tồn, phát huy di sản văn hóa và tài nguyên du lịch nhân văn

Bảo tồn có chọn lọc những phong tục tập quán tốt đẹp, loại bỏ dần những hủ tục lỗi thời, lạc hậu. Giáo dục thế hệ trẻ về truyền thống văn hóa của dân tộc, khôi phục các lễ hội truyền thống, mở các lớp truyền dạy ngành nghề thủ công truyền thống gắn với phát triển du lịch. Tạo không gian văn hóa, môi trường văn hóa du lịch, tạo điều kiện thuận lợi cho du khách thỏa mãn nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần và mong muốn trở lại lần sau.

Phát triển du lịch gắn với tuyên truyền giáo dục ý thức của cộng đồng nhằm phát huy giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp, phù hợp với thuần phong mỹ tục của dân tộc; thường xuyên thông tin về tình hình hoạt động du lịch giữa các tỉnh trong vùng, nhằm bảo vệ môi trường văn hoá lành mạnh.

Ưu tiên vốn đầu tư cho hoạt động quản lý, bảo tồn các di sản văn hóa của vùng. Tập trung đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng, cảnh quan và trùng tu, tôn tạo, giữ gìn, nâng cấp các di sản văn hóa để đưa vào khai thác, phục vụ khách du lịch. Tăng cường công tác quản lý, tuyên truyền để giữ gìn bản sắc văn hóa. Duy trì các chương trình lễ hội như: Lễ hội Quán Thế Âm, lễ hội Cầu Ngư, Lễ hội đình Thoại Ngọc Hầu, các lễ hội ẩm thực - trò chơi dân gian, festival làng đá, festival âm nhạc.

4.6.2.2. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch

Nhân lực là nguồn lực quan trọng nhất trong quá trình phát triển kinh tế- xã hội nói chung và ngành du lịch nói riêng, phát triển văn hóa, thể thao và du lịch. Để đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch, một trong những giải pháp cấp bách hiện nay là đầu tư phát triển nguồn nhân lực trong thời gian đến.

a) Đào tạo đội ngũ cán bộ trẻ có năng lực quản lý và chuyên môn

Kiên toàn bộ máy quản lý nhà nước về du lịch nhằm đảm bảo công tác quản lý, tổ chức và chỉ đạo.

Nghiên cứu động cơ thúc đẩy người lao động làm việc trong lĩnh vực du lịch, từ đó, đưa ra giải pháp giữ chân người lao động yên tâm công tác. Hiệu quả công việc

được thể hiện thông qua năng lực và động cơ làm việc, do đó, cần khơi nguồn động cơ làm việc của người lao động.

Đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ quản lý trong ngành văn hóa (ưu tiên hàng đầu cho cơ sở), tập trung vào việc đào tạo tài năng trẻ về văn hóa - nghệ thuật, cán bộ nghiên cứu nghiệp vụ chuyên môn, cán bộ quản lý sự nghiệp. Xây dựng mới đội ngũ làm công tác nghiên cứu, lý luận về văn hóa, du lịch.

Bồi dưỡng nâng cao, đào tạo lại, tuyển dụng mới nhân lực thực hiện chức năng quản lý nhà nước về du lịch để thực hiện các công việc như xúc tiến, quảng bá du lịch, hợp tác quốc tế trong du lịch, tổ chức cán bộ, quản lý lễ hành, quản lý khách sạn, quản lý các khu, điểm du lịch, thanh tra du lịch, kế hoạch đầu tư...

Liên kết với Dự án phát triển nguồn nhân lực du lịch Việt Nam do EU đào tạo cán bộ, nhân viên có trình độ cử nhân du lịch thành các đào tạo viên theo tiêu chuẩn nghề VTOS.

Đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực để kinh doanh sản phẩm du lịch chuyên biệt như du lịch sinh thái, du lịch lễ hội, du lịch văn hóa... có tính chuyên nghiệp cao, có kiến thức, kỹ năng, thái độ và văn hóa ứng xử...

b) Thu hút chuyên gia có nhiều kinh nghiệm chuyên môn, quản lý

Thời gian qua, thành phố đã có nhiều chính sách thuận lợi để thu hút các chuyên gia trong, ngoài nước đến sinh sống và làm việc tại thành phố, đồng thời, cũng thu hút những sinh viên khá, giỏi ở lại thành phố làm việc. Trong thời gian tới cần có những chính sách tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa để thu hút các chuyên gia trong lĩnh vực du lịch.

Đối với lĩnh vực du lịch, chủ yếu thu hút các chuyên gia quản lý và các hướng dẫn viên du lịch giỏi, đặc biệt, thu hút các chuyên gia quản lý ở các nước phát triển. Để thu hút lực lượng lao động này cần có những chính sách đãi ngộ hơn nữa cả phúc lợi vật chất lẫn tinh thần.

c) Chuẩn hóa chất lượng đội ngũ cán bộ hiện có

Để chuẩn hóa đội ngũ cán bộ hiện có, trước hết cần đánh giá lại toàn bộ đội ngũ cán bộ làm công tác du lịch, xây dựng bản “mô tả công việc” cụ thể cho từng chức danh quản lý cũng như từng bộ phận chuyên môn, tiến hành phân loại cán bộ theo tiêu

chí phù hợp hay không phù hợp, phù hợp với những công việc nào? Từ đó, có kế hoạch đào tạo, luân chuyển, hoặc cho thôi việc. Cũng thông qua bản tiêu chuẩn công việc để bổ nhiệm hoặc tuyển dụng mới cán bộ cho phù hợp với yêu cầu công việc.

- Đối với đội ngũ cán bộ chuyên môn

Nâng cao trình độ quản lý, cập nhật kiến thức và kinh nghiệm cho đội ngũ CBCCC để đáp ứng nhu cầu hội nhập và phát triển thông qua các chương trình đào tạo trong và ngoài nước, mời các chuyên gia về chia sẻ kinh nghiệm. Xây dựng kế hoạch đào tạo, thu hút chuyên gia du lịch để bổ sung cán bộ có trình độ chuyên sâu cho ngành du lịch trong 05 năm đến.

Xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên môn làm công tác du lịch không chỉ có đủ năng lực chuyên môn mà phải có bản lĩnh chính trị để thực hiện mọi yêu cầu nhiệm vụ trong các tình huống, nhất là trong thời kỳ mới, tiềm ẩn âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch.

- Đối với cán bộ lãnh đạo và quản lý

Coi trọng, sàng suốt bổ nhiệm những người đứng đầu, quản lý các thiết chế du lịch có đủ tiêu chuẩn chính trị, năng lực lãnh đạo, trình độ chuyên môn. Có chính sách đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ mọi mặt và trẻ hóa đội ngũ quản lý kế cận.

Bổ nhiệm, tuyển dụng cán bộ quản lý phải rõ ràng, phải dựa trên năng lực thực sự của người đó. Thường xuyên kiểm tra năng lực của các cán bộ ngành để có kế hoạch đào tạo cho phù hợp với vị trí công tác. Đối với những cán bộ không có năng lực thì cần phải thay thế. Cần có chế độ thưởng, phạt, thăng tiến công bằng cho cán bộ, làm động lực phân đấu cho cán bộ.

d) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại các đơn vị du lịch

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại các đơn vị du lịch thông qua việc tổ chức các lớp đào tạo bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ, bồi dưỡng kỹ năng về du lịch. Tổ chức chương trình đào tạo chuyên sâu theo các thị trường khách. Bổ sung đào tạo hướng dẫn viên các thị trường thiếu như tiếng Nga, Hàn, Ý, Thái Lan, Tây Ban Nha. Yêu cầu các dự án du lịch trước khi đi vào hoạt động phải có kế hoạch đảm bảo nguồn nhân lực. Tổ chức các hội thi nghiệp vụ của ngành. Ban hành quy định và yêu cầu bắt buộc về trình độ nghiệp vụ và ngoại ngữ đối với đối tượng lao động trực tiếp tại các

nhà hàng trên địa bàn (đối với quản lý, bộ phận bàn, bar và bộ phận bếp). Tăng cường công tác thanh kiểm tra về tiêu chuẩn nghiệp vụ và ngoại ngữ của người quản lý, trưởng bộ phận và nhân viên khách sạn, kiểm tra trình độ của hướng dẫn viên, thuyết minh viên, lái xe, lái tàu và xích lô du lịch;

- Thành lập trung tâm sát hạch chất lượng nhân lực du lịch trên địa bàn thành phố.

- Đổi mới chương trình đào tạo phù hợp với tình hình thực tế tại các cơ sở đào tạo về du lịch, phối hợp chia sẻ thông tin về sự phát triển du lịch, nhu cầu nguồn nhân lực, yêu cầu kỹ năng tay nghề của doanh nghiệp để hỗ trợ các cơ sở đào tạo điều chỉnh các chương trình đào tạo nghiệp vụ và ngoại ngữ phù hợp.

- Triển khai thực hiện Thỏa thuận công nhận tiêu chuẩn về nghề du lịch trong khối ASEAN và khu vực Đông Nam Á.

- Triển khai các chương trình đào tạo hợp tác theo hướng doanh nghiệp đóng góp, nhà nước hỗ trợ nhà trường thực hiện và sinh viên đi thực tập theo hướng dẫn của các doanh nghiệp để các doanh nghiệp có thể sử dụng được ngay sau khi đào tạo.

- Định kỳ tổ chức điều tra, đánh giá số lượng và chất lượng nguồn nhân lực để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để xây dựng kế hoạch phát triển cho giai đoạn tiếp theo.

4.6.2.3. Đề cao vai trò của cộng đồng dân cư

a. Tôn trọng vai trò của cộng đồng dân cư

Vận động và tôn trọng cộng đồng dân cư tham gia vào quá trình hoạch định chính sách và ra quyết định, nâng cao năng lực để cho họ hiện thực hóa các sáng kiến đề ra. Quá trình lập dự án, thẩm định và triển khai dự án du lịch cần có sự tham gia của địa phương nhằm giảm thiểu các tác động xã hội và tối đa hóa yếu tố tích cực.

b. Không ngừng nâng cao mức sống cho cộng đồng dân cư

Đảm bảo quyền lợi cho tất cả mọi người, đặc biệt là những nhóm người và cá nhân dễ bị tổn thương và thiệt thòi do du lịch phát triển. Khi triển khai dự án du lịch cần phải tính đến việc triển khai các hoạt động, chương trình gắn kết giữa hoạt động của các dự án đầu tư và các hoạt động làm ăn, sinh sống cho cư dân thuộc vùng dự án; thu hút sự tham gia của người dân vào hoạt động kinh doanh của dự án; tạo ra sự hài

hòa lợi ích giữa Nhà nước, nhà doanh nghiệp và người dân. Một số biện pháp cụ thể như: đào tạo nghề thủ công mỹ nghệ; hỗ trợ nuôi trồng thủy sản bền vững, xây dựng chương trình du lịch sinh thái gắn với các khu bảo tồn biển, đào tạo nghề hướng dẫn viên du lịch; phát triển mô hình du lịch cộng đồng, du lịch giao lưu trao đổi văn hóa... cho cộng đồng dân cư, tạo điều kiện cho người dân “*cộng sinh*” cùng dự án, gia tăng thu nhập từ các dự án đầu tư, hạn chế được tình trạng khai thác tận diệt các nguồn lợi thủy sản, gây tác động xấu đến môi trường do tập quán cũ, do mất các nguồn lực hiện có khi thực hiện dự án có thể gây ra.

Thực tế đã xảy ra mâu thuẫn về lợi ích giữa cư dân vùng dự án và chủ đầu tư trong việc khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên như tranh chấp trong việc sử dụng mặt nước biển để tổ chức các hoạt động thể thao, giải trí với nuôi tôm hùm lồng trên biển, kinh doanh, khai thác thủy sản... tranh chấp trong việc sử dụng bờ biển, bãi tắm để kinh doanh, buôn bán. Thậm chí có dự án phải cần đến sự can thiệp, hòa giải của chính quyền các cấp.

c. Tôn trọng sự khác biệt về đời sống văn hóa giữa các cộng đồng

Phát triển du lịch có liên quan và tác động nhiều đến nếp sống văn hóa giữa các cộng đồng dân cư. Do vậy, quá trình phát triển cần đặc biệt quan tâm và tôn trọng sự khác biệt về văn hóa giữa các dân tộc, bảo đảm tính đa dạng về văn hóa giữa các dân tộc, trên cơ sở bảo đảm truyền thống văn hóa chung của người Việt Nam, tránh tình trạng truyền bá văn hóa nước ngoài không phù hợp với truyền thống văn hóa người Việt Nam.

4.6.2.4. Tăng cường liên kết giữa các ngành chức năng và cộng đồng trong phát triển du lịch

Thứ nhất, phát triển du lịch đòi hỏi phải có sự tham gia của nhiều ngành, nhiều cấp, cộng đồng trách nhiệm của xã hội. Do đó, cần thực hiện tốt việc kết hợp giữa các ngành chức năng và địa phương trong việc đảm bảo môi trường du lịch tại các tuyến, điểm du lịch và các điểm tham quan, mua sắm của thành phố; trong đó, quan trọng nhất là ngành du lịch, ngành văn hoá, công an và các địa phương.

Thứ hai, nâng cao ý thức người dân trong việc giữ gìn nếp sống văn hoá, văn minh đô thị, luôn có thái độ ân cần, thân thiện đối với khách du lịch, tạo tâm lý dễ chịu

và thiện cảm cho du khách về con người Đà Nẵng. Đưa giáo dục du lịch và nếp sống văn minh, lịch sự vào trường học từ cấp tiểu học cho đến đại học. Giáo dục các em học sinh có ý thức giữ gìn vệ sinh, môi trường, ứng xử văn hoá ngay từ những năm đầu đời.

4.6.3. Giải pháp phát triển bền vững về tài nguyên - môi trường

Phát triển bền vững là xu thế tất yếu của các quốc gia trên thế giới. Du lịch không những không nằm ngoài tiến trình trên mà còn đóng góp vai trò to lớn và quan trọng vào thực hiện mục tiêu phát triển bền vững. Hầu hết các quốc gia có ngành du lịch đều hướng tới phát triển bền vững, trong đó đặc biệt quan tâm đến khía cạnh môi trường. Trong điều kiện cụ thể của thành phố Đà Nẵng, ngành du lịch cần quan tâm những vấn đề cụ thể sau:

4.6.3.1. Bảo tồn, tôn tạo và khai thác bền vững tài nguyên và đa dạng sinh học

Cùng với mục tiêu bảo vệ nghiêm ngặt tính đa dạng sinh học của thiên nhiên đặc biệt là khu vực Bán đảo Sơn Trà, Khu vực Bà Nà- Núi Chúa, Nam Hải Vân; cần duy trì và cải tạo cảnh quan ven biển từ Nam Ô đến Thuận Phước, Sơn Trà đến Non Nước, hai ven bờ sông Hàn...tăng cường hơn nữa đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý rác thải ven vịnh Đà Nẵng và bờ biển Sơn Trà- Non Nước.

Hạn chế tối đa các ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường, có biện pháp bảo vệ nghiêm ngặt rừng cấm Sơn Trà và khu bảo tồn thiên nhiên, tăng diện tích cây xanh trong nội thành và các khu tham quan, tăng cường trồng cây xanh ven biển, các khu du lịch sinh thái. Xây dựng một bản đồ Quy hoạch du lịch thành phố để tránh nguy cơ các dự án, dịch vụ phát triển ồ ạt, không kiểm soát và phá vỡ cảnh quan, môi trường. Giải pháp trong thời gian tới là phải lựa chọn, ưu tiên cho những dự án quy mô lớn, những dự án nhỏ có thể liên kết với nhau tạo thành dự án có quy mô lớn hơn.

Quản lý đa dạng tự nhiên, sinh thái bền vững; phục hồi những khu vực tài nguyên tự nhiên bị xâm hại và xác định rõ các loại hình du lịch gắn với môi trường để có hướng bảo vệ, bảo tồn nguyên vẹn các hệ sinh thái để bị phá hủy và các khu phòng hộ.

4.6.3.2. Tuyên truyền nâng cao nhận thức

Tiếp tục nâng cao nhận thức xã hội về vai trò du lịch trong cộng đồng dân cư và

các cấp quản lý, không chỉ trong hoạt động chuyên môn mà cả ý thức bảo vệ môi trường và tài nguyên du lịch

Phối hợp trong công tác tuyên truyền giáo dục bảo vệ môi trường cho nhân dân, khách du lịch tại các khu, tuyến điểm du lịch, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước về du lịch, đồng thời giúp cho các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh du lịch hiệu quả.

Vận động các cơ quan, đơn vị, các tầng lớp nhân dân và du khách tuân thủ và thực hiện tốt Bộ Quy tắc ứng xử trong hoạt động du lịch gắn với việc tiếp tục triển khai thực hiện xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh đô thị Đà Nẵng, xây dựng thành phố môi trường.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về giá dịch vụ, an toàn vệ sinh thực phẩm, chèo kéo khách du lịch, gây ô nhiễm môi trường tại các khu, điểm, bãi tắm du lịch.

Đầu tư xử lý các công xả chất thải ra biển ở quận Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn và Thanh Khê để hạn chế tối đa ô nhiễm môi trường biển. Yêu cầu các cơ sở đầu tư xây dựng các khách sạn, nhà hàng, dự án mới phải xây dựng và thực hiện công tác đánh giá tác động môi trường, cam kết đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, xử lý chất thải, bãi đỗ xe.

4.6.3.3. Phát triển các loại hình du lịch thân thiện môi trường, khuyến khích các cơ sở lưu trú phấn đấu để đạt Nhãn du lịch bền vững Bông sen xanh

Trước hết, cần tập trung đầu tư phát triển các loại hình du lịch xanh, du lịch sinh thái thân thiện với môi trường, sản phẩm du lịch có thể là thế mạnh về tài nguyên du lịch của Đà Nẵng. Trong đó, ưu tiên phát triển các loại hình du lịch gắn với biển-đảo; nhân mạnh yếu tố văn hóa và sinh thái đặc sắc trong từng sản phẩm du lịch.

Đồng thời, khuyến khích các cơ sở lưu trú đăng ký áp dụng nhãn Bông sen xanh. Đây là nhãn hiệu cấp cho các cơ sở lưu trú du lịch đạt tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, sử dụng hiệu quả tài nguyên, năng lượng, góp phần bảo vệ các di sản, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương. Nhãn “Bông sen xanh” có 5 cấp độ, từ 1 đến 5 “Bông sen xanh”. Đây là công cụ đánh giá, quản lý công tác bảo vệ môi trường đối với hệ thống cơ sở lưu trú du lịch ở Việt Nam. Việc đăng ký

nhãn Bông sen xanh cần được thực hiện nghiêm túc trên cơ sở Quyết định số 1355/QĐ-BVHTTDL ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch về Ban hành “Bộ tiêu chí Nhân du lịch bền vững Bông sen xanh áp dụng đối với các cơ sở lưu trú du lịch tại Việt Nam”.

Trên cơ sở nỗ lực của các cơ sở lưu trú để đạt được nhãn Bông sen xanh, cần khuyến khích, ưu tiên đối với các cơ sở đạt được nhãn hiệu này, đặc biệt là những cơ sở lưu trú đạt nhãn Bông sen xanh cấp độ 5.

4.6.4. Giải pháp về quản lý Nhà nước

4.6.4.1. Giải pháp về ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội

Việc giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội có vai trò cực kỳ quan trọng trong việc phát triển du lịch bền vững. Vì vậy, cần xây dựng, củng cố, và nâng cao chất lượng của hệ thống chính trị ở cơ sở. Đà Nẵng cần sớm thành lập lực lượng Cảnh sát du lịch để đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho du khách.

Bảo đảm an ninh, trật tự tại các điểm đến du lịch là hết sức cần thiết nhằm hình thành một môi trường du lịch thông thoáng, an toàn và thân thiện. Hạn chế thấp nhất tình trạng tăng, ép giá, kinh doanh trái phép và gây phiền hà cho khách.

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong nhân dân về giữ gìn an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường để duy trì, phát triển du lịch nói chung và của mỗi địa phương nói riêng. Tuyên truyền, hướng dẫn và vận động nhân dân tham gia thực hiện quy hoạch du lịch bền vững, xây dựng nếp sống và phong cách ứng xử thân thiện và văn minh với khách du lịch, giữ gìn an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường tại nơi đón khách du lịch.

Vận động các cơ quan, đơn vị, các tầng lớp nhân dân và du khách tuân thủ và thực hiện tốt Bộ Quy tắc ứng xử trong hoạt động du lịch gắn với việc tiếp tục triển khai thực hiện xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh đô thị Đà Nẵng, xây dựng thành phố môi trường, thành phố an bình. Tôn vinh và nhân rộng các mô hình, những người tốt việc tốt, có đóng góp tiêu biểu cho hoạt động du lịch.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về giá dịch vụ, chèo kéo khách du lịch, gây ô nhiễm môi trường tại các khu, điểm, bãi

tắm du lịch, bảo đảm an ninh, an toàn cho du khách, tạo ra môi trường đầu tư tốt nhất cho các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia hoạt động trên lĩnh vực du lịch.

Phát huy vai trò của Trung tâm hỗ trợ du khách, đầu tư kinh phí và nhân lực để đảm bảo vận hành, phối hợp với các ngành liên quan để thực hiện quy chế hỗ trợ du khách đến Đà Nẵng một cách hiệu quả.

4.6.4.2. Về cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển ngành du lịch

a. Cơ chế, chính sách thu hút đầu tư

Rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách về việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh đặc biệt tập trung thu hút đầu tư vào các lĩnh vực ưu tiên như: phát triển du lịch đường thủy nội địa, các khu vui chơi, mua sắm giải trí; các khu, điểm du lịch...Điều chỉnh, bổ sung cơ chế chính sách nhằm khuyến khích, thu hút đầu tư vào các khu du lịch bán đảo Sơn Trà, khu vực Đèo Hải Vân, Cảng Liên Chiểu, Công viên văn hóa Ngũ Hành Sơn và một số loại hình du lịch đường thủy, du lịch M.I.C.E,...

Nhà nước tạo điều kiện và hỗ trợ và khuyến khích doanh nghiệp chủ động phát huy vai trò động lực thúc đẩy phát triển du lịch theo hướng có sự phối hợp chặt chẽ giữa khu vực công và khu vực tư nhân, phân định rõ vai trò trách nhiệm, lợi ích của các bên.

b. Cơ chế tài chính, ngân sách

Hàng năm, để thực hiện các công trình, dự án quan trọng có ý nghĩa trong việc phát triển du lịch Đà Nẵng, cần ưu tiên xem xét cân đối và bố trí từ nguồn ngân sách thành phố để triển khai thực hiện như các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng quan trọng, có ý nghĩa trong việc phát triển du lịch của thành phố, các dự án đầu tư tôn tạo, nâng cấp các bảo tàng, di tích lịch sử - văn hoá như Bảo tàng Đà Nẵng, Bảo tàng Quân khu V, thành Điện Hải.

Ưu tiên bố trí nguồn ngân sách hỗ trợ thực hiện công tác tuyên truyền, quảng bá du lịch, công tác đảm bảo môi trường du lịch.

Có chính sách khen thưởng doanh nghiệp tổ chức khai thác khách du lịch quốc tế đến Đà Nẵng với số lượng lớn.

Có chính sách hỗ trợ phát triển làng nghề truyền thống, cơ sở sản xuất hàng lưu

niệm phục vụ du lịch như hỗ trợ vốn, tiền thuê đất...

c. Cơ chế, chính sách về đất đai

Thành phố có chính sách nhất quán về quy hoạch đất đai dành cho du lịch. Công khai các vị trí đất dành cho phát triển du lịch tại mỗi thời điểm. Đối với các dự án đầu tư du lịch tại các vùng trọng điểm cần ưu tiên đầu tư phát triển, Thành phố có chủ trương cho thuê đất để doanh nghiệp có đủ vốn đầu tư cho kinh doanh du lịch.

Đối với các dự án du lịch có tiềm năng và có khả năng khai thác thị trường, thành phố cho phép giãn thời gian nộp tiền đất từ 5 đến 10 năm để doanh nghiệp tập trung vốn đầu tư xây dựng sản phẩm du lịch cho thành phố. Đối với các khu vực đặc thù phát triển du lịch của thành phố Đà Nẵng như Làng Vân, bán đảo Sơn Trà, đèo Hải Vân cho áp dụng như địa bàn có điều kiện kinh tế- xã hội khó khăn.

4.6.4.3. Giải pháp về tổ chức lãnh thổ du lịch

Với quan điểm bền vững, phát triển du lịch tại thành phố Đà Nẵng cần tuân thủ các chỉ số về cấu trúc và hình thể của không gian (các yếu tố mang tính vật thể) làm cơ sở cho việc thực hiện các dự án phát triển; xem xét đầy đủ về "*sức chứa*", giữa sự vượt trội của các thành phần tự nhiên so với thành phần nhân tạo; hạn chế tối đa sự can thiệp vào môi trường thiên nhiên. Vì vậy, cần có Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch thành phố từ nay đến 2020, tầm nhìn 2030 trên cơ sở Quy hoạch điều chỉnh tổng thể phát triển kinh tế- xã hội thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng duyên hải Nam Trung bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 mà Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt. Theo đó, lập bản đồ du lịch với các phân khu chức năng thành ba vùng rõ rệt: Vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng bảo tồn phát triển, vùng đệm và vùng phát triển. Đó cũng là cơ sở để quản lý và bảo vệ các nguồn tài nguyên và môi trường, tính đa dạng sinh học cho toàn khu vực.

Bên cạnh một bộ khung quy hoạch được duyệt thì công tác thiết kế kiến trúc công trình cần đặc biệt quan tâm. Các công trình trong khu đô thị du lịch sinh thái cần lấy cảm hứng từ thiên nhiên, trên nền tảng quan điểm kiến trúc hữu cơ và cộng sinh. Kiến trúc công trình cần phải đi trước và xa hơn trong việc đáp ứng các yêu cầu về chuyển từ công năng đơn thuần thành một phần độc đáo của cảnh quan đô thị du lịch sinh thái. Các giải pháp kiến trúc phải phù hợp với đặc điểm địa hình, khí hậu, tạo ra tỷ

lệ hài hòa giữa kiến trúc- con người- thiên nhiên. Các vật liệu thân thiện với địa phương được cân nhắc sử dụng như gỗ, sỏi, đá, mái ngói, mái lá, tre...

Theo đó các loại hình du lịch dịch vụ cần được khuyến khích đầu tư sẽ là du lịch dã ngoại, khu resort cao cấp, du lịch tín ngưỡng, khu biệt thự sườn núi cao cấp, trung tâm ẩm thực biển kết hợp với nhà hàng nổi, câu lạc bộ du thuyền, nhà trưng bày sinh vật biển, vườn thú, sân golf mini, phim trường, đồi casino, vườn thuốc, vật lý trị liệu, du lịch lặn biển, du lịch mạo hiểm...

Nội dung bố trí không gian lãnh thổ được cụ thể ở các khía cạnh sau:

a) Phát triển các khu du lịch

- Tập trung đầu tư xây dựng, đưa vào khai thác các khu du lịch biển, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí như Non Nước- Ngũ Hành Sơn- Bắc Mỹ An; Mỹ Khê - Nam Thọ- Sơn Trà và khu du lịch phía Tây Thành phố: Xuân Thiều- Nam Ô- Hải Vân.

- Mở rộng không gian du lịch Bà Nà- Suối Mơ; các khu Nam- Tây Nam thành phố như Đồng Nghê- Phước Nhơn; khu du lịch làng quê Hoà Xuân, Hoà Châu, Hoà Tiến, Thái Lai (Hoà Nhơn)...tổ chức du lịch núi, đầu tư các khu du lịch sinh thái làng quê gắn kết với các làng nghề truyền thống.

- Nâng cao hiệu quả khai thác đối với khu trung tâm thành phố bao gồm khu cảnh quan, khách sạn dọc sông Hàn, công viên văn hoá du lịch Đà Nẵng, khu mua sắm và các điểm tham quan tại khu vực trung tâm xung quanh khu vực Nhà hát Trưng Vương. Tiếp tục nâng cấp tuyến đường Bạch Đằng, lưu ý khu vực từ Cảng Đà Nẵng cũ đến Cầu Thuận Phước và khu vực từ Bảo tàng điêu khắc Chăm pa đến cầu Nguyễn Văn Trỗi, kêu gọi đầu tư xây dựng các dự án khách sạn cao cấp, khu công viên công cộng tại khu vực này.

- Tiến hành xây dựng những bến thuyền và khai thác cảnh quan hai bên bờ sông Hàn, sông Cẩm Lệ, sông Yên phục vụ du lịch, thể thao trên sông. Hình thành công viên, khu giải trí phía nam cầu Nguyễn Văn Trỗi. Hoàn chỉnh khu công viên văn hoá - du lịch, mở rộng về phía Đông. Xây dựng các khu cắm trại, vườn thú...

- Tập trung đầu tư một số khu du lịch sau:

➤ *Đối với cụm du lịch Non Nước:* Đẩy mạnh việc triển khai xây dựng các dự án

trong khu vực tạo thành một khu phố tham quan kết hợp với việc hình thành trung tâm làng đá mỹ nghệ hướng đến xây dựng điểm du lịch quốc gia vùng duyên hải Nam Trung bộ Ngũ Hành Sơn.

➤ *Đối với cụm du lịch Bắc Mỹ An*: Đẩy nhanh việc triển khai thi công các dự án du lịch ven biển. Quy hoạch đất về phía Tây của đường Hoàng Sa- Trường Sa để xây dựng các trung tâm mua sắm, dịch vụ phục vụ cho nhu cầu của khách du lịch.

➤ *Khu du lịch Mỹ Khê*: Triển khai thiết kế xây dựng cảnh quan tuyến đường Hoàng Sa- Trường Sa, xây dựng cảnh quan tại ngã ba Nguyễn Văn Thoại, ngã ba Nguyễn Công Trứ; hình thành cụm nghỉ dưỡng, thể thao, cung đại hội, khu du lịch nằm trên tuyến đường cầu sông Hàn ra biển và ven biển, đưa vào hoạt động các dịch vụ vui chơi giải trí, nhà hàng ăn uống có chất lượng cao.

➤ *Triển khai xây dựng khu thể thao lặn biển*: Quy hoạch sử dụng đất tại vệt phía Tây đường Hoàng Sa- Trường Sa khu vực phường Mân Thái, quy hoạch xây dựng khu vực này thành khu trung tâm thể thao lặn biển, kết hợp phố mua sắm, đa dạng hoá các dịch vụ tại khu vực để phục vụ nhu cầu của khách du lịch và nhân dân.

➤ *Khu du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí cao cấp khu vực Bán đảo Sơn Trà*: Khu vực bán đảo Sơn Trà được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt là khu du lịch quốc gia vùng duyên hải Nam Trung bộ. Vì vậy, cần sớm quy hoạch khu vực bán đảo Sơn Trà với tư cách là khu du lịch trọng điểm, hạt nhân của du lịch của thành phố. Theo đó, cần quy hoạch chi tiết và đầu tư xây dựng bán đảo Sơn Trà thành một khu vực du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí cao cấp trọng điểm của thành phố, tạo dựng hình ảnh và điểm nhấn du lịch của quốc gia nói chung và Đà Nẵng nói riêng trên thị trường trong và ngoài nước.

Theo đó, nghiên cứu, rà soát đẩy nhanh việc xây dựng các tiểu khu du lịch tại bán đảo Sơn Trà: Như Bãi Bụt, Bãi Trẹm, Biển Đông, Bãi Bắc, Tiên Sa...Xúc tiến xây dựng cảng thuyền buồm tại khu vực đầu tuyến Hoàng Sa- Trường Sa.

➤ *Khu du lịch Thuận Phước - Xuân Thiều - Nam Ô - Hải Vân*: Đẩy nhanh việc triển khai xây dựng khu đô thị Đa Phước với sân golf cao cấp đạt chuẩn quốc tế tạo điểm vui chơi cho các thương nhân và nhân dân có thu nhập cao. Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thi công khu du lịch Xuân Thiều, xúc tiến kêu gọi đầu tư vào các khu dịch vụ

nhà hàng cao cấp dọc trục đường Nam Ô-Thuận Phước.

➤ *Khu du lịch Bà Nà- Suối Mơ*: Cùng với bán đảo Sơn Trà, Khu du lịch Bà Nà-Suối Mơ là một trong hai khu vực được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt là khu du lịch quốc gia vùng duyên hải Nam Trung bộ. Vì vậy cần xem xét quy hoạch khu vực Bà Nà với tư cách là khu du lịch trọng điểm của thành phố. Theo đó, khẩn trương triển khai xây dựng các điểm du lịch bổ trợ tuyến cáp treo từ chân Suối Mơ lên đỉnh Bà Nà và đẩy mạnh công tác quy hoạch, thiết kế và đầu tư xây dựng quần thể khu du lịch Bà Nà- Suối Mơ.

➤ *Khu du lịch Đồng Nghệ - Phước Nhơn*: Đầu tư xây dựng khu nghỉ dưỡng chữa bệnh bằng nước khoáng và các công trình vui chơi giải trí.

➤ Trong giai đoạn đến 2015 tiếp tục phát triển các khu du lịch nói trên và tiến hành xây dựng các khu du lịch Làng Vân (phường Hoà Hiệp, Liên Chiểu); Khu du lịch sông Nam- sông Bắc (xã Hoà Bắc, Hoà Vang); Khu du lịch hồ Hoà Trung (xã Hoà Liên - Hoà Vang)...

b) Bố trí các tuyến du lịch trọng điểm

Đà Nẵng nằm ở vị trí trung tâm, gần với 3 di sản văn hóa thế giới là Cố đô Huế, đô thị cổ Hội An, thánh địa Mỹ Sơn và có nhiều danh lam thắng cảnh khác ở vùng phụ cận nên có điều kiện thuận lợi để tổ chức các tuyến du lịch.

Các điểm du lịch phần lớn nằm trên trục Bắc Nam và trên tuyến từ Đà Nẵng đi Tây Nguyên, do vậy, có thể thiết lập các tuyến du lịch từ thành phố Đà Nẵng như:

- Tuyến du lịch từ Đà Nẵng ra các tỉnh phía bắc Thành phố, bao gồm các khu du lịch quan trọng như: Cố đô Huế (Thừa Thiên Huế), Phong Nha- Kẻ Bàng (Quảng Bình), khu di tích quê hương Hồ Chủ Tịch (Nghệ An), Khu Hoa Lư - Núi Đính (Ninh Bình), Hà Nội, tuyến này sẽ nối với các tuyến du lịch quốc gia từ Hà Nội đi các hướng: Tây Bắc, phía Bắc, Đông Bắc.

- Tuyến du lịch từ Đà Nẵng đi các tỉnh phía Nam, tuyến sẽ đi qua các khu du lịch của các tỉnh phía Nam thành phố Đà Nẵng đến thành phố Hồ chí Minh, tuyến sẽ nối với tuyến đi miền Đông và tuyến đi miền Tây.

Để kết nối du lịch Đà Nẵng với các khu du lịch trên các tuyến du lịch đòi hỏi Đà Nẵng cần củng cố lại các khu du lịch của thành phố, trước hết, cần tập trung khai thác

tiềm năng và thế mạnh du lịch của các khu, điểm du lịch dọc theo quốc lộ 1A về văn hoá, lịch sử cách mạng, sinh thái, nghỉ dưỡng, thể thao biển, các di sản đã được xếp hạng di sản thế giới và các đô thị du lịch để hình thành và phát triển các khu du lịch có khả năng đáp ứng nhu cầu đa dạng của hành khách có thu nhập cao như khu du lịch Cảnh Dương- Hải Vân- Non Nước.

Song song với việc xây dựng các loại hình du lịch và củng cố các tuyến du lịch sẵn có, cần tập trung phát triển các tuyến du lịch mới: mở mới tuyến Đà Nẵng- Sơn Trà- Làng Vân, Đà Nẵng- Cù Lao Chàm, Đà Nẵng - Huế bằng tàu cánh ngầm cao tốc; mở rộng tuyến du thuyền trên sông Hàn, các tour du lịch làng quê, làng nghề, dã ngoại. Phối hợp với Thừa Thiên Huế và Quảng Nam đẩy mạnh khai thác chương trình du lịch “Con đường di sản”, “3 địa phương - một điểm đến”...

4.6.4.4. Liên kết phát triển du lịch Vùng

Thứ nhất, nghiên cứu xây dựng cơ chế liên kết phát triển du lịch vùng Duyên hải Nam Trung bộ, theo đó xác định rõ vai trò, trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan và địa phương trong liên kết phát triển Vùng.

Liên kết giữa các địa phương trong vùng đóng vai trò quan trọng trong phát triển du lịch bền vững, giúp các địa phương phát huy thế mạnh đồng thời tạo ra sự đồng thuận để dễ dàng vượt qua những thách thức.

Trong thời gian tới, liên kết vùng đạt hiệu quả cần thực hiện một số nhiệm vụ sau:

Trước hết phải tạo được môi trường liên kết bình đẳng, lành mạnh giữa các địa phương trong vùng. Đồng thời thực hiện liên kết chặt chẽ về đầu tư phát triển du lịch, xây dựng các chương trình du lịch chung của vùng, liên kết trong quảng bá xúc tiến du lịch vùng và liên kết trong đào tạo phát triển nguồn nhân lực.

Đồng thời, cần xây dựng mô hình liên kết trong đó xác định vai trò và nhiệm vụ từng chủ thể liên kết đối với cơ quan quản lý du lịch ở Trung ương, chính quyền địa phương tham gia mô hình liên kết. Thành lập ban điều phối phát triển du lịch vùng Nam Trung bộ để thực hiện liên kết phát triển.

Thứ hai, liên kết vùng tam giác: Đà Nẵng- Quảng Nam- thành phố Huế

Nghiên cứu xây dựng liên kết về quản lý nhà nước và các chính sách; quảng bá và xúc tiến du lịch; đào tạo nhân lực hoạt động trong lĩnh vực du lịch; xây dựng sản phẩm du lịch chung của ba địa phương. Mô hình liên kết “ba địa phương- một điểm đến” giữa Huế- Đà Nẵng- Quảng Nam sẽ là cơ hội cho 3 địa phương khai thác lợi thế, tiềm năng và bổ khuyết cho nhau để phát triển du lịch khu vực miền Trung và 3 địa phương nói riêng.

Bên cạnh việc tăng cường hợp tác, liên kết giữa các địa phương trong vùng cần phải liên kết với các vùng và các địa phương trong cả nước, giữa du lịch với các ngành liên quan như Công an, Bộ đội biên phòng để đảm bảo an toàn cho du khách, an ninh trật tự tại địa phương.

4.6.4.5. Tăng cường thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động du lịch

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; củng cố và phát huy vai trò của Đội Trật tự Du lịch, lực lượng làm công tác cứu hộ và quản lý an ninh trật tự du lịch biển nhằm xây dựng Đà Nẵng với hình ảnh an toàn, thân thiện, văn minh đối với du khách. Thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo vệ sinh môi trường, an ninh trật tự tại các khu, điểm du lịch, khu trung tâm thành phố và khu vực biển Đà Nẵng. Giải quyết dứt điểm tình trạng bu bám, chèo kéo khách du lịch.

Tổ chức lắp đặt hệ thống biển chỉ dẫn về du lịch bằng tiếng Anh và tiếng Việt cho khách du lịch. Thiết kế và lắp đặt nhà vệ sinh công cộng đạt chuẩn quốc tế tại bãi biển, các khu, điểm du lịch; tại bến xe, nhà ga và trên một số địa điểm trung tâm thành phố. Triển khai các biện pháp bảo vệ môi trường tự nhiên và xã hội. Có giải pháp cụ thể trong ứng phó với ô nhiễm môi trường biển do tác động từ các địa phương lân cận.

4.6.4.6. Đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính

Trước hết, cần tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong lĩnh vực du lịch như các thủ tục về đất đai, các thủ tục quy hoạch kiến trúc, xây dựng cơ bản, ưu đãi đầu tư, giải toả đền bù, áp giá, thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất.

Đồng thời, nghiên cứu đơn giản hoá, giảm bớt các thủ tục hành chính rườm rà, không thật sự cần thiết. Áp dụng thực hiện việc đăng ký thủ tục hành chính qua mạng Internet đối với các thủ tục đơn giản, giảm bớt thời gian đi lại cho các nhà đầu tư. Thực hiện các thủ tục hành chính theo nguyên tắc “một cửa” theo đúng thời hạn quy

định.

Tạo cơ chế và hành lang pháp lý thông thoáng cho các doanh nghiệp du lịch hoạt động theo quy định của Luật Du lịch và các văn bản hướng dẫn. Thực hiện phân cấp việc cấp thẻ hướng dẫn du lịch, xếp hạng cơ sở lưu trú theo đúng quy định. Quản lý và có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ hướng dẫn viên trên địa bàn cả về số lượng và chất lượng.

Các cơ quan chức năng thực hiện đơn giản hoá thủ tục xuất nhập cảnh đối với khách du lịch, đặc biệt là khách du lịch tàu biển. Nghiên cứu thành lập trung tâm hỗ trợ về thủ tục xuất nhập cảnh cho khách du lịch tại trung tâm thành phố, tiến tới thực hiện việc đăng ký xuất nhập cảnh qua mạng Internet.

Thực hiện thủ tục hành chính đơn giản, thuận lợi, nhanh chóng tạo điều kiện cho các đơn vị đầu tư du lịch trong việc xuất nhập khẩu trang thiết bị xây dựng khách sạn, khu du lịch và các dịch vụ giải trí khác.

4.7. Kết luận và kiến nghị

4.7.1. Kết luận

Đà Nẵng được Trung ương xác định là một trung tâm du lịch lớn của cả nước, và ngành du lịch được thành phố xác định là ngành kinh tế mũi nhọn. Chính vì thế phát triển mạnh du lịch bền vững là đòi hỏi bức xúc được đặt ra cho cả Thành phố nói chung, cho ngành du lịch của thành phố nói riêng.

Với mục tiêu khai thác, sử dụng có hiệu quả nhất các điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, môi trường hiện nay của thành phố và các nguồn lực đầu tư từ bên ngoài để phát triển du lịch của thành phố bền vững đến năm 2020, tác giả đã thực hiện nghiên cứu, hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về phát triển bền vững nói chung, phát triển du lịch bền vững nói riêng, cũng như kinh nghiệm của một số nước trên thế giới về vấn đề này.

Trên cơ sở đó, tác giả đã đi sâu phân tích và đánh giá thực trạng phát triển du lịch bền vững ở thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2001-2015 trên cả ba nội dung : Bền vững về kinh tế, xã hội, môi trường và công tác quản lý Nhà nước. Qua đánh giá, tác giả đã đề cập rõ những kết quả nổi bật mà thành phố Đà Nẵng đã đạt

được trong phát triển du lịch bền vững trong giai đoạn này, cũng như những mặt còn hạn chế và nguyên nhân chủ yếu của nó. tác giả cũng đã phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững ở Đà Nẵng thời gian qua, và những vấn đề đang đặt ra cần tiếp tục giải quyết trong thời gian tới.

Từ thực trạng phát triển du lịch bền vững ở thành phố Đà Nẵng thời gian qua, và trên cơ sở dự báo bối cảnh quốc tế và trong nước có thể ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững ở thành phố đến năm 2020, tác giả đã đề xuất một hệ thống các giải pháp cần thực thi để bảo đảm cho du lịch của Thành phố có thể phát triển mạnh bền vững trong giai đoạn này. tác giả hy vọng, Đề tài sẽ là tài liệu tham khảo bổ ích cho các cơ quan quản lý và cho ngành du lịch thành phố Đà Nẵng.

4.7.2. Kiến nghị

a. Đối với thành phố Đà Nẵng

(1) Nghiên cứu xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trên cơ sở nghiên cứu đồng bộ với Quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt làm cơ sở cho quy hoạch phát triển các ngành trong tổng thể nền kinh tế của thành phố.

(2) Nghiên cứu xây dựng Quy hoạch phát triển ngành du lịch thành phố đến năm 2020, tầm nhìn 2030 làm cơ sở để ngành du lịch thành phố phát triển bền vững, trên cơ sở Quy hoạch điều chỉnh tổng thể phát triển kinh tế- xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch chung thành phố đến năm 2030, tầm nhìn 2050; Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng duyên hải Nam Trung bộ từ nay đến 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

(3) Trên cơ sở Quy hoạch phát triển ngành du lịch thành phố đến năm 2020, tầm nhìn 2030, lập bản đồ quy hoạch du lịch thành phố Đà Nẵng, theo đó quy hoạch thành từng phân khu chức năng riêng có, đặc thù theo từng vùng với những tiêu chí cụ thể.

(4) Kiện toàn bộ máy quản lý Nhà nước về du lịch trên cơ sở kiện toàn Sở Du lịch (mới được thành lập), nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức hoạt động trong lĩnh vực quản lý du lịch. Thúc đẩy nhanh việc thành lập Cảnh sát du lịch.

(5) Rà soát, đánh giá và phân loại các dự án đầu tư du lịch đã được cấp phép, xem xét lựa chọn các dự án khả thi và mang tính đột phá phù hợp với nhu cầu ưu tiên phát triển của ngành để có chính sách khuyến khích, ưu đãi thích hợp. Nghiên cứu, kêu gọi đầu tư xây dựng một số công trình du lịch có tầm cỡ quốc gia làm động lực đột phá theo quy hoạch phát triển du lịch Nam Trung bộ, như vùng trọng điểm du lịch Bán đảo Sơn Trà, Khu Bà Nà- Suối Mơ, Khu vực Nam Hải Vân. Nghiên cứu kêu gọi đầu tư xây dựng cảng Liên Chiểu thành cảng du lịch chuyên dụng (Theo hình thức PPP, hoặc kêu gọi vốn ODA)

(6) Phối hợp với các tỉnh, thành trong khu vực Xây dựng cơ chế liên kết phát triển du lịch khu vực duyên hải Nam Trung bộ (08 tỉnh), Cơ chế liên kết phát triển du lịch vùng tam giác Quảng Nam- Đà Nẵng- Huế, để khai thác tiềm năng và lợi thế của từng địa phương trong chuỗi liên kết phát triển. Đẩy mạnh đầu tư khai thác các tour du lịch đường bộ quốc tế đến Đà Nẵng “Caravan” qua cửa khẩu Lao Bảo, Cầu Treo và Bờ Y với các đối tượng khách chủ yếu là Thái Lan, Lào.

(7) Đối với khu vực bán đảo Sơn Trà: Trên cơ sở quy hoạch chung nêu ở mục (1), mục (2) và mục (3) nêu trên, cần nghiên cứu quy hoạch Sơn Trà với những phân khu chức năng đặc biệt, phân vùng quản lý rõ ràng; đồng thời ban hành điều lệ xây dựng riêng; các dự án đầu tư xây dựng tại bán đảo phải được tổ chức các cuộc thi chọn phương án tối ưu theo chuẩn của một khu đô thị du lịch mang tính đặc trưng cao; trong quá trình lập và xét duyệt các dự án đầu tư xây dựng cần phải tham khảo ý kiến của các chuyên gia đầu ngành có liên quan. Xem đây là điểm nhấn du lịch trong bức tranh du lịch của tp.

b. Đối với Trung ương

➤ *Cơ chế, chính sách chung*

(1). Đề Đà Nẵng thực sự trở thành thành phố trung tâm của Miền Trung theo Nghị quyết số 33 của Bộ Chính trị, đề nghị Chính phủ tiếp tục có chính sách ưu đãi riêng cho Đà Nẵng. Rà soát các quy định, chính sách có liên quan đến du lịch và điều chỉnh cho phù hợp, trong đó ưu tiên tập trung nguồn lực để đầu tư Đà Nẵng thực sự trở thành trung tâm du lịch vùng duyên hải Nam Trung bộ vào năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; tiếp tục cải thiện hơn nữa môi trường đầu tư để thu hút

ngày càng nhiều đầu tư trực tiếp nước ngoài vào lĩnh vực du lịch. Nghiên cứu thành lập Ban điều phối quốc gia (Hoặc Ban chỉ đạo) thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng duyên hải Nam Trung bộ để đẩy mạnh triển khai thực hiện, tạo sự chỉ đạo, điều hành thống nhất từ Trung ương đến địa phương.

(2). Hoàn thiện hệ thống pháp luật chuyên ngành Du lịch, đẩy mạnh cải cách hành chính, đơn giản hoá các thủ tục liên quan nhằm tạo nhiều thuận lợi cho du khách quốc tế khi đến du lịch tại Việt Nam, nhất là vấn đề visa. Nghiên cứu chính sách miễn visa, cấp visa tại các sân bay, cảng biển du lịch cho khách du lịch, góp phần gia tăng cơ hội phát triển du lịch của Việt Nam nói chung và thành phố Đà Nẵng nói riêng; nghiên cứu miễn thị thực đối với các quốc gia có quan hệ đối tác và có tiềm năng khai thác du lịch để thu hút du khách quốc tế đến ngày càng nhiều.

(3). Nâng cao năng lực cạnh tranh của các ngành phụ trợ như cấp điện, nước, giao thông vận tải, thông tin liên lạc, thanh toán quốc tế...ngày một hoàn thiện hơn góp phần nâng cao chất lượng du lịch đồng bộ, giá thành hợp lý tạo ra thế cạnh tranh bền vững và tăng cường thu hút khách du lịch ở từng địa phương và của cả nước.

(4). Miễn giảm thuế nhập khẩu đối với cây xanh, vật nuôi để thực hiện dự án đầu tư du lịch.

(5). Đề nghị cho phép các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch được miễn thuế VAT đối với sản phẩm, dịch vụ khuyến mãi.

(6). Nghiên cứu cho phép khuyến khích hoặc bắt buộc các doanh nghiệp kinh doanh lữ hành mua bảo hiểm cho du khách trong thời gian thực hiện chương trình du lịch.

➤ *Cơ chế, chính sách ưu đãi cho thành phố Đà Nẵng*

(1). Giao cho thành phố Đà Nẵng cùng với các ngành có liên quan nghiên cứu lập kế hoạch sử dụng đất cụ thể tại khu vực bán đảo Sơn Trà nhằm triển khai xây dựng khu vực bán đảo Sơn Trà trở thành trọng điểm du lịch quốc gia vùng duyên hải Nam Trung bộ (cách xa khu vực có các công trình phòng thủ; có phương án và giải pháp bảo đảm bí mật cho các công trình quốc phòng) và cho phép các nhà đầu tư nước ngoài liên doanh với các nhà đầu tư trong nước, hoặc nhà đầu tư 100% vốn nước ngoài được xây dựng các dự án du lịch tại khu vực nói trên. Đồng thời, có cơ chế đầu tư,

nguồn lực để hình thành 02 khu vực trọng điểm du lịch quốc gia vùng duyên hải Nam Trung bộ vào năm 2020 đã được phê duyệt (Khu vực bán đảo Sơn Trà và Khu vực Bà Nà- Suối Mơ) .

(2). Cho phép thành phố Đà Nẵng được cấp giấy phép đầu tư Dự án khu du lịch và giải trí tổng hợp Làng Vân có nội dung dịch vụ vui chơi có thưởng dành riêng cho người nước ngoài.

(3). Cho phép tổ chức các hoạt động dịch vụ, vui chơi giải trí phục vụ khách du lịch như vũ trường, bar, karaoke... sau 12 giờ đêm tại một số điểm, khu vực đã được quy hoạch trên địa bàn Thành phố.

(4). Về phí và lệ phí: Có chính sách phù hợp về phí cảng biển đối với tàu du lịch cập cảng Đà Nẵng. Đối với các hãng tàu lớn thường xuyên đưa khách du lịch đến thành phố có thể xem xét và cho phép mức phí cập cảng hợp lý nhằm thu hút khách du lịch đường biển đến Đà Nẵng. Có chính sách hợp lý về phí hạ cánh đối với các chuyến bay quốc tế đến Đà Nẵng, đối với từng đường bay cụ thể. Có chủ trương hỗ trợ đối với các đường bay mới ít khách để có thể duy trì hoạt động.

(5). Nâng cấp Cảng Đà Nẵng thành cảng hàng hoá kết hợp du lịch, xây dựng khu bán hàng lưu niệm, ẩm thực phục vụ khách tàu biển tại Cảng cho văn minh, sạch đẹp; đồng thời mạnh dạn chuyển giao Cảng Đà Nẵng về cho thành phố Đà Nẵng trực tiếp quản lý, khai thác và phát triển xứng đáng là một cảng du lịch lớn của đất nước. Nghiên cứu quy hoạch đầu tư Cảng Liên Chiểu thành cảng du lịch chuyên dụng mang tầm khu vực và thế giới (như Marina-Singapore, Hồng Kông).

(6). Áp dụng chính sách miễn visa cho khách du lịch đường biển, kể cả những khách đến bằng đường biển và xuất cảnh bằng đường không hoặc đường bộ. Điều chỉnh mức cảng phí phù hợp, sao cho có thể cạnh tranh hơn với các nước trong khu vực; mở cửa, tạo điều kiện cho các hãng tàu nước ngoài được chạy cố định tuyến dọc bờ biển Việt Nam, trong đó có điểm đến là Đà Nẵng.

TÓM TẮT CHƯƠNG 4

Trong những năm qua, ngành du lịch Đà Nẵng đã có những bước phát triển vượt bậc. Tuy nhiên tiềm năng du lịch thành phố vẫn còn rất lớn và ngành du lịch Đà Nẵng vẫn còn có thể phát triển mạnh mẽ hơn nữa trong tương lai. Tuy nhiên, sự “bùng nổ” về du lịch đang đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết. Nhiệm vụ đặt ra là phải phát triển du lịch một cách bền vững để giữ gìn, bảo tồn nguồn tài nguyên du lịch cho cả thế hệ hôm nay và mai sau.

Để phát triển du lịch Đà Nẵng bền vững cần xây dựng được các sản phẩm du lịch độc đáo, cần có các giải pháp bền vững và toàn diện về kinh tế, văn hoá- xã hội, và môi trường nhân văn. Trong đó cần chú trọng một số giải pháp như: đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch, cải cách thủ tục hành chính, tạo lập hành lang pháp lý ổn định tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực du lịch, tăng cường xã hội hoá du lịch nhằm thu hút sự tham gia của cộng đồng địa phương vào phát triển du lịch.

Để triển khai các giải pháp phát triển bền vững du lịch ở Đà Nẵng cần có sự phối hợp, đầu tư phù hợp và chặt chẽ giữa các cấp, ngành và địa phương cùng sự tham gia tích cực của cộng đồng. Bên cạnh việc huy động nguồn lực của địa phương, thành phố cần thu hút nguồn vốn hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế, nguồn viện trợ từ chính phủ các nước để thực hiện mục tiêu phát triển du lịch thành phố bền vững.

KẾT LUẬN

Phát triển du lịch có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Đà Nẵng trong thời gian qua. Với định hướng phát triển du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn, xây dựng Đà Nẵng trở thành trung tâm du lịch của khu vực duyên hải Nam Trung bộ đòi hỏi phải có những định hướng và giải pháp nhất quán, lâu dài và sự đầu tư nguồn lực trên cơ sở phải quy hoạch tổng thể phát triển du lịch thành phố Đà Nẵng từ nay đến năm 2020 và tầm nhìn 2030, thậm chí xa hơn đến năm 2050. Tuy nhiên, với thời gian hạn hẹp, khả năng thu thập tài liệu tham khảo, năng lực nghiên cứu của bản thân hạn chế, trong giới hạn và phạm vi nghiên cứu của mình, tác giả mới chỉ nghiên cứu và đề xuất những giải pháp, các kiến nghị trong việc phát triển du lịch thành phố Đà Nẵng bền vững từ nay đến năm 2020. Qua việc thực hiện đề tài “*Phát triển du lịch thành phố Đà Nẵng bền vững*”, tác giả đã tập trung nghiên cứu và giải quyết được những vấn đề sau:

1. Hệ thống hoá cơ sở lý luận về phát triển du lịch cũng như phát triển du lịch bền vững, xác định các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững và đưa ra một số kinh nghiệm phát triển du lịch bền vững trên thế giới và ở Việt Nam, từ đó rút ra các bài học kinh nghiệm về phát triển du lịch bền vững cho thành phố Đà Nẵng.

2. Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển du lịch Đà Nẵng giai đoạn 2000-2015 trên các mặt bao gồm: các loại hình du lịch, khách du lịch, các dịch vụ lữ hành, lưu trú, mua sắm, vui chơi giải trí, thực trạng nguồn nhân lực du lịch, thực trạng hoạt động xúc tiến và quảng bá du lịch; ...Đồng thời đánh giá thực trạng phát triển du lịch thành phố theo quan điểm phát triển bền vững. Trong đó: tập trung đánh giá những mặt làm được, những tồn tại cũng như những vấn đề cần đặt ra để có thể phát triển du lịch bền vững.

3. Trên cơ sở dự báo xu hướng phát triển du lịch, phân tích ma trận SWOT để đánh giá khả năng cạnh tranh của du lịch Đà Nẵng bền vững trong thời gian đến và đưa ra các nhân tố chủ yếu trong phát triển du lịch bền vững ở Đà Nẵng. Đề tài đã sử dụng kết hợp phương pháp dự báo định lượng và phương pháp chuyên gia để dự báo phát triển du lịch thành phố Đà Nẵng trong thời gian đến, bao gồm các

chỉ tiêu như lượng khách du lịch đến Đà Nẵng, doanh thu ngành du lịch và đưa ra mô hình phát triển bền vững cho ngành du lịch thành phố. Cuối cùng đề tài đề xuất các giải pháp và kiến nghị nhằm phát triển du lịch bền vững bao gồm giải pháp bền vững về kinh tế, giải pháp bền vững về văn hoá- xã hội và giải pháp bền vững về tài nguyên- môi trường.

4. Nghiên cứu phát triển du lịch bền vững ở Đà Nẵng là hướng nghiên cứu kịp thời và đúng đắn trong điều kiện hiện nay ngành du lịch Đà Nẵng đang phát triển với tốc độ nhanh và hướng đến trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố; tuy nhiên sự phát triển này đã bền vững hay chưa vẫn là bài toán chưa có lời giải đáp trong thời gian qua. Xuất phát từ thực tế đó, tác giả đã đi sâu nghiên cứu và tiếp cận theo nguyên tắc toàn diện và sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu như nghiên cứu tài liệu, điều tra khảo sát, tham khảo ý kiến chuyên gia, phương pháp điều tra nhanh có sự tham gia của công đồng (PRA)... để tìm ra lời giải đáp ấy.

5. Ý nghĩa về mặt khoa học của Đề tài:

Thứ nhất, trên cơ sở phân tích kết hợp với việc vận dụng các kiến thức cơ bản về kinh tế học cùng các thủ pháp đối chiếu, so sánh đã đề xuất bổ sung hoàn thiện khái niệm “phát triển du lịch bền vững”.

Thứ hai là xây dựng các tiêu chí đánh giá hoạt động phát triển du lịch bền vững để phân tích đánh giá thực trạng phát triển du lịch bền vững ở Đà Nẵng và thiết lập các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững làm cơ sở để phân tích, đánh giá. Từ kết quả nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và trong nước, phân tích thực trạng, phân tích nhân tố ảnh hưởng, xu thế và định hướng phát triển du lịch bền vững, nguyên tắc phát triển du lịch bền vững đã đề xuất những định hướng và giải pháp để phát triển bền vững du lịch Đà Nẵng.

Tuy đã có rất nhiều cố gắng trong nghiên cứu nhưng “*Phát triển du lịch thành phố Đà Nẵng bền vững*” là một đề tài tương đối rộng. Hơn nữa, đối tượng khảo sát là khách du lịch trong và ngoài nước với nhiều mối quan hệ lợi ích phức tạp nên có thể có động cơ trả lời phỏng vấn sai lệch và rất khó tiếp xúc vì thời gian của khách du lịch ít nên Đề tài không thể tránh khỏi những hạn chế.

Với việc nghiên cứu đề tài này, tác giả mong muốn sẽ giúp cho ngành du lịch Đà

Những nhận diện được thực trạng phát triển du lịch bền vững hiện nay, từ đó có cơ sở khoa học để đánh giá những điểm còn tồn tại trong phát triển du lịch bền vững để đề ra những giải pháp hữu hiệu. Tuy nhiên do có sự hạn chế về tiếp cận dữ liệu cũng như năng lực của bản thân nên Đề tài chắc chắn sẽ còn những thiếu sót, tác giả kính mong nhận được sự đóng góp chân thành của Quý thầy, cô giáo, các nhà khoa học để đề tài nghiên cứu được hoàn thiện hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. TÀI LIỆU TIẾNG VIỆT

- [1] Đinh Văn Ân (2005), “*Quan niệm và thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội tốc độ nhanh, bền vững, chất lượng cao ở Việt Nam*”, NXB Thống kê, Hà Nội.
- [2] Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 02 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, tập trung khắc phục yếu kém, thúc đẩy phát triển du lịch.
- [3] Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam: “*Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam*”.
- [4] Trần Tiến Dũng (2007), *Phát triển du lịch bền vững Phong Nha - Kẻ Bàng*, Đề tài tiến sĩ kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân.
- [5] Đề án Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc ở thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2013-2015 của UBND thành phố Đà Nẵng.
- [6] Trần Sơn Hải (2010), *Phát triển nguồn nhân lực ngành du lịch khu vực duyên hải Nam Trung Bộ - Tây Nguyên*, Đề tài tiến sĩ kinh tế, Học viện Hành chính Quốc gia.
- [7] Kế hoạch số 8813/KH-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2015 của UBND thành phố Đà Nẵng về triển khai thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 02 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.
- [8] Huỳnh Thị Mỹ Lệ (2012), *Phát triển du lịch biển Đà Nẵng*, luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Đà Nẵng.
- [9] Ngô Thắng Lợi (2010), “*Phát triển bền vững vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2020*” Đề tài nghiên cứu khoa học trọng điểm cấp Bộ.
- [10] Luật Du lịch Việt Nam số: 44/2005/QH11 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005.
- [11] Phạm Trung Lương (2002), *Cơ sở khoa học và giải pháp phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước.

- [12] Hồ Kỳ Minh cùng các tác giả (2011), *Phát triển bền vững ngành du lịch trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2020*, Viện Nghiên cứu và Phát triển Kinh tế Xã hội thành phố Đà Nẵng.
- [13] Nghị quyết số 33/NQ-TW ngày 16 tháng 10 năm 2003 của Bộ Chính trị.
- [14] Quyết định số 201/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.
- [15] Quyết định số 1866/QĐ-TTg ngày 08/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội thành phố Đà Nẵng đến năm 2020
- [16] Quyết định số 2350/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng duyên hải Nam Trung Bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.
- [17] Quyết định số 2357/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.
- [18] Quyết định số 8373/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2015 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Đề án phát triển du lịch Đà Nẵng giai đoạn 2016-2020 .
- [19] Nguyễn Quang Thái và Ngô Thắng Lợi (2007), *“Phát triển bền vững ở Việt Nam”*, NXB Xã hội, Hà Nội.
- [20] Phan Ngọc Thắng *“Phát triển du lịch gắn với xoá đói giảm nghèo ở Lào Cai”* (2010) của, Đề tài tiến sĩ, đại học Kinh tế Quốc dân.
- [21] Lê Văn Thắng, Trần Anh Tuấn, Bùi Thị Thu (2004), *Giáo trình Du lịch và Môi trường*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [22] Bùi Tất Thắng (2010), *“Phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế Việt Nam (Thời kỳ 2011-2020)”*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.

- [23] Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội (2006), *Giáo trình Kinh tế Du lịch*, NXB Lao động- Xã hội, Hà Nội.
- [24] Tổng Cục Du lịch (2001), “*Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam giai đoạn 2001-2010*”, Hà Nội.
- [25] Tổng cục Du lịch (2008), “*Thực trạng và giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh trong lĩnh vực Lữ hành quốc tế của Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế*”, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Hà Nội.
- [26] Tổng Cục Du lịch (2007), “*Nghiên cứu vận dụng kinh nghiệm nước ngoài trong việc quản lý phát triển loại hình lưu trú cho khách du lịch ở nhà dân*”, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Hà Nội.
- [27] Nguyễn Đức Tuy (2014), *Thực trạng phát triển du lịch bền vững trên địa bàn Tây Nguyên*, Đề tài tiến sĩ kinh tế, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.
- [28] Nguyễn Tấn Vinh (2008), *Hoàn thiện quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng*” Đề tài tiến sĩ, Đại học Kinh tế quốc dân.

B. TÀI LIỆU TIẾNG ANH

- [29] B.Nath, L.Hens, P.Compton, D.Devuyst (2008), *Environmental management in practice: compartments, stressors and sectors*, Routledge, NY.
- [30] Economy Publishing House, University of Economics, Varna, 2005, pp. 16-17, ISBN 954-21-0234-8.
- [31] Ernst Lutz, World Bank (1998), *Agriculture and Environment, Perspectives on Sustainable Rural Development*, USA.
- [32] Gianna Moscardo (2008), *Building Community Capacity for Tourism Development*, CABI, Australia.
- [33] Greg Richards, Derek Hall (2000), *Tourism and sustainable community development*, Routledge, NY.
- [34] Hens L.(1998), *Tourism and Environment, M.Sc. Course*, Free University of Brussel, Belgium.

- [35] *International Guidelines on Sustainable Tourism* (2002), CBD.
- [36] Lucian Cernar, Julien Gourdon (2007), *Is the concept of sustainable development - developing sustainable development benchmarking tool*, United nation Conference on Trade and Development.
- [37] Machado A. (2003), *Tourism and Sustainable Development, Capacity Building for Tourism Development in VietNam*, VNAT and FUDESOC, VietNam.
- [38] Manning E.W. (1996), *Carrying Capacity and Environmental Indicators*, WTO News. June/1996.
- [39] Martin Mowforth, Ian Munt (2001), *Tourism and Sustainability: New Tourism in the Third World*, Routledge, NY.
- [40] Michael M. Coltman (1991), *Tiếp thị Du lịch*, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
- [41] Richard Sharpley (2009), *Tourism development and the environment: Beyond sustainability?*, Earthscan, USA.
- [42] Sudhir Anand và Amartya Sen (1996), *Sustainable development: Concepts and Priorities*, United Nations Development Programme, New York.
- [43] World Commission on Environment and Development (1987), *Our Common Future*, Oxford University Press, New York.
- [44] World Economic Forum (WEF) (2009), *The Travel and Tourism Competitiveness Report*, Managing in a Time of Turbulence.
- [45] UNWTO (2004) *Sustainable Development of Tourism*.
- [46] WTO (2004), *Indicators of Sustainable Development for Tourism*
- [47] WTO (2002) *Sustainable Development of Tourism: A complication of Good Practices*, Madrid.
- [48] Wurm s. (1999), *A Preliminary Feasibility Study of Eco - Tourism as Part of a Sustainable Conservation Strategy for Phong Nha – Ke Bang Nature Reserve*, Quang Binh Province, VietNam.

[49] WWF (1990), *Road to Ruin*, Word Wide Fund for Nature.

[50] WTO (2002), *Sustainable Development of Tourism: A Compilation of Good Practices*, Madrid.

PHỤ LỤC
PHỤ LỤC 1
PHIẾU KHẢO SÁT
SURVEY QUESTIONNAIRE

Trong khuôn khổ của đề tài nghiên cứu: “**Phát triển du lịch thành phố Đà Nẵng bền vững**”, mong anh/chị bớt chút thời gian trả lời một số câu hỏi dưới đây. Sự giúp đỡ của anh/chị là rất cần thiết nhằm đề ra các giải pháp phù hợp cho đề tài.

In the framework of the research: "**Sustainable tourism development in Da Nang**", please spare a few minutes of your valuable time to answer some questions below. Answering the following questions is to propose suitable solutions for the research.

Phiếu khảo sát chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu, các thông tin cung cấp sẽ được bảo mật. Kết quả nghiên cứu là kết quả tổng hợp cuối cùng, là thông tin sau xử lý.

Survey questionnaire is used only for research purposes, the information provided will be secured. Results of the study are the final results and the information after processing.

Xin hãy đánh dấu (x) vào ô bạn chọn

Please mark (x) in every case

Câu 1: Mục đích của chuyến du lịch của anh/ chị là gì?

Nếu chọn mục “Khác”, xin anh/ chị vui lòng ghi rõ câu trả lời

What is the purpose of your travel? If you choose “Others”, please write your answer

1.	Du lịch thuần túy/ Normal Travel	
2.	Kinh doanh, hội nghị/ Business or conference	
3.	Thăm họ hàng, bạn bè/ Visit relatives, friends	
4.	Khác/ Others	

Câu 2: Anh/chị sẽ quay lại Đà Nẵng như là một địa điểm du lịch lí tưởng cho những lần đến không? Will you come back Da Nang city as an ideal tourism destination next time?

Có/ Yes

Không/ No

Chưa biết/ Not sure

Câu 3: Sản phẩm du lịch mà bạn yêu thích là gì?/ What type of tourism product do you like?

Du lịch nghỉ dưỡng/Leisure travel	
Văn hoá bản địa/local culture	
Hội họp, hội nghị/Meeting	
các lễ hội/Festivals	
Tham quan các điểm văn hoá lịch sử/historic sites	
Khác/others	

Câu 4: Anh/ chị biết đến thành phố Đà Nẵng thông qua kênh thông tin nào?

Nếu anh/ chị chọn mục “Khác” xin ghi rõ nội dung trả lời

How do you know Da Nang City? If you choose “Others”, please write your answer

Mạng Internet/ Internet	
Truyền hình, điện ảnh/ TV	
Sách báo, tạp chí, radio/ Books, newspapers, magazines, radio	
Hội chợ du lịch/ Tourism Fair	
Người thân, bạn bè giới thiệu/ Relatives or friends	
Công ty du lịch/ Tourism Agencies	
Khác/ Others	

Câu 5: Anh/ chị lựa chọn loại hình dịch vụ lưu trú nào trong thời gian ở tại Đà Nẵng?

What kind of services during your stay in Da Nang?

1.	Khách sạn 5 sao/ 5-star hotel	
2.	Khách sạn 4 sao/ 4-star hotel	
3.	Khách sạn 3 sao/ 3-star hotel	
4.	Khách sạn 1-2 sao/ 1 or 2-star hotel	
5.	Resort	
6.	Nhà nghỉ/ Hostel	
7.	Homestay	
8.	Khác/ Others	

Câu 6: Bạn hãy đánh giá mức độ hài lòng của mình về những yếu tố sau.

Your assessment for these following criteria:

STT No.	Dịch vụ du lịch Tourism Service	Mức độ hài lòng		
		Rất hài lòng	Hài lòng	Không hài lòng
1.	Tham quan điểm đến/ Sightseeing Destinations			
2.	Lưu trú/ Accommodation			
3.	Mua sắm/ Shopping			
4.	Ăn uống/ Meals			
5.	Vui chơi giải trí/ Entertainment			
6.	Vận chuyển/ Transport			

Câu 7: Anh/ chị đánh giá như thế nào về chất lượng cơ sở hạ tầng du lịch tại Đà Nẵng?

Vui lòng đánh giá theo mức sau: 1. Rất tốt; 2. Tốt; 3. Trung bình; 4. Không tốt

How do you think about the quality of tourism infrastructure in Da Nang?

Please evaluate the following level: 1. Very good; 2. Good; 3. Average; 4. Not good

STT No.	Yếu tố/ Criteria	Mức độ đánh giá Assessment level			
		1	2	3	4
1.	Hệ thống giao thông đường bộ/ Internal transportation system				
2.	Sân bay quốc tế Đà Nẵng/ Da Nang International Airport				
3.	Hệ thống nhà hàng, khách sạn/ Restaurants and hotels				
4.	Các địa điểm, khu vực vui chơi giải trí/ Entertainment centre				
5.	Các trung tâm thương mại, siêu thị, chợ/ Shopping Mall, Supermarkets, markets				

Câu 8: Xin anh/ chị vui lòng cho biết ý kiến của mình về phát biểu dưới đây với mức độ từ 1- 5 (với mức thang điểm (1-Hoàn toàn không đồng ý...5-Hoàn toàn đồng ý) /Please give your opinion on the following statement with the level from 1 to 5 (with scale level: from 1-completely disagree to 5-Completely agree).

“Các yếu tố cơ sở vật chất kỹ thuật của địa phương được liệt kê dưới đây đang có ảnh hưởng rất tích cực đến phát triển du lịch bền vững”/ "The elements of technical facilities and infrastructure of local are listed below have positive impacts on sustainable tourism development".

STT No.	Yếu tố/ Factors	Mức độ ảnh hưởng Level of Influence			
1.	Phương tiện tham gia giao thông/ Vehicles on roads				
2.	Hệ thống mua sắm hàng hóa/ System for procurement of goods				
3.	Hệ thống nhà nghỉ, khách sạn/System motels,				

	hotels					
4.	Hệ thống vệ sinh công cộng/Public sanitation system					
5.	Hệ thống nhà hàng phục vụ ăn uống/System of restaurants catering					
6.	Hệ thống cảnh báo an toàn cho du khách/Safety warning system for visitors					
7.	Hệ thống bảng chỉ dẫn, quảng cáo/System of signs, advertisement					
8.	Hệ thống vui chơi giải trí và thư giãn/Entertainment system					

Câu 9: Tại sao anh/chị lại chọn Đà Nẵng cho chuyến du lịch lần này?

Why do you choose Da Nang for your trip?

1.	Để tìm hiểu thông tin về các di tích văn hoá, di sản thiên nhiên/ To learn about the cultural monuments, natural heritage	
2.	Đà Nẵng có dịch vụ du lịch tốt (lưu trú, nhà hàng, phương tiện)/ Da Nang has a good tourist services (accommodation, restaurants, transport)	
3.	Chi phí thấp, giá cả rẻ/ Low cost, cheap price	
4.	Môi trường du lịch an toàn, văn minh, thân thiện, đáng sống/ Tourism environment is safe, civilized, friendly, liveable	
5.	Đà Nẵng có nhiều điểm đến hấp dẫn, các công trình kiến trúc độc đáo/ There are many attractive destinations, the unique architecture	

Câu 10: Anh/ chị đánh giá như thế nào về thái độ của người dân địa phương?

How do you evaluate the attitude of the local population?

1.	Thân thiện/ Friendly	
----	----------------------	--

2.	Bình thường/ Normal	
3.	Không thân thiện/ Unfriendly	

Câu 11: Theo anh/ chị thì nhân tố nào ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững tại Đà Nẵng? (có thể chọn nhiều câu trả lời trong câu hỏi này)

What are the factors affecting the sustainable tourism development in Da Nang?
(Can choose more than 01 answer in this question)

1.	Nhân tố thuộc hệ kinh tế/ economic factors	
2.	Nhân tố thuộc hệ xã hội/ social factors	
3.	Nhân tố thuộc hệ môi trường/ Factors of environment	
4.	Nhân tố tài nguyên tự nhiên/ Natural resources factors	
5.	Nhân tố tài nguyên nhân văn/ Humanity resource factors	
6.	Các yếu tố sản phẩm du lịch/ Tourism products	
7.	Nguồn nhân lực / Human resources	
8.	Chất lượng dịch vụ/ Quality of services	
9.	Cơ sở hạ tầng/ Infrastructure	
10.	Các chính sách phát triển du lịch của chính quyền thành phố/ City's policies to develop tourism	

Câu 12: Xin vui lòng cho biết anh/ chị đến từ đâu? Where are you from?

.....

Câu 13: Cuối cùng, xin anh/ chị vui lòng cho biết độ tuổi của mình? Đây là câu hỏi giúp chúng tôi phân tích đề tài

Finally, would you please let us know your age? This question will help us analyze the subject

1.	Dưới 18/ Under 18	
2.	Từ 18 - 30/ From 18 - 30	
3.	Từ 31 - 50/ From 31 - 50	
4.	Trên 50/ Over 50	

Xin cảm ơn sự hỗ trợ của anh/chị.

Thank you for your support.

Phụ lục 02

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHỎNG VẤN MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA DU KHÁCH ĐẾN ĐÀ NẴNG

TT	CÂU HỎI	Điểm Tối đa	Kết quả theo từng cấp độ: từ I, II,III, tương ứng với: Rất tốt, tốt, chưa tốt						Kết quả	
			Cấp độ I (4-5 điểm)		Cấp độ II (2,5- 3,5 điểm)		Cấp độ III (1-2 điểm)		Tổng số phiếu	Điểm Tr. bình
			Số phiếu	Điểm Cộng đòn	Số phiếu	Điểm C.đòn	Số phiếu	Điểm C.đòn		
1	Hệ thống giao thông có tốt không?	5	67	308	22	52	08	12	100	3,82
2	Hệ thống ngân hàng, bưu điện có thuận lợi cho du khách không?	5	71	310	25	87	04	8	100	4,05
3	Có tình trạng ăn xin, chèo kéo, bán hàng rong không?	5	58	265	35	122	07	08	100	3,95
4	Thành phố có khang trang, sạch sẽ không?	5	69	277	25	134	06	03	100	4,14
5	Chính sách xuất nhập cảnh, cấp visa có thuận lợi cho du khách không?	5	62	260	30	152	07	09	100	4,21
6	Các tài nguyên du lịch tự nhiên như biển, rừng có được giữ gìn và khai thác hiệu quả không?	5	40	235	41	103	19	14	100	3,52
7	Chất lượng nguồn nhân lực phục vụ trong lĩnh vực	5	45	249	34	103	21	33	100	3,85

	du lịch có đảm bảo không?									
8	Ẩm thực địa phương có đa dạng và đặc sắc không?	5	80	370	20	89			100	4,59
9	Các cơ sở lưu trú có đáp ứng được nhu cầu du khách không?	5	68	359	32	92			100	4,51
10	Người dân và chính quyền địa phương có thân thiện không?	5	75	346	20	60	05	7	100	4,13
11	Du khách có mong muốn trở lại Đà Nẵng lần sau không?	5	65	282	27	120	7	23	100	4,25
12	Văn hoá truyền thống của địa phương có được phát huy vào phục vụ du lịch không?	5	40	205	45	145	15	35	100	3,85
13	Người dân địa phương có tham gia vào hoạt động du lịch không?	5	45	294	30	70	25	30	100	3,94
14	Sản phẩm du lịch ở đây có đa dạng, hấp dẫn không?	5	32	157	42	144	26	63	100	3,65
15	Các di tích lịch sử có được bảo vệ, gìn giữ không?	5	60	292	40	102			100	3,94
16	Có nhiều điểm vui chơi, giải trí không?	5	35	160	39	135	26	92	100	3,87

